

THOMAS HARRIS

HANNIBAL

trôi dây

HUYỀN VŨ dịch

HANNIBAL

trở dậy

THOMAS HARRIS



HANNIBAL

trỗi dậy

HUYỀN VŨ dịch

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
NHÃ NAM PHÁT HÀNH**

Thể loại: Tâm lý Xã hội - Trinh Thám

Nguồn: Nga Hoang

Ebook & Edit: Vinaguy

TÁC GIẢ

THOMAS HARRIS (sinh năm 1940), là nhà văn kiêm biên kịch nổi tiếng người Mỹ.

Tên tuổi Harris gắn liền với xê ri tiểu thuyết kinh dị về nhân vật nổi tiếng nhất của ông, Hannibal Lecter. Lecter đứng thứ tám trong danh sách 100 nhân vật tuyệt vời nhất trong hai thập kỷ từ 1990 tới 2010 do Entertainment Weekly bầu chọn và đứng đầu danh sách 100 nhân vật phản diện do Viện Phim Mỹ bầu chọn.

Tất cả các tác phẩm trước năm 2019 của Harris đều được chuyển thể thành phim, và nổi bật nhất là *Sự im lặng của bầy cừu*, một trong ba bộ phim trong lịch sử Giải thưởng Viện Hàn lâm cân quét về cả năm tượng vàng Oscar cho các hạng mục quan trọng nhất.

Các tác phẩm trong xê ri về Hannibal:

- Rừng Đỏ (1981)
- Sự im lặng của bầy cừu (1988)
- Hannibal (1999)
- Hannibal trỗi dậy (2006)

Ngoài xê ri nổi tiếng này, Thomas Harris còn có tác phẩm đầu tay *Black Sunday* (1975) và cuốn sách mới nhất vừa được xuất bản giữa năm 2019 Cari Mora.

Hannibal Rising

Copyright © 2006 by Yazoo Fabrications, Inc.

All rights reserved including the rights of reproduction in whole or part in any form.

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Hannibal Rising*, nhà xuất bản Dell.
Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2020. Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Đây là tác phẩm hư cấu. Mọi tên tuổi, nhân vật, nơi chốn và các sự kiện hoặc là sản phẩm từ trí tưởng tượng của tác giả hoặc được sử dụng với mục đích hư cấu.

Bất kỳ sự tương đồng nào với người thực - dù còn sống hay đã chết, với các sự kiện, địa điểm đều hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên.

PHẦN MỞ ĐẦU

CÁNH CỬA DẪN TỚI TÒA LÂU ĐÀI KÝ ỨC CỦA BÁC SĨ Hannibal Lecter nằm trong bóng tối mịt mù chính giữa tâm trí hắn, phải sờ soạng lần tìm chán mới thấy then cài. Cánh cửa khơi gợi lòng hiếu kỳ này dẫn tới những khoảng không gian mênh mông ngập tràn ánh sáng, mang đậm phong cách baroque thời kỳ đầu và những hành lang cùng phòng ốc của nó đủ sức sánh ngang rất nhiều hành lang phòng ốc trong bảo tàng Topkapi*.

Các hiện vật trưng bày nhan nhản khắp nơi, cách nhau vừa đủ, có đèn chiếu sáng, mỗi hiện vật đều lưu giữ những ký ức dẫn tới hằng hà sa số ký ức khác.

Không gian dành riêng cho quãng đời thơ ấu của Hannibal Lecter khác biệt hẳn so với các kho lưu trữ còn lại vì luôn ở trong trạng thái dở dang. Một số là các cảnh tĩnh, rời rạc chấp vá, như những mảnh gốm sơn thời Hy Lạp cổ đại được gắn lại với nhau bằng thạch cao. Các phòng còn lại chứa âm thanh và chuyển động, những con rắn khổng lồ quấn quai nhấp nhô trong bóng tối, thỉnh thoảng được chiếu sáng chớp nhoáng. Tiếng van xin la hét lấp kín mấy khoảng không gian ở bãi đất phía ngoài, những nơi ngay chính Hannibal cũng không thể đặt chân tới. Nhưng tiếng la hét không dội được vào các hành lang và nếu thích, ta thậm chí còn có thể nghe nhạc.

Tòa lâu đài là một công trình kiến trúc được khởi công vào giai đoạn Hannibal bắt đầu cuộc sống sinh viên. Trong những năm tháng bị giam cầm, hắn đã nâng cấp, mở rộng tòa nhà và nguồn tài sản dồi dào của nó đã giúp hắn chống đỡ qua những quãng thời gian dài dằng dặc bị đấm cai tù cấm đọc sách.

Ở đây, trong bóng tối nóng nực của tâm trí hắn, chúng ta hãy cùng nhau dò dẫm lần tìm then cài. Tìm thấy then cửa rồi, ta hãy chọn âm nhạc để bật trong các hành lang và rồi, không dòm bên trái cũng chẳng ngó bên phải, đi

thăng tới Sảnh Khởi nguồn, nơi các hiện vật được trưng bày một cách rời rạc nhất.

Chúng ta sẽ bổ sung vào đó những hiểu biết đã thu thập được từ nhiều nguồn khác, trong các hồ sơ chiến tranh và hồ sơ cảnh sát, từ các cuộc phỏng vấn, giám định pháp y và các tư thế câm lặng của người chết. Những bức thư của Robert Lecter, mới được tìm thấy dạo gần đây, có thể giúp chúng ta thiết lập các thống kê vô cùng quan trọng về Hannibal, kẻ đã tùy ý thay đổi các mốc thời gian để tung hỏa mù làm rối trí các nhà chức trách cũng như những người ghi chép tiểu sử của hắn. Cứ cố gắng đào xới tìm tòi, rất có thể chúng ta sẽ được chứng kiến con quái vật bên trong hắn xoay mình rời khỏi bầu vú mẹ và, nương theo chiều gió, tiến vào thế giới.

I

Đây là điều đầu tiên

Tôi hiểu thấu:

Thời gian là tiếng vọng của lưỡi rìu

Trong một khu rừng.

- PHILIP LARKIN

1

HANNIBAL TÀN NHẪN (1365-1428) xây dựng lâu đài Lecter trong vòng năm năm, huy động sức lao động của các binh lính bị ông ta bắt làm tù binh trong Trận Zalgiris. Vào ngày lá cờ hiệu của Hannibal Tàn Nhẫn chính thức tung bay trên những tháp canh đã được hoàn thiện, ông ta tập hợp tù binh trong vườn rau và rồi, dùng giàn giá treo cổ làm đài diễn thuyết, ông ta tuyên bố thả đám tù binh này về nhà, tuân thủ đúng lời đã hứa. Tuy nhiên, nghĩ đến những bữa ăn chất lượng được ông ta cung cấp, nhiều người trong số đó đã quyết định ở lại, lựa chọn con đường phục vụ ông ta.

Năm trăm năm sau đó, Hannibal Lecter, hậu nhân trùng tên đời thứ tám của Hannibal Tàn Nhẫn và năm ấy cũng vừa tròn tám tuổi, đứng trong vườn rau cùng cô em gái Mischa, ném bánh mì xuống dòng nước đen ngòm của con hào cho đàn thiên nga đen ăn. Mischa nắm tay Hannibal để đứng cho vững nhưng ném mấy lần đều trượt con hào. Con cá chép to khuấy động mấy lá súng, xua đám chuồn chuồn bay vọt lên không.

Lúc này, con thiên nga Alpha đã rời khỏi mặt nước, bì bạch giẫm đôi chân ngắn tiến về phía bọn trẻ, rít lên thách thức. Con thiên nga đã quen biết Hannibal từ khi mới chào đời, ấy vậy nhưng mỗi khi thẳng bé đến, đôi cánh đen của nó vẫn dang ra che kín cả một góc trời.

“Ồi, Anniba!” Mischa kêu lên, trốn đằng sau chân Hannibal. Hannibal giơ hai cánh tay lên cao ngang vai, theo đúng lời cha nó đã dạy, sải tay của nó được kéo dài ra nhờ hai nhánh liễu đang nắm trong tay. Con thiên nga dừng lại, cân nhắc về sải cánh lớn hơn hẳn của Hannibal, đoạn lại rút lui về ăn trong dòng nước.

“Ngày nào mà chẳng thế này,” Hannibal nói với con chim. Nhưng hôm nay không phải một ngày bình thường nào đó và thẳng bé bản khoản không biết đàn thiên nga có thể chạy trốn đi đâu.

Trong cơn phấn khích, Mischa làm rơi bánh mì xuống nền đất ẩm ướt. Khi Hannibal cúi người xuống định giúp em, con bé bèn giơ bàn tay bé bỏng mũm mĩm trông chẳng khác gì một ngôi sao lên, quệt bùn vào mũi thằng anh. Thằng bé cũng quệt một ít bùn lên chóp mũi đứa em và cả hai anh em cùng cười phá lên khi nhìn hình phản chiếu của chúng trên mặt nước.

Bọn trẻ cảm giác có ba cú nện thùm thùm trên mặt đất và mặt nước gợn sóng, khiến khuôn mặt phản chiếu của chúng nhòe đi.

Từ đằng xa, những tiếng nổ vang lên, vọng khắp cánh đồng. Hannibal túm lấy em gái, nhắc bổng con bé lên chạy về lâu đài.

Cỗ xe đi sẵn đang đỗ ở sân trước, đã được thặng con ngựa kéo khổng lồ Cesar. Berndt, mặc tạp dề của người coi chuồng ngựa, và anh đầy tớ Lothar chất ba cái rương nhỏ lên thùng xe. Cook mang bữa trưa ra.

“Cậu chủ Lecter, bà chủ bảo cậu vào phòng bà đấy,” Cook nói.

Hannibal đưa Mischa cho chị vú trông rồi chạy lên các bậc thềm lờm.

Hannibal rất thích phòng của mẹ, căn phòng tỏa nhiều mùi hương, đồ gỗ chạm khắc các khuôn mặt, trần sơn vẽ - bà Lecter mang trong mình một nửa dòng máu nhà Sforza, một nửa dòng máu nhà Visconti và đã bê nguyên xi căn phòng riêng từ Milan theo tới đây.

Lúc này bà đang phấn khích, đôi mắt màu hạt dẻ sáng ngời lấp lóe những đốm đỏ phản chiếu ánh đèn. Hannibal cầm cái tráp trong lúc mẹ nó giơ tay nhấn vào đôi môi một tiểu thiên sứ trên ván ốp và một hộp tủ bí mật mở ra. Bà vốc nữ trang bỏ vào trong tráp, cùng với mấy bức thư được cuộn thành bó, nếu không sẽ chẳng đủ chỗ để mà nhét vừa.

Hannibal nghĩ bà trông giống hệt bức chân dung bằng đá chạm của cụ ngoại vừa được tống vào trong chiếc tráp.

Trần nhà vẽ mây. Khi đang bú, đứa bé thường mở mắt và thấy bầu ngực của mẹ nó lặn vào mây. Viên áo cánh của bà cọ vào mặt nó. Cả người vú nuôi nữa - cây thập giá vàng của cô ta lấp lánh như ánh mặt trời giữa những đám mây khổng lồ và ấn vào mặt thằng bé đang được cô ta ôm trong lòng, người vú nuôi chà chà dấu chữ thập hằn trên da thằng bé, cố xóa nó đi trước khi có nguy cơ bị bà chủ nhìn thấy.

Nhưng giờ cha nó đã xuất hiện trong khung cửa, mang theo sổ sách.

“Simonetta, đi thôi nào.”

Đồng váy vóc trẻ em bằng vải lanh đã được nhét vào cái chậu tắm bằng đồng của Mischa và bà chủ đặt cái tráp vào giữa.

Bà nhìn quanh phòng, nhắc một bức tranh nhỏ phác họa thành phố Venice đang đặt trên giá ba chân cạnh tủ búp phê, ngắm nghĩ một hồi rồi đưa cho Hannibal.

“Mang cái này cho Cook hộ mẹ. Cầm vào khung ấy.” Bà mỉm cười với nó. “Đừng làm bẩn mặt sau nhé.”

Lothar bê cái chậu tắm ra chỗ chiếc xe đỗ trong sân, nơi Mischa đang bồn chồn bất an vì bầu không khí náo động xung quanh.

Hannibal bế Mischa lên cho con bé vỗ vỗ vào mồm Cesar.

Con bé bóp mũi con ngựa vài lần, cốt để xem liệu con ngựa có kêu lên không. Hannibal nắm một nắm thóc trong tay, rải trên nền sân theo hình chữ “M”. Đàn bồ câu xúm lại chỗ thóc, xếp thành hình một chữ “M” bằng chim sống trên nền đất. Hannibal vạch chữ cái này vào lòng bàn tay Mischa - con bé sắp lên ba và thẳng anh vẫn luôn ngắm trông con em biết đọc. “‘M’ là viết tắt của Mischa đấy!” thẳng bé nói. Con bé cười khanh khách, chạy giữa đàn chim, xua chúng bay lên xung quanh nó, quây thành vòng tròn quanh những tháp canh sáng ánh đèn.

Cook, một người đàn ông to lớn mặc trang phục nhà bếp màu trắng, mang bữa ăn nhẹ ra. Con ngựa đảo tròn một bên mắt nhìn Cook và ve vẩy tai theo dõi sát sao bước chân gã - hồi Cesar còn nhỏ, Cook đã không ít lần xua nó chạy ra khỏi vườn rau, vừa la hét chửi rủa vừa quật chổi lên mông nó.

“Tôi sẽ ở lại giúp anh chuyển đồ trong bếp,” thầy Jakov nói với Cook.

“Cứ đi với thẳng bé đi,” Cook nói.

Bá tước Lecter nhắc Mischa lên cho vào trong xe và Hannibal vòng tay ôm con bé. Bá tước Lecter khum hai bàn tay ôm mặt Hannibal. Sừng sốt bởi cảm giác ram ráp của chính bàn tay cha mình, Hannibal chăm chú nhìn khuôn mặt bá tước Lecter.

“Ba máy bay đã ném bom xuống đường tàu. Đại tá Timka nói cho dù chúng có tiến đến đây thì chúng ta cũng vẫn còn ít nhất một tuần, sau đó cuộc chiến sẽ diễn ra dọc theo các trục đường chính. Ở ngôi nhà nghỉ săn bắn trong rừng chúng ta sẽ không sao.”

Đó là ngày thứ hai của Chiến dịch Barbarossa*, cuộc tiến công chớp nhoáng của Hitler đang quét qua Đông Âu tiến vào nước Nga.

2

BERNDT ĐI BỘ phía trước xe trên con đường rừng, trông chừng giữ an toàn cho mặt con ngựa, chốc chốc lại giơ cây đoản thương Thụy Sĩ dẹp bớt những cành cây quá um tùm.

Thầy Jakov cưỡi ngựa theo sau, hai bên túi yên chất đầy sách. Anh ta không quen cưỡi ngựa nên cứ phải bám rịt lấy cổ con ngựa lúc đi bên dưới những cành cây to.

Thình thoảng, gặp chỗ đường dốc, anh ta lại xuống ngựa phụ Lothar, Berndt và bá tước Lecter đẩy xe. Ngay khi họ vừa đi qua, các cành cây lại vun vút bật ngược về phía sau, tiếp tục chặn con đường lại.

Hannibal ngửi mùi cây cỏ bị nghiền dưới bốn bánh xe và mùi mái đầu ẩm áp của Mischa bên dưới cằm nó - con bé lúc này đang ngồi trong lòng anh trai. Thằng bé dõi nhìn những chiếc máy bay ném bom của Đức băng qua bầu trời trên cao. Những vệt khói trắng ở đuôi máy bay vạch thành một khuông nhạc và Hannibal ngâm nga cho em gái nghe những nốt nhạc mà các cụm khói đen của hỏa lực phòng không đã vẽ lên trời. Giai điệu này không được vừa ý cho lắm.

“Không” Mischa nói. “Anniba hát bài *Das Mannlein** cơ!” Vậy là hai anh em đồng thanh ca vang về người đàn ông bé nhỏ bí ẩn trong rừng, người vú nuôi cũng hòa giọng trong chiếc xe lắc lư còn thầy Jakov hát trên lưng ngựa, mặc dù anh ta không mấy thích thú khi hát bằng tiếng Đức.

*Gã nhỏ bé đứng trong rừng, tĩnh lặng
Tuyền đỏ thắm một sắc áo choàng
Gã nhỏ bé ấy có thể là ai
Mà lại khoác áo choàng tuyền thắm đỏ
Một mình đứng trong rừng thắm thế kia.*

* * *

Sau hai tiếng đồng hồ chập vập, họ tới một khoảnh rừng thưa bên dưới tán rừng cao vòi vọi.

Trong hơn ba trăm năm tồn tại, căn nhà nghỉ đã chuyển mình từ một nơi trú ẩn thô sơ thành một chốn ẩn dật tiện nghi giữa rừng, khung gỗ, mái dốc tiện cho tuyết trượt xuống. Có một chuồng ngựa nhỏ hai ngăn, một gian nhà phụ và, đằng sau nhà nghỉ, một nhà vệ sinh mang phong cách thời Victoria với những hình chạm khắc hào nhoáng, mái nhô lên nhìn thấy rõ phía trên hàng rào kín.

Trên nền móng căn nhà nghỉ vẫn còn trông thấy những viên đá từ một bệ thờ rắn dựng lên vào thời Trung Cổ.

Giờ Hannibal đang nhìn theo một con rắn chạy trốn khỏi ngôi nhà cổ trong lúc Lothar chặt bớt đám cây leo để chị vú có thể mở cửa sổ ra.

Bá tước Lecter đưa hai bàn tay vuốt ve con ngựa to lớn trong lúc nó uống mấy lít nước đựng trong xô múc nước giếng. “Berndt này, đến lúc anh quay về tới nhà thì Cook hẳn đã đóng gói đồ đạc trong bếp xong xuôi rồi. Cesar có thể nghỉ ngơi một đêm trong chuồng. Ngay khi trời rạng, anh và Cook lên đường quay lại đây luôn nhé, đừng lần nữa. Tôi muốn các anh dọn sạch lâu đài trước sáng mai.”

* * *

Vladis Grutas bước vào sân tòa lâu đài Lecter, khuôn mặt lộ rõ vẻ hân hoan, mắt quét khắp lượt các cửa sổ. Y vẫy tay nói to, “Xin chào!”

Grutas vóc người nhỏ bé, tóc vàng hoe bết bần, mặc quần áo thường dân, đôi mắt xanh lơ nhạt màu đến độ trông không khác gì hai cái đĩa tròn tách ra từ bầu trời thăm thẳm. Y gọi to, “Xin chào, có ai ở nhà không!” Không thấy ai trả lời, y đi vào bếp, thấy các rương hòm đựng đồ ăn thức uống dự trữ đã được đóng buộc gọn gàng xếp trên sàn bếp. Y nhanh tay bỏ cà phê và đường vào trong túi đeo. Cửa xuống hầm đang mở. Y nhìn xuống dãy cầu thang dài, thấy ánh đèn hắt lên.

Từ thưở hồng hoang, hành vi xâm phạm vào hang ổ của một sinh vật khác đã là điều cấm kỵ. Nhưng đối với một số kẻ đầu óc lệch lạc, việc lén lút lên

vào tư gia của người khác lại khơi dậy một cảm giác hưng phấn tê dại, y như lúc này đây.

Grutas leo xuống cầu thang, tiến vào bầu không khí mát lạnh dưới lòng đất của những căn hầm mái vòm trong lâu đài. Y ngắm soi nhòm qua một khung cửa tò vò, thấy tấm lưới sắt bảo vệ hầm rượu đang để mở.

Tiếng sột soạt vang lên đầu đó. Grutas có thể nhìn thấy những giá để rượu có dán nhãn ốp kín tường từ sàn lên đến tận trần, được chất đầy các chai rượu và cái bóng đồ sộ của gã đầu bếp đang di chuyển quanh phòng, bận rộn làm việc dưới ánh sáng của hai chiếc đèn xách tay. Nhiều gói đồ vuông vắn được đặt trên bàn nệm rượu nằm chính giữa phòng và bên cạnh chúng là một bức tranh nhỏ lẻ loi lồng trong một khung tranh hoa mỹ.

Grutas ngoác miệng cười khi thằng cha đầu bếp to con lọt vào tầm nhìn. Lúc này, gã đầu bếp đang cúi húi phía trên bàn, tấm lưng rộng quay lại phía cửa. Tiếng giấy sột soạt.

Grutas dán người vào tường, khuất trong bóng cầu thang.

Gã đầu bếp bọc giấy quanh bức tranh rồi buộc dây lại, làm thành một gói đồ giống như những gói đồ khác. Một tay xách cây đèn, gã rướn người kéo ngọn chúc dài treo bên trên bàn nệm rượu. Một tiếng cạch vang lên và ở phía cuối hầm rượu, một giá rượu lắc lư nhích khỏi tường vài phân. Gã đầu bếp đẩy cái giá ra xa khỏi bức tường, tiếng bản lề kêu cọt kẹt. Đằng sau cái giá là một cánh cửa.

Cook tiến vào gian hầm bí mật phía sau hầm rượu, treo một cây đèn lên. Rồi gã bê các gói đồ vào bên trong.

Canh lúc gã đẩy cái giá rượu lắc lư đóng lại, lưng quay về phía cửa, Grutas bèn leo lên cầu thang. Y nghe thấy tiếng súng vang lên bên ngoài, rồi giọng gã đầu bếp vọng tới từ bên dưới.

“Ai đó!”

Cook đã tiến tới sau lưng y, tốc độ leo cầu thang quá nhanh đối với một người to lớn như thế.

“Dừng lại! Anh không được phép đến đây.”

Grutas chạy xuyên qua bếp vào sân trong, vừa vẫy tay vừa huýt sáo.

Cook chộp lấy một cây gậy ở góc phòng và đang chạy băng qua bếp tới sân trong thì nhìn thấy một cái bóng lừng lững chắn giữa cửa, một dáng người đội mũ sắt không nhằm lẫn đi đâu được, rồi ba tay lính dù Đức vác theo súng tiểu liên tiến vào trong phòng. Grutas đi sau chúng.

“Chào Cookie,” Grutas nói. Y cầm một cái đui lợn muối từ cái thùng thừa trên sàn lên.

“Bỏ thịt vào chỗ cũ,” tên trung sĩ Đức nói, chìa súng vào Grutas, thái độ sẵn sàng khai hỏa dứt khoát không kém gì hẳn thể hiện với gã đầu bếp. “Ra ngoài, đi theo đội tuần tra.”

* * *

Con đường mòn dẫn xuống lâu đài dễ đi hơn nhiều, cỗ xe trống trơn giúp Berndt có một chuyến đi tương đối nhàn nhã, gã quăn dây cương quanh cánh tay, đốt tẩu thuốc hút. Lúc tiến gần đến mép rừng, gã loáng thoáng nhìn thấy hình như một con cò lớn đang cất cánh bay khỏi cành cây cao. Đến lúc tiến lại gần hơn, gã mới thấy cái thứ màu trắng đang phất phơ đó hóa ra là một tấm vải, một cái dù mắc vào đám cành cao, dây bị cắt đứt. Berndt dừng lại. Gã đặt tẩu thuốc xuống, nhẹ nhàng rời khỏi xe. Gã đặt tay lên mõm Cesar, thăm thì vào tai con ngựa. Rồi gã cảnh giác đi bộ tiến về phía trước.

Một người đàn ông mặc thường phục bằng vải thô đang lung lẳng trên một cành cây thấp, mới bị treo cổ cách đó không lâu, cái thòng lọng bằng dây điện thít vào cổ anh ta, mặt anh ta xanh đen, đôi ủng lấm bùn lơ lửng cách mặt đất chừng một bước chân. Berndt vội quay trở lại chỗ chiếc xe, tìm chỗ để quay xe trên con đường mòn hẹp, đôi ủng dưới chân gã mang lại một cảm giác kỳ lạ lúc gã tìm cách đặt chân xuống nền đất gồ ghề.

Đúng lúc đó, chúng bước ra từ sau đám cây, ba tên lính Đức dưới sự chỉ huy của một tên trung sĩ đi cùng sáu gã đàn ông mặc thường phục. Tên trung sĩ âm thầm cân nhắc, kéo chốt cây súng máy về phía sau. Berndt nhận ra một tên trong đám thường dân. “Grutas,” gã nói.

“Berndt, Berndt anh chàng tốt bụng, lúc nào cũng thích lên lớp người khác,” Grutas nói. Y bước đến gần Berndt, mỉm cười ra chiều thân thiện.

“Gã này điều khiển được con ngựa kia,” Grutas nói với tên trung sĩ Đức.

“Biết đâu gã là bạn mày,” tên trung sĩ nói.

“Biết đâu lại không,” Grutas nói, nhõ vào mặt Berndt. “Chẳng phải tôi đã treo cổ thằng kia còn gì? Tôi cũng quen biết hẳn đấy. Chúng ta việc gì phải đi bộ?” Và bằng giọng nhẹ nhàng, y tiếp, “Nếu anh cho tôi mượn lại khẩu súng của tôi thì đến lúc về lâu đài, tôi sẵn sàng bắn gã.”

3

BLITZKRIEG, CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CHỚP NHOÁNG của Hitler, thần tốc đến mức không ai có thể tưởng tượng được. Ở lâu đài, Berndt thấy một toán lính Sư đoàn Đầu lâu Totenkopf, thuộc Waffen-SS*. Hai cỗ xe tăng thuộc sư đoàn Panzer đỗ cạnh con hào, cùng với một xe diệt tăng và mấy chiếc bán tải quân sự.

Ernst, người làm vườn, đang nằm úp sấp mặt trong vườn rau, ruồi nhặng vo ve trên đầu.

Berndt chứng kiến cảnh này từ ghế xà ích. Chỉ có mấy tay người Đức là ngồi trên xe gã. Grutas và đám thường dân còn lại đi bộ phía sau. Họ chỉ là các *Hilfzillige*, hay Hiwi, những dân địa phương tình nguyện hỗ trợ quân xâm lược Đức Quốc xã.

Berndt có thể nhìn thấy hai tên lính, đứng trên một tháp canh lâu đài, đang cuộn lá cờ hiệu hình lợn rừng của dòng họ Lecter xuống, thay thế bằng một ăng ten radio và lá cờ in hình chữ thập ngoặc.

Một thiếu tá mặc trang phục SS màu đen đeo huy hiệu đầu lâu của sư đoàn Totenkopf từ trong lâu đài bước ra, nhìn Cesar.

“Ngon đấy, nhưng để cười thì to quá,” hăn nói, giọng nuối tiếc - hăn đã mặc quần đi ngựa và mang đỉnh thúc ngựa, định làm một chuyến cười ngựa giải khuây. Hăn sẽ trưng dụng con ngựa khác vậy. Phía sau hăn, hai kỵ binh vẻ hung hãn từ trong nhà bước ra, Cook bị kẹp ở giữa.

“Gia đình này đang ở đâu?”

“Ở London, thưa ngài,” Berndt nói. “Xin phép ngài cho tôi phủ xác Ernst lại được không?”

Tay thiếu tá ra hiệu cho tên trung sĩ và tên này bèn thọc mũi súng Schmeisser vào bên dưới cằm Berndt.

“Vậy ai sẽ phủ xác cho mày hả? Người nòng súng đi. Nó vẫn còn bốc khói đấy. Nó cũng có thể thổi bay bộ não chó chết của mày đấy,” tay thiếu tá nói.

“Gia đình này đang ở đâu?”

Berndt nuốt nước bọt. “Chạy trốn tới London rồi, thưa ngài.”

“Mày là người Do Thái hả?”

“Không ạ, thưa ngài.”

“Dân Gypsy?”

“Không ạ, thưa ngài.”

Hắn nhìn một bó thư đặt trên mặt bàn trong nhà. “Có một bức thư gửi cho một gã tên là Jakov. Mày chính là thằng Do Thái Jakov đúng không?”

“Đấy là một gia sư ạ, thưa ngài. Bỏ đi lâu rồi.”

Tay thiếu tá kiểm tra hai bên dải tai Berndt để xem liệu gã có xỏ lỗ tai không*. “Cho trung sĩ xem con cu của mày nữa”* Rồi sau đó, gã nói tiếp, “Tao nên giết mày hay để mày làm việc nhỉ?”

“Thưa ngài, những người này đều quen biết nhau cả đấy ạ,” tên trung sĩ nói.

“Thế hả? Có khi bọn chúng còn yêu quý nhau nữa ấy chứ.” Hắn quay sang Grutas. “Có khi bọn mày còn quý mến đám đồng hương hơn cả bọn mày yêu quý chúng tao đấy nhỉ, các Hiwi?” Tay thiếu tá quay về phía tên trung sĩ. “Mày nghĩ chúng ta cần bắt kỳ đứa nào trong số chúng thật à?” Tên trung sĩ bèn chĩa súng về phía Grutas và đám thường dân.

“Thằng đầu bếp là dân Do Thái,” Grutas nói. “Xin được cung cấp cho các ngài chút kiến thức bản địa hữu dụng - nếu các ngài mà để gã nấu nướng cho thì chưa đầy một giờ sau, các ngài sẽ chết vì thuốc độc Do Thái.” Y đẩy một người trong đám thường dân tiến lên phía trước. “Pot Watcher biết nấu nướng, biết cả cho ngựa ăn và làm lính nữa.”

Grutas bước tới chính giữa sân, di chuyển chậm chạp, mũi súng tiểu liên của tay trung sĩ bám sát theo sau. “Thưa ngài thiếu tá, ngài đeo nhẫn của trường đại học Heidelberg và mang những vết sẹo cao quý*. Đây là lịch sử quân sự, một lịch sử mà chính ngài đang tạo dựng nên. Đây là Tảng Đá Hành Hình của Hannibal Tàn Nhẫn. Nhiều hiệp sĩ Giéc mạnh anh dũng bậc nhất đã chết ngay tại nơi này. Chẳng phải giờ đã đến lúc cho nó tắm máu người Do Thái sao?”

Tay thiếu tá nhướng mày. “Nếu mày muốn trở thành một SS, vậy thì hãy chứng tỏ bản thân đi.” Hắn hất đầu ra hiệu cho tên trung sĩ. Tên trung sĩ SS bèn rút khẩu súng lục ra khỏi bao súng nấp gập. Hắn bỏ hết đạn ra khỏi súng, chỉ chừa lại một viên, rồi đưa súng cho Grutas. Hai tên lính dữ dằn lôi Cook tới chỗ tảng đá.

Tay thiếu tá có vẻ hứng thú với việc ngắm nghía kiểm tra con ngựa hơn. Grutas chĩa súng vào đầu gã đầu bếp và đợi, muốn tay thiếu tá chứng kiến màn này. Cook nhổ nước bọt vào y.

Đàn chim én đang đậu trên các tháp canh bay vụt lên trời khi nghe thấy tiếng súng.

* * *

Berndt được giao việc vận chuyển đồ nội thất lên tầng trên kê vào phòng cho đám sĩ quan trú chân tại đây. Gã kiểm tra lại quần áo để xem lúc này có lỡ tiểu ra người không. Gã có thể nghe thấy tiếng nhân viên vô tuyến vọng ra từ một căn phòng nhỏ bên dưới mái hiên, truyền tin cả bằng mật mã lẫn bằng giọng nói, âm thanh bị nhiễu nặng. Tay nhân viên vô tuyến cầm theo sổ tay chạy xuống cầu thang và một lúc sau quay lại tháo dỡ thiết bị. Chúng đang di chuyển về phía Đông.

Từ cửa sổ tầng trên, Berndt dõi nhìn đội quân SS chuyển một cái radio đeo lưng ra khỏi cỗ xe tăng Panzer đưa cho đơn vị đồn trú nhỏ mà chúng bỏ lại đây. Grutas và đám thường dân lôi thoi lệch thếch đi theo y, giờ đã được cấp các vũ khí Đức, cùng mấy người lính phụ trợ mang hết mọi thứ từ trong bếp ra và chất thực phẩm dự trữ vào thùng một cái xe bán tải. Đám lính leo lên xe. Grutas chạy ra khỏi lâu đài để bắt cho kịp đoàn xe. Đơn vị SS này chuẩn bị lên đường tiến về Nga, dẫn theo Grutas và những Hiwi khác. Có vẻ như chúng đã quên mất Berndt.

Một đội bộ binh cơ giới Panzergrenadier cùng một khẩu súng máy và cái radio kia bị bỏ lại phía sau, đóng ở lâu đài. Berndt đợi ở cái cầu tiêu tháp canh cũ cho tới tối. Toàn bộ đơn vị đồn trú Đức nhỏ đều ăn trong bếp, chỉ cắt cử một tên lính canh gác trong sân. Chúng tìm thấy ít rượu schnapps

trong tủ bếp. Berndt rời khỏi nhà xí trong tháp canh, thăm cảm tạ trời đất vì nền nhà bằng đá không kêu cọt két.

Gã nhìn vào trong phòng radio. Cái radio nằm trên bàn phấn của Bá tước Phu nhân, các chai nước hoa bị gạt khỏi mặt bàn rơi hết xuống sàn. Berndt nhìn cái radio. Gã nghĩ đến Ernst - chết trong sân bếp; nghĩ đến Cook - dùng hơi thở cuối cùng để nhổ nước bọt vào Grutas. Berndt rón rén lên vào trong phòng. Gã cảm thấy cần phải xin Bá tước Phu nhân thứ lỗi cho sự xâm phạm này. Cởi bớt cầm trong tay, chân đi tất, gã leo xuống cầu thang dành riêng cho người hầu, mang theo hai cái hộp đựng radio và bộ nạp điện, lên ra ngoài qua lỗ phá vây. Cái radio và bộ nạp điện tay quay là một gánh nặng đáng kể, hơn hai mươi cân. Berndt gù lưng cống chúng vào giấu trong rương. Gã lấy làm tiếc vì không đưa con ngựa đi được.

* * *

Ánh chiều chạng vạng và ánh lửa lò sưởi lập lòe trên những thanh gỗ sơn màu của ngôi nhà săn bắn, sáng rực trong đôi mắt bụi bặm của những con thú trưng bày vốn là chiến lợi phẩm từ các cuộc đi săn, trong lúc cả gia đình quây quần quanh lò sưởi. Những đầu thú được trưng bày ở đây từ rất lâu, đã bị bao nhiêu thế hệ trẻ em với tay qua lan can ở đầu cầu thang tầng trên vỗ về suốt năm này qua năm khác, đến mức thành ra hói cả.

Chị vú đặt cái chậu tắm bằng đồng của Mischa vào một góc phía trước lò sưởi. Chị đổ thêm nước từ ấm để điều chỉnh nhiệt độ, pha nước xà phòng rồi nhấc Mischa vào trong nước. Đứa trẻ sung sướng đập tay nghịch đám bọt xà phòng. Chị vú hong khăn tắm trước lò sưởi cho ấm. Hannibal tháo chiếc vòng trẻ em ra khỏi cổ tay Mischa, nhúng nó ngập sâu trong chậu nước xà phòng rồi thổi qua cái vòng, làm thành các bong bóng xà phòng cho Mischa xem. Đám bong bóng, trên quãng đường trôi nổi ngăn ngùi, phản chiếu tất cả những khuôn mặt rạng rỡ xung quanh, rồi sau đó nổ tung bên trên lửa lò. Mischa thích chộp bong bóng, nhưng vẫn muốn đòi lại chiếc vòng tay và đến tận khi thấy chiếc vòng đã quay trở lại nằm trên cổ tay thì con bé mới vừa lòng.

Mẹ Hannibal chơi một bài đối âm baroque trên cây đàn piano nhỏ.

Tiếng nhạc khê khàng, những khung cửa sổ che chắn kín mít khi đêm xuống và đôi cánh đen của khu rừng bao bọc họ. Berndt xuất hiện, mặt lả, và tiếng nhạc dừng lại. Lệ ứa ra trên đôi mắt bá tước Lecter khi ông lắng nghe Berndt kể lại mọi chuyện. Mẹ Hannibal cầm tay Berndt vỗ về.

* * *

Quân Đức ngay lập tức bắt đầu gọi Litva là Ostland, một thuộc địa thứ yếu của Đức và dự kiến đến thời điểm phù hợp, sau khi lũ Slav hạ đẳng đã bị diệt trừ, có thể biến nó thành nơi tái định cư cho người Aryan. Những hàng lính Đức hành quân trên đường, những con tàu Đức lăn bánh trên đường ray, mang theo hỏa pháo tiến về phía Đông.

Những máy bay cường kích Nga ném bom và oanh tạc các đoàn quân Đức. Những oanh tạc cơ Ilyushin khổng lồ của quân đội Nga ã oàng oàng vào các đoàn quân Đức, bất chấp hỏa lực phòng không tấn công dữ dội và dai dẳng từ những khẩu súng phòng không được lắp đặt trên các đoàn tàu.

* * *

Đàn thiên nga đen bay lên đến độ cao tối đa mà đôi cánh của chúng có thể dễ dàng đạt tới, bốn con thiên nga đen bay dàn theo đội hình bậc thang, cổ rướn về phía trước, cổ bay về phương Nam, những chiếc máy bay gầm rú phía trên chúng giữa buổi bình minh đang rạng.

Đạn súng phòng không nháng lên và con thiên nga đầu đàn lộn nhào giữa chùng sỏi cánh, bắt đầu cắm đầu lao xuống mặt đất xa tít bên dưới, ba con chim còn lại xoay mình, kêu vọng xuống giữa không trung, bay vòng vòng theo những vòng tròn rộng, hạ xuống thấp dần. Con thiên nga bị thương rơi xuống giữa một cánh đồng trống, không hề nhúc nhích. Bụng đời của nó sà xuống bên cạnh, mỗ mỗ lên mình nó, lạch bạch đi vòng quanh nó, không ngừng kêu lên thảm thiết.

Con thiên nga đầu đàn không nhúc nhích. Một phát đạn đại bác nổ giữa đồng và một đoàn quân bộ binh Nga xuất hiện, đang di chuyển giữa đám cây cối nơi rìa đồng cỏ. Một cỗ xe tăng Panzer của Đức lăn bánh vượt qua con hào, băng qua đồng cỏ, khẩu súng máy đồng trục ã đạn vào giữa rừng cây, từng bước tiến về phía trước, tiến về phía trước. Con thiên nga cái đang

cánh, vũng vàng ở nguyên vị trí che phía trên con thiên nga đực, cho dù cỗ xe tăng còn đổ bóng rộng quá tầm sai cánh của nó và tiếng động cơ xe âm ỉ ngang tiếng đập của trái tim hoang dại trong lồng ngực nó. Con thiên nga mái đứng cạnh con thiên nga trống đang nằm và đến phút chót, nó vẫn không ngừng điên cuồng vỗ cánh, đập vào cỗ xe tăng, rồi sau đó, hiển nhiên, cỗ xe tăng lăn bánh qua mình chúng, vo vo cán lên đồng da thịt và lông vũ bầy nhầy.

4

GIA ĐÌNH LECTER bám trụ trong rừng, cuối cùng cũng sống sót qua chiến dịch miền Đông khủng khiếp kéo dài ba năm rưỡi của Hitler. Con đường rừng dài dằng dặc dẫn tới ngôi nhà nghỉ cứ đến mùa đông lại ngập trong tuyết còn mùa xuân thì cây cối mọc um tùm che hết lối đi, trong khi vào mùa hè, đất đầm lầy xốp mềm khiến cho xe tăng không đi qua được.

Ngôi nhà nghỉ dự trữ lượng bột mì và đường khá dồi dào, đủ cho họ vượt qua trọn vẹn mùa đông đầu tiên, nhưng quan trọng nhất, nó còn có các thùng muối. Vào mùa đông thứ hai, họ tình cờ bắt gặp một con ngựa chết cứng. Họ lấy xẻng xẻ thịt con vật đem ướp muối. Họ còn muối cả cá hồi cũng như gà gô.

Thỉnh thoảng, giữa đêm tối, một vài người mặc thường phục đi từ trong rừng ra, lặng lẽ như những cái bóng. Bá tước Lecter và Berndt trò chuyện với họ bằng tiếng Litva và có lần, hai người còn mang về một người đàn ông máu me bê bết ướt sũng cả áo sơ mi, đặt anh ta nằm trên tấm nệm rơm ở góc nhà, nhưng anh ta đã chết ngay giữa lúc chị vú còn đang lau mặt cho anh ta.

Hằng ngày, nếu tuyết quá dày khiến họ không thể đi cắt cỏ cho ngựa được, thầy Jakov lại dạy học. Thầy dạy tiếng Anh cộng thêm một ít tiếng Pháp bập bẹ, dạy lịch sử La Mã nhưng chủ yếu đặt trọng tâm vào các cuộc vây hãm Jerusalem; và mọi người đều tham gia lớp học. Thầy chắt lọc từ các sự kiện lịch sử và các chuyện kể trong Kinh Cựu Ước, soạn thành các câu chuyện giàu kịch tính, đôi khi còn thêm mắm giặm muối để đưa các khán thính giả của mình vượt ra bên ngoài những đường ranh giới nghiêm ngặt của học thuật.

Thầy kèm riêng môn Toán cho Hannibal, vì các bài học của thằng bé đã vượt quá trình độ tiếp thu của những người khác.

Trong kho sách của thầy Jakov, có cuốn sách bìa da *Luận về ánh sáng* của Christiaan Huyghens và Hannibal mê mẩn cuốn sách này, miệt mài bám

theo con đường tư duy của Huyghens, cảm giác như thể mình đang tiến dần đến sự khám phá. Thăng bé liên hệ tới cuốn *Luận về ánh sáng* khi nhìn những hình ảnh bảy sắc biến dạng vì ánh trắng lóa của tuyết qua những khung cửa sổ lâu đời. Lối tư duy tao nhã của Huyghens tựa như những đường nét thanh sạch tối giản của mùa đông, một cấu trúc rõ ràng bên dưới rậm rạp lá. Cảm giác như một chiếc hộp chốt bật mở bày ra bên trong nó một nguyên tắc luôn hiệu quả. Đó là một niềm hân hoan rộn ràng đầy căn cứ mà thăng bé vẫn luôn cảm thấy kể từ khi biết đọc.

Hannibal Lecter biết đọc từ khi mới chào đời, hoặc trong mắt chị vú thì đúng là như vậy. Chị từng có một thời gian ngăn đọc sách cho thăng bé nghe hồi nó lên hai, thường là đọc cuốn truyện cổ Grimm được minh họa bằng các tranh khắc gỗ vẽ những hình người có móng chân nhọn. Thăng bé lắng nghe chị vú đọc, ngả đầu áp vào người chị trong lúc nhìn các từ trên trang giấy, sau đó chị vú phát hiện ra thăng bé đang tự mình đọc, tì trán lên cuốn sách rồi nâng người lên cách trang sách một đoạn, đọc thành tiếng học theo lối phát âm của chị vú.

Cha Hannibal có lòng hiếu kỳ rất mạnh. Xuất phát từ lòng hiếu kỳ về con trai mình, bá tước Lecter đã sai người hầu lôi những cuốn từ điển nặng trĩu từ trên giá sách trong thư viện của lâu đài xuống. Từ điển tiếng Anh, tiếng Đức cùng hai mươi ba tập từ điển Litva; rồi sau đó Hannibal một mình xử lý đóng sách.

Khi Hannibal sáu tuổi, ba sự kiện quan trọng đã xảy đến với thăng bé.

Đầu tiên, nó khám phá ra tác phẩm *Cơ sở** của Euclid - một ấn bản cũ có các minh họa vẽ tay. Thăng bé dò ngón tay theo các minh họa và tì trán lên những hình đó.

Mùa thu năm đó, thăng bé đón chào sự ra đời của đứa em gái, Mischa. Trong mắt thăng bé, Mischa trông chẳng khác gì một con sóc đỏ nhảnh nheo. Nó thậm chí con bé thật đáng thương vì đã không thừa hưởng được dung nhan của mẹ chúng.

Bị tiếm quyền trên mọi mặt trận, thăng bé cảm thấy có lẽ tiện nhất là một ngày nào đó, con đại bàng - thỉnh thoảng vẫn chao liệng phía bên trên lâu

đài - cứ quắp lấy đĩa em gái bé bỏng của nó mang lên trời rồi nhẹ nhàng mang con bé đến cho một gia đình nông dân hạnh phúc nào đó ở một đất nước xa xăm, nơi mọi cư dân đều có bề ngoài như con sóc và vậy là con bé sẽ như cá gặp nước. Nhưng đồng thời, thằng bé phát hiện ra nó cũng yêu con bé một cách không tài nào cưỡng lại được và đến khi con bé đã đủ lớn để bản khoăn về thế giới, thằng bé mong mọi được chỉ cho đĩa em xem mọi thứ, muốn con bé được trải nghiệm cảm giác khám phá.

Cũng vào năm Hannibal lên sáu, bá tước Lecter bắt gặp con trai đang tìm cách đo chiều cao của các tháp canh lâu đài dựa vào chiều dài các bóng tháp, làm theo các hướng dẫn mà theo lời thằng bé là do chính Euclid đã đưa ra. Đến lúc đó, bá tước Lecter bèn tìm các gia sư giỏi giảng hơn cho thằng bé - vậy là sáu tuần sau đó, thầy Jakov - một học giả không xu dính túi từ Leipzig - xuất hiện.

Bá tước Lecter giới thiệu thầy Jakov với người học trò mới trong thư viện rồi để hai người lại với nhau. Thư viện giữa tiết trời ấm áp thoang thoang mùi khói hun lạnh* đã ám vào trong lớp đá lâu đài.

“Cha con nói thầy sẽ dạy con nhiều thứ.”

“Nếu trò muốn học nhiều thứ thì thầy sẽ giúp.”

“Cha con nói thầy là một học giả xuất sắc.”

“Thầy là sinh viên thôi.”

“Cha kể với mẹ con là thầy đã bị đuổi khỏi trường đại học.”

“Ừ.”

“Vì sao ạ?”

“Vì thầy là người Do Thái, chính xác ra là người Do Thái Ashkenazi*.”

“Con hiểu rồi. Thầy có buồn không?”

“Vì là người Do Thái hả? Không, thầy rất vui.”

“Ý con là thầy có buồn vì bị đuổi học không?”

“Thầy rất vui vì được ở đây.”

“Thầy có từng bản khoăn không biết liệu con có xứng đáng để thầy dành thời gian tâm sức hay không?”

“Ai cũng đều xứng đáng được dành thời gian tâm sức, Hannibal ạ. Nếu trong lần đầu gặp gỡ, ai đó có vẻ tối dạ, vậy thì hãy gắng sức hơn nữa để nhìn họ, nhìn vào *trong họ*.”

“Họ có thu xếp cho thầy vào ở trong căn phòng có cửa lắp lưới thép không?”

“Có, họ có thu xếp cho thầy vào đó.”

“Nó không còn bị khóa nữa.”

“Thầy rất mừng khi thấy thế.”

“Đó là chỗ họ giam ông Elgar đấy,” Hannibal nói, xếp đồng bút thành một hàng trước mặt. “Vào hồi thập niên 1880, trước khi con được sinh ra. Thầy nhìn ô kính cửa sổ trong phòng thầy mà xem. Ông ấy đã lấy một viên kim cương rạch ngày tháng lên lớp kính. Kia là sách của ông ấy.”

Một dãy các quyển sách bọc bìa da đẹp để chiêm trợn giá sách. Cuốn cuối cùng đã bị cháy đen.

“Mỗi khi trời mưa, căn phòng sẽ tỏa ra mùi khói. Tường trong phòng đều được chất kín các bó cỏ khô để chặn tiếng thuyết giảng của ông ấy.”

“Tiếng thuyết giảng của ông ấy hả?”

“Thuyết giảng về tôn giáo, nhưng... thầy có hiểu nghĩa từ ‘dâm dật’ trong tính dâm dật không?”

“Có.”

“Con không hiểu rõ từ đấy, nhưng con tin rằng nó có nghĩa là một thứ thuộc dạng ta không được phép nói trước mặt mẹ mình.”

“Thầy cũng hiểu thế đấy,” thầy Jakov nói.

“Nếu thầy nhìn vào ngày tháng trên lớp kính, thì nó chính xác là ngày ánh nắng trực tiếp chiếu vào cửa sổ phòng ông ấy hằng năm.”

“Ông ấy đang đợi mặt trời.”

“Vâng, và đó cũng chính là ngày ông ấy tự thiêu trong đó. Ngay khi ánh mặt trời chiếu tới, ông ấy bèn dùng cái kính một mắt ông ấy vẫn đeo trong lúc soạn các cuốn sách này để đốt cỏ.”

Hannibal dẫn người gia sư đi một vòng quanh khu đất để làm quen sâu hơn với lâu đài Lecter. Họ đi xuyên qua sân trong, giữa sân kê một khối đá lớn. Tầng đá có gắn một cái khoen và trên bề mặt bằng phẳng của tầng đá, nhăm nhở vết rìu.

“Nghe cha trò nói thì trò đã đo chiều cao của hai ngọn tháp.”

“Vâng!”

“Chúng cao bao nhiêu?”

“Bốn mươi mét, cái tháp phía Nam ấy, cái kia thì thấp hơn nửa mét.”

“Trò lấy gì làm cột mốc?”

“Tầng đá. Bằng cách đo chiều cao của tầng đá và cái bóng của nó, sau đó đo bóng của lâu đài trong cùng một thời điểm.”

“Cạnh bên của tầng đá không hoàn toàn thẳng đứng.”

“Con dùng cái yo-yo làm quả dọi.”

“Con có đồng thời tiến hành được cả hai phép đo không?”

“Không, thưa thầy Jakov.”

“Sai số giữa hai lần đo bóng ấy là bao nhiêu?”

“Một độ mỗi bốn phút, vì trái đất quay. Nó được gọi là Tầng Đá Hành Hình. Chị vú gọi nó là *Rabenstein*. Chị ấy bị cấm, không được phép cho con ngồi lên đó.”

“Thầy hiểu rồi,” thầy Jakov nói. “Nó đổ bóng dài hơn thầy tưởng.”

* * *

Họ vừa đi vừa trò chuyện và Hannibal, vẫn đang nện bước bên cạnh người gia sư, quan sát cách anh ta điều chỉnh tư thế để nói chuyện với một người thấp hơn mình nhiều. Đôi lúc, thầy Jakov lại quay đầu sang bên nói vào không khí phía bên trên Hannibal, như thể đã quên bém mắt anh ta đang trò chuyện cùng một đứa trẻ. Hannibal băn khoăn không biết liệu anh ta có nhớ nhung cái cảm giác được đi dạo và trò chuyện với một người có cùng độ tuổi.

Hannibal thích thú nhận thấy thầy Jakov chung sống một cách thuận hòa với anh đầy tớ Lothar và người coi chuồng ngựa Berndt. Họ đều là người

thành thật và tương đối khôn ngoan, giỏi việc. Nhưng trình độ trí tuệ của họ khác hẳn nhau. Hannibal nhận thấy thầy Jakov không cố gắng tìm cách che giấu hay khoe khoang trí tuệ của mình, anh ta cũng không bao giờ dùng nó để tấn công trực tiếp bất kỳ người nào. Những khi rảnh rỗi, anh ta dạy họ cách đo đạc bằng một cái thước đo góc tự chế. Thầy Jakov ăn cùng Cook và khiến cả gia đình ngạc nhiên vì đã học hỏi được từ gã đầu bếp kha khá vốn tiếng Do Thái cổ.

Các bộ phận của một cái máy lăng đá cổ từng được Hannibal Tàn Nhẫn sử dụng để chống lại các Hiệp sĩ Giéc mạnh được cất trong một chuồng ngựa của lâu đài và nhân dịp sinh nhật Hannibal, thầy Jakov, Lothar cùng Berndt đã lắp ráp lại cái máy lăng đá, lấy một thanh gỗ mới chắc chắn để thay thế cho cái cũ. Dùng cái máy lăng đá này, họ đã bắn một thùng nước bay lên cao quá nóc lâu đài và nó rơi xuống bờ hào phía xa, nước bắn tóe ra nổ bùm một tiếng rất to, xua đàn chim lội nước bay vụt đi mất.

Cũng trong tuần đó, Hannibal đã nảy sinh niềm ham thích độc nhất cực kỳ mãnh liệt của thời thơ ấu. Để mừng sinh nhật Hannibal, thầy Jakov đã dùng một phương pháp phi toán học để chứng minh định lý Pythagor, bằng cách dựa vào các quân cờ domino và bóng chúng đổ trên lớp cát. Hannibal nhìn những quân cờ, đi vòng quanh chúng. Thầy Jakov nhấc một quân cờ lên và nhướng mày, hỏi Hannibal có muốn xem lại phép chứng minh này không. Và Hannibal đã hiểu thấu được nó. Hannibal hiểu thấu được nó một cách đột ngột như thể vừa bị bắn ra từ cái máy lăng đá.

Thầy Jakov hiếm khi mang theo sách giáo khoa tới các cuộc thảo luận của hai thầy trò và cũng hầu như chẳng bao giờ phải tham khảo cuốn sách nào. Hồi tám tuổi, Hannibal hỏi thầy lý do.

“Trò có muốn nhớ được mọi thứ không?” thầy Jakov hỏi.

“Có ạ.”

“Trí nhớ tốt không phải lúc nào cũng là điềm may.”

“Con muốn nhớ mọi thứ.”

“Vậy thì trò sẽ phải xây dựng một tòa lâu đài tinh thần, để lưu trữ mọi thứ. Một tòa lâu đài trong tâm trí trò.”

“Nhất định phải là một lâu đài ạ?”

“Nó sẽ không ngừng mở rộng, cho đến khi trở nên đồ sộ như một lâu đài,” thầy Jakov nói. “Vậy nên có lẽ nên xây dựng nó sao cho thật đẹp. Trong các căn phòng mà trò biết, phòng nào trò thấy đẹp nhất, một nơi nào đó trò hiểu rất rõ ấy?”

“Phòng của mẹ con,” Hannibal đáp.

“Vậy chúng ta sẽ bắt đầu từ đó nhé,” thầy Jakov nói. Hannibal và thầy Jakov đã hai lần quan sát vầng mặt trời mùa xuân rọi vào cửa sổ phòng ông Elgar, nhưng đến năm thứ ba, vào thời điểm đó thì họ đang phải trốn trong rừng.

5

Mùa đông, 1944-45

KHI ĐỨC DẪN THẤT BẠI ở mặt trận phía Đông, quân đội Liên Xô như một dòng nham thạch cuồn cuộn chảy qua khắp Đông Âu, để lại sau lưng những quang cảnh mịt mù khói và tro, nhan nhản người đói người chết.

Quân Nga từ phía Đông và phía Nam tiến đến, hướng về phía biển Baltic từ các Mặt trận Belorussia số 2 và số 3, còn phía trước họ, những đơn vị Waffen-SS tan tác đang trên đường rút quân, mong mỏi đến mức tuyệt vọng rằng có thể đến được vùng bờ biển, để từ đó may ra có thể lên thuyền sơ tán tới Đan Mạch.

Sự kiện này đã đặt dấu chấm hết cho những tham vọng của đám Hiwi. Dấu đã cứa cung tận tụy giết chóc và cướp bóc thay cho những chủ nhân Đức Quốc xã, đã bắn chết nhiều người Do Thái và Gypsy, tất cả họ đều không một ai được gia nhập vào hàng ngũ SS. Họ được gọi là Osttruppen* và gần như chẳng bao giờ được xem là quân nhân. Hàng nghìn Osttruppen đã bị nhét vào những tiểu đoàn lao công khổ sai và quần quật làm việc cho đến tàn hơi.

Nhưng một vài người đã đào tẩu và tự mình dẫn thân vào con đường kinh doanh...

* * *

Một ngôi nhà Litva xinh đẹp tọa lạc gần biên giới Ba Lan trông chẳng khác gì ngôi nhà búp bê hở hoác một bên vách, vì bức tường đã bị đại pháo thổi bay. Người trong nhà, bị loạt pháo đầu tiên xới tung lên khỏi tầng hầm và bị loạt pháo thứ hai đoạt mạng, nằm phơi xác giữa căn bếp ở tầng trệt. Xác lính, cả Đức lẫn Nga, nằm trong vườn. Một chiếc ô tô chuyên dụng của sĩ quan Đức nằm lật nghiêng, đã bị đạn pháo xé làm đôi.

Một thiếu tá SS đang nửa nằm nửa ngồi trên chiếc đi văng đặt trước lò sưởi phòng khách, máu đã đông kết lại trên hai ống quần. Tay trung sĩ cấp

dưới cửa hăn lòi một cái chần ra khỏi giường để phủ lên người cho hăn và định nhóm lửa, nhưng căn phòng đang thông thoáng phơi mình ra. Tay trung sĩ cời bột cho viên thiếu tá, nhận thấy các ngón chân hăn đã bầm đen lại. Tay trung sĩ nghe thấy tiếng động bên ngoài nhà. Gã tháo dây đeo khẩu súng cacbin, tiến tới chỗ cửa sổ.

Một chiếc xe cứu thương bán xích, một chiếc ZiS-44 sản xuất tại Nga nhưng mang dấu hiệu của Hội Chữ Thập Đỏ Quốc Tế, đang âm ỉ lăn bánh lên con đường rải sỏi.

Grutas là người đầu tiên ra khỏi xe, mang theo một mảnh vải trắng.

“Chúng tôi là người Thụy Sĩ. Các anh có bị thương không? Các anh có bao nhiêu người?”

Tay trung sĩ ngoái đầu nhìn ra phía sau. “Lính cứu thương, thưa thiếu tá. Ngài có đi với họ không ạ?” Viên thiếu tá gật đầu. Grutas và Dortlich, cao hơn y một cái đầu, lòi cẳng ra khỏi chiếc xe bán xích.

Tay trung sĩ bước ra ngoài để nói chuyện với họ. “Nhẹ chân nhẹ tay một chút nhé, ngài ấy bị thương ở chân. Ngón chân của ngài ấy lạnh cóng rồi. Có lẽ hoại tử vì lạnh. Các anh có bệnh viện dã chiến chứ?”

“Có chứ, tất nhiên, nhưng tôi có thể phẫu thuật ở ngay đây được,” Grutas nói với tay trung sĩ và bắn hai phát vào ngực gã, bụi bay lên từ bộ quân phục. Gã đàn ông khụy chân xuống và Grutas bước qua người gã, băng qua ngưỡng cửa, bắn xuyên qua chặn vào viên thiếu tá.

Milko, Kolnas và Grentz leo ra khỏi thùng chiếc xe bán xích. Chúng mặc tạp nham các loại đồng phục - cảnh sát Litva, lính cứu thương Litva, quân y Estonia, Hội Chữ Thập Đỏ Quốc Tế - nhưng tên nào cũng đeo băng tay mang phù hiệu y tế to tướng.

Muốn lột đồ của xác chết thì phải khom khom cúi cúi; mấy tên cướp cầu nhàu chửi thề vì phải cố công gắng sức, vứt tung tóe các thể loại giấy tờ và ảnh kẹp trong ví. Viên thiếu tá vẫn sống, hăn giơ tay lên với về phía Milko. Milko tước cái đồng hồ của tay thương binh, nhét vào túi quần.

Grutas và Dortlich bê một cuộn thảm thêu ra khỏi nhà, ném vào trong thùng xe bán xích.

Chúng đặt cái cáng vải bạt lên trên mặt đất, ném hết lên đó đồng hồ, kính gọng vàng, nhẫn.

Một chiếc xe tăng từ trong rừng tiến ra, một chiếc T-34 của Nga được phủ lớp ngụy trang mùa đông, nòng pháo lia khắp cánh đồng, pháo thủ đang đứng trong cửa nắp tháp pháo.

Một gã đàn ông đang trốn trong chuồng bò phía sau tòa nhà nông trại vùng dẫy khỏi chỗ nắp và chạy băng ngang cánh đồng tiến về phía hàng cây, ôm trong lòng một cái đồng hồ để bàn bằng đồng giả vàng, nhảy qua các xác chết.

Khẩu súng máy trên xe tăng tạch tạch nhả đạn và tên hôi của đang trên đường chạy trốn bắn người về phía trước, ngã nhào xuống nằm bên cạnh cái đồng hồ, mặt gã nát bét và mặt cái đồng hồ cũng nát bét; trái tim gã và cái đồng hồ đồng thời đập thêm một nhịp rồi tắt ngấm.

“Tóm lấy một cái xác đi!” Grutas hô.

Chúng ném một cái xác lên cáng, chồm lên trên đồng hồ vừa cướp được. Tháp pháo xe tăng xoay về phía chúng. Grutas vẫy vẫy lá cờ trắng và chỉ tay về phía phù hiệu y tế trên thân xe. Cỗ xe tăng bỏ qua chúng mà đi tiếp.

Ánh mắt liếc một lượt quanh căn nhà lần cuối. Viên thiếu tá vẫn còn sống. Thấy Grutas đi qua, hấn bèn túm lấy ống quần y. Hấn vòng cả hai tay ôm chân Grutas, không cho y rời khỏi. Grutas cúi nhìn hấn, tóm lấy cái phù hiệu trên cổ áo viên thiếu tá.

“Đáng lẽ ra chúng tao phải được đeo những phù hiệu đầu lâu này,” y nói. “Chắc hấn bọn giòi sẽ làm được một cái trên mặt mày.” Y bắn vào ngực viên thiếu tá. Gã đàn ông thả tay khỏi ống quần của Grutas và nhìn vào cái cổ tay trần của mình, như thể tò mò muốn biết hấn đã chấm dứt cuộc đời lúc mấy giờ.

Chiếc xe bán xích nảy từng từng băng qua cánh đồng, xích xe nghiền lên những xác người và đến khi xe đã tiến được đến bìa rừng, tấm vải bạt ở thùng xe được nhắc lên, Grentz ném cái xác ra ngoài.

Trên cao, giữa không trung, một chiếc máy bay ném bom Stuka gào rú bám theo cỗ xe tăng Nga, đại bác khạc đạn sáng rực cả một góc trời. Dưới

sự che chở của tán lá rừng, ở yên bên trong lòng xe tăng, tổ lái tăng nghe tiếng một quả bom rơi xuống giữa rừng nổ tung, mảnh bom rung lên trên thân tăng bọc thép.

6

“THẦY CÓ BIẾT HÔM NAY LÀ NGÀY GÌ KHÔNG?” Hannibal hỏi bên bữa sáng bằng cháo suông ở ngôi nhà nghỉ giữa rừng. “Hôm nay chính là ngày mặt trời chiếu vào cửa sổ phòng ông Elgar.”

“Mấy giờ thì sự kiện này diễn ra nhỉ?” thầy Jakov hỏi, như thể không biết thật.

“Mặt trời sẽ ló ra khỏi tháp vào lúc mười giờ rưỡi,” Hannibal nói.

“Đó là chuyện của năm 1941 rồi,” thầy Jakov nói. “Trò cho rằng năm nay nó cũng xuất hiện vào cùng thời điểm đó à?”

“Vâng!”

“Nhưng thật ra một năm có hơn 365 ngày đấy.”

“Nhưng, thầy Jakov, năm nay là năm ngay sau năm nhuận. Lần gần đây nhất chúng ta xem, năm 1941 cũng là năm ngay sau năm nhuận.”

“Vậy là lịch đã tự điều chỉnh một cách hoàn hảo, hay ta cứ vừa hiệu chỉnh vừa sống thôi?”

Một cành cây gai nõ lổp bốp trong đồng lửa.

“Con nghĩ đây là hai câu hỏi không liên quan,” Hannibal nói.

Thầy Jakov lấy làm hài lòng, nhưng thầy lại đáp bằng một câu hỏi khác, “Năm 2000 có phải là năm nhuận không?”

“Không... à có, có, nó đúng là năm nhuận.”

“Nhưng nó chia hết cho một trăm*,” thầy Jakov nói.

“Nó cũng chia hết cho bốn trăm,” Hannibal đáp.

“Chính xác,” thầy Jakov nói. “Năm đó sẽ là năm đầu tiên áp dụng quy tắc Gregorius. Có lẽ, vào ngày hôm đó, trong trường hợp trò vẫn sống sót qua toàn bộ những hiệu chỉnh, trò sẽ nhớ đến cuộc trò chuyện của chúng ta. Tại chốn lạ lẫm này.” Thầy nâng cốc lên. “Chúc cho năm sau ở lâu đài Lecter.”

* * *

Lothar nghe thấy nó lần đầu tiên trong lúc đang kéo nước, tiếng động cơ xe cài số thấp đang gầm rú và tiếng cành cây gãy rãng rắc. Anh ta bỏ cái xô lại trên giếng và vội vàng đi vào trong nhà, chẳng buồn lau chân cho sạch.

Một cỗ xe tăng Xô Viết, một chiếc T-34 phủ lớp tuyết trắng mùa đông băng tuyết và rơm, sầm sầm leo lên con đường mòn, tiến vào khoảng rừng thưa. Một dòng chữ tiếng Nga được sơn trên tháp pháo: TRẢ THÙ CHO NHỮNG CÔ GÁI XÔ VIẾT CỦA CHÚNG TA VÀ QUÉT SẠCH LỬ SÂU MỘT PHÁT XÍT. Hai gã lính mặc trang phục màu trắng ngồi ở đuôi xe bên trên các bộ tản nhiệt. Tháp pháo xoay vòng, chĩa nòng đại bác trên xe tăng về phía ngôi nhà. Cửa nắp tháp pháo đã mở và một pháo thủ mặc áo có mũ trùm màu trắng như tuyết đang đứng đằng sau một khẩu súng máy. Trường xe cầm loa, đứng ở nắp tháp pháo còn lại. Gã nhắc lại thông điệp bằng tiếng Nga và tiếng Đức, gào tướng lên để át tiếng động cơ diesel ồn ào của cỗ xe tăng.

“Chúng tôi cần nước, chúng tôi sẽ không làm hại các anh cũng không cướp thức ăn của các anh, trừ khi người từ trong nhà nổ súng. Nếu chúng tôi khai hỏa, tất cả các anh sẽ chết hết. Giờ hãy bước ra ngoài nhà. Pháo thủ, khóa mục tiêu và lên đạn sẵn sàng đi. Nếu đếm đến mười mà anh còn không thấy ai lộ mặt ra thì lập tức nã đạn.” Một tiếng cạch rất to vang lên khi chốt khẩu súng máy bị kéo về phía sau.

Bá tước Lecter bước ra ngoài, đứng thẳng dưới ánh mặt trời, hai bàn tay phoir ra trước mắt đối phương. “Các anh cứ lấy nước thoải mái. Chúng tôi hoàn toàn vô hại đối với các anh.”

Trường xe đặt loa sang bên. “Mọi người ra hết ngoài nhà đi, để tôi có thể nhìn thấy các anh.”

Bá tước và trường xe nhìn nhau một hồi lâu. Trường xe giơ hai tay lên chĩa lòng bàn tay về phía trước. Bá tước cũng giơ hai tay, chĩa lòng bàn tay về phía trước.

Bá tước quay về phía ngôi nhà. “Ra đây đi.”

Khi đã nhìn rõ các thành viên trong gia đình Lecter, trường xe nói với họ, “Trẻ con có thể ở lại trong nhà cho ấm.” Rồi quay sang nói với pháo thủ và

tổ xe, “Giám sát họ. Quan sát các cửa sổ ở tầng trên. Bắt đầu bom đi. Các anh muốn hút thuốc thì hút.”

Tay pháo thủ đẩy kính bảo hộ lên và châm một điếu thuốc lá. Cậu ta vẫn chỉ là một thằng nhóc, làn da quanh vùng mắt nhợt nhạt hơn so với những vùng da khác trên khuôn mặt. Thấy Mischa đang lấp ló chỗ cánh cửa đối diện nhìn trộm ra ngoài, cậu ta mỉm cười với con bé.

Ở giữa thùng nước và thùng nhiên liệu được buộc vào chiếc xe tăng là một cái máy bơm nhỏ chạy bằng dầu khởi động bằng dây kéo.

Tay lái xe thả một ống vòi gắn lưới lọc xuống dưới giếng và sau vài nhát kéo dây, cái máy bơm bắt đầu kêu lạch xạch, rít lên và hút nước vào.

Tiếng ồn đã át mất âm thanh chiếc máy bay ném bom Stuka đang tiến lại, mãi cho tới khi chiếc máy bay gần như đã ở ngay trên đầu họ, tay pháo thủ vội xoay họng súng máy, cật lực quay tay để chĩa nòng súng lên trời và khai hỏa đúng lúc khẩu đại bác sáng nhấp nháy trên chiếc máy bay xả đạn xuống mặt đất. Cỗ xe tăng ầm ầm nhả những tràng súng liên thanh, tay pháo thủ mặc dù bị trúng đạn nhưng vẫn kiên trì bắn trả bằng cánh tay còn lành lặn.

Kính chắn gió chiếc Stuka chi chít vết rạn, kính bảo hộ của gã phi công đầm máu và chiếc máy bay, vẫn đang mang theo một quả bom, đâm sầm vào ngọn cây, cày đường trượt vào trong vườn và bình nhiên liệu phát nổ, họng đại bác dưới cánh máy bay vẫn không ngừng nhả đạn sau cú va chạm.

Hannibal nằm trên sàn nhà, đè lên Mischa che cho con bé, nhìn thấy mẹ đang nằm giữa sân, máu me bê bết, chiếc váy trên người bà đã bắt lửa.

“Ồ yên đây nhé!” thằng bé dặn Mischa rồi chạy về phía mẹ, đạn dự trữ bên trong chiếc máy bay giờ nóng quá đã phát nổ, ban đầu lẹt đẹt rồi sau dồn dập hơn, các mảnh vỡ bắn tung về phía sau, đập vào lớp tuyết, lửa liếm quanh quả bom còn sót lại bên dưới cánh máy bay. Viên phi công ngồi trong buồng lái, đã chết, mặt bị thiêu đến trơ sọ bọc giữa mũ bảo hiểm và chiếc khăn đang cháy phừng phừng, tay xạ thủ đằng sau gã cũng đã lìa đời.

Ở trong sân, chỉ mình Lothar còn sống sót, giơ cánh tay đỏ máu về phía thằng bé. Đoạn Mischa từ trong nhà lao ra sân về phía mẹ và khi con bé băng qua, Lothar cố gắng rướn mình tóm lấy nó, kéo nó nằm xuống, nhưng

loạt đạn từ chiếc máy bay đang bốc cháy đã giội thẳng vào anh ta, máu bắn tóe lên người đứa bé; Mischa giơ cao hai cánh tay ngửa đầu thét vào không trung. Hannibal đang vốc tuyết đập lửa trên quần áo mẹ vội đứng dậy chạy về phía Mischa bắt chắp những loạt đạn vung vãi, mang con bé vào trong nhà, đưa nó xuống hầm. Bên ngoài tiếng đạn ngớt dần và tắt lịm khi số đạn còn lại đều đã tan chảy bên trong nòng đại bác. Màn đêm buông xuống và tuyết lại bắt đầu rơi, rít xèo xèo trên lớp kim loại nóng bỏng.

Bóng tối và tuyết lại bao phủ. Hannibal ở giữa đám xác, không ý thức được đã bao nhiêu thời gian trôi qua kể từ sau sự kiện kia, tuyết đang lất phất rơi xuống, lấm tẩm bám lên mi mắt và mái tóc mẹ nó. Xác của bà là thi thể duy nhất không bị đen sì và khô giòn. Hannibal ráng sức lôi bà đi, nhưng xác bà đã dính cứng vào mặt đất. Thằng bé áp mặt lên mặt mẹ. Ngực bà đã cứng đờ, lạnh toát, tim bà đã ngưng đập. Thằng bé phủ một cái khăn ăn che mặt cho bà và đắp tuyết phủ kín người bà. Những hình thù tối đen đang chuyển động nơi bìa rừng. Cây đèn pin của thằng bé rơi vào những đôi mắt sói. Thằng bé hét to với lũ sói, vung vãi cái xẻng. Mischa đã kiên quyết ra ngoài tìm đến chỗ mẹ - thằng bé buộc phải lựa chọn. Nó đưa Mischa vào trong nhà, để lại người chết cho đêm tối. Cuốn sách của thầy Jakov vẫn nằm nguyên vẹn bên cạnh bàn tay đen sì của anh ta, cho tới khi một con sói ăn mất cái bìa da và rời, giữa những trang *Luận về ánh sáng* của Huyghens vương vãi, nó liếm sạch những mảnh óc văng ra trên tuyết của thầy.

Hannibal và Mischa lắng nghe tiếng khụt khịt và tiếng gầm gào bên ngoài ngôi nhà. Hannibal đốt lửa lên. Để át đi âm thanh ngoài trời, thằng bé cố gắng dụ Mischa hát; nó hát cho em gái nghe. Con bé siết hai bàn tay túm chặt cái áo choàng của thằng anh.

“*Gã nhỏ bé...*”

Những bông tuyết đáp lên khung cửa sổ. Trên một góc ô kính, một vòng tròn tối đen hiện ra, được vẽ nên bởi một đầu ngón tay đeo găng. Giữa vòng tròn tối đó là một con mắt màu xanh nhạt.

CỬA BẬT MỞ VÀ GRUTAS BƯỚC VÀO, cùng với Milko và Dortlich. Hannibal chộp lấy cái giáo săn lợn rừng gác trên tường và Grutas, bằng trực giác chuẩn xác của mình, xoay mũi súng chĩa vào đứa bé gái.

“Bỏ nó xuống nếu không tao bắn con bé đấy. Hiểu tao nói gì không?”

Rồi sau đó, đám hôi của vây quanh Hannibal và Mischa.

Ba gã hôi của ở trong nhà, còn Grentz ở bên ngoài vẫy tay gọi chiếc xe bán xích tiến đến, chiếc xe gườm gườm, những bóng đèn thiếu điện của nó rọi vào những đôi mắt sói bên rìa bãi đất trống, một con sói đang lôi theo gì đó.

Mấy gã đàn ông xúm lại bên đồng lửa, vây quanh hai anh em Hannibal; ngọn lửa tỏa hơi ấm, hong quần áo của mấy gã hôi của, làm bốc lên mùi hôi ngai ngái của nhiều tuần sống ngoài đồng và máu lâu ngày đóng kết dưới đế ủng, chúng ngồi túm tụm lại với nhau. Pot Watcher bắt được một con bọ trên quần áo và ấn móng tay cái bấm nát bét đầu nó.

Chúng ho khù khụ về phía bọn trẻ. Hơi thở của loài dã thú - bốc mùi hôi hám do thịt thà ăn vào đa phần đều đã thối rữa, đôi khi còn được cạo ra từ bánh xích của xe - khiến Mischa phải vùi mặt vào trong cái áo khoác của Hannibal. Thằng bé mở áo khoác ra bao lấy con bé, cảm nhận được nhịp tim của đứa em gái đang đập dồn dập. Dortlich cầm bát cháo của Mischa lên và một mình tọng hết, đến cuối còn lấy những ngón tay gân guốc hằn sẹo vét cái bát sạch sành sanh. Kolnas chìa bát ra, nhưng Dortlich chẳng thí cho gã tí gì.

Kolnas vóc người chắc nịch và hai mắt sáng quắc lên khi nhìn thấy kim loại quý. Gã lột cái vòng của Mischa ra khỏi cổ tay con bé, nhét vào trong túi quần. Hannibal chộp lấy tay gã nhưng Grentz đã bấu vào một bên cổ thằng bé, làm cả cánh tay của nó tê dại.

Tiếng đại bác đì đùng xa xa.

Grutas nói, “Nếu có đội tuần tra nào xuất hiện - bất kể thuộc phe nào - chúng ta cũng sẽ dàn cảnh biến chỗ này thành một bệnh viện dã chiến. Chúng ta đã cứu những đứa trẻ này và đang bảo vệ tài sản của gia đình này bằng cách cất hộ lên xe. Ra xe lấy cái phù hiệu Chữ Thập Đỏ vào treo lên cửa nhà đi. Làm ngay đi.”

“Mày mà bỏ lại hai đứa kia trong xe thì chúng sẽ chết cóng mất,” Pot Watcher nói. “Chúng đã giúp chúng ta qua mặt bọn lính tuần tra, có lẽ lần sau chúng vẫn còn hữu ích.”

“Tổng chúng vào gian nhà phụ ấy,” Grutas nói. “Nhốt chúng lại.”

“Bọn chúng thì biết đi đâu?” Grentz hỏi. “Bọn chúng thì biết mách ai?”

“Chúng có thể mách với mày về cuộc đời khốn khổ chó má của chúng, bằng tiếng Albania, Grentz ạ. Nhắc ông lên đi ra đó làm theo lời tao đi.”

Giữa màn tuyết vẫn vũ, Grentz xách hai thân hình nhỏ bé ra khỏi chiếc xe và thúc chúng đi về phía gian nhà phụ bên chuồng ngựa.

GRUTAS TRÔNG SỢI XÍCH MẢNH CỦA Y quanh cổ hai đứa trẻ, kim loại áp vào da chúng lạnh ngắt. Kolnas bập cái ổ khóa nặng trịch lại. Grutas và Dortlich xích Hannibal và Mischa vào lan can đầu cầu thang, để không vướng đường nhưng vẫn ở trong tầm nhìn. Gã đàn ông tên Pot Watcher đưa cho chúng một cái bô và chặn lấy từ một phòng ngủ.

Qua các thanh chắn lan can, Hannibal dõi mắt nhìn mấy gã đàn ông ném cái ghế piano vào trong đồng lửa. Thằng bé luồn cổ áo Mischa vào phía trong sợi xích để sợi xích khỏi chạm trực tiếp vào da con bé.

Tuyết phủ thành lớp dày quanh ngôi nhà, chỉ có mấy ô cửa sổ trên cao là còn chỗ trống để cho ánh sáng nhợt nhạt lọt qua. Giữa màn tuyết đang quất vun vút ngang qua bên ngoài cửa sổ và tiếng gió rít gào, ngôi nhà chẳng khác gì một con tàu khổng lồ đang di chuyển. Hannibal quán chặn và tấm thảm trải ở chiếu nghỉ cầu thang bọc quanh người hai anh em. Tiếng ho của Mischa bị bít lại nghèn nghẹt. Trán con bé áp vào má Hannibal, nóng hằm hập. Thằng bé lấy từ bên dưới áo khoác ra một mẫu bánh mì lâu ngày đã răn danh và nhét vào trong miệng. Khi miếng bánh đã mềm ra, thằng bé bèn đút cho đứa em gái.

Cứ cách vài tiếng đồng hồ, Grutas lại sai một tên đồng bọn đi ra ngoài dọn tuyết trên ngưỡng cửa, để lúc nào cũng có đường quang từ nhà ra giếng. Có một lần, Pot Watcher mang đến chuồng ngựa một chảo đựng thức ăn đầu thừa đuôi thẹo.

Tuyết rơi bít nghẽn đường đi lối lại và thời gian lê lét trôi qua. Thoạt đầu không có thức ăn, rồi sau đó cũng kiếm được thức ăn, Kolnas và Milko bèn mang cái chậu tắm của Mischa ra đặt lên bếp lò, đập một tấm ván lên trên làm vung, phần ván chõm ra bên ngoài cái bồn cháy sém lại và Pot Watcher ném sách cùng đồng tô đựng salad bằng gỗ vào trong lò để giữ cho lửa cháy đượm. Vẫn để mắt trông chừng cái bếp lò, Pot Watcher bắt đầu cập nhật số

ghi chép và tình hình tài chính. Gã chất lên bàn các món đồ nhỏ vợ vét được, vun thành đống để phân loại và kiểm đếm. Bàn tay khăng khiu của gã viết tên từng người lên những dòng đầu tiên trên một tờ giấy:

Vladis Grutas

Zigmas Milko

Bronys Grentz

Enrikas Dortlich

Petras Kolnas

Và cuối cùng, gã viết tên chính mình, *Kazys Porvik*.

Dưới mỗi cái tên, gã liệt kê danh sách chiến lợi phẩm của từng người trong cuộc vợ vét - gong kính vàng, đồng hồ, nhẫn và hoa tai, răng vàng, được gã cân đo ước lượng trong một cái cốc bạc trộm được.

Grutas và Grentz sục sạo khắp nhà, không bỏ qua bất kỳ góc ngách nào, giật tung các ngăn kéo tủ, phá bung hết các lưng tủ ngăn kéo.

Sau năm ngày, thời tiết đã quang đãng. Đám hôi của xỏ giày đi tuyết và dẫn Hannibal cùng Mischa tới chuồng ngựa. Hannibal nhìn thấy một dải khói mỏng bay lên từ gian nhà phụ. Thằng bé nhìn cái móng ngựa to tướng của Cesar được đóng trên cửa ra vào để cầu may, bắn khoả không biết liệu con ngựa có còn sống hay không. Grutas và Dortlich đẩy hai đứa trẻ vào trong chuồng ngựa rồi khóa cửa. Qua khe hở giữa hai cánh cửa, Hannibal quan sát đám hôi của tản ra tiến vào trong rừng. Bên trong chuồng ngựa lạnh căm căm. Mấy món trang phục trẻ em nhét lẫn trong rơm. Cánh cửa dẫn vào gian nhà phụ đang đóng nhưng không khóa. Hannibal đẩy cửa mở. Một thằng nhóc, cùng lắm mới chỉ tám tuổi, đang ngồi sát hết cỡ vào cái lò sưởi nhỏ, quần quanh người tất tật số chẵn gom được từ giường. Vùng da quanh đôi mắt trũng sâu của nó bầm đen. Thằng nhóc tròng lên người đủ loại quần áo, lớp này phủ lên lớp kia, thậm chí còn có cả đồ con gái. Hannibal đẩy Mischa đứng ra sau lưng nó. Thằng nhóc co rúm người lại, lùi xa tránh Hannibal.

Hannibal lên tiếng, “Chào cậu.” Nó nói bằng tiếng Litva, tiếng Đức, tiếng Anh và tiếng Ba Lan. Thằng nhóc kia không đáp. Những vết cước sưng

phòng đồ tể nổi trên tai và ngón tay nó. Trầy trật suốt cả một ngày lạnh lẽo dài dằng dặc, thằng nhóc mới xoay sở tìm được cách truyền đạt rằng nó là người Albania và chỉ biết nói thứ tiếng đó. Nó nói tên nó là Agon. Hannibal để kệ cho Agon lần sờ các túi quần túi áo mình để tìm thức ăn, nhưng không cho phép chạm vào Mischa. Khi Hannibal ra dấu rằng nó và đứa em gái muốn được nhường cho một nửa số chăn, Agon không phản đối. Hễ nghe thấy bất kỳ tiếng động nào, thằng nhóc người Albania lại giật bản mình, mắt đảo đảo nhìn về phía cửa, tay vung vẩy chém chém vào không khí.

Đám hôi của quay trở về ngay trước lúc mặt trời lặn. Nghe tiếng bọn chúng bên ngoài, Hannibal bèn tới nhòm qua khe hở giữa hai bên cánh cửa chuồng ngựa.

Chúng đang dẫn theo một con nai con trông như chết đói đến nơi, nhưng lúc này vẫn đang sống và bước đi lập cập, một tấm rèm sò vờ vệt được từ căn nhà nào đó tròn quanh cổ con vật, một mũi tên cắm vào bên sườn nó. Milko xách cái rìu lên.

“Đừng lãng phí tiết đấy,” Pot Watcher nói với khẩu khí đầy uy quyền của người đầu bếp.

Kolnas mang bát chạy tới, mắt sáng rực. Một tiếng kêu từ sân vọng tới và Hannibal phủ tay che hai tai Mischa để con bé không nghe thấy tiếng rìu. Thằng nhóc người Albania bật khóc và luôn miệng cảm tạ trời đất.

Gần cuối ngày hôm đó, khi những người khác đều đã ăn xong, Pot Watcher mang đến một cục xương dính chút thịt và gân cho bọn trẻ gặm. Hannibal chỉ ăn chút xíu và nhai kỹ thịt bón cho Mischa. Thấy nước thịt rớt bớt trên đường dùng tay đút cho em gái, nó bèn dùng miệng mớm cho em. Đám hôi của lại chuyển Hannibal và Mischa trở vào trong nhà, xích hai anh em vào lan can ban công, để một mình thằng bé người Albania ở trong chuồng ngựa. Mischa sốt hầm hập và Hannibal quấn chặt em gái trong tấm thảm ấm mùi ẩm mốc.

Toàn bộ nhóm người đều bị cúm; mấy gã đàn ông nằm áp sát hết mức vào cạnh đồng lửa đang tàn, ho hắng vào mặt nhau, Milko tìm thấy cái lược của Kolnas và mút cả nhòn bắn dính trên lược. Sọ của con nai con đang nằm

trong cái chậu tắm khô cong, đã bị ninh cho đến tróc sạch những gì còn ăn được.

Rồi lại có thịt và đám đàn ông nhồm nhoàm ăn, không buồn nhìn nhau. Pot Watcher mang cho Hannibal và Mischa ít xương sụn và nước xuýt. Gã không mang gì tới chuồng ngựa.

Thời tiết mãi vẫn không có gì thay đổi, trời sầm sì xám xịt, chẳng còn nghe thấy tiếng gì trong rừng ngoại trừ tiếng răng rắc của cành cây trĩu băng nứt gãy.

Thức ăn đã cạn kiệt nhiều ngày trước khi trời quang trở lại. Vào quầng giữa buổi chiều sáng sủa khi gió đã lặng, tiếng ho dường như nghe lớn hơn. Grutas và Milko, chân xỏ giày đi tuyết, loạng choạng bước ra ngoài trời.

Tỉnh dậy sau một giấc mơ dài trong cơn sốt mê man, Hannibal nghe tiếng chúng quay trở vào. Tiếng ả đả và tiếng cãi cọ âm ỉ. Qua các thanh chắn lan can, thằng bé nhìn thấy Grutas đang liếm một bộ da chim bê bết máu, sau đó y ném nó cho mấy tên còn lại và bọn chúng châu đầu vào bộ da như đàn chó. Mặt Grutas nhoe nhoét máu và lông chim. Y ngược bộ mặt vấy máu lên nhìn hai đứa trẻ, nói, “Bọn tao mà không ăn thì sẽ đi đời nhà ma.”

Đó là ký ức tình tảo cuối cùng Hannibal còn lưu giữ được về căn nhà nghỉ trong rừng.

* * *

Do nước Nga không có đủ cao su, chiếc xe tăng phải chạy trên những bánh xe bằng thép, truyền một cơn chấn động tê dại xuyên qua lớp vỏ xe và làm nhòa quang cảnh qua ống kính tiềm vọng. Chiếc KV-1 đồ sộ ì ạch lăn bánh dọc theo con đường rừng giữa tiết trời lạnh giá căm căm; theo đà rút lui của quân Đức, mỗi ngày, mặt trận lại mở rộng thêm nhiều dặm về phía Tây. Hai lính bộ binh mặc quần áo ngụy trang mùa đông đang ngồi trên đuôi xe tăng, lom khom phía trên bộ tản nhiệt, chờ đợi sự xuất hiện của gã Người Sói Đức kỳ dị, một kẻ cuồng tín được quân Đức cài lại phía sau, mang theo một khẩu Panzerfaust, nhằm nhe phá hủy bất cứ cỗ xe tăng nào*. Họ nhìn thấy dấu hiệu chuyển động bên trong bụi cây. Tay trưởng xe tăng nghe tiếng đám lính trên nóc xe vừa khai hỏa, bèn cho cỗ xe tăng quay về phía mục

tiêu, để khẩu súng máy đồng trục cũng xoay về hướng đó. Ống kính phóng đại của y nhắm thẳng vào một thằng bé, một đứa trẻ đang từ bụi cây bước ra, đạn từ những khẩu súng của mấy người lính trên cỗ xe tăng đang di chuyển chiu chiu găm vào lớp tuyết bên cạnh thằng bé. Tay trưởng xe đứng dậy bên trong cửa nắp tháp pháo, ra lệnh ngừng bắn. Họ đã giết nhầm vài đứa trẻ, một chuyện khó mà tránh khỏi, và khá sẵn lòng tha mạng cho thằng bé này.

Mấy người lính nhìn thấy một đứa trẻ, xanh xao gầy nhẳng, cổ tròng một sợi xích khóa, đầu sợi xích kéo theo một cái thòng lọng trống trơn. Khi mấy người lính đặt thằng bé ngồi xuống cạnh bộ tản nhiệt rồi cắt sợi xích ra, sợi xích còn lột theo một ít da của nó. Thằng bé ôm siết trong lòng một cái túi, đựng một cái ống nhòm còn tốt. Họ lắc lắc thằng bé, hỏi han nó bằng tiếng Nga, tiếng Ba Lan và thứ tiếng Litva bập bõm, mãi cho tới khi họ nhận ra thằng bé không nói được.

Đám lính ngỡ ngàng ngừng không dám tước cái ống nhòm khỏi tay thằng bé. Họ cho nó nửa quả táo và để nó ngồi đằng sau tháp pháo, giữa không khí ẩm áp tỏa ra từ bộ tản nhiệt, cho tới khi họ đến một ngôi làng.

9

MỘT ĐƠN VỊ CƠ GIỚI XÔ VIẾT mang theo xe diệt tăng và súng đại bác hạng nặng đã đóng quân qua đêm tại lâu đài Lecter bỏ hoang. Họ rời đi trước lúc bình minh, để lại những vết dầu đen đọng trên những chỗ tuyết tan trong sân. Một chiếc xe tải hạng nhẹ vẫn ở yên tại lối vào lâu đài, động cơ chạy không.

Grutas và bốn tên đồng bọn còn sống sót, tất cả đều mặc đồng phục nhân viên y tế, quan sát từ trong rừng. Đã bốn năm trôi qua kể từ cái ngày Grutas bắn gã đầu bếp trong sân lâu đài và đã mười bốn tiếng đồng hồ kể từ khi đám hôi của chạy khỏi căn nhà nghỉ đang bốc cháy, bỏ lại đằng sau tên đồng bọn đã chết.

Tiếng bom ụnh ụnh từ xa vọng lại và đạn phòng không vạch lên bầu trời những đường vòng cung.

Tay lính ở lại cuối cùng đi giật lùi từ cửa ra, dờ dãn cuộn dây dẫn kíp nổ.

“Mẹ kiếp,” Milko nói. “Chuẩn bị có một trận mưa, những tảng đá to như toa tàu rồi.”

“Dù sao đi nữa chúng ta cũng sẽ vào trong đó,” Grutas nói. Tay lính dờ cuộn dây dẫn xuống đến chân bậc thềm, cắt dây và ngồi xồm xuống.

“Đằng nào mà cái đồng rác ấy chẳng đã bị vét sạch rồi” Grentz nói. “*C’est foutu.*”*

“*Tu débandes?*”* Dortlich hỏi.

“*Va te faire enculer,*”* Grentz nói. Bọn chúng đã bập bõm học tiếng Pháp khi sư đoàn Totenkopf chinh đốn lại đội ngũ gần Marseilles và cả đám thích chửi nhau bằng tiếng Pháp vào những lúc căng thẳng trước mỗi khi hành động. Mấy câu chửi bới tục tĩu nhắc chúng nhớ đến những quãng thời gian vui vẻ ở Pháp.

Tay lính Xô Viết ở trên bậc thềm tõe đầu sợi dây cháy chậm ra một đoạn chừng mười phân rồi nhét một que diêm vào giữa chỗ tõe ra đó.

“Dây cháy chậm màu gì vậy?” Milko hỏi.

Grutas có ống nhòm. “Tối lắm, tao chẳng nhìn ra được.”

Từ trong rừng nhìn ra, chúng có thể thấy ánh lửa ở que diêm thứ hai lập lòe chiếu lên khuôn mặt tay lính khi anh ta đốt sợi dây cháy chậm.

“Màu cam hay xanh lục thế nhỉ?” Milko hỏi. “Có sọc đúng không?”

Grutas không trả lời. Tay lính tiến tới chỗ chiếc xe, bước đi thong thả, cười phá lên khi đồng đội của anh ta trên xe la hét giục anh ta nhanh chân lên, sợi dây cháy chậm tóe lửa trên nền tuyết phía sau lưng.

Milko âm thầm nhắm đếm.

Ngay khi chiếc xe khuất khỏi tầm nhìn, Grutas và Milko chạy tới chỗ sợi dây cháy chậm. Tới lúc hai gã chạy được đến chỗ sợi dây thì lửa đã bén đến đoạn trên ngưỡng cửa. Mãi khi đến sát rồi chúng mới luận ra được các đường sọc trên sợi dây là gì. *Tốc độ cháy haiphút một mét haiphút một mét haiphút một mét.* Grutas vung dao chém đứt đôi sợi dây.

Milko lầm bầm “*mẹ cái trang trại này chứ*” và phi lên thêm xông vào trong lâu đài, chạy đuổi theo sợi dây cháy chậm, ngó chỗ này, nhìn chỗ nọ, tìm những sợi dây cháy chậm khác, những quả mìn khác. Y băng qua đại sảnh, chạy về phía tháp canh, bám theo sợi dây cháy chậm và rồi đã nhìn thấy thứ y đang tìm, sợi dây cháy chậm bện lại thành một búi dây nổ lớn. Y quay trở lại đại sảnh, hét to, “Nó có dây chủ đây này. Kia là sợi dây dẫn nổ duy nhất. Mà xử lý được nó rồi.” Những quả mìn phá tường được chất xung quanh chân tháp nhằm mục đích phá hủy cái tháp canh, tất cả được đấu chung vào một cuộn dây truyền nổ duy nhất.

Quân Xô Viết đã chẳng buồn đóng cửa ra vào, ngọn lửa vẫn đang bập bùng giữa lò sưởi trong đại sảnh. Những hình vẽ graffiti rạch chẳng chịt trên các bức tường trần trụi và mặt sàn cạnh lò sưởi vương vãi sập nền và giấy can vẽ, rơi rớt lại sau nỗ lực mang đến đôi chút hơi ấm cho lâu đài.

Milko, Grentz và Kolnas lục soát các tầng trên.

Grutas ra dấu bảo Dortlich đi theo và leo xuống cầu thang dẫn tới hầm. Tấm lưới ộp trên cánh cửa hầm rượu đã bung ra, khóa đã bị phá.

Grutas và Dortlich dùng chung một cây đèn pin. Ánh đèn vàng lấp lánh trên những mảnh thủy tinh vỡ. Hầm rượu vung vãi những vỏ chai rượu nho hảo hạng, cổ chai đã bị đập vỡ bởi những tay bợm rượu hấp tấp. Bàn thờ rượu đã bị những tên hôi của hất đổ trong cơn tranh cãi, giờ đang chổng chơ tựa vào bức tường cuối gian hầm.

“Chó má thật,” Dortlich nói. “Chẳng còn sót lại ngọm nào.”

“Giúp tao một tay với,” Grutas nói. Chúng hợp lực đẩy cái bàn ra khỏi tường, thủy tinh lạo xạo dưới chân. Chúng tìm thấy một cây nến để gạn cặn* đặt đằng sau cái bàn, bèn thắp nến lên.

“Nào, kéo cái chúc đèn đi,” Grutas nói với Dortlich, vốn cao hơn y. “Cứ giật một cái thôi, kéo thẳng xuống.”

Giá đựng rượu lắc lư trượt ra khỏi bức tường.

Nhìn thấy giá rượu di chuyển, Dortlich vội với tay tìm khẩu súng lục.

Grutas tiến vào gian hầm đằng sau hầm rượu. Dortlich bám theo y.

“Ôi Chúa ôi!” Dortlich thốt lên.

“Đi lấy xe đi,” Grutas ra lệnh.

Lítva, 1946

Hannibal Lecter, mười ba tuổi, đứng một mình trên đồng vụn gạch đá bên dưới bờ hào tại lâu đài Lecter xưa, ném vụn bánh mì vào giữa dòng nước đen. Khu vườn rau - bờ giậu bao quanh mọc um tùm - giờ là Vườn rau Tập thể Trại Mồ côi, chủ yếu dùng để trồng củ cải. Con hào và dòng nước này có ý nghĩa lớn lao với thằng bé. Con hào vẫn không có gì thay đổi; mặt nước đen phản chiếu những đám mây đang lao vùn vụt qua những tháp canh trở lổ châu mai của lâu đài Lecter, y như bấy lâu nay vẫn thế.

Lúc này, bên ngoài bộ đồng phục trại mồ côi, Hannibal phải trông thêm cái áo sơ mi ghi hình phạt, sơn chữ CẤM CHƠI. Mặc dù bị cấm tham gia trận bóng đá của đám trẻ mồ côi diễn ra trên đồng cỏ bên ngoài dãy tường bao lâu đài, thằng bé cũng không lấy gì làm quẫn bách. Trận bóng đá bị ngừng lại giữa chừng khi con ngựa kéo xe Cesar cùng tay xà ích người Nga băng ngang qua bãi cỏ, kéo theo cỗ xe chất đầy củi. Cesar mừng hóm mỗi khi Hannibal có thể thu xếp ghé qua chuồng ngựa thăm nó, nhưng củ cải thì nó không mê.

Hannibal dõi nhìn đàn thiên nga bơi ngang qua con hào, hai con thiên nga đen đã sống sót qua cuộc chiến tranh. Hai thiên nga con bám theo chúng, vẫn đang còn lông tơ, một con cưỡi trên lưng thiên nga mẹ, một con bơi phía sau. Ba thằng nhóc lớn tuổi hơn đang ở phía trên bờ kè, vạch bờ giậu ra để quan sát Hannibal và bầy thiên nga.

Con thiên nga đực leo lên bờ, định đến thách thức Hannibal.

Thằng nhóc tóc vàng tên Fedor thì thầm với hai đứa kia. “Xem con chim đen khốn kiếp kia đập thẳng dần nhé - nó sẽ tấn cho thằng kia phọt cứt cho xem, y như nó tấn bọn mày lúc bọn mày định cướp trứng ấy. Để xem thằng dần kia có biết khóc không.” Hannibal giơ cành liễu lên và con thiên nga quay trở lại dòng nước.

Thất vọng, Fedor lôi từ trong áo ra một ná cao su làm từ sảm xe màu đỏ và xọc tay vào túi moi ra một viên đá. Viên đá đập vào lớp bùn bên mép hào, làm bùn bắn tóe lên căng chân Hannibal. Hannibal thờ ơ nhìn Fedor và lắc đầu. Viên đá tiếp theo Fedor bắn ra rơi bồm vào trong nước, ngay cạnh con thiên nga con đang bơi và Hannibal bèn giơ cành cây, rít lên, xua mấy con thiên nga bơi tránh khỏi tầm bắn của chiếc ná.

Tiếng chuông vang lên trong lâu đài.

Fedor và đồng bọn quay người đi, cười phá lên vì trò đùa vừa rồi, còn Hannibal bước ra khỏi bờ gậu, vung tay ném một búi cỏ dính nguyên cả một cục đất to ở rễ. Cục đất đập mạnh vào mặt Fedor và Hannibal, thấp hơn thẳng kia một cái đầu, lao tới xô đối thủ ngã xuống bờ kè dốc dẫn tới mặt nước, bò đuối theo thẳng nhóc đang choáng váng và chìm nó xuống dòng nước đen, ghìm giữ nó ở dưới mặt nước, liên tay nện cán chiếc ná cao su vào gáy Fedor; khuôn mặt Hannibal vô cảm đến kỳ lạ, chỉ có đôi mắt nó là còn sinh động, rìa tầm nhìn đỏ rực. Hannibal hí hục xoay Fedor lại để đánh vào mặt thẳng nhóc. Hai thẳng đồng bọn của Fedor bò xuống, không muốn đánh nhau trong nước, gào tướng lên gọi giám thị đến hỗ trợ. Chửi rủa ầm ĩ, giám thị trưởng Petrov cùng mấy người nữa xuống bờ hào, làm bắn cả đôi bọt bóng loáng và bùn bắn lên bám dính vào cái dùi cui gã đang quật xuống.

* * *

Buổi tối, mọi người tập trung trong đại sảnh lâu đài Lecter - giờ đã bị lột bỏ hết những đồ trang trí hoa lệ và chỉ treo độc một bức chân dung khổng lồ của Joseph Stalin. Một trăm đứa trẻ mặc đồng phục, sau khi đã kết thúc bữa tối, đang đứng nghiêm bên những chiếc bàn kê bằng tấm ván mà hát “Quốc tế ca”. Hiệu trưởng trại trẻ, có phần chệnh choáng hơi men, giơ đĩa lên bắt nhịp.

Giám thị trưởng Petrov, vừa được nhậm chức, cùng gã phó, mặc quần đi ngựa chân xỏ ủng, đi đi lại lại giữa các bàn, để đảm bảo chắc chắn tất cả đều đang hát. Hannibal không hát. Một bên mặt nó tím bầm, một mắt sưng húp. Từ một bàn khác, Fedor nhìn sang không chớp mắt, mặt xước xát và cổ đeo băng. Một ngón tay thẳng nhóc bị bó nẹp.

Hai gã giám thị dừng lại trước mặt Hannibal. Hannibal úp lòng bàn tay xuống, giấu một cái nữa.

“Cao quý quá nên không muốn hát cùng bọn tao hả, cậu chủ?” giám thị trưởng Petrov nói to át tiếng hát. “Ở đây, mày không còn là cậu chủ nữa đâu, mày chỉ là một thằng mỗ côi như những đứa khác thôi và thề có Chúa, mày sẽ phải hát!”

Gã giám thị trưởng vung cái bìa kẹp hồ sơ đang cầm trong tay lên giáng mạnh vào bên mặt Hannibal. Biểu cảm của Hannibal vẫn không thay đổi. Nó cũng không hát. Một dòng máu nhỏ ứa ra từ khóe miệng nó.

“Nó bị câm mà,” giám thị phó nói. “Đánh nó thì cũng có tác dụng gì đâu.”

Bài hát kết thúc và giọng giám thị trưởng rành rọt vang lên giữa bầu không khí im lặng.

“Câm mà đến đêm nó la hét ra trò đấy nhì,” gã nói và vung bàn tay kia lên. Hannibal giơ cái nữa nó đang siết chặt trong nắm tay lên chặn cú đánh, mấy cái răng nữa đâm vào khớp đốt ngón tay gã giám thị. Gã chạy vòng qua bàn định tóm lấy thằng bé.

“Thôi đi! Đừng có đánh nó nữa. Ta không muốn để lại dấu vết trên người nó đâu.” Có lẽ ông trại trưởng đã say thật, nhưng ông ta vẫn là người đứng đầu. “Hannibal Lecter, lên văn phòng ta giải trình.”

Văn phòng hiệu trưởng trại trẻ gồm có một chiếc bàn quân dụng hàng thái, một đồng hồ sơ và hai cái giường xếp. Chính tại nơi đây, Hannibal đã ý thức một cách mạnh mẽ nhất sự thay đổi mùi của lâu đài. Thay vì mùi nước hoa và mùi tinh dầu chanh của xi đánh bóng đồ gỗ, giờ đây, căn phòng chỉ nồng mùi khai lưu cữu trong lò sưởi. Các cửa sổ trần trụi, món đồ trang trí duy nhất còn được giữ lại là khung gỗ chạm khắc.

“Hannibal, đây là phòng của mẹ trò phải không? Nó toát lên một cảm giác nữ tính.” Hiệu trưởng là người thất thường. Ông ta có thể tỏ ra tử tế, nhưng cũng có thể trở nên tàn nhẫn nếu bị kích thích bởi những chuyện bất như ý. Đôi mắt nhỏ của ông ta vẫn đỏ và ông ta im lặng chờ câu trả lời.

Hannibal gật đầu.

“Hắn trò phải thấy khổ sở lắm khi sống trong căn nhà này.” Không có hồi đáp.

Hiệu trưởng cầm một bức điện trên bàn lên. “Chà, trò sẽ không phải ở đây thêm nữa đâu. Chú của trò đang trên đường đến đây để đưa trò tới Pháp.”

NGỌN LỬA TRONG LÒ SỬỞI Ở BẾP chiếu tỏa nguồn ánh sáng duy nhất. Hannibal ở trong bóng tối quan sát người phụ bếp đang say ngủ trên chiếc ghế kê gần lò sưởi, miệng chảy dãi, bên cạnh là một cái cốc không. Hannibal muốn lấy cái đèn xách tay đang đặt trên kệ ngay phía sau ông ta. Thằng bé có thể thấy rõ cái măng sông đèn bằng thủy tinh đang lập lòe phát sáng trong ánh lửa.

Người phụ bếp thở sâu và đều, tiếng thở khò khè ồn. Hannibal di chuyển ngang qua sàn đá, tiến vào giữa khoảng không gian nồng nặc mùi rượu vodka và hành phả ra từ tay phụ bếp, rồi lại gần sau lưng y.

Cái móc treo đèn bằng dây sắt thế nào cũng sẽ kêu cọt két. Tốt hơn hết là đỡ lấy đáy và ngọn đèn, giữ cái măng sông đèn bằng thủy tinh thật vững vàng để nó không kêu lách cách. Nâng thẳng nó lên rồi nhấc ra khỏi giá. Giờ thằng bé đã cầm nó bằng cả hai tay.

Một tiếng lộp bộp vang to khi một mẩu củi, vẫn đang xèo xèo hơi nước, vỡ nứt trong lò sưởi, bắn tóe tia lửa và vụn than khắp lò sưởi, một cục than rơi xuống sát sạt bàn chân tay phụ bếp đang xỏ trong cái lót giày bằng nỉ.

Có dụng cụ nào gần đây nhỉ? Trên mặt quầy bếp, một vỏ đạn pháo 150mm đựng đầy thìa gỗ và dao trộn. Hannibal đặt đèn xuống và lấy một cái thìa hất cục than bay ra giữa phòng. Cánh cửa dẫn xuống cầu thang hầm nằm ở góc căn bếp. Hannibal đẩy cửa lặng lẽ mở ra rồi bước qua, tiến vào giữa bóng tối đen như mực, âm thầm hình dung lại trong đầu hình ảnh đầu cầu thang, rồi đóng cánh cửa lại sau lưng. Nó quẹt que diêm lên bức tường đá, châm đèn sáng và bước xuống những bậc thang quen thuộc, càng xuống sâu không khí càng mát lạnh. Ánh đèn nhảy nhót từ gian hầm này sang gian hầm khác, trong lúc thằng bé đi xuyên qua các cửa vòm thấp để tới hầm rượu. Cánh cổng sắt vẫn để mở.

Rượu đã bị đám hôi của vết sạch từ lâu và giờ thế chỗ của nó trên các giá kệ là nhiều loại rau củ, chủ yếu là củ cải. Hannibal thầm nhắc bản thân nhớ nhét một ít củ cải đường vào trong túi quần - vì nếu thiếu táo, Cesar sẽ ăn món này, mặc dù củ cải đường sẽ nhuộm môi nó thành màu đỏ và khiến nó trông như thể vừa bôi son.

Trong suốt thời gian ở trong trại trẻ mồ côi, chứng kiến nhà mình bị xâm phạm, mọi thứ trong nhà đều bị lấy trộm, bị sung công, bị lạm dụng, thằng bé chưa từng nhìn ngó đến nơi này. Hannibal để dây đèn lên một cái giá cao và lôi mấy tải khoai tây cùng hành đang chặn phía trước các giá rượu ở cuối phòng ra chỗ khác. Nó trèo lên bàn, túm lấy ngọn đèn chùm mà kéo. Chẳng có động tĩnh gì. Thằng bé thả ngọn đèn chùm ra rồi lại kéo lần nữa. Lần này thằng bé đu người, treo toàn bộ sức nặng cơ thể lên. Ngọn đèn chùm kêu ken két, hạ xuống một phân, lắc lư hất lớp bụi bám trên đèn bay ra, và thằng bé nghe thấy tiếng các giá rượu cuối phòng kêu kẹt rên lên. Nó bò xuống dưới. Nó nhét vừa ngón tay vào trong khe hở, bèn ra sức kéo.

* * *

Các giá rượu xoay rời khỏi bức tường, tiếng bản lề rít lên ầm ĩ. Thằng bé quay lại chỗ để đèn, sẵn sàng thổi tắt đèn nếu nghe thấy có tiếng động. Chẳng có động tĩnh gì.

Chính tại đây, trong căn phòng này, thằng bé đã nhìn thấy Cook lần cuối cùng; và trong một thoáng, khuôn mặt to tròn của Cook hiện lên rõ mồn một trong tâm trí Hannibal, không hề bị thời gian che mờ như với những ký ức thông thường của ta về người chết.

Hannibal cầm đèn đi vào trong gian hầm bí mật đằng sau hầm rượu. Trống không.

Một khung tranh lớn mạ vàng vẫn còn sót lại, sợi vải chĩa ra nham nhở từ những chỗ bức tranh bị rách khỏi khung. Đây từng là bức tranh lớn nhất trong nhà, phác họa quang cảnh Trận Zalgiris theo chiều hướng lãng mạn hóa, đặc tả các chiến công của Hannibal Tàn Nhẫn.

Hannibal Lecter, hậu duệ cuối cùng của ông, đứng trong tòa lâu đài thuở ấu thơ đã bị cướp bóc sạch sành sanh, nhìn vào khung tranh trống trơn, ý

thức được nó là hậu duệ của người đàn ông này, nhưng đồng thời cũng lại không phải hậu duệ của ông ta. Tâm trí thằng bé tràn ngập những ký ức về mẹ nó, một người thuộc dòng dõi Sforza, và về Cook, về thầy Jakov con người đến từ một truyền thống khác hẳn truyền thống của nó. Nó có thể nhìn thấy họ hiện diện trong khung tranh trống rỗng kia, đang quây quần trước đồng lửa trong ngôi nhà nghỉ trong rừng.

Thằng bé không phải là Hannibal Tàn Nhẫn, xét trên bất kỳ phương diện nào nó biết. Nó sẽ lèo lái cuộc đời mình bên dưới vòm trần sơn vẽ của thời thơ ấu. Nhưng vòm trần ấy mỏng manh như thiên đường và cũng vô dụng gần như vậy. Thằng bé tin tưởng như thế.

Chúng đã biến mất toàn bộ rồi, những bức tranh với những khuôn mặt thân thuộc với thằng bé y như chính gia đình nó. Chính giữa gian hầm này, bên dưới còn có một hầm giam bí mật nữa, một cái giếng khô xây bằng đá từng được Hannibal Tàn Nhẫn dùng làm nơi ném các kẻ thù vào rồi bỏ mặc họ trong lãng quên. Rất nhiều năm sau cái thời ấy, người ta đã xây hàng rào quanh miệng giếng để tránh tai nạn. Hannibal giơ đèn lên trên miệng giếng, ánh đèn chiếu sáng một nửa đoạn đường xuống hầm. Cha thằng bé từng kể với nó rằng hồi ông còn nhỏ, đáy cái hầm giam bí mật này vẫn còn chất cả đồng xương.

Có lần, Hannibal đã được thưởng cho một chuyến khám phá, được cho ngồi vào trong một cái giỏ thả xuống hầm giam. Gần đáy hầm, một từ đã được cào vào trong tường. Ngay lúc này, thằng bé không thể nhìn thấy từ ấy dưới ánh sáng đèn, nhưng nó biết cái từ ấy vẫn ở đó, những con chữ xiêu vẹo đã được một người hấp hối cào lên tường trong bóng tối - từ "*Pourquoi?*"*

12

TRONG PHÒNG NGỦ TẬP THỂ DÀI, đám trẻ mồ côi đang say giấc. Bọn trẻ được phân nằm theo độ tuổi. Khu giường ngủ dành cho đám nhỏ tuổi nhất ở phía cuối phòng bốc lên thứ mùi nhà ấp trứng vốn rất quen thuộc trong các lớp mầm non. Những đứa nhỏ nhất cuộn mình nằm ngủ, vài đứa nói mớ gọi tên những người quá cố đang hiện ra trong niềm tưởng nhớ của chúng, và trong giấc mơ, đám trẻ nhìn thấy những khuôn mặt dịu dàng và lo lắng mà chúng sẽ không còn thấy lại ngoài đời nữa.

Cách đó một đoạn, mấy thằng nhóc lớn tuổi hơn đang thủ dâm bên dưới lớp chăn.

Mỗi đứa trẻ đều có một cái tủ nhỏ đựng đồ cá nhân và ở bức tường phía trên mỗi giường, đều có một khoảng trống để bọn trẻ treo các bức vẽ hoặc, họa hoằn lắm mới có một trường hợp, treo ảnh gia đình.

Phía bên trên dãy giường nối tiếp nhau, có một hàng các bức vẽ đơn giản bằng chì màu. Bên trên giường Hannibal Lecter, có một bức vẽ rất đẹp bằng bút chì và phấn, hình bàn tay và cánh tay một đứa bé, cử chỉ của nó toát lên hàm ý van xin và cố gắng thu hút sự chú ý, cánh tay bị bấm được vẽ rút gọn lại mô tả thời điểm đứa bé với tay ra mong được vỗ về. Cánh tay có đeo một cái vòng. Bên dưới bức vẽ, Hannibal nằm ngủ, mí mắt giật giật. Các cơ trên quai hàm căng bé co rúm, hai lỗ mũi nở rộng và nhăn lại trước một luồng hơi thở hôi thối trong mơ.

* * *

Căn nhà nghỉ trong rừng. Hannibal và Mischa trong mùi ẩm mốc của tấm thảm quăn quanh người, băng trên cửa sổ khúc xạ ánh sáng xanh lục và đỏ. Gió thốc từng cơn và trong một thoáng, ống khói không hút khói lên. Những làn khói xanh lơ lửng xếp chồng lên nhau bên dưới mái nhà chóp nhọn, ngay trước lan can ban công, và Hannibal nghe thấy tiếng cửa trước mở bung ra đánh rầm một tiếng, bèn nhìn xuyên qua lan can. Cái chậu tắm của

Mischa đang kê trên bếp lò, được gã Đầu Bếp dùng để ninh một cái đầu lâu nai con còn nguyên sừng cùng với ít nấm trúp teo tóp. Nước sôi sùng sục xô hai cái sừng đập vào thành chậu tắm bằng kim loại, như thể con nai con đang vùng vẫy cố húc đầu một lần cuối đời. Mắt Xanh và Tay Ướt bước vào, theo sau là một luồng không khí lạnh buốt, hất đôi ủng đi tuyết ra khỏi chân rồi cất nó ra sát tường. Những người còn lại xúm quanh chúng, Gã Cầm Bát từ góc phòng tiến tới, bước loạng choạng với đôi chân tê cóng. Mắt Xanh moi từ túi quần ra xác ba con chim nhỏ chết đói. Y bỏ một con chim, còn y nguyên cả lông, vào trong chậu nước cho tới khi con chim đủ mềm để lột da. Y liếm bộ da chim dẫm máu, mặt lem nhem dính máu và da, trong lúc mấy gã đàn ông kia túm tụm quanh y. Y vứt bộ da chim cho đám kia và chúng nhào tới như bầy chó.

Y xoay bộ mặt lấm máu về phía ban công, nhổ một sợi lông dính trong miệng ra rồi nói, “Bọn tao mà không ăn thì sẽ đi đời nhà ma.”

Chúng vứt vào trong ngọn lửa album ảnh gia đình Lecter cùng các món đồ chơi bằng giấy của Mischa, tòa lâu đài của con bé, những con búp bê giấy của nó. Đến lúc này, Hannibal đã đang đứng trên sàn nhà trước lò sưởi, một cách đột ngột, không hề ý thức được nó đã leo xuống cầu thang như thế nào, và rồi sau đó, chúng đã lại đang ở trong chuồng ngựa, mấy món quần áo nhét giữa rơm, những món quần áo trẻ em thẳng bé không nhận ra và cứng quèo vì máu. Đám đàn ông túm tụm tiến lại gần, sờ mó da thịt thẳng bé và Mischa.

“Mang con bé này đi đi, chẳng nào nó chẳng chết. Đi chơi thôi nào, đi chơi thôi nào.”

Giờ chúng đang túm lấy con bé, đồng thời cất tiếng hát. “Gã nhỏ bé đứng trong rừng, tĩnh lặng...”

Thẳng bé đu lên cánh tay Mischa, hai đứa trẻ bị lôi ra cửa. Nó nhất định không chịu thả con em ra và Mắt Xanh đóng sầm cánh cửa chuồng ngựa nặng trĩu lại, làm cánh cửa nện vào tay thẳng bé, xương nứt răng rắc, rồi y lại mở cửa, quay lại chỗ Hannibal, vung vẩy một thanh củi, nện vào đầu

thằng bé, những cú đánh tàn bạo giáng xuống, làm thằng bé nổ đom đóm mắt, tiếng đánh đập bồm bộp thình thịch, Mischa gọi, “Anniba!”

* * *

Và những cú đánh biến thành cảnh tượng cây gậy của gã giám thị trưởng gõ rầm rầm lên thành giường và Hannibal kêu lên trong cơn mơ, “Mischa! Mischa.”

“Câm miệng! Câm miệng! Dậy đi, thằng lỏi khốn kiếp!” Giám thị trưởng giật tấm khăn trải giường ra ném lên người thằng bé. Ngoài trời, trên mặt đất lạnh cóng, thằng bé tiến về phía kho dụng cụ, cây gậy thúc vào lưng. Gã cầm một cái xẻng, theo chân thằng bé vào trong kho. Nhà kho treo đầy các dụng cụ làm vườn, dây thừng, vải đờ mộc. Gã đặt cái đèn xách tay lên một cái thùng và giơ cao cây gậy. Rồi gã giơ bàn tay đang băng bó lên.

“Đã đến lúc trả giá cho cái này rồi.”

Hannibal dường như co rúm lại, lùi ra xa, đi vòng tránh ánh đèn, lòng cuộn lên một thứ cảm xúc không cách nào định hình được. Giám thị trưởng đọc được nỗi sợ hãi của nó và cũng đi vòng vòng đuổi theo nó, bị dẫn ra xa ánh đèn. Gã quật một cú ra trò lên bảp đùi Hannibal. Thằng bé giờ đang ở cạnh cây đèn. Hannibal nhặt một cái liềm lên và thổi tắt đèn. Nó nằm xuống sàn trong bóng tối, siết chặt hai bàn tay quanh cái liềm giơ cao trên đầu, nghe thấy tiếng bước chân hỗn loạn đi qua mình và rồi nó vận hết sức lực, vung tay chém cái liềm vào giữa không gian tối đen, chẳng trúng cái gì, đoạn nó nghe thấy tiếng cửa đóng và tiếng xích loảng xoảng.

* * *

“Nện một đũa câm có lợi ở chỗ nó sẽ không kể lể gì được,” giám thị trưởng nói. Gã và gã giám thị phó đang nhìn một chiếc Delahaye đỗ trên khoảng sân rải sỏi của lâu đài, một điển hình duyên dáng về thân xe kiểu Pháp, màu xanh da trời, các tấm cản sóc phía trước xe cắm hai lá cờ ngoại giao, cờ Xô Viết và cờ Cộng hòa Dân chủ Đức. Chiếc xe mang vẻ lạ lẫm theo đúng kiểu những chiếc xe Pháp thời tiền chiến, toát lên nét khêu gợi trong con mắt những người đã quen với những chiếc xe jeep và những cỗ xe

tăng vững chãi. Giám thị trưởng muốn lấy dao rạch chữ “Mẹ kiếp” lên thành xe, nhưng tay tài xế quá đô con và cảnh giác.

Từ trong chuồng ngựa, Hannibal nhìn thấy chiếc xe tiến đến. Thằng bé không chạy về phía xe. Nó quan sát ông chú cùng một viên sĩ quan Xô Viết bước vào trong lâu đài.

Hannibal áp lòng bàn tay lên má Cesar. Con ngựa trệu trạo nhai yến mạch, xoay bộ mặt dài ngoẵng về phía thằng bé. Tay trông ngựa người Xô Viết đã chăm lo khá tử tế cho Cesar. Hannibal xoa cổ con ngựa và gí sát mặt vào cái tai ngựa đang ve vẩy, nhưng nó không thốt ra bất kỳ âm thanh nào. Nó hôn lên trán con ngựa. Phía cuối vựa cỏ khô, treo ở giữa hai bức tường kép, là cái ống nhòm của cha nó. Nó tròng cái ống nhòm vào cổ rồi băng qua con đường đã bị không biết bao nhiêu bàn chân giày xéo.

Giám thị phó đang đứng ở trên cầu thang đợi nó. Mấy món đồ cá nhân ít ỏi của Hannibal đã được nhét vào trong một cái túi.

TỪ CỬA SỐ PHÒNG HIỆU TRƯỞNG dõi nhìn ra ngoài, Robert Lecter thấy người tài xế của ông đưa một gói thuốc lá cho tay đầu bếp để đổi lấy một cái xúc xích nhỏ cùng mẫu bánh mì. Hiện tại, Robert Lecter đã chính thức trở thành bá tước Lecter, vì anh trai ông được cho là đã chết. Thật ra, nhiều năm nay ông vốn đã quen với tước hiệu này và vẫn sử dụng nó một cách bất hợp pháp.

Hiệu trưởng không đếm mà nhét thẳng tiền vào túi áo ngực, không khỏi đánh mắt sang liếc nhìn thượng tá Timka.

“Bá tước, à, đồng chí Lecter, tôi chỉ muốn được nói với anh rằng hồi trước chiến tranh, tôi đã được nhìn thấy hai trong số các bức tranh của anh ở Cung điện Catherine, ngoài ra còn có mấy bức ảnh in trong tạp chí Gorn nữa. Tôi vô cùng ngưỡng mộ tác phẩm của anh.”

Bá tước Lecter gật đầu. “Cảm ơn ông, hiệu trưởng. Về em gái của Hannibal, ông có thông tin gì không?”

“Chỉ có mỗi một bức ảnh đưa bé thì chẳng giúp được gì nhiều nhận,” hiệu trưởng nói.

“Chúng tôi đã phát ảnh cho các trại mồ côi,” thượng tá Timka nói. Ông ta mặc đồng phục Cảnh sát Biên giới Xô Viết và chiếc kính gọng thép đang đeo nhấp nháy đồng điệu với hàm răng bọc thép của ông ta. “Sẽ mất một thời gian mới có kết quả. Số lượng lớn quá.”

“Tôi cũng phải nói với anh, đồng chí Lecter ạ, khu rừng nhan nhản những... xác chết vẫn chưa xác định được danh tính,” hiệu trưởng bổ sung.

“Hannibal chưa bao giờ nói bất kỳ lời nào à?” bá tước Lecter hỏi.

“Với tôi thì chưa. Xét về mặt thể chất thì thằng bé hoàn toàn có khả năng phát ngôn - nó vẫn gọi tên đứa em gái trong lúc ngủ. Mischa. Mischa.” Hiệu trưởng dừng lại một lát như thể đang tìm cách diễn đạt phù hợp. “Đồng chí Lecter ạ, nếu tôi mà là anh thì tôi sẽ... để ý trông chừng Hannibal, cho đến

khi nào đã hiểu biết thằng bé hơn. Có lẽ hơn hết, trước khi ổn định cuộc sống, nó không nên được cho chơi cùng những thằng con trai khác. Lúc nào cũng có đứa bị thương.”

“Nó không phải đứa hay bắt nạt bạn đấy chứ?”

“Chính bọn bắt nạt mới bị thương. Hannibal không tuân theo tôn ty xã hội gì hết. Tất cả bọn kia đều to lớn hơn nó và đều nhanh chóng bị nó đá thương, đôi khi còn ở mức nghiêm trọng nữa. Hannibal có thể trở thành một mối nguy hiểm đối với những người to lớn hơn nó. Với những đứa nhỏ con thì nó không gây vấn đề gì. Để kệ chúng quấy rầy nó một chút. Một số đứa tưởng rằng thằng bé không chỉ cầm mà còn bị điếc nữa, nên đã bảo nó là thằng điên ngay trước mặt nó. Họạ hoản đôi dịp, được cấp cho thứ gì đó ngon lành, thằng bé sẽ đưa hết phần của nó cho chúng.”

Thượng tá Timka nhìn đồng hồ. “Chúng ta phải đi thôi. Anh ra trước đợi tôi trong xe nhé, đồng chí Lecter?”

Thượng tá Timka đợi cho đến khi bá tước Lecter đã rời khỏi phòng. Ông ta chìa tay ra. Hiệu trưởng thở dài, đành phải đưa tiền.

Trong một thoáng, cả gọng kính lẫn hàm răng thượng tá Timka sáng lên nhấp nháy, rồi ông ta liếm ngón tay cái, bắt đầu đếm.

KHI HỌ CÒN CÁCH LÂU ĐÀI VÀI DẶM, cơn mưa rào đã ngớt, chuyển thành mưa bụi lay phay, lớp sỏi ướt nhoét kêu lạo xạo dưới bánh xe chiếc Delahaye lấm bùn, mùi cây cỏ cùng mùi đất bị bánh xe cày lên lượn lờ lan khắp xe. Một lúc sau, mưa tạnh, bầu trời đêm tắm trong thứ ánh sáng màu cam.

Trong ánh sáng cam kỳ lạ này, tòa lâu đài giảm bớt vài phần uy nghi và tăng thêm vài phần thanh nhã. Các song cửa sổ uốn lượn như mạng nhện trĩu nặng sương đêm. Với Hannibal, người vốn tin vào các điềm báo, phần hành lang ngoài của tòa lâu đài uốn lượn chạy dài từ lối vào trông chẳng khác gì vòng xoắn ốc của Huyghens.

Bốn con ngựa kéo xe, đang bốc hơi nước sau cơn mưa, được thắt vào một cỗ xe tăng Đức phế thải nhô ra từ tiền sảnh. Nhìn bề ngoài, những con ngựa to lớn trông không khác gì Cesar. Hannibal lấy làm mừng khi nhìn thấy chúng, hy vọng chúng là biểu tượng may mắn cho mình. Cỗ xe tăng được kê trên mấy con lăn. Nhích từng chút một, bốn con ngựa kéo cỗ xe rời khỏi lối vào nhà, như thể chúng đang nhổ một chiếc răng, người xà ích chỉ huy đàn ngựa và tai chúng ve vẩy lắng nghe ông ta nói.

“Quân Đức đã nã pháo thối bay khung cửa rồi cho xe tăng lùi vào bên trong nhà để tránh máy bay,” bá tước nói với Hannibal khi chiếc ô tô dừng lại. Ông đã quen với kiểu nói chuyện một chiều không được thẳng bẻ đáp lại. “Chúng đã bỏ nó lại đây trong lúc rút quân. Bọn chú không di chuyển cái thứ chết tiệt này đi được nên đành trang hoàng nó bằng các bồn hoa cửa sổ và suốt năm năm nay vẫn đi vòng qua nó. Giờ thì chú đã lại có thể bán các bức tranh mang tính nổi loạn của mình và chúng ta sẽ kiếm đủ tiền để thuê kéo nó ra chỗ khác. Đi nào, Hannibal.”

Một người đầy tớ từ nãy vẫn quan sát chiếc ô tô và lúc này ông ta cùng bà quản gia bèn bước tới đón bá tước, mang theo cả ô, phòng khi họ cần đến.

Một con chó lớn tai cụp đi theo họ.

Hannibal thấy mến ông chú vì đã tiến hành các màn giới thiệu trên lối xe vào, lịch sự đối diện với cánh người làm, thay vì vừa xông xộc vào nhà và ngoái lại nói qua vai.

“Đây là cháu tôi, Hannibal. Giờ thằng bé sẽ là một thành viên trong gia đình chúng ta và chúng ta rất vui mừng đón chào nó. Đây là bà Brigitte, quản gia của chú. Còn đây là Pascal, chịu trách nhiệm vận hành mọi thứ.”

Bà Brigitte từng có thời là một người hầu cấp cao ưa nhìn. Bà quan sát chớp nhoáng Hannibal và đánh giá thằng bé thông qua dáng điệu tác phong.

Con chó tai cụp hoan hỉ chào đón ngài bá tước và dè dặt nghiên cứu thằng bé. Con chó phồng má khễ thờ phì phì. Hannibal xòe tay chìa ra trước mặt con chó và con chó khịt khịt mũi, ngược mắt lên nhìn thằng bé.

“Ta phải kiếm cho thằng bé một ít quần áo mới được,” bá tước nói với bà Brigitte. “Tạm thời, bà thử tìm trong đồng va li đựng đồ học sinh của tôi trên gác xép xem, rồi ta sẽ chỉnh trang thêm cho thằng bé sau.”

“Còn cô bé kia thì sao, thưa ngài?”

“Vẫn chưa tìm được, Brigitte ạ,” ông nói, rồi lắc đầu khép lại chủ đề.

Những hình ảnh hiện lên theo bước chân Hannibal tiến đến gần ngôi nhà: những viên đá cuội ướt lấp loáng trong sân; những bộ lông ngựa bóng mượt sau trận mưa; bộ lông bóng mượt của con quạ xinh đẹp đang uống nước đọng ở máng xối nơi góc mái nhà; chuyển động của một tấm rèm ở ô cửa sổ trên cao; mái tóc bóng mượt của phu nhân Murasaki, rồi bóng dáng cô in trên cửa sổ.

Phu nhân Murasaki mở cửa. Ánh sáng buổi tối chiếu lên mặt cô; và Hannibal - rời khỏi vùng đất hoang của những cơn ác mộng - đặt bước chân đầu tiên lên cây cầu của những giấc mơ...

Quả là một sự nhẹ nhõm ngọt ngào khi được chuyển từ khu tập trung sang nhà riêng. Toàn bộ đồ nội thất trong lâu đài đều kỳ lạ và thú vị, một tập hợp đồ đạc thuộc đủ các thời kỳ được bá tước Lecter và phu nhân Murasaki thu thập từ gác mái sau khi bọn cướp phát xít Đức đã bị hất căng khỏi nơi này.

Trong thời gian quân Đức chiếm đóng lâu dài, toàn bộ các món đồ nội thất quan trọng nhất đều đã bị đưa lên tàu hỏa, chuyển từ Pháp tới Đức.

Chính Hermann Goering* và Quốc trưởng từ lâu đã thèm khát các tác phẩm của Robert Lecter và của các nghệ sĩ lớn ở Pháp. Sau khi Đức Quốc xã nắm quyền thống trị, một trong những hành động đầu tiên của Goering là bắt giam Robert Lecter vì ông được xem là một “nghệ sĩ Slav nổi loạn”, đồng thời tịch thu tất cả những bức tranh “suy đồi” y có thể tìm thấy được, nhằm “bảo vệ công chúng” khỏi các ảnh hưởng của chúng. Tranh được thu vào các bộ sưu tập cá nhân của Goering và Hitler.

Khi ngài bá tước được quân Đồng Minh - đang trên đà tiến bước - giải phóng khỏi nhà tù, ông và phu nhân Murasaki đã cố gắng hết sức để đưa mọi thứ trở lại như cũ và người làm trong lâu đài phải tự kiếm kế sinh nhai cho tới khi bá tước Lecter quay về với giá vẽ.

Robert Lecter nhìn đứa cháu trai ổn định chỗ ở trong phòng riêng. Rộng rãi và chan hòa ánh sáng, căn phòng ngủ dành riêng cho Hannibal được chu đáo lắp thêm rèm và treo các poster, cốt mang lại vẻ tươi sáng cho lớp đá xây phòng. Một mặt nạ đấu kiếm cùng hai thanh kiếm tre bắt chéo gắn cao bên trên bức tường. Nếu Hannibal mà nói được, hẳn thằng bé sẽ hỏi thăm bà phu nhân.

HANNIBAL MỚI Ở MỘT MÌNH chưa được tới một phút thì đã nghe thấy tiếng gõ cửa.

Người hầu của phu nhân Murasaki, Chiyoh, đang đứng ở cửa, một cô bé Nhật Bản tầm tuổi Hannibal, tóc ngắn ngang tai. Chiyoh thoáng đánh giá thằng bé, rồi ngay sau đó một lớp màng đã bao phủ đôi mắt cô bé, y như lớp màng bảo vệ ở mắt diều hâu.

“Phu nhân Murasaki gửi lời chào đón cậu,” cô bé nói. “Mời cậu đi theo tôi...” Lễ phép và nghiêm trang, Chiyoh dẫn thằng bé tới buồng tắm ở trong căn phòng trước đây vốn là phòng ép rượu của lâu đài.

Để chiều lòng vợ, bá tước Lecter đã cải biến cái máy ép nho thành một bồn tắm kiểu Nhật, thùng ép giờ đã được đổ đầy nước và nước được làm nóng bởi một máy đun nước Rube Goldberg thiết kế theo hình dạng một hệ thống chưng cất cognac bằng đồng. Căn phòng ám mùi khói củi và mùi hương thảo. Ngọn chức đài bạc, vốn được chôn trong vườn suốt thời gian chiến tranh, được bố trí lấp gần cái thùng. Chiyoh không thấp nển. Khi vai trò của Hannibal vẫn chưa được xác nhận rõ ràng thì phương tiện chiếu sáng phù hợp nhất với thằng bé chính là một bóng đèn điện.

Chiyoh đưa khăn tắm và áo choàng tắm cho thằng bé, rồi chỉ vào cái vòi sen trong góc. “Đầu tiên thì tắm ở kia, chà rửa cật lực trước đã rồi sau đó hăng ngâm mình trong bồn,” cô nói. “Khi nào cậu tắm xong, đầu bếp sẽ làm trứng ốp la cho cậu, sau đó cậu cần phải nghỉ ngơi.” Cô bé nhìn mặt nhìn cậu, có vẻ như đang muốn mỉm cười, rồi ném một quả cam vào trong bồn tắm và sau đó đứng ngoài buồng tắm chờ thằng bé thay đồ. Khi Hannibal chìa đồng quần áo vừa được thay ra qua cửa buồng, Chiyoh cẩn thận giơ hai ngón tay nhón lấy đồng đồ, vắt chúng lên một cái que cô đang cầm ở tay bên kia, rồi mang theo chúng biến mất.

* * *

Tối hôm đó, Hannibal đột ngột tỉnh giấc, y như cách nó vẫn thường tỉnh dậy trong trại trẻ. Thằng bé nằm im không nhúc nhích, chỉ có đôi mắt chuyển động, cho tới khi nó đã nhìn ra mình đang ở đâu. Nó cảm thấy mình thật sạch sẽ, đang nằm trên cái giường sạch sẽ. Tia sáng cuối cùng của buổi hoàng hôn dài nước Pháp đang chiếu xuyên qua khung cửa sổ. Một chiếc kimono bằng vải cotton được đặt trên chiếc ghế bên cạnh thằng bé. Nó mặc bộ kimono vào. Sàn hành lang bằng đá mát lạnh dưới bàn chân mang lại cảm giác thật dễ chịu, những bậc cầu thang bằng đá được khoét lõm vào, y như cầu thang đá tại lâu đài Lecter. Bên ngoài, dưới bầu trời màu tím, thằng bé có thể nghe thấy tiếng ồn vọng ra từ căn bếp, nơi người ta đang chuẩn bị bữa tối.

Con chó tai cụp nhìn thấy thằng bé, đập mạnh đuôi hai lần, nhưng không đứng dậy.

Từ phòng tắm, tiếng đàn dây Nhật Bản vọng lại. Hannibal đi theo tiếng nhạc. Một khung cửa sổ bụi bặm chặn chừa ánh nến hắt từ bên trong phòng ra. Hannibal nhòm vào trong phòng. Chiyoh đang ngồi cạnh bồn tắm, lướt ngón tay trên những sợi dây của một cây đàn koto* dài tao nhã. Lúc này, cô đã thả nến. Máy đun nước kêu lục đục. Ngọn lửa bên dưới đáy cái máy nước nóng kêu lách tách và tàn lửa bắn tóe lên trên. Phu nhân Murasaki đang ngâm mình trong nước. Trong bồn nước, phu nhân Murasaki đang ngâm mình, y như những bông hoa giữa con hào, nơi đàn thiên nga bơi, không cất tiếng hót. Hannibal dõi nhìn, cảm lạnh như đàn thiên nga, và dang hai cánh tay như thiên nga dang cánh.

Thằng bé lùi lại rời khỏi cửa sổ, xuyên qua hoàng hôn trở về phòng riêng, lòng trĩu nặng một cảm giác buồn phiền kỳ lạ, và lại tìm về với cái giường của mình.

* * *

Than trong phòng ngủ chính vẫn còn đủ để ánh lửa chiếu lên trần. Bá tước Lecter, trong cảnh tranh tối tranh sáng, bị kích thích trước sự đùng chạm cùng giọng nói của phu nhân Murasaki.

“Nhớ anh quá, cảm giác của em hiện tại cũng giống y như hồi anh còn đang trong tù,” cô nói. “Em lại nhớ tới bài thơ mà Ono no Komachi đã sáng tác hàng nghìn năm về trước.”

“Ừmmmm.”

“Thơ của bà nông nàh lắm.”

“Anh thiết tha muốn biết bà đã viết gì.”

“Một bài thơ.

Hito ni awan tsuki no naki yo wa

omoiokite

mune hashiribi ni

*kokoro yaki ori.**

“Anh có nghe thấy âm nhạc thấm đẫm trong đó không?”

Đôi tai phương Tây của Robert Lecter chẳng nghe ra chút nhạc nhẽ nào trong đoạn thơ, cũng chẳng biết âm nhạc nằm ở chỗ nào, nhưng ông vẫn hào hứng: “Ôi trời ơi, có chứ. Nói cho anh biết nghĩa của nó đi.”

“*Chẳng thể trông thấy chàng*

Trong đêm tối không trăng

Thiếp thao thức cháy bỏng

Lửa rừng rực tâm can.”

“Chúa ôi, Sheba.”

Cô chủ động âu yếm để ông không cần quá gắng sức.

* * *

Trong đại sảnh lâu đài, chiếc đồng hồ tử thông báo giờ đã khuya, tiếng chuông đồng hồ boong boong vang vọng khắp các hành lang đá. Con chó tai cụp cựa mình trong cũi, tru lên mười ba tiếng ngắn để đáp lại chiếc đồng hồ. Vẫn say giấc nồng, Hannibal lật mình trên chiếc giường riêng tư sạch sẽ. Và chìm trong giấc mơ.

* * *

Trong chuồng ngựa, không khí giá lạnh, bọn trẻ con bị kéo áo xuống đến tận eo, để Mắt Xanh và Tay Ướt sờ soạng căng tay chúng. Mấy gã đàn ông

khác đứng sau chúng bồn chồn rít lên như những con linh cầu đang buộc phải chờ đợi. Còn đây là gã lúc nào cũng chìa bát ra. Mischa ho khù khụ, người nóng hầm hập, quay mặt đi tránh hơi thở của chúng. Mắt Xanh tóm lấy sợi xích quấn quanh cổ bọn trẻ. Máu và lông của bộ da chim mà Mắt Xanh gặm lúc trước giờ đang dính bết vào mặt y.

Giọng nói méo mó của Cầm Bát: “Mang con bé này đi đi, đằng nào nó chẳng chết. Thêm một thời gian nữa thì thằng bé vẫn còn tươi tươi người.”

Mắt Xanh nói với Mischa, giọng phình phờ ma quái, “Đi chơi thôi nào, đi chơi thôi nào!”

Mắt Xanh cất tiếng hát và Tay Ướt hòa giọng:

Gã nhỏ bé đứng trong rừng, tĩnh lặng

Tuyền đỏ thắm một sắc áo choàng

Cầm Bát mang theo bát của mình. Tay Ướt xách rìu, Mắt Xanh tóm lấy Mischa còn Hannibal thét lên nhào về phía y, bập rãng vào má Mắt Xanh, Mischa đang bị túm hai cánh tay xách lên lơ lửng giữa không trung, vặn người nhìn thẳng anh.

* * *

“Mischa, Mischa!”

Những tiếng kêu rền rĩ vang vọng các hành lang đá và bá tước Lecter cùng phu nhân Murasaki lao vào trong phòng Hannibal. Hannibal đã căn xé rách toạc gối và đám lông vũ đang bay phấp phới, còn chính thằng bé thì gầm gừ, la hét, đập, đánh, nghiêng răng ken két. Bá tước Lecter đê cả người lên thẳng bé, nhét hai cánh tay nó vào trong chần, ghì hai đầu gối nó ép lên tấm chần. “Bình tĩnh nào, bình tĩnh nào.”

Sợ Hannibal cắn phải lưỡi, phu nhân Murasaki vội tháo chiếc thắt lưng đang quấn quanh chiếc áo choàng ngủ của cô, bóp mũi thằng bé cho đến khi nó phải há miệng ra thở hỗn hển, để cô nhét cái thắt lưng vào giữa hai hàm răng nó.

Thằng bé run rẩy và rồi bất động, như một chú chim đã chết. Cô mở rộng chiếc áo choàng ngủ, ôm thằng bé vào trong lòng, áp khuôn mặt nhòe nhoẹt

những giọt nước mắt căm giận của thằng bé vào giữa hai bầu ngực cô, những sợi lông vũ dính bết vào má nó.

Nhưng cô không nói với thằng bé, mà hỏi ngài bá tước, “Anh không sao chứ?”

16

HANNIBAL DẬY SỚM, lấy cái bát và cái bình đựng nước ở trên bàn đêm để rửa mặt. Một sợi lông vũ nhỏ đập dềnh trên mặt nước. Thằng bé chỉ có một ký ức mơ hồ lộn xộn về buổi tối hôm qua.

Thằng bé nghe vọng từ sau lưng tiếng một tờ giấy trượt trên sàn nhà đá, một chiếc phong bì vừa được nhét qua khe cửa vào trong phòng. Một nhánh liễu tơ được dính vào lá thư. Hannibal khum hai bàn tay đỡ lá thư giơ lên trước mặt rồi mới đọc.

Hannibal,

Cô rất mong được gặp cháu tại phòng vẽ của cô vào giờ Mùi. (Tính theo giờ Pháp là 10 giờ sáng.)

Murasaki Shikibu

Hannibal Lecter, mười ba tuổi, mái tóc ướn dính bết vào da đầu, đứng bên ngoài cánh cửa phòng vẽ đang đóng kín. Thằng bé nghe thấy tiếng đàn dây. Không phải cùng một giai điệu nó đã nghe vọng ra từ phòng tắm. Thằng bé gõ cửa. “Vào đi.”

Thằng bé bước vào một căn phòng, vừa là phòng làm việc vừa là phòng tiếp khách, có một khung thêu đặt cạnh cửa sổ và một cái giá dùng để viết thư pháp.

Phu nhân Murasaki đang ngồi bên một bàn trà bệt. Tóc cô bới cao, được kẹp lại nhờ mấy cái kẹp tóc bằng gỗ mun. Hai bên tay áo kimono của cô khẽ loạt soạt lúc cô cắm hoa.

Các cử chỉ lịch sự ở mọi nền văn hóa đều khớp nhau, vì đều có một mục đích chung. Phu nhân Murasaki chậm rãi, duyên dáng nghiêng đầu, tỏ ý chào thằng bé.

Hannibal hơi cúi lưng xuống, theo đúng cách cha nó đã dạy. Nó nhìn thấy một dải khói nhang màu xanh dương bay ngang qua khung cửa sổ, như thể một đàn chim chấp chới xa xa, và một tấm mạng màu xanh dương hiện lờ

mờ trên trán phu nhân Murasaki khi cô cầm một bông hoa, ánh mặt trời nhuộm hồng tai cô. Tiếng đàn dây của Chiyoh êm ái văng ra từ sau một tấm rèm.

Phu nhân Murasaki mời thẳng bé ngồi đối diện cô. Giọng cô trầm ấm dễ chịu, thỉnh thoảng pha lẫn một vài âm điệu không hiện diện trong bảng thang âm phương Tây. Nghe cô nói, Hannibal có cảm tưởng như thể đang nghe một giai điệu ngẫu nhiên phát ra từ một chiếc chuông gió.

“Nếu cháu không muốn nói bằng tiếng Pháp, tiếng Anh hay tiếng Ý thì chúng ta có thể dùng một số từ tiếng Nhật, chẳng hạn như *kieuseru*. Nó có nghĩa là ‘biến mất’.” Cô để một cuống hoa xuống, ánh mắt dời khỏi những bông hoa, nhướn lên nhìn thẳng vào thẳng bé. “Thế giới Hiroshima của cô đã tan biến trong chớp mắt. Thế giới của cháu cũng đã bị tước đoạt khỏi cháu. Giờ cháu và cô có một thế giới để chúng ta dựng xây - cùng với nhau. Trong giây phút này. Trong căn phòng này.”

Cô nhặt những bông hoa khác lên khỏi tấm thảm chùi chân cạnh chỗ ngồi và đặt chúng lên mặt bàn, cạnh cái lọ. Hannibal có thể nghe thấy tiếng những chiếc lá đồng thanh xào xạc và cả tiếng ống tay áo của cô lay động khi cô đưa mấy bông hoa cho nó.

“Hannibal, theo cháu ta đặt những bông hoa này ở đâu là đẹp nhất? Bất cứ đâu cũng được, tùy ý cháu.”

Hannibal nhìn những bông hoa nở rộ.

“Hồi cháu còn nhỏ, cha cháu đã gửi cho cô chú xem các bức tranh cháu vẽ. Cháu có con mắt đầy hứa hẹn đấy. Nếu cháu thích vẽ bố cục này thì cứ dùng tập giấy bên cạnh cháu nhé.”

Hannibal cân nhắc một hồi. Thằng bé cầm hai bông hoa và con dao lên. Nó nhìn các khung cửa sổ hình vòm, đường lượn của cái lò sưởi đang có một ấm trà treo bên trên ngọn lửa. Thằng bé cắt cành hoa cho ngắn bớt lại rồi cắm hoa vào bình, tạo thành một véc tơ cân đối với bố cục và với căn phòng. Thằng bé đặt hai cuống hoa vừa bị cắt bỏ lên trên mặt bàn.

Phu nhân Murasaki có vẻ hài lòng. “Ái chà. Chúng ta sẽ gọi nó là *moribana**, dạng nghiêng” Cô đặt vào tay thằng bé một cành mẫu đơn cánh

hoa mịn màng. “Còn cảnh này thì sao nhỉ? Cháu có định dùng đến nó không?”

Nơi lò sưởi, nước trong bình trà sôi tăm rồi sôi lên sùng sục. Hannibal nghe thấy âm thanh ấy, nghe thấy tiếng nước sôi, nhìn vào mặt nước đang sôi và rồi vẻ mặt nó thay đổi, căn phòng biến mất.

Chậu tắm của Mischa trên bếp lò trong căn nhà nghỉ, cái đầu lâu còn nguyên sừng của con nai con đập vào thành bồn tắm giữa dòng nước đang sôi sùng sục như thể nó đang cố húc đầu tìm đường thoát ra ngoài. Xương kêu lạch cạch trong dòng nước đang cuộn trào.

Thằng bé quay trở lại với hiện tại, trong căn phòng của phu nhân Murasaki, và bông mẩu đơn, lúc này đã nhuộm máu, nằm lăn lóc trên mặt bàn, con dao rung lên lạch cạch bên cạnh. Hannibal lấy lại bình tĩnh, đứng thẳng dậy, giấu bàn tay chảy máu ra sau lưng. Thằng bé cúi chào phu nhân Murasaki và dậm bước rời khỏi phòng.

“Hannibal.”

Thằng bé mở cửa.

“Hannibal.” Phu nhân Murasaki đứng dậy, bước vội tới chỗ thằng bé. Cô chìa tay ra cho nó, đôi mắt khóa chặt mắt thằng bé, không chạm vào nó mà chỉ vẫy vẫy ngón tay. Cô nắm bàn tay rỏ máu của thằng bé và đôi mắt thằng bé lộ ra phản ứng trước sự đụng chạm của cô, một thay đổi rất nhỏ trong kích thước hai con ngươi.

“Tay cháu phải khâu mất. Serge sẽ lái xe đưa chúng ta tới thị trấn.”

Hannibal lắc đầu, hất cằm về phía khung thêu. Phu nhân Murasaki nhìn thẳng vào mặt thằng bé một hồi, cho tới khi cô chắc chắn về ý định của thằng bé.

“Chiyoh, đi lược kim chỉ đi.”

Bên cửa sổ, dưới ánh sáng chan hòa, Chiyoh mang tới cho phu nhân Murasaki một cây kim cùng chiếc kẹp tóc bằng gỗ mun quần chỉ, vẫn đang bốc hơi nhờ được đun trong nước trà sôi. Phu nhân Murasaki giữ chắc tay thằng bé và khâu ngón tay cho nó, sáu mũi khâu khéo léo. Máu nhỏ xuống chiếc kimono bằng lụa trắng của cô. Trong lúc phu nhân Murasaki khâu vết

thương, Hannibal bình tĩnh nhìn cô. Thằng bé chẳng có phản ứng gì với cơn đau. Thằng bé dường như đang nghĩ đến chuyện gì đó khác.

Thằng bé nhìn sợi chỉ bị kéo căng, được tháo dần khỏi chiếc kẹp tóc. Đường vòng cung của lỗ khâu kim là hàm số của đường kính chiếc kẹp tóc, thằng bé nghĩ. Những trang sách của Huyghens vờn vãi trên tuyết, dính những mảnh óc.

Chiyoh đắp một cái lá lô hội vào vết thương và phu nhân Murasaki băng tay cho thằng bé. Khi cô thả tay nó ra, Hannibal bèn tới cạnh bàn trà, nhặt bông mẫu đơn lên tia gợn cuống. Nó cắm cành hoa mẫu đơn vào bình, hoàn thành một tác phẩm cắm hoa tao nhã. Nó nhìn thằng vào phu nhân Murasaki và Chiyoh.

Cơ mặt Hannibal thoáng chuyển động, như thể một sóng nước lăn tăn vừa chạy lướt qua mặt thằng bé và nó cố gắng nói “Cảm ơn”. Phu nhân Murasaki trao cho thằng bé nụ cười mỉm thấp thoáng xinh đẹp tuyệt trần, tán dương nỗ lực này, nhưng cô không để thằng bé phải trầy trật cố mãi.

“Cháu đi với cô nhé, Hannibal? Cháu cầm hoa giúp cô được không?”

Họ cùng nhau leo lên dây cầu thang dẫn đến phòng áp mái. Cánh cửa phòng áp mái ngày xưa vốn được lắp vào một chỗ khác trong căn nhà; một khuôn mặt được khắc lên cửa, một cái mặt nạ hài kịch Hy Lạp. Phu nhân Murasaki, cầm theo cây đèn nến, dẫn đường đi sâu vào trong căn phòng áp mái rộng mênh mông, băng qua bộ sưu tập ba trăm năm tuổi những món đồ lưu kho, những rương hòm, đồ trang hoàng Giáng sinh, đồ trang trí bãi cỏ, các món nội thất bằng liễu gai, trang phục kịch Noh và kịch Kabuki*, cùng một dây con rối dùng cho các lễ hội kịch cỡ như người thật treo lủng lẳng trên một thanh xà.

Ánh sáng yếu ớt len qua tấm rèm chắn sáng trên cửa sổ mái nằm cách xa cửa vào. Cây nến phu nhân Murasaki đang cầm chiếu sáng một bàn thờ nhỏ, một thần bằng* nằm đối diện cửa sổ. Trên bàn thờ, đặt ảnh các bậc tổ tiên của cô và của Hannibal. Một đàn hạc giấy, rất nhiều hạc giấy, vây xung quanh các bức ảnh. Ở đây, có một bức ảnh chụp cha mẹ Hannibal trong ngày cưới. Hannibal chăm chú nhìn cha mẹ dưới ánh nến. Mẹ thằng bé toát lên vẻ

hạnh phúc rạng ngời. Ánh nến từ cây đèn là ngọn lửa duy nhất trong căn phòng - trang phục của mẹ nó không bị cháy.

Hannibal cảm nhận được một sự hiện diện đang lờng lững bên cạnh nó, bên trên nó, và nó liếc nhìn vào bóng tối. Khi phu nhân Murasaki kéo tấm rèm che cửa sổ mái lên, ánh sáng đầu ngày bao trùm lên Hannibal, bao trùm lên sự hiện diện tối đen bên cạnh nó, bao trùm lên bàn chân bọc thép, cây quạt chiến* được nắm trong hai bàn tay đeo găng sắt, giáp che ngực và cuối cùng là chiếc mặt nạ sắt và cái mũ sắt có sừng của một chỉ huy samurai. Bộ áo giáp được đặt theo tư thế đang ngồi trên một cái bệ nâng. Vũ khí của vị samurai, đoản kiếm và trường kiếm, đoản đao và một cây rìu chiến, nằm trên một cái giá phía trước bộ áo giáp.

“Để hoa xuống đây đi, Hannibal,” phu nhân Murasaki nói, dọn quang một khoảng trên bàn thờ trước hai bức ảnh cha mẹ thẳng bé.

“Cô vẫn thường cầu nguyện cho cháu ở đây và cô rất mong cháu sẽ đích thân cầu nguyện, để xin tổ tiên phù hộ cho cháu được mạnh khỏe thông thái.”

Theo đúng phép lịch sự, Hannibal cúi đầu một lúc trước bàn thờ, nhưng thẳng bé không ngừng cảm thấy sức hút mãnh liệt của bộ giáp, dường như sự hiện diện ấy đang choán lấy thẳng bé. Nó bước tới chỗ cái giá, định sờ thử mấy món vũ khí. Phu nhân Murasaki giơ bàn tay lên ngăn thẳng bé lại.

“Bộ giáp này được đặt trong đại sứ quán ở Paris hồi cha của cô làm đại sứ tại Pháp thời kỳ trước chiến tranh. Cô chú đã giấu không để nó rơi vào tay quân Đức. Mỗi năm, cô chỉ chạm vào bộ giáp một lần. Mỗi năm, đến ngày sinh của cụ tổ cô, cô lại được vinh hạnh lau chùi bộ giáp cùng các vũ khí của cụ, dùng dầu hoa trà và dầu đình hương lau hết lượt những món này, mùi hương dễ chịu lắm.”

Cô tháo nút một cái chai và chìa cái chai ra cho thẳng bé người thử.

Có một cuộn giấy da nằm trên cái bệ trước bộ giáp. Cuộn giấy mở ra một đoạn vừa đủ để lộ khung hình đầu tiên, vị samurai mặc giáp trong một buổi tiếp kiến tùy tùng. Trong lúc phu nhân Murasaki bày biện lại thần bằng, Hannibal mở cuộn giấy ra thêm một đoạn nữa, đến khung hình tiếp theo, vị

samurai mặc giáp trước một dãy những cái đầu samurai, mỗi một cái đầu kẻ thù đều được đi kèm với tên của kẻ đã chết, thẻ tên được gắn vào mái tóc, còn trong trường hợp kẻ này trọc đầu thì thẻ tên sẽ được gắn vào tai.

Phu nhân Murasaki nhẹ nhàng gỡ cuộn giấy ra khỏi tay thằng bé và lại cuộn tấm da vào, chỉ để lộ ra khung hình cụ tổ của cô trong bộ giáp.

“Cái này là sau trận chiến lâu đài Osaka,” cô nói. “Còn có những cuộn giấy khác phù hợp hơn, chắc cháu sẽ thích cho xem. Hannibal, cô và chú của cháu sẽ rất mừng nếu cháu trở thành một người đàn ông giống như cha cháu, giống như chú của cháu.”

Hannibal liếc nhìn bộ giáp, ánh mắt hàm chứa một câu hỏi không lời.

Cô đọc được câu hỏi đó từ nét mặt thằng bé. “Cũng giống như cụ ấy nữa hả? Theo một cách nào đó thì đúng vậy, nhưng cần giàu lòng trắc ẩn hơn” - cô liếc nhìn bộ giáp như thể nó có thể nghe được cô nói, rồi mỉm cười với Hannibal - “nhưng cô sẽ không nói thể trước mặt cụ ấy bằng tiếng Nhật đâu.”

Cô tiến lại gần hơn, tay vẫn cầm cây đèn nến.

“Hannibal, cháu có thể rời bỏ vùng đất ác mộng. Cháu có thể trở thành bất cứ con người nào cháu hình dung. Hãy tiến đến với cây cầu của những giấc mơ. Cháu sẽ đi cùng cô chứ?”

Phu nhân Murasaki khác một trời một vực so với mẹ thằng bé. Cô không phải mẹ nó, nhưng thằng bé cảm nhận được sự hiện diện của cô trong lồng ngực mình. Ánh mắt nồng nhiệt của thằng bé có lẽ đã khiến cô bất an; cô quyết định phá vỡ bầu không khí này.

“Cây cầu của những giấc mơ sẽ dẫn tới mọi nơi, nhưng trước hết, nó phải bắc qua văn phòng của bác sĩ và trường học,” cô nói. “Cháu sẽ đi chứ?”

Hannibal đi theo cô, nhưng trước lúc đó, thằng bé cầm bông mẫu đơn vấy máu, vốn lọt thỏm giữa đồng hoa, và đặt nó lên cái bệ trước bộ giáp.

BÁC SĨ J.RUFIN HÀNH NGHỀ trong một ngôi nhà liền kề có một mảnh vườn bé tí teo. Tấm biển nằm khiêm tốn cạnh cổng ghi tên và chức danh của ông: *Bác sĩ y khoa, Tiến sĩ Tâm lý học, Bác sĩ tâm lý.*

Bá tước Lecter và phu nhân Murasakingoii trên ghế tựa trong phòng đợi cùng với những bệnh nhân khác của bác sĩ Rufin, một vài người cứ nhấp nhồm mãi không sao ngồi yên cho được.

Văn phòng bên trong của bác sĩ trang trí tẻ nhạt theo phong cách thời Victoria, với hai chiếc ghế bành đặt ở hai bên lò sưởi đối diện nhau, một cái ghế dài lót thảm tua rua và sát cửa sổ hơn là một bàn khám bệnh cùng máy khử trùng bằng thép không gỉ.

Bác sĩ Rufin, đế râu, tầm trung tuổi, ngồi trong ghế bành giống như Hannibal; ngài bác sĩ nói chuyện với thằng bé bằng giọng nhỏ nhẹ, dễ chịu.

“Hannibal, khi cháu nhìn cái máy đánh nhịp này đừng đưa qua lại, đừng đưa qua lại, và lắng nghe giọng nói của bác, cháu sẽ tiến vào trong một trạng thái gọi là thôi miên. Bác không yêu cầu cháu phải nói, nhưng bác muốn cháu cố gắng phát ra một âm thanh ám chỉ có hoặc không. Cháu sẽ cảm thấy yên tâm, có cảm giác như đang trôi bồng bênh.”

Giữa hai người họ, trên mặt bàn, trong chiếc máy đánh nhịp đang đều đặn tích tích, con lắc nhịp nhàng đu đưa. Một chiếc đồng hồ sơn hình biểu tượng các cung hoàng đạo và hình các tiểu thiên sứ đang tích tắc trên bệ lò sưởi. Trong lúc bác sĩ Rufin nói chuyện, Hannibal thầm đếm, so nhịp của chiếc máy đánh nhịp với chiếc đồng hồ. Chúng vừa cùng pha vừa lệch pha với nhau. Dựa vào khoảng cách của những nhịp đánh cùng pha và lệch pha, đồng thời ước lượng kích thước của con lắc đang đu đưa trong chiếc máy đánh nhịp, Hannibal băn khoăn không biết nó có thể tính toán ra được chiều dài của dây con lắc đồng hồ giấu mặt này không. Thằng bé kết luận rằng có thể và suốt trong lúc đó, bác sĩ Rufin vẫn đang nói.

“Hãy mở miệng phát ra một âm thanh nào đó, Hannibal, bất kỳ âm thanh nào cũng được.”

Mắt vẫn dán chặt vào chiếc máy đánh nhịp, Hannibal phát ra một âm thanh trầm thấp như tiếng xì hơi bằng cách phì khí ra từ giữa lưỡi và môi dưới.

“Tốt lắm,” bác sĩ Rufin nói. “Cháu hãy giữ vững sự bình tĩnh trong trạng thái thôi miên nhé. Vậy chúng ta sẽ dùng âm thanh nào để thay cho câu trả lời Không nhỉ? Không, Hannibal. Không.”

Hannibal đẩy môi dưới vào giữa hai hàm răng và xả khí từ má qua lợi trên, phát ra một tiếng xì hơi dữ dội.

“Chúng ta đang trò chuyện, Hannibal, và cháu có thể làm được. Cháu thấy giờ bác cháu ta có thể tiếp tục được không, cả bác cháu ta cùng cố gắng?”

Âm thanh xác nhận của Hannibal lớn đến mức nghe rõ mồn một từ phòng đợi, khiến các bệnh nhân nhìn nhau lo lắng. Bá tước Lecter bắt chéo chân và hăng giọng còn đôi mắt xinh đẹp của phu nhân Murasaki chậm rãi đảo lên nhìn trần nhà.

Một người đàn ông trông có vẻ đầy bất an nói, “Không phải tôi đâu.”

* * *

“Hannibal, bác được biết rằng cháu thường xuyên không ngủ ngon giấc,” bác sĩ Rufin nói. “Giờ hãy giữ vững sự bình tĩnh trong trạng thái thôi miên nhé, cháu kể cho bác nghe đôi chút về những thứ cháu đã nhìn thấy trong mơ được không?”

Hannibal, vẫn đang đếm tiếng tích tích, đáp lại bác sĩ Rufin bằng một tiếng phì trầm ngâm.

Trên mặt đồng hồ, số 4 La Mã được dùng ký hiệu IV chứ không phải IIII, để đối xứng với VIII ở phía bên kia. Hannibal thầm hỏi không biết liệu có phải như thế có nghĩa là nó có hệ thống điểm chuông La Mã* - hai hợp âm, một hợp âm tương đương với “năm” và một hợp âm tương đương với “một”.

Bác sĩ đưa cho thằng bé một tập giấy. “Cháu viết lại một vài thứ có lẽ cháu đã nhìn thấy được không? Cháu đã gọi tên em gái, cháu đã nhìn thấy

em gái à?”

Hannibal gật đầu.

Trong lâu đài Lecter, một số đồng hồ có hệ thống điểm chuông La Mã, một số thì không, nhưng tất cả những đồng hồ có hệ thống điểm chuông La Mã đều dùng ký hiệu IV chứ không phải IIII. Khi tháo một cái đồng hồ ra và giảng giải về bộ thoát đồng hồ, thầy Jakov đã kể về Knibb cùng những chiếc đồng hồ có hệ thống điểm chuông La Mã được ông phát minh thời kỳ đầu sẽ thật tuyệt nếu được ghé thăm Sản Phẩm Đồng hồ trong tâm trí, để nghiên cứu bộ thoát đồng hồ kia. Thăng bé đã định sẽ đi đến đó ngay lúc này, nhưng nếu thế thì sẽ phải kêu một tiếng dài với bác sĩ Rufin.

“Hannibal. Hannibal. Cháu hãy nghĩ đến lần cuối cùng cháu nhìn thấy em gái mình và viết lại xem cháu đã thấy gì nhé? Cháu sẽ viết lại xem cháu đã tưởng tượng ra cháu nhìn thấy gì nhé?”

Hannibal viết mà thậm chí chẳng buồn nhìn tập giấy, trong lúc đó vẫn đồng thời nhắm đếm cả nhịp điệu của chiếc máy đánh nhịp lẫn nhịp đồng hồ.

Bác sĩ Rufin có vẻ đã được cố vũ khi nhìn tập giấy. “Cháu đã thấy bộ răng sữa của cô bé à? Chỉ có bộ răng sữa của cô bé thôi à? Cháu nhìn thấy nó ở đâu, Hannibal?”

Hannibal với tay ra, chặn con lắc đứng lại, xem xét độ dài của nó và vị trí của quả cân so với cái đĩa cân trên máy đánh nhịp. Thăng bé viết lên tập giấy: *Trong một hố phân, bác sĩ ạ. Cháu mở nắp lưng cái đồng hồ được không?*

* * *

Hannibal đợi bên ngoài cùng các bệnh nhân khác.

“Là cậu đấy, không phải tôi đâu,” bệnh nhân có vẻ lo lắng kia lên tiếng. “Cậu cũng nên thừa nhận chuyện đó đi. Cậu có kẹo gôm không?”

* * *

“Tôi đã cố gắng hỏi thêm thông tin về đứa em gái, nhưng thăng bé đã cắt ngang quá trình,” bác sĩ Rufin nói. Bá tước đứng sau lưng ghế của phu nhân Murasaki trong phòng khám.

“Thành thật mà nói, thằng bé hoàn toàn là một ẩn số đối với tôi. Tôi đã khám cho thằng bé và xét về mặt thể chất, thằng bé là người khỏe mạnh. Tôi đã tìm thấy các vết sẹo trên da đầu nó, nhưng không có dấu vết bị vỡ lún xương sọ. Tuy nhiên, theo phỏng đoán của tôi, hai bán cầu não của thằng bé có thể hoạt động độc lập với nhau, giống như trong một số trường hợp bị chấn thương đầu, làm tổn thương quá trình truyền đạt thông tin giữa hai bán cầu. Thằng bé cùng lúc bám theo nhiều dòng tư duy, không hề bị phân tâm trong bất kỳ dòng tư duy nào, và một trong các dòng tư duy đó luôn luôn là thú tiêu khiển của nó.

“Vết sẹo trên cổ nó là dấu vết một sợi xích siết chặt vào da. Tôi đã từng nhìn thấy những vết sẹo như thế, ngay sau chiến tranh, khi các trại tập trung mở cửa. Thằng bé không nói em gái nó đã gặp chuyện gì. Tôi nghĩ thằng bé biết, cho dù nó có nhận ra điều đó hay không, và mỗi nguy hiểm nằm ở đây: trí óc nhớ những gì nó có thể nhớ được trong phạm vi chịu đựng và theo tốc độ của nó. Khi đã đủ sức chịu đựng ký ức đó, thằng bé sẽ nhớ lại.

* * *

“Tôi sẽ không thúc giục thằng bé và có cố thôi miên nó thì cũng không có tác dụng gì. Nếu nhớ lại quá sớm, thằng bé có thể vĩnh viễn bị đóng băng lại bên trong, không thể thoát khỏi nỗi đau. Ông bà sẽ để thằng bé sống trong nhà à?”

“Đúng vậy,” cả hai vợ chồng đáp nhanh.

Bác sĩ Rufin gật đầu. “Hãy cố gắng giúp cậu ấy hòa nhập tối đa vào gia đình ông bà nhé. Một khi đã trở lại với đời sống thực, cậu ấy sẽ gắn bó với ông bà một cách chặt chẽ đến mức ông bà không tưởng tượng nổi đâu.”

VÀO ĐỘ CHÍNH GIỮA MÙA HÈ NƯỚC PHÁP, một màn bụi phấn hoa giăng mắc trên khắp mặt sông Essone và đàn vịt bơi lội trong đám sậy. Hannibal vẫn không nói năng gì, nhưng những giấc ngủ của thằng bé đã bớt mộng mị và thằng bé đã có khẩu vị của một đứa trẻ mười ba tuổi đang trong giai đoạn trưởng thành.

Ông chú Robert Lecter sôi nổi hơn và ít thận trọng hơn cha Hannibal ngày xưa. Ông có cái tính khinh suất đúng chất nghệ sĩ đã được duy trì nhiều năm và lại kết hợp với thói liều lĩnh của tuổi tác.

Trên mái nhà, có một hành lang có thể làm nơi đi dạo. Phấn hoa đọng dày trong các khe mái, tô điểm cho rêu và đám nhện dù nương theo cánh gió phóng lướt qua. Xuyên qua tán cây, họ có thể nhìn thấy dòng sông bạc quanh co uốn lượn.

Ngài bá tước cao dong dỏng. Da ông lộ rõ vẻ xanh xao trong ánh sáng chan hòa trên mái nhà. Hai bàn tay đang đặt trên lan can của ông tuy gầy gò nhưng rất giống tay cha Hannibal.

“Dòng họ ta, chúng ta là những con người có phần khác thường, Hannibal ạ,” ông nói. “Tổ tiên ta đã nhận ra điều đó từ sớm và chú hy vọng đến giờ cháu cũng đã nhận thức được sự khác thường đó. Nếu bây giờ cháu có thấy phiền lòng vì điều đó thì rồi theo thời gian, trong tương lai, cháu cũng sẽ thấy thoải mái hơn. Cháu đã mất gia đình và mái nhà của mình, nhưng cháu có chú, cháu có Sheba. Cô ấy đúng là một nguồn vui, phải không? Cha cô ấy đã đưa cô ấy tới một cuộc triển lãm của chú ở khu trung tâm Tokyo hồi hai mươi lăm năm trước. Chú chưa từng nhìn thấy một đứa bé nào xinh đẹp nhường ấy. Mười lăm năm sau, khi ông ấy được cử sang Pháp giữ vai trò đại sứ, cô ấy cũng đi theo. Chú không tin nổi vào vận may của mình và lập tức xin trình diện tại đại sứ quán, bày tỏ mong muốn được cải sang Thần Đạo. Cha cô ấy nói tín ngưỡng tôn giáo của chú không nằm trong số những mối

quan tâm hàng đầu của ông ấy. Ông ấy chưa bao giờ chấp nhận chú, nhưng ông ấy thích tranh của chú. Các bức tranh! Lại đây xem.”

“Đây là xưởng vẽ của chú.” Xưởng vẽ là một căn phòng rộng sơn trắng nằm ở tầng trên cùng lâu đài. Nhiều bức tranh dang dở đang được căng trên giá vẽ và thêm nhiều bức tranh nữa dựng áp vào tường. Một cái ghế dài kê trên bục thấp, và bên cạnh nó trên giá treo là một chiếc áo kimono. Một khung toan phủ vải đặt trên giá vẽ gần đó.

Họ tiến vào một phòng nhánh, trong phòng đặt một khung vẽ to, kèm một xấp giấy in báo trắng trơn, chì than và mấy tuýp màu.

“Chú đã bố trí cho cháu một chỗ ở đây, xưởng vẽ riêng của cháu,” bá tước nói. “Cháu có thể tìm thấy sự khuây khỏa ở đây, Hannibal. Bất cứ khi nào có cảm giác mình sắp nổ tung đến nơi, cháu hãy vẽ đi! Lấy màu rồi vẽ! Những động tác tay phóng khoáng, thật nhiều màu sắc. Khi cháu vẽ, đừng cố nhắm đến một mục đích nào và cũng đừng cố khiến cho nó thật tinh xảo. Cháu muốn bao nhiêu tinh xảo thì cô Sheba sẽ cho cháu bấy nhiêu.” Ông nhìn dòng sông phía bên kia rặng cây. “Gặp lại cháu lúc ăn trưa nhé. Cháu nhờ bà Brigitte kiếm cho một cái mũ đi. Buổi chiều, khi nào cháu học xong, chúng ta sẽ đi chèo thuyền.”

Sau khi ngài bá tước rời khỏi phòng, Hannibal không lập tức tiến đến chỗ giá vẽ; thằng bé thần thơ đi quanh xưởng vẽ, nhìn ngắm các tác phẩm dang dở của ngài bá tước. Thằng bé đặt tay lên chiếc ghế dài, chạm vào chiếc kimono đang mặc trên giá và cầm nó lên áp vào mặt. Nó đứng trước cái giá vẽ phủ vải và nhấc tấm vải che lên. Bá tước đang vẽ dở bức tranh phu nhân Murasaki lỏa thể nằm trên ghế. Bức tranh đập thẳng vào đôi mắt trơn trũng của Hannibal, những đốm sáng nhảy múa trong đồng tử nó, đom đóm lập lòe chiếu sáng màn đêm đang bao trùm thằng bé.

* * *

Mùa thu đang đến gần và phu nhân Murasaki cho bày biện bữa tối ngoài bãi cỏ, để họ có thể ngắm trăng tròn và nghe tiếng côn trùng mùa thu. Họ đợi trăng mọc, Chiyoh chơi đàn dây trong bóng tối khi tiếng dế đã không

còn râm ran. Chỉ có tiếng vải lụa sột soạt và mùi hương đưa đường dẫn lối, nhưng Hannibal luôn biết chính xác phu nhân Murasaki đang ở chỗ nào.

Dế ở Pháp không sánh được với loài dế chuông độc đáo của Nhật Bản, loài suzumushi, bá tước giảng giải với thằng bé, nhưng sau này chắc sẽ được thôi. Hồi trước chiến tranh, bá tước đã vài lần biên thư đến Nhật, cố gắng kiếm một ít dế suzumushi cho phu nhân Murasaki, tuy nhiên không con dế nào sống sót được qua chuyến viễn du, nhưng ông chưa bao giờ kể cho cô biết.

Vào những đêm đứng gió, không khí vẫn còn ẩm ướt sau mưa, họ chơi trò Đoán mùi hương, Hannibal đốt các loại vỏ cây và que nhang trên một miếng mica để Chiyoh đoán mùi. Vào những lúc như vậy, phu nhân Murasaki sẽ chơi đàn koto để giúp Chiyoh tập trung, thỉnh thoảng những gợi ý âm nhạc này được lấy ra từ một vốn tiết mục mà Hannibal không cách nào theo được.

* * *

Thằng bé được đưa tới trường làng học và lập tức trở thành vật lạ vì không biết đọc thuộc lòng. Ngày thứ hai Hannibal đến trường, một thằng nhóc lớp trên đã nhổ nước bọt lên tóc một thằng lớp một nhỏ con và Hannibal đánh gãy mũi và xương cụt của thằng nhổ nước bọt kia. Hannibal được đưa về nhà, biểu cảm không mấy may thay đổi trong suốt quá trình này.

* * *

Từ đó, thay vì đến trường, thằng bé học cùng Chiyoh ở nhà. Từ bé, Chiyoh đã được đính hôn với con trai một gia đình thuộc giới ngoại giao ở Nhật và bây giờ, ở độ tuổi mười ba, cô bé đang được phu nhân Murasaki dạy cho các kỹ năng cần thiết.

Chương trình giảng dạy này khác hẳn chương trình giảng dạy của thầy Jakov, nhưng mỗi môn học đều có một vẻ đẹp riêng biệt, giống như môn toán của thầy Jakov, và Hannibal mê mẩn chúng.

Đứng trong phòng khách, gần khoảng không gian nhận được nhiều ánh sáng từ cửa sổ, phu nhân Murasaki dạy thư pháp, cây bút lông to vạch trên tờ nhật báo những nét chữ toát lên vẻ thanh nhã đặc biệt. Đây là biểu tượng

cho sự trường tồn, một hình tam giác đáng thương lắm. Bên dưới biểu tượng tao nhã này là tiêu đề bài báo *Các bác sĩ bị truy tố ở Nuremberg*.

“Bài tập này gọi là Vĩnh tự bát pháp*,” cô nói. “Cháu thử đi.”

Cuối buổi học, phu nhân Murasaki và Chiyoh mỗi người gấp một con hạc giấy, sau đó sẽ đặt hai con hạc này lên bàn thờ trong phòng áp mái.

Hannibal cầm một mẫu giấy origami lên để gấp hạc. Nhận thấy Chiyoh liếc nhìn phu nhân Murasaki với ánh mắt dò hỏi, thằng bé thoáng có cảm giác mình là một kẻ ngoài lề. Phu nhân Murasaki đưa cây kéo cho thằng bé. (Về sau, cô đã chỉnh đốn lại Chiyoh vì hành vi này - một hành vi không đúng mực vốn không được cho phép trong môi trường ngoại giao.)

“Chiyoh có một người em họ ở Hiroshima tên là Sadako,” phu nhân Murasaki giải thích. “Cô bé đang hấp hối vì nhiễm độc phóng xạ. Sadako tin rằng nếu gấp được một nghìn con hạc giấy, cô bé sẽ sống sót. Cô bé không đủ sức khỏe nên ngày nào cô và Chiyoh cũng giúp cô bé gấp hạc giấy. Cho dù những con hạc này có giúp cô bé khỏe lên được hay không, thì ít nhất khi gấp hạc, bọn cô cũng đang nghĩ đến cô bé, cũng như nghĩ đến những người bị nhiễm độc bởi chiến tranh ở khắp mọi nơi trên thế giới. Cháu gấp hạc cho bọn cô, Hannibal ạ, còn bọn cô sẽ gấp hạc cho cháu. Chúng ta hãy cùng gấp hạc giấy cho Sadako nhé.”

CỨ ĐẾN THỨ NĂM, dân làng lại dựng ô lên quanh đài phun nước và tượng Thống chế Foch, họp chợ rôm rả. Mùi giấm chua chua mặn mặn từ gian hàng đồ ngâm quần vào trong gió và cá cùng đủ các thể loại tôm cua sò hến đặt trên các lớp rong tủa ra mùi vị của biển.

Mấy cái radio phát ra các giai điệu đánh nhau chan chát. Gã quay đàn hộp dẫn theo con khi, vừa được thả khỏi chốn ăn ở thường xuyên trong tù sau bữa sáng, miệt mài quay đàn theo giai điệu “Sous les Ponts de Paris” cho tới khi có người mang cho tay nghệ sĩ lang thang này một ly rượu và cho con khi một miếng kẹo lạc. Gã quay đàn hộp nốc một hơi cạn ly rượu và tịch thu nửa cái kẹo lạc; đôi mắt nhỏ xíu lạnh lợi của con khi lập tức dõi theo tay ông chủ, nhìn xem gã cất nửa thanh kẹo vào bên túi nào. Hai tay hiển binh, như thường lệ, cho gã nhạc sĩ kia một bài răn dạy cảnh cáo chẳng có chút trọng lượng nào rồi sau đó tìm đến quầy bánh ngọt.

Mục tiêu của phu nhân Murasaki là Quầy rau Bulot, quầy rau ngon nhất, để mua mầm dương xỉ. Mầm dương xỉ là món khoái khẩu của bá tước và chúng được bán hết rất nhanh.

Hannibal xách giỏ đi theo cô. Thăng bé dừng lại quan sát một người bán phó mát bôi dầu lên một sợi dây đàn piano rồi lấy sợi dây cắt một tảng Grana to tướng. Người bán phó mát cho thăng bé ném thử một miếng và nhờ nó giới thiệu món này cho bá tước phu nhân.

Phu nhân Murasaki không nhìn thấy chút mầm dương xỉ nào trên quầy, nhưng cô chưa kịp hỏi thì ông Bulot chủ quầy rau đã nhấc từ dưới quầy lên một cái giỏ đựng những chiếc lá dương xỉ non chưa nở. “Đây là những mầm dương xỉ thượng hạng nên tôi không dám để ánh mặt trời chiếu vào, thưa phu nhân. Để che cho chúng trong lúc đợi bà đến, tôi đã dùng một tấm vải đắp sương trong vườn chứ không phải vải được làm ẩm bằng nước dậu.”

Ở dãy hàng quán bên kia đường, đối diện với quầy bán rau quả, Paul Momund quần chiếc tạp dề dính máu, ngồi bên một chiếc bàn gỗ ghép, đang làm thịt gà, ném những phần đầu thừa đuôi thẹo vào một cái xô và bỏ riêng mẽ cùng gan vào hai cái bát. Tay đồ tể vóc người đô cao, lực lưỡng, căng tay xăm hình một quả anh đào kèm câu chú giải *Voici la Mienne, où est la Tienne?** Màu đỏ của quả anh đào đã phai, nhạt hơn cả màu máu trên hai tay gã. Anh trai Paul Đồ Tể, người thích hợp với vai trò giao dịch buôn bán hơn, đứng trực ở quầy thu ngân bên dưới tấm bảng rôn *Thịt ngon nhà Momund*.

Anh trai Paul mang một con ngỗng đến cho gã mổ. Paul tợp một ngụm rượu bã nho đựng trong cái chai để bên cạnh và lấy bàn tay dính máu lau mặt, làm máu và lông dính cả vào hai bên má.

“Thư thả đi, Paul,” gã anh nói. “Chúng ta có một ngày dài đấy.”

“Sao anh không vặt lông cái con chết bầm này đi? Tôi cứ tưởng anh còn thích vặt lông hơn cả đi chịch ấy chứ,” Paul Đồ Tể nói, vẻ thích thú cực độ.

Hannibal đang nhìn một cái đầu lợn bày trong quầy hàng thì nghe tiếng Paul vang lên.

“Ê, con người Nhật!”

Và giọng Bulot Hàng Rau, “Ông ơi, xin ông đấy! Không được nói thế đâu.”

Lại giọng Paul: “Ê, con người Nhật, nói nghe coi, có đúng là chỗ ấy của mày nằm ngang không? Với một nhúm lông trắng trông như vụ nổ vậy?”

Đến lúc đó, Hannibal nhìn về phía Paul, mặt lem nhem dính lông và máu, *giống như Mắt Xanh, giống như Mắt Xanh đang gặm bộ da chim*.

Paul quay sang nhìn anh trai gã. “Để tôi kể cho mà nghe, hồi ở Marseilles, tôi từng vớ được một con người Nhật có thể bọc trọn...”

Cái chân cừu đập vào mặt Paul, hất gã bật ngửa ra sau, ngã vào giữa đồng nội tạng chim và Hannibal đề lên người gã, cái chân cừu liên tục giơ lên và giáng xuống cho đến khi nó tuột khỏi tay thẳng bé rơi xuống, và đến lúc đó, thẳng bé bèn với tay ra sau, định tóm lấy con dao mổ thịt trên bàn nhưng không tìm thấy con dao mà thay vào đó chỉ vớ được một nắm lòng gà đập vào mặt Paul, gã đồ tể cũng giơ cả hai nắm tay máu me to tướng lên nện liên

hồi vào thẳng bé. Anh trai Paul đá vào sau đầu Hannibal, chop lấy một cái búa dần thịt để trên mặt quây, nhưng phu nhân Murasaki đã bay từ ngoài vào trong quây thịt, xô gã ra và hét lên, “*Kiai!*”

Phu nhân Murasaki nắm chắc một con dao thái thịt bản rộng, kề vào cổ họng ông anh trai gã đồ tể, đúng tư thế như sắp chọc tiết lợn, và cô nói, “Không được nhúc nhích, các quý ông.” Họ giữ nguyên tư thế một lúc lâu, chờ đám cảnh sát thối còi chạy tới, hai bàn tay khổng lồ của Paul bao quanh cổ họng Hannibal còn mắt ông anh trai của gã thì giần giật liếc về chỗ con dao đang kề vào cổ, trong lúc Hannibal sờ soạng, rờ rẫm trên mặt bàn đằng sau lưng. Hai gã hiến binh, trượt chân loạng choạng trên đồng nội tạng vút đi, lôi Paul Đồ Tể và Hannibal tránh xa nhau ra, một gã hiến binh xách thẳng bé rời khỏi người gã đồ tể, nhắc nó lên khỏi mặt đất đặt xuống phía bên kia quây thịt.

Giọng Hannibal khàn khàn không rõ vì đã lâu không dùng đến, nhưng gã đồ tể vẫn hiểu. Thằng bé nói “Đồ súc vật” bằng giọng cực kỳ điềm tĩnh. Câu nói không giống câu chửi mà thật ra nghe như thể thằng bé đang phân loại.

* * *

Đồn cảnh sát đối diện quảng trường, một viên trung sĩ trực ở sau quây.

Hôm nay, cảnh sát trưởng mặc thường phục, một bộ quần áo họa tiết nhiệt đới nhàu nhĩ. Ông ta trạc ngũ tuần, rệu rã vì cuộc chiến tranh. Trong văn phòng riêng, ông ta mời phu nhân Murasaki và Hannibal ngồi, rồi chính mình cũng ngồi xuống. Ông ta hầu như chẳng để gì trên bàn, chỉ có một cái gạt tàn Cinzano và một chai thuốc dạ dày Clanzoflat. Ông ta mời phu nhân Murasaki hút thuốc. Cô từ chối.

Hai hiến binh ở chợ lúc này gõ cửa rồi tiến vào trong. Họ đứng áp vào tường, kín đáo quan sát phu nhân Murasaki qua khe cửa.

“Hai người ngồi đây có ai đánh các cậu hay chống cự lại các cậu không?” cảnh sát trưởng hỏi hai viên hiến binh. “Không ạ, thưa sếp.”

Cảnh sát trưởng vẫy tay ra hiệu cho họ báo cáo kết quả thẩm vấn.

Tay hiến binh già hơn xem xét sổ ghi chép. “Bulot chủ quây rau khai rằng gã đồ tể đã phát rồ và nhằm nhằm muốn đoạt lấy dao, la hét âm ỉ đòi giết tất

cả mọi người, thậm chí đòi giết hết các xơ trong nhà thờ.”

Cảnh sát trưởng đảo mắt nhìn lên trần, cố gắng tỏ ra kiên nhẫn.

“Gã đồ tể là dân Vichy*, và như sếp có lẽ đã biết, gã vốn chẳng được mấy ai ưa,” ông ta nói. “Tôi sẽ làm việc với gã. Tôi rất lấy làm tiếc vì bà đã phải chịu sự sỉ nhục như thế, thừa phu nhân Murasaki. Chàng trai này, nếu sau này có khi nào thấy có người xúc phạm phu nhân đây, thì cậu cứ đến gặp tôi. Cậu hiểu chứ?”

Hannibal gật đầu.

“Tôi sẽ không để cho bất kỳ ai trong làng này bị tấn công, trừ phi chính tôi là người ra tay.” Cảnh sát trưởng đứng dậy tiến đến sau lưng thẳng bé. “Xin phép bà, thừa phu nhân. Đi với tôi nào, Hannibal.”

Phu nhân Murasaki ngược nhìn viên hiến binh. Ông ta khẽ lắc đầu.

Cảnh sát trưởng dẫn Hannibal tới phía cuối đồn cảnh sát, chỗ có hai cái xà lim, một cái giam một gã say rượu đang ngủ, cái còn lại mới đây còn là chỗ giam gã quay đàn hộp và con khỉ, cái bát nước của con khỉ vẫn đang nằm nguyên trên sàn.

“Đứng vào trong kia đi.”

Hannibal đứng giữa xà lim. Cảnh sát trưởng đóng sập cánh cửa xà lim lại, âm thanh lớn đến nỗi gã say rượu cũng bị đánh động, gã cựa mình càu nhàu gì đó.

“Nhìn mặt sàn đi. Cậu có thấy các tấm ván sàn lem nhem và bị co lại như thế nào không? Chúng đều đã bị ngâm trong nước mắt đấy. Thử mở cửa đi. Cứ thử đi. Cậu sẽ thấy từ phía bên đó, không cách nào mở cửa ra được. Tính nóng nảy tuy hữu dụng thật đấy nhưng cũng rất nguy hiểm. Hãy vận dụng óc suy xét của mình và cậu sẽ không bao giờ bị tống vào cái xà lim nào như thế này. Tôi chưa từng tha cho bất cứ ai. Lần này tôi sẽ tha cho cậu. Nhưng đừng có làm thế nữa. Đừng có lấy thịt quất ai nữa.”

Cảnh sát trưởng hộ tống phu nhân Murasaki và Hannibal ra xe. Khi Hannibal đã vào trong xe, phu nhân Murasaki nấn ná thêm một lát với viên cảnh sát.

“Ngài cảnh sát trưởng này, tôi không muốn chông tôi biết chuyện này. Bác sĩ Rufin có thể cho ông biết lý do.”

Ông ta gật đầu. “Nếu ngài bá tước có nghe được chuyện này và hỏi tôi, tôi sẽ nói là do đám say rượu ấu đả và cậu bé tình cờ bị vướng vào. Tôi rất lấy làm tiếc vì sức khỏe ngài bá tước không được tốt lắm. Còn về nhiều phương diện khác thì ngài ấy đúng là người đàn ông may mắn nhất rồi.”

* * *

Trong môi trường làm việc cô lập của mình ở lâu đài, ngài bá tước có lẽ sẽ chẳng bao giờ nghe nhắc đến vụ tai nạn kia. Nhưng tối đó, đương lúc ông hút xì gà, gã tài xế Serge từ làng quay về, mang theo báo buổi tối và kéo ông ra một góc.

* * *

Phiên chợ ngày thứ Sáu được tổ chức ở Villiers, cách đó mười dặm. Bá tước, nhợt nhạt và thiếu ngủ, bước ra khỏi ô tô đúng lúc Paul Đồ Tế đang mang một tảng thịt cừ vào trong quầy. Cây ba toong của bá tước quét ngang môi trên của Paul, đoạn ông bay về phía gã đồ tế, chém ba toong xuống.

“Đồ rác rưởi, mày đã sỉ nhục vợ tao!!”

Paul thả rơi tảng thịt và thô bạo xô ngài bá tước ra, thân hình gầy gò của ông bắn ngược ra sau đập vào quầy và ông lại xông tới, vung ba toong lên, nhưng rồi ông dừng lại, khuôn mặt toát lên vẻ ngạc nhiên. Ông nâng hai bàn tay lên, định với tới cái áo gi lê đang mặc trên người nhưng chỉ giơ lên được nửa chừng thì đã ngã sấp xuống sàn gian hàng của gã đồ tế.

BỰC BỘI TRƯỚC TIẾNG THAN KHÓC, tiếng thánh ca rầm rì cùng những lời hỏi han vô vị ở đám tang, Hannibal Lecter, mười ba tuổi và là thành viên cuối cùng của dòng họ, đứng cạnh phu nhân Murasaki và Chiyoh nơi cửa nhà thờ, lơ đãng bắt tay các vị khách đến dự tang lễ - lúc này đang lần lượt nối nhau ra về, cánh phụ nữ ngay khi vừa rời khỏi nhà thờ bèn bỏ hết khăn mũ, để đầu trần, vì sau thời chiến, người dân đã nảy sinh định kiến với các thể loại khăn trùm đầu.

Phu nhân Murasaki lắng nghe, đáp lại khách khứa một cách đúng mực duyên dáng.

Nhận thấy sự mệt mỏi của cô, Hannibal vùng thoát khỏi tâm trạng u ám và thẳng bé nhận ra để cô khỏi phải nói năng gì, chính nó đang nói, giọng nói mới tìm lại được của thẳng bé nhanh chóng biến dạng thành những âm thanh khào khào. Nếu có thấy ngạc nhiên vì nghe thấy thẳng bé cất tiếng nói thì phu nhân Murasaki cũng không để lộ ra, cô chỉ cầm tay thẳng bé siết thật chặt, còn bàn tay kia chìa ra cho vị khách dự lễ tang tiếp theo trong hàng.

Một đám nhà báo và phóng viên thời sự từ Paris đã bu đầy nơi đây để đưa tin về cái chết của một nghệ sĩ lớn, một nhân vật đã tránh họ như tránh tà suốt lúc sinh thời. Phu nhân Murasaki không thèm bắt chuyện với họ.

Buổi chiều cái ngày dài vô tận ấy, luật sư của ngài bá tước đến lâu đài cùng với một viên chức Cục Thuế vụ. Phu nhân Murasaki mời họ dùng trà.

“Thưa bà, tôi không muốn làm phiền bà giữa lúc tang gia bối rối,” nhân viên thuế vụ nói, “nhưng tôi chỉ muốn chắc chắn rằng bà sẽ có đủ thời gian cần thiết nhằm thu xếp mọi việc trước khi tòa lâu đài bị đem bán đấu giá để thanh toán thuế thừa kế. Chúng tôi rất mong có thể đồng ý để bà đứng ra bảo lãnh cho khoản thuế thừa kế này, nhưng vì tình trạng cư trú hiện tại của bà ở Pháp sắp tới cũng sẽ cần phải xem xét lại, nên chúng tôi không thể làm thế được.”

Cuối cùng, màn đêm cũng buông xuống. Hannibal dẫn phu nhân Murasaki về đến tận cửa phòng ngủ của cô, còn Chiyoh đã trải sẵn nệm trong phòng để ngủ cùng.

Thằng bé thao thức mãi mới ngủ được, nhưng giấc ngủ vừa đến thì giấc mơ cũng đến theo.

Khuôn mặt nhoe nhoét máu và lông của Mắt Xanh đang dần biến đổi thành mặt Paul Đồ Tể và rồi ngược lại.

Hannibal tỉnh dậy giữa đêm tối, nhưng những hình ảnh kia vẫn không ngừng hiển hiện trước mắt, những khuôn mặt như những ảnh nổi ba chiều hiện giữa trần nhà. Giờ đây, khi đã có thể cất tiếng nói, thằng bé không còn la hét nữa.

Hannibal ngồi dậy, lặng lẽ leo lên cầu thang tới xưởng vẽ của bá tước. Thằng bé thắp sáng hai ngọn chùc đài được đặt hai bên giá vẽ. Các bức tranh trên tường, cả những tác phẩm đã hoàn thiện lẫn đang còn dang dở, dường như đã được thổi hồn sau cái chết của người nghệ sĩ đã sáng tạo ra chúng. Hannibal có cảm giác các bức tranh dường như đang vận hết sức vờn mình tìm kiếm linh hồn của ngài bá tước, như thể chúng có thể tìm thấy hơi thở của ông.

Những cây chổi vẽ đã được vệ sinh sạch sẽ của ông chú Hannibal đang được dựng trong một chiếc hộp nhỏ, phấn vẽ và than chì đựng trong những chiếc khay chia rãnh. Bức tranh vẽ phu nhân Murasaki đã biến mất và cô cũng đã lấy cả bộ kimono ra khỏi giá.

Hannibal bắt đầu vung tay vẽ, như bá tước đã khuyên, cố gắng giải phóng cảm xúc, vạch những đường chéo mạnh mẽ ngang tờ giấy in báo, quét những nhát bút màu phóng khoáng. Chẳng có tác dụng gì. Đến lúc trời tảng sáng, thằng bé thôi ép buộc; nó từ bỏ nỗ lực thúc đẩy bản thân mà chỉ đơn giản quan sát cái hình dạng vừa được bàn tay khai mở trước mắt nó.

HANNIBAL NGỒI TRÊN MỘT GỐC CÂY giữa trảng đất nhỏ bên bờ sông, vừa gảy đàn dây vừa quan sát một con nhện giăng tơ. Con nhện màu đen vàng lộng lẫy này thuộc loài thợ dệt quả cầu, đang miệt mài chăng mạng. Tấm mạng nhện rung rung theo đà lao động của con nhện. Con nhện có vẻ bị tiếng đàn kích thích, không ngừng chạy ngang chạy dọc khắp tấm mạng nhện để kiểm tra các con mồi, trong lúc Hannibal bập bùng gảy đàn. Thăng bé có thể đánh khá trôi chảy ca khúc Nhật Bản đó, nhưng thỉnh thoảng nó vẫn gảy sai nốt. Hannibal nghĩ đến chất giọng nữ trầm êm ái của phu nhân Murasaki, thỉnh thoảng lại bị lạc vào một vài âm tiết vốn không hiện diện trong bảng thang âm phương Tây. Thăng bé gảy đàn bên tấm mạng nhện, lúc tiến lại gần lúc lùi ra xa. Một con ong đang bay rì rì thì đâm sầm vào mạng nhện và lập tức bị con nhện lao tới nhả tơ trói lại.

Không khí yên tĩnh và ấm áp, dòng sông phẳng lặng như tờ. Gần hai bên bờ sông, những con bọ nước lướt vèo vèo ngang qua mặt nước và đàn chuồn chuồn lao vun vút phía trên đám lau sậy. Paul Đồ Tế một tay chèo con thuyền nhỏ, để mặc nó dập dềnh trôi gần đám liễu ven bờ đang la đà rủ bóng trên dòng nước. Mấy con dế kêu rúc rúc trong giỏ mồi của Paul, thu hút một con ruồi mắt đỏ và con ruồi bay thoát khỏi bàn tay to tướng của Paul lúc gã tóm một con dế móc vào lưỡi câu. Paul quăng dây câu bên dưới tán liễu và ngay lập tức phao câu chìm xuống mặt nước, cần câu lay động.

Paul quay tay quay cần câu kéo con cá lên rồi móc nó vào dây khóa móc cá đang treo ngoài thành thuyền, cùng với đám cá còn lại. Bận rộn xử lý con cá, gã đồ tế chỉ loáng thoáng nghe thấy tiếng đàn văng vẳng trong không trung. Gã mút sạch máu cá trên ngón tay cái và chèo thuyền tiến về một cầu tàu nhỏ trên bờ sông rậm rạp cây cối, chỗ gã đỗ xe tải. Gã bỏ con cá to nhất lên cái ghế băng xù xì trên cầu tàu để làm sạch rồi bỏ con cá vào trong một cái túi vải kèm theo một ít đá. Bọn cá còn lại vẫn còn sống, được móc vào

dây khóa móc cá ngâm trong nước. Cố gắng ấn mình, bầy cá kéo sợi dây trì xuống bên dưới cầu tàu.

Âm thanh từng từng vang giữa không trung, một giai điệu đứt quãng vọng lại từ đâu đó cách xa nước Pháp. Paul nhìn chiếc xe tải, như thể âm thanh kia có lẽ phát ra từ một cái máy nào đó. Vẫn cầm theo con dao lạng cá, gã leo lên trên bờ kiểm tra chiếc xe tải, xem xét ăng ten radio, ngắm nghía mấy lớp xe. Gã chắc chắn đã khóa chắc cửa xe. Âm thanh từng từng lại vang lên lần nữa, giờ đã thành một chuỗi âm điệu.

Paul bám theo hướng âm thanh vắng đến, đi vòng qua mấy bụi rậm, tiến vào giữa trảng đất nhỏ và thấy Hannibal đang ngồi trên gốc cây đánh đàn dây Nhật Bản, hộp đàn dựng vào một chiếc mô tô. Bên cạnh thằng bé là một tập giấy vẽ. Paul lập tức quay trở lại xe, kiểm tra ống dẫn nhiên liệu xem có bị nhét đường vào không. Hannibal vẫn miệt mài chơi đàn, không hề ngừng đầu lên, cho tới tận lúc tên đồ tể quay trở lại, đứng trước mặt nó.

“Paul Momund, thật ngon,” Hannibal nói. Thị lực của thằng bé đang thể hiện rõ sự tinh tường, nhìn ra được những viên màu đỏ khúc xạ, như băng trên cửa sổ hoặc rìa một thấu kính.

“Mày biết nói rồi đấy nhỉ, thằng lỏi câm. Mày mà tè vào bếp của tao là tao vặn gãy cổ mày ra cho xem. Ở đây chẳng có thằng cớm nào để mà giúp mày đâu.”

“Cũng chẳng có tay cớm nào để giúp mày.” Hannibal gảy thêm vài nốt nhạc nữa. “Những chuyện mày đã làm là không thể tha thứ được.”

Hannibal đặt cây đàn xuống và cầm tập giấy vẽ lên. Ngược nhìn Paul. Thằng bé lấy ngón tay út làm tẩy để sửa một chi tiết nhỏ trên tập giấy.

Thằng bé lật giấy để chuyển sang một trang trắng và rồi đứng dậy, chìa tập giấy cho Paul. “Mày nợ quý bà ấy một lời xin lỗi bằng giấy trắng mực đen đấy.” Mùi hôi hám từ người Paul xộc vào mũi Hannibal, tóc gã bấn thiu và nhờn mỡ.

“Nhóc à, mày có điên thì mới vác xác đến đây.”

“Viết lời xin lỗi cô ấy đi, nói rằng mày nhận ra mày đã cư xử thật hèn hạ, và rằng mày sẽ không bao giờ nhìn cô ấy hay bắt chuyện với cô ấy trong chợ

nữa.”

“Xin lỗi con người Nhật hả?” Paul cười phá lên. “Điều đầu tiên tao làm là ném mỳ xuống sông rửa cho sạch sẽ.” Gã đặt tay lên dao. “Rồi sau đó tao sẽ rạch quần mỳ ra và cho mỳ một thứ vào cái chỗ mà mỳ sẽ không muốn đâu.” Nói đến đó, gã bước về phía Hannibal, còn thằng bé lùi lại tiến đến gần chỗ chiếc mô tô và hộp đàn.

Hannibal dừng lại. “Theo tao biết, mỳ đã hỏi han về chỗ kín của cô ấy. Mỳ đã đoán là nó nằm theo chiều nào ấy nhỉ?”

“Nó là mẹ mỳ à? Cái ấy của bọn Nhật nằm ngang đấy! Mỳ cứ chịch con Nhật bé nhỏ ấy đi rồi sẽ thấy.”

Paul lao về phía trước, hai bàn tay to tướng giơ lên định tóm siết thằng bé, nhưng Hannibal đã nhanh như chớp rút thanh gươm cong giấu trong hộp đàn ra và chém ngang một nhát từ đầu bên này sang đầu bên kia bụng dưới Paul.

“Năm ngang như này hả?”

Tiếng hét của gã đồ tể rung chuyển rừng cây và đàn chim táo tác bay lên. Paul đặt tay lên bụng và hai bàn tay gã nhanh chóng thấm đẫm máu. Gã đồ tể cúi nhìn vết thương, cố gắng giữ bình tĩnh, bộ ruột phòi ra ngoài bụng gã, tràn thành một đồng trên hai tay gã. Hannibal bước sang một bên rồi xoay người chém thêm một nhát gươm ngang lồng ngực, từ thận bên này sang thận bên kia.

“Hay sát vào xương sống hơn?”

Giờ thanh gươm lại vung lên, vạch vào người Paul thành những hình chữ X, mắt Paul trợn trừng sững sốt và gã đồ tể cố gắng tháo chạy, tóm lấy hai bên xương đòn, một dòng máu từ động mạch của gã bắn ra xịt vào mặt Hannibal. Hai nhát chém tiếp theo rạch vào phía sau chân Paul và gã đồ tể bị cắt đứt gân kheo đổ sụm xuống, rú lên như một con bò.

Paul Đồ Tể ngồi tựa vào cái cây bị đốn trơ gốc. Gã không nhấc tay lên được nữa.

Hannibal nhìn thẳng vào mặt gã. “Mày có muốn xem tao vẽ gì không?”

Thằng bé chìa tập giấy vẽ ra. Trên tờ giấy là hình vẽ cái đầu của Paul Đồ Tể nằm trên một cái đĩa phẳng, tóc gán nhãn tên. Cái nhãn đề *Paul Momund*,

Thịt Ngon. Hình ảnh xung quanh rìa tầm nhìn của Paul tối dần lại. Hannibal vung gươm và trong một thoáng, mọi cảnh vật trong mắt Paul chuyển sang tư thế nằm ngang, rồi sau đó, áp suất máu biến mất và bóng tối bao trùm.

Trong bóng tối của chính mình, Hannibal nghe thấy giọng Mischa vang lên trong lúc con thiên nga tiến về phía trước, và thằng bé nói lên thành tiếng, “Ôô, Anniba!”

Chiều tà buông. Hannibal vẫn ở lại bên bờ sông cho tới tận hoàng hôn, hai mắt nhắm lại, tựa vào gốc cây đặt cái đầu của gã đồ tể. Thằng bé mở mắt ra và ngồi đó thêm một lúc nữa. Cuối cùng, nó đứng dậy đi đến cầu tàu. Sợi dây móc cá được làm bằng một sợi xích mảnh và nhìn thấy sợi xích, thằng bé không kiềm chế được mà chà tay lên vết sẹo quanh cổ. Mấy con cá trên sợi dây móc vẫn còn sống. Thằng bé nhúng ướt tay rồi mới sờ vào lũ cá, lần lượt cởi bỏ trói buộc cho từng con.

“Đi đi,” thằng bé nói, “Đi đi,” và ném sợi xích trống trơn ra xa vào giữa dòng nước.

Thằng bé cũng giải phóng bọn dế. “Đi đi, đi đi!” nó bảo bọn dế. Thằng bé ngó vào trong cái túi vải, thấy con cá to đã được làm sạch và dạ dày bất chợt quặn lại vì đói.

“Chẹp chẹp,” nó nói.

CÁI CHẾT BẤT ĐẶC KỲ TỬ CỦA PAUL ĐỒ TẾ không được xem là một bi kịch trong mắt rất nhiều dân làng, những người từng chứng kiến thị trường và các ủy viên hội đồng thị trấn bị phát xít Đức bắn chết để đáp trả lại những nỗ lực kháng chiến của người dân trong suốt thời kỳ bị chiếm đóng.

Phần lớn thi thể của Paul được đặt nằm trên một cái bàn trắng kẽm trong phòng ướp xác ở Pompes Funebres Roget, cũng chính là nơi trước đây đã đặt xác bá tước Lecter. Chạng vạng tối, một chiếc Citroën Traction Avant màu đen đỗ lại trước nhà tang lễ. Một tay hiến binh đứng gác ở trước cửa vội chạy tới mở cửa xe.

“Chào ngài thanh tra.”

Người đàn ông vừa bước ra khỏi xe trạc bốn mươi tuổi, mặc com lê gọn gàng. Anh ta gật đầu thân thiện, đáp lại lời chào lịch sự của tay hiến binh, rồi quay người về phía chiếc xe, nói với tài xế và một viên cảnh sát khác đang ngồi ở ghế sau. “Mang mấy cái hộp kia đến đồn cảnh sát nhé.”

Viên thanh tra tìm thấy ông chủ nhà tang lễ - ông Roget, và cảnh sát trưởng ở trong phòng ướp xác.

Cảnh sát trưởng mừng hóm khi nhìn thấy viên cảnh sát từ Paris tới.

“Thanh tra Popil! Anh đến được đây thì tốt quá. Có lẽ anh không nhớ tôi đâu, nhưng...”

Viên thanh tra nhìn cảnh sát trưởng một hồi. “Tất nhiên tôi nhớ chứ. Cảnh sát trưởng Balmain. Ông đã giải De Rais tới Nuremberg và ngồi ngay sau hẳn ta ở phiên tòa.

“Tôi đã thấy anh mang bằng chứng tới. Thật vinh dự quá, thưa ngài.”

“Chúng ta có gì vậy?”

Laurent, trợ lý giám đốc nhà tang lễ, kéo tấm chăn phủ người chết ra.

Cái xác của Paul Đồ Tể vẫn đang mặc quần áo, những vết đỏ dài rạch chéo trên bụng, ở những chỗ áo của gã không ướt sũng máu. Gã đã mất đầu.

“Paul Momund, hoặc phần lớn cơ thể ông ta,” cảnh sát trưởng nói. “Hồ sơ của ông ta đây à?”

Popil gật đầu. “Vừa lùn vừa xấu. Ông ta chuyên chở người Do Thái từ Orléans đi.” Viên thanh tra nghiên cứu cái xác, đi vòng xung quanh nó, nâng bàn tay và cánh tay Paul lên, hình xăm đơn giản trên tay gã giờ có vẻ tươi màu hơn trên làn da nhợt nhạt. Viên thanh tra lơ đãng nói, như thể tự nói một mình. “Bàn tay ông ta có những vết thương do tự vệ, nhưng các đốt ngón tay lại có nhiều vết bầm tím lâu ngày rồi. Đạo gần đây ông ta đã đánh nhau.”

“Khá thường xuyên ấy chứ,” giám đốc nhà tang lễ nói.

Trợ lý Laurent đột ngột góp lời. “Thứ Bảy vừa rồi, ông ta đã đánh nhau ở quán bar và nện gãy răng một người đàn ông và một phụ nữ.” Laurent giật mạnh đầu để minh họa các cú đánh mạnh đến mức nào, mái tóc hất ngược về phía sau nẩy nẩy trên cái sọ bé tí của anh ta.

“Liệt kê giùm tôi nhé. Những địch thủ gần đây của ông ta ấy,” viên thanh tra nói. Anh ta cúi người phía trên cái xác, khịt khịt mũi. “Ông không làm gì với cái xác này đây chứ, ông Roget?”

“Không làm gì cả, ngài thanh tra. Ngài cảnh sát trưởng đặc biệt nghiêm cấm tôi...”

Thanh tra Popil vẫy ông ta tiến lại gần bàn. Laurent cũng đi theo. “Ở đây các anh có dùng bất cứ thứ gì có mùi như này không?”

“Tôi ngửi thấy mùi xyanua” giám đốc nhà tang lễ Roget nói. “Trước khi chết ông ta đã bị đầu độc!”

“Xyanua có mùi quả hạnh cháy,” Popil nói.

“Nó có mùi thuốc chữa đau răng,” Laurent nói, lơ đãng xoa cằm.

Giám đốc nhà tang lễ quay sang phía viên trợ lý. “Đồ điên! Mà nhìn thấy răng của ông ta ở đâu mới được chứ?”

“Đúng đấy. Dầu đinh hương” thanh tra Popil nói. “Cảnh sát trưởng, chúng ta đi gặp dược sĩ và yêu cầu ông ta cho xem sổ sách được chứ?”

* * *

Dưới sự hướng dẫn của đầu bếp, Hannibal đã ướp con cá to ngon lành kia, vẫn để nguyên vảy, bằng các loại thảo mộc, bọc nó trong một lớp muối biển Brittany rồi đem nướng, và giờ đã đến lúc thằng bé lấy cá ra khỏi lò. Thằng bé lấy sòng dao làm bếp gõ một cách dứt khoát lên khối cá nướng để lớp muối bọc ngoài vỡ ra, sau đó lột bỏ lớp vỏ bọc dính vảy cá, và một mùi thơm nức mũi tỏa khắp căn bếp.

“Cẩn thận đấy, Hannibal,” đầu bếp nói. “Phần ngon nhất của con cá là hai cái má. Ở rất nhiều loài sinh vật khác cũng vậy. Khi nào lạng thịt cá trên bàn ăn, cậu hãy đưa một bên má cho bá tước phu nhân và một bên má còn lại cho vị khách quý. Tất nhiên, nếu đang chia trong bếp thì cậu cứ ăn cả hai bên má đi.”

Serge bước vào, mang theo các món tạp phẩm thiết yếu mua từ chợ. Ông ta bắt đầu dỡ các túi đồ và bỏ riêng thức ăn ra.

Theo sau Serge, phu nhân Murasaki lặng lẽ tiến vào trong bếp.

“Lúc này, tôi gặp Laurent ở nhà hàng Petit Zinc,” Serge nói. “Họ vẫn chưa tìm thấy cái đầu ghê tởm khốn kiếp của gã đồ tể. Laurent nói cái xác bốc mùi... cái gì nhỉ... dầu đinh hương, thuốc chữa đau răng. Anh ta bảo...”

Hannibal nhìn thấy phu nhân Murasaki, bèn cắt ngang lời Serge. “Cô phải ăn gì đấy đi, phu nhân yêu quý. Món này ngon lắm lắm đấy.”

“Để tôi mang thêm ít kem đào và quả đào tươi,” Serge nói. Phu nhân Murasaki nhìn thẳng vào mắt Hannibal một hồi lâu.

Thằng bé mỉm cười với cô, bình tĩnh không chút dao động. “Quả đào!” thằng bé nói.

NỬA ĐÊM, PHU NHÂN MURASAKI đang nằm trên giường. Qua khung cửa sổ đang mở rộng, một cơn gió nhẹ lướt vào trong phòng, mang theo mùi thơm của bông hoa mimosa đang nở rộ nơi góc sân bên dưới. Cô bỏ chăn ra, cảm nhận làn không khí đang dao động trên hai cánh tay và hai bàn chân. Cô mở mắt, nhìn lên trần nhà tối đen và khi chớp chớp mắt, cô có thể nghe thấy âm thanh tích tích nhỏ xíu.

Dưới mặt đất, giữa sân trong, con chó tai cụp cựa mình trong giấc ngủ, hai lỗ mũi nở rộng hít không khí vào căng buồng phổi. Lớp da trên trán con chó xô lại thành nếp và con chó lại thư thái thả hồn vào trong giấc mơ ngọt ngào đang được săn đuổi con mồi và vị máu đượm trong mõm nó.

Phía trên phu nhân Murasaki đang nằm trong bóng tối, sàn căn phòng áp mái kêu cọt két. Âm thanh phát ra do trọng lượng đè lên ván sàn, không phải tiếng chuột kêu. Phu nhân Murasaki hít một hơi thở sâu và đặt chân đứng trên sàn phòng ngủ bằng đá lạnh ngắt. Cô khoác chiếc kimono mỏng vào, đưa tay vuốt tóc, gom mấy bông hoa đang cắm trong cái bình ở hành lang và rồi, mang theo ngọn đèn nến, cô leo lên cầu thang đến phòng áp mái.

Chiếc mặt nạ khắc trên cánh cửa căn phòng mỉm cười với cô. Cô vươn người đứng thẳng rồi đặt bàn tay lên mặt nạ, đẩy cửa mở ra. Cô cảm thấy một luồng gió phả ra thổi chiếc váy dán sát vào lưng cô, một cú đẩy nhẹ hều, và tí tạt phía cuối căn phòng áp mái tối om, cô nhìn thấy một tia sáng lập lòe yếu ớt. Phu nhân Murasaki tiến về phía ánh sáng, ánh đèn nến nhảy nhót trên những chiếc mặt nạ kịch Noh đang dôi theo cô, dây con rối treo giữa phòng đưa tay chân đưa theo luồng không khí xao động lúc cô bước qua. Bước qua những giỏ mây và rương hòm gấn đủ loại nhân dính lưu giữ ký ức bao nhiêu năm chung sống của cô và Robert, tiến đến bàn thờ gia đình cùng bộ giáp đang trong vùng chiếu sáng của mấy ngọn nến cháy đỏ.

Một vật thể đen sì được đặt trên bàn thờ, phía trước bộ giáp. Phu nhân Murasaki nhìn thấy nó in bóng trên nền ánh sáng nền. Cô đặt cây đèn nền xuống một cái thùng cạnh bàn thờ và điềm tĩnh nhìn thẳng vào cái đầu của Paul Đồ Tể đang được để trong một cái đĩa cắm hoa đầy nông. Mặt Paul sạch sẽ và trắng nhợt, môi vẫn nguyên vẹn nhưng hai bên má thì đã bị cắt mất và một tia máu chảy từ miệng gã vào trong đĩa cắm hoa - máu đã đọng lại thành vũng như nước dưới chân một cụm hoa tạo dáng nghệ thuật. Một cái nhẫn được gắn vào tóc Paul. Một dòng viết tay tiếng Pháp trên cái nhẫn theo kiểu chữ khắc đồng: *Momund, Thịt Ngon*.

Cái đầu của Paul đối mặt với bộ giáp, hai con mắt trợn ngược nhìn lên cái mặt nạ samurai. Phu nhân Murasaki cũng ngẩng mặt lên và nói bằng tiếng Nhật.

“Con kính chào cụ. Kính xin cụ tha thứ cho đĩa hoa không thích đáng này. Bằng tất cả lòng tôn kính, con xin được thưa rằng đây không phải kiểu giúp đỡ con đã nghĩ tới.”

Không chủ đích, cô nhặt một bông hoa héo buộc ruy băng ở trên sàn, nhét nó vào trong ống tay áo, trong lúc ánh mắt vẫn không ngừng di chuyển. Thanh trường kiếm vẫn ở nguyên chỗ cũ, cây rìu chiến cũng vậy. Thanh đoản kiếm thì đã biến mất, không còn nằm trên giá nữa.

* * *

Cô lùi lại một bước, tới mở cửa sổ mái. Cô hít một hơi thở sâu. Tiếng mạch máu đập giần giật vang vang trong tai cô. Cơn gió nhẹ khẽ lay động chiếc áo choàng và thổi rung rinh ánh nền.

Một tiếng sột soạt rất khẽ vang lên từ phía đằng sau những bộ trang phục kịch Noh. Một trong những chiếc mặt nạ đang mở hai con mắt, dõi nhìn cô.

Cô nói bằng tiếng Nhật, “Chào cháu, Hannibal.”

Câu trả lời bằng tiếng Nhật văng ra từ trong bóng tối, “Chào cô, phu nhân yêu quý.”

“Chúng ta nói chuyện tiếp bằng tiếng Anh được không, Hannibal? Có một số vấn đề cô không muốn cụ tổ nghe thấy.”

“Tùy cô thôi ạ, phu nhân yêu quý. Dù sao đi nữa, chúng ta đã dùng cạn vốn liếng tiếng Nhật của cháu rồi.”

Đến lúc này, thằng bé bước ra ngoài bóng tối, đứng giữa ánh đèn nển, cầm theo thanh đoản kiếm và một chiếc khăn lau. Phu nhân Murasaki bước lại gần thằng bé. Thanh trường kiếm đang nằm im trên giá đỡ phía trước bộ giáp. Lúc cần kíp, cô có thể với lấy nó được.

“Lẽ ra cháu có thể dùng con dao của gã đồ tể,” Hannibal nói. “Cháu dùng thanh kiếm của đại nhân Masamune vì có vẻ nó cực kỳ thích hợp. Cháu hy vọng cô không thấy phiền. Lưỡi kiếm không xước xát một chút xíu nào đâu, cháu cam đoan với cô đấy. Gã đồ tể mềm như bơ ấy.”

“Cô thấy lo cho cháu.”

“Cô không cần lo lắng gì đâu. Cháu sẽ xử lý... thứ đó.”

“Cháu không cần làm thế này vì cô.”

“Cháu làm chuyện này vì chính mình, bởi vì cô xứng đáng được đối xử như thế, phu nhân Murasaki. Không liên quan gì đến cô cả. Cháu nghĩ đại nhân Masamune đã đồng ý cho cháu sử dụng thanh kiếm của ngài ấy. Nó đúng thật là một công cụ tuyệt diệu.”

Hannibal tra thanh đoản kiếm vào bao và rời, cùng với một cử chỉ bày tỏ lòng tôn kính đối với bộ giáp, thằng bé trả thanh kiếm về lại trên giá.

“Cô đang run kìa,” thằng bé nói. “Cô vốn là người cực kỳ tự chủ, nhưng giờ cô lại đang run rẩy như một con chim. Cháu sẽ không tiến lại gần cô nếu không mang theo hoa. Cháu yêu cô, phu nhân Murasaki.”

Phía dưới nhà, bên ngoài sân, hai tiếng còi xe đặc trưng của cảnh sát Pháp vang lên, chỉ kêu duy nhất một lần. Con chó tai cụp tỉnh dậy, cất tiếng sủa vang.

Phu nhân Murasaki vội quay sang phía Hannibal, nắm hai bàn tay thằng bé nâng lên áp vào mặt cô. Cô hôn trán thằng bé, rồi hồi hả thì thầm, “Nhanh lên! Rửa tay đi! Chiyoh để chanh trong phòng hầu gái đấy.”

Xa tí dưới nhà, tiếng gõ cửa vang lên âm ỉ.

PHU NHÂN MURASAKI để mặc thanh tra Popil đợi đó cho đến khi trái tim cô đã đập quá trăm nhịp, rồi cô mới xuất hiện trên cầu thang. Anh ta đang đứng ở chính giữa tiền sảnh trần cao cùng người phụ tá, ngược mắt lên chỗ đầu cầu thang nhìn thẳng vào cô. Cô thấy anh ta đứng đó lặng lẽ và cảnh giác, như một con nhện đẹp đẽ đang đứng trước những chấn song đan lưới trên khung cửa sổ; và bên ngoài cửa sổ, cô nhìn thấy màn đêm trải dài vô tận.

Popil không khỏi có phần thở gấp khi nhìn thấy phu nhân Murasaki. Tiếng thở được khuếch đại dưới vòm tiền sảnh, và cô lắng tai nghe.

Dường như cô đang lướt từ trên đầu cầu thang xuống chứ không cần phải bước từng bước một. Hai bàn tay cô giấu trong ống tay áo.

Serge, mắt đỏ quạch, đứng tránh sang một bên.

“Phu nhân Murasaki, các ông này là người ở đồn cảnh sát.”

“Xin chào.”

“Chào phu nhân. Tôi rất xin lỗi vì đã làm phiền cô lúc muộn màng thế này. Tôi có một số vấn đề cần hỏi... cháu trai cô phải không nhỉ?”

“Cháu trai. Tôi xem thẻ cảnh sát của anh được chứ?” Cô chậm rãi chìa một bàn tay đang giấu trong ống tay áo ra.

Cô đọc trọn vẹn nội dung trên thẻ cảnh sát của viên thanh tra, ngắm nghía bức ảnh.

“Thanh tra POP-il?”

“Po-PIL, thưa cô.”

“Trong ảnh này anh đeo Huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh, anh thanh tra.”

“Đúng vậy, thưa cô.”

“Cảm ơn anh đã đích thân tới đây.”

Popil ngửi thấy một mùi hương thoang thoảng thơm mát khi cô trả tấm thẻ cảnh sát lại cho anh ta. Cô quan sát vẻ mặt anh ta chờ phản ứng và rồi đã nhìn thấy nó, một thay đổi rất nhỏ ở hai lỗ mũi và đôi con ngươi của anh ta.

“Thưa cô...?”

“Murasaki Shikibu.”

“Phu nhân là Bá tước Phu nhân Lecter, thường được gọi theo tên tiếng Nhật là Phu nhân Murasaki,” Serge nói, rõ là can đảm khi nói năng như thế với một cảnh sát.

“Phu nhân Murasaki, tôi rất mong được nói chuyện riêng với cô và sau đó là nói chuyện riêng với cháu trai của cô.”

“Với tất cả sự tôn trọng thích hợp dành cho cơ quan của anh, tôi e rằng chuyện đó là không thể được, thanh tra ạ,” phu nhân Murasaki nói.

“Ồ, thưa phu nhân, chuyện này hoàn toàn có thể chứ,” thanh tra Popil nói.

“Chúng tôi rất hoan nghênh anh tới thăm nhà chúng tôi và chúng tôi cũng tuyệt đối hoan nghênh anh nói chuyện đồng thời với tất cả chúng tôi.”

Hannibal nói vọng xuống từ trên cầu thang. “Chào ngài thanh tra.”

Anh ta quay sang phía Hannibal. “Tôi muốn cậu đi theo tôi, chàng trai.”

“Rất sẵn lòng, ngài thanh tra ạ.”

Phu nhân Murasaki nói với Serge, “Anh lấy giùm tôi cái áo choàng nhé?”

“Không cần thiết đâu, thưa phu nhân,” thanh tra Popil nói. “Cô không cần phải đi đâu. Ngày mai tôi sẽ đến đây hỏi chuyện cô, thưa phu nhân. Tôi sẽ không làm gì tổn hại đến cháu trai cô đâu.”

“Không sao đâu, phu nhân yêu quý,” Hannibal nói. Bên trong ống tay áo, hai bàn tay đang siết chặt hai bên cổ tay của phu nhân Murasaki nhẹ nhõm nổi lỏng ra một chút.

PHÒNG ƯỚP XÁC TỐI ĐEN, im lặng như tờ, chỉ có tiếng nước chậm chạp nhỏ giọt trong bồn rửa. Viên thanh tra đứng trên ngưỡng cửa cùng Hannibal, nước mưa đọng trên vai và trên giày họ.

Momund đang ở trong kia. Hannibal có thể ngửi thấy mùi của gã. Thăng bé đợi Popil bật đèn lên, thích thú nghiên cứu quãng thời gian hẳn được viên cảnh sát xem như một khoảng dừng kịch tính.

“Nếu nhìn thấy Paul Momund lần nữa, cậu nghĩ là cậu có nhận ra ông ta không?”

“Tôi sẽ cố gắng hết sức, thưa thanh tra.”

Popil bật đèn. Tay giám đốc nhà tang lễ đã lột bỏ quần áo của Momund cho vào trong các túi giấy theo đúng chỉ dẫn. Ông ta đã vụng về khâu một mảnh áo mưa để khép tạm phần bụng cái xác lại và phủ một cái khăn lên che cái cổ đã bị cắt mất phần đầu.

“Cậu còn nhớ hình xăm của gã đồ tể không?”

Hannibal bước quanh cái xác. “Có. Lúc trước tôi không đọc thấy nó viết gì.”

Thăng bé nhìn thanh tra Popil đang đứng ở phía bên kia cái xác. Nhìn vào mắt viên thanh tra, thăng bé thấy dấu vết của sự khôn ngoan đã bị che mờ.

“Nó viết gì vậy?” thanh tra hỏi.

“*Của tao đây, của mày đâu?*”

“Có lẽ đúng ra phải là, *Của mày đây, của tao đâu?* Vụ giết người đầu tiên của mày đây, cái đầu của tao đâu? Cậu nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ là có lẽ hình xăm đó không đáng cho ông để tâm. Tôi hy vọng thế. Ông tưởng là khi tôi xuất hiện ở đây thì những vết thương của ông ta sẽ chảy máu ra ám chỉ à?”

“Gã đồ tể này nói gì với vị phu nhân ấy mà khiến cậu phát điên lên vậy?”

“Nó không làm tôi phát điên, ngài thanh tra. Lời lẽ của ông ta xúc phạm đến tất cả những ai nghe thấy, trong đó có tôi. Ông ta tục tĩu lắm.”

“Ông ta đã nói gì, Hannibal?”

“Ông ta hỏi liệu có đúng là chỗ kín của phụ nữ Nhật nằm ngang hay không, thanh tra ạ. Ông ta gọi là *Này, con Nhật!*”

“Năm ngang” thanh tra Popil lần theo đường khâu vắt ngang bụng Paul Momund, gần như chạm hẳn vào lớp da. “Năm ngang rốn như thế này hả?” Viên thanh tra quan sát vẻ mặt Hannibal, tìm kiếm một dấu hiệu nào đấy. Anh ta không tìm thấy gì, vậy nên đành hỏi một câu khác.

“Nhìn thấy ông ta đã chết, cậu cảm thấy thế nào?”

Hannibal đưa mắt xuống bên dưới tấm khăn phủ lên cái cổ. “Thờ ơ,” thằng bé nói.

* * *

Lần đầu tiên trong đời, đám cảnh sát làng được nhìn thấy một chiếc máy phát hiện nói dối, lúc này đang được đặt ở đồn cảnh sát, và mọi người không tránh khỏi sự tò mò háo hức. Nhân viên điều khiển máy, đã đi từ Paris về đây theo thanh tra Popil, tắt bật chỉnh chỗ này sửa chỗ kia, một số hành động đơn thuần chỉ để làm gia tăng bầu không khí kịch tính, trong lúc mấy ống dây nóng dần lên và lớp cách điện phủ mùi cotton bị hun nóng hòa vào trong bầu không khí nồng nặc mùi mồ hôi và thuốc lá. Sau đó viên thanh tra, vẫn đang quan sát Hannibal quan sát cái máy, xua hết mọi người ra ngoài, để trong phòng chỉ còn lại anh ta, đứa bé và nhân viên điều khiển máy. Người điều khiển cái máy phát hiện nói dối gắn các thiết bị vào người Hannibal.

“Xưng tên đi,” người điều khiển máy nói.

“Hannibal Lecter.” Giọng thằng bé khàn khàn gỉ sét.

“Cậu bao nhiêu tuổi?”

“Mười ba tuổi.”

Các kim mực chạy êm ru trên tờ giấy hiển thị thông số. “Cậu đã cư trú ở Pháp bao lâu rồi?”

“Sáu tháng.”

“Cậu có quen biết đồ tể Paul Momund không?”

“Chúng tôi chưa bao giờ được giới thiệu với nhau.” Các đầu kim không hề dao động.

“Nhưng cậu biết ông ta là ai.”

“Phải.”

“Có phải cậu đã có ẩu đả, có nghĩa là đã đánh nhau, với Paul Momund ở chợ hôm thứ Năm?”

“Phải.”

“Cậu có đi học ở trường không?”

“Có.”

“Trường của cậu có yêu cầu phải mặc đồng phục không?”

“Không.”

“Cậu có bao che cho bất kỳ hành vi phạm pháp nào liên quan đến cái chết của Paul Momund không?”

“Bao che cho hành vi phạm pháp?”

“Hãy giới hạn các câu trả lời ở có hoặc không.”

“Không.”

Những đỉnh núi và thung lũng được vẽ bằng nét mực vẫn không hề thay đổi. Áp suất máu không tăng, nhịp tim không tăng, nhịp thở vẫn đều đều, bình tĩnh.

“Cậu biết rằng gã đồ tể đã chết.”

“Phải.”

Người điều khiển máy phát hiện nói dối có vẻ như đã điều chỉnh chút ít các nút ở trên máy.

“Cậu có học toán không?”

“Có.”

“Cậu có học địa lý không?”

“Có.”

“Cậu có nhìn thấy xác chết của Paul Momund không?”

“Có.”

“Cậu có giết Paul Momund không?”

“Không.”

Những vạch thông số bằng mực không có bất kỳ dao động đặc biệt nào. Người điều khiển máy phát hiện nói dối tháo kính ra, một dấu hiệu cho thanh tra Popil biết cuộc kiểm tra đã kết thúc.

Một tên trộm khét tiếng người Orléans sở hữu một hồ sơ tội phạm dài dằng dặc ngồi vào ghế thế chỗ Hannibal. Tên trộm ngồi đợi trong lúc thanh tra Popil và người điều khiển máy phát hiện nói dối hội ý ở hành lang bên ngoài.

Popil trải tờ giấy in các thông số ra.

“Bình thường.”

“Thằng bé chẳng trả lời gì hết,” người điều khiển máy phát hiện nói dối lên tiếng. “Hoặc nó là một đứa trẻ mồ côi trong chiến tranh dân tộc, hoặc nó có khả năng tự chủ quái dị.”

“Quái dị,” Popil nhắc lại.

“Anh có muốn hỏi tên trộm trước không?”

“Tôi không hứng thú với anh ta, nhưng tôi muốn anh kiểm tra anh ta bằng máy phát hiện nói dối. Rồi tôi có thể tấn anh ta vài phát trước mặt thằng bé. Anh hiểu ý tôi chứ?”

* * *

Trên đoạn đường dốc chạy vào làng, một chiếc mô tô lao xuống dốc, đèn pha tắt hết, động cơ cũng im lìm. Người lái xe mặc bộ áo liền quần màu đen và đội mũ trùm ninja màu đen. Chiếc xe lạng lẽ rẽ vào góc ở tận phía cuối quảng trường vắng vẻ, thoáng biến mất đằng sau một chiếc xe thùng bưu điện đậu trước cửa bưu điện và rồi lại tiếp tục xuất hiện, người lái xe đạp bàn đạp cật lực nhưng tận đến khi leo dốc rời khỏi làng mới nổ máy xe.

Thanh tra Popil và Hannibal ngồi trong văn phòng cảnh sát trưởng. Thanh tra Popil đọc thông tin trên nhãn chai Clanzoflat của viên cảnh sát trưởng, bản khoản không biết có nên làm một cử rượu.

Rồi anh ta đặt cuộn giấy in thông số kiểm tra của máy phát hiện nói dối lên trên bàn, gảy gảy ngón tay. Cuộn giấy trải ra, để lộ đường đồ thị có rất nhiều đỉnh nhỏ. Trong mắt anh ta, những đỉnh đồ thị này chẳng khác gì

những ngọn đồi thấp dưới chân một ngọn núi bị mây che phủ. “Cậu có giết gã đồ tể không, Hannibal?”

“Tôi hỏi ông một câu được chứ?”

“Được.”

“Paris cách đây rất xa. Ông là chuyên gia điều tra cái chết của dân đồ tể à?”

“Chuyên môn của tôi là các tội ác chiến tranh và Paul Momund là đối tượng tình nghi ở một số vụ. Chiến tranh kết thúc không đồng nghĩa với việc chấm dứt các tội ác chiến tranh, Hannibal ạ.” Popil dừng một lát để đọc thông tin quảng cáo trên tất cả các mặt gạt tàn. “Có lẽ tôi hiểu rõ hoàn cảnh của cậu hơn cậu tưởng đấy.”

“Hoàn cảnh của tôi là gì, thanh tra?”

“Cậu đã mồ côi trong chiến tranh. Cậu sống trong một cơ sở từ thiện, sống khép kín, người thân trong gia đình cậu đã chết. Và cuối cùng, cuối cùng người mẹ kế xinh đẹp của cậu đã bù đắp cho tất cả những điều này.” Popil đặt tay lên vai Hannibal, cố gắng tạo thiện cảm với thằng bé. “Mùi hương của cô ấy đã xóa sạch thứ mùi trại trẻ. Ấy vậy nhưng đúng lúc đó, gã đồ tể lại si nhục cô ấy. Nếu cậu giết ông ta, tôi có thể hiểu được. Nói cho tôi nghe đi. Hợp sức cùng nhau, chúng ta có thể giải thích với quan tòa...”

Hannibal rụt người lùi vào sâu hơn trong ghế, tránh ra để Popil không chạm tới được.

“*Mùi hương của cô ấy đã xóa sạch thứ mùi trại trẻ?* Cho phép tôi hỏi, ông có sáng tác thơ không vậy, thanh tra?”

“Cậu có giết gã đồ tể không?”

“Paul Momund đã tự giết mình. Ông ta chết vì ngu ngốc và thô lỗ.”

Thanh tra Popil có vô số trải nghiệm và hiểu biết về những thứ đáng gờm và giọng nói mà Popil đang lắng nghe đây chính là một thứ đáng gờm như thế; nó mang một âm sắc hơi khác và thật đáng ngạc nhiên là lại phát ra từ cơ thể một đứa trẻ.

Trước đây, Popil chưa bao giờ nghe thấy chiều dài bước sóng đặc biệt này, nhưng anh ta nhận ra nó chính là Thứ Kia. Đã một thời gian rồi, anh ta

không cảm thấy sự kích thích của cuộc săn, sự ưu tú hai năm rưỡi của bộ não đối thủ. Anh ta cảm thấy nó trong da đầu, trên cánh tay. Anh ta sống vì nó.

Một mặt, anh ta mong sao tên trộm ngoài kia chính là kẻ đã giết gã đồ tể. Nhưng mặt khác, anh ta lại cân nhắc tính toán, cảm thấy phu nhân Murasaki có lẽ sẽ cô đơn và cần người bầu bạn xiết bao nếu thằng bé kia bị tổng vào trại.

“Gã đồ tể đang câu cá. Dao của ông ta dính máu và vảy cá, nhưng không thấy có con cá nào. Người đầu bếp nói cho tôi biết là cậu đã mang một con cá to ngon về làm bữa tối. Cậu kiếm được con cá ấy ở đâu vậy?”

“Đi câu nên được thôi, thanh tra. Chúng tôi vẫn thả một dây mồi vào trong nước đằng sau nhà thuyền. Nếu ông thích thì để tôi chỉ cho mà xem. Ông đã tự chọn mảng tội ác chiến tranh à, thanh tra?”

“Ừ.”

“Vì ông đã mất gia đình trong chiến tranh?”

“Ừ.”

“Tôi có thể hỏi là mất như thế nào không?”

“Một vài người trong chiến đấu. Một vài người thì bị đưa lên tàu chở về phía Đông.”

“Ông có biết thủ phạm là ai không?”

“Không.”

“Nhưng chúng là bọn Vichy - những kẻ giống như gã đồ tể.”

“Ừ.”

“Chúng ta có thể thành thật tuyệt đối với nhau được chứ?”

“Tất nhiên rồi.”

“Ông có tiếc thương gì khi thấy Paul Momund đã chết không?”

* * *

Ở tít phía cuối quảng trường, thợ cạo làng, ông Rubin, bước ra từ một phố nhánh rậm rạp cây cối, sẵn sàng cho chuyến đi dạo quảng trường hằng đêm cùng chú chó sục nhỏ. Ông Rubin, sau cả ngày trò chuyện cùng khách hàng,

đến tối lại tiếp tục trò chuyện cùng chú chó. Ông lôi con chó tránh xa vạt cỏ phía trước bưu điện.

“Mày nên giải quyết nỗi buồn trên bãi cỏ nhà Felipe ấy, để không bị ai nhòm ngó,” ông Rubin nói. “Mày mà thái ra đây là thế nào cũng dính phạt cho coi. Mày thì làm gì có tiền chứ. Rồi tao lại là người phải gánh thôi.”

Phía trước bưu điện, có một thùng thư gắn trên một cái cột. Con chó kéo căng dây xích đưa người về phía thùng thư và đứng trên hai chân sau.

Nhìn thấy một khuôn mặt lấp ló phía trên thùng thư, ông Rubin nói, “Xin chào,” và nói với con chó, “Cẩn thận nào, đừng có dây bản ra ngài đây!” Con chó rên ư ử và đến lúc đó, Rubin mới để ý thấy ở phía bên kia, chẳng có đôi chân nào xuất hiện bên dưới cái thùng thư.

* * *

Chiếc mô tô lao vun vút trên con đường nhựa một làn xe, gần như vượt qua cả ánh sáng rọi chiếu từ cái đèn pha mờ mờ. Có một lúc, đang chạy trên đường, một chiếc ô tô tiến đến từ phía đối diện, người lái mô tô vội ngoặt vào bên dưới hàng cây ven đường, giấu mình cho đến khi những chiếc đèn hậu ô tô đã khuất hẳn khỏi tầm nhìn.

Trong nhà kho lâu đài tối om, đèn pha mô tô mờ dần rồi tắt hẳn, động cơ xe tích tích nguội dần. Phu nhân Murasaki kéo cái mũ ninja đen ra khỏi đầu và bới tóc lên.

* * *

Những luồng ánh sáng từ các đèn hiệu cảnh sát nhất loạt chĩa vào cái đầu của Paul Momund trên nóc thùng thư. Chữ *Thăng Quốc xã* được viết ngang trán, ngay bên dưới đường chân tóc. Những người lao động ca đêm và dân nhậu khuya túm tụm xung quanh nhìn ngó.

Thanh tra Popil dẫn Hannibal lại gần thùng thư và nhìn thẳng bé dưới ánh sáng đang chiếu lên khuôn mặt gã đàn ông đã chết. Anh ta không phát hiện thấy bất kỳ thay đổi nào trong vẻ mặt của thằng bé.

“Cuối cùng thì quân kháng chiến cũng giết Momund rồi,” ông thợ cắt tóc nói và kể lại với tất cả mọi người về quá trình ông ta tìm thấy cái đầu, cẩn thận tránh nhắc đến các hành vi phạm luật của con chó.

Trong đám đông, một vài người cho rằng không cần thiết phải bắt Hannibal chứng kiến cảnh tượng này. Một phụ nữ lớn tuổi, một y tá làm ca tối đang trên đường về nhà, lớn tiếng nói thẳng ra suy nghĩ đó.

* * *

Popil cho xe cảnh sát chở Hannibal về nhà. Hannibal về đến lâu đài lúc bình minh vừa ửng hồng trên bầu trời và trước lúc vào trong nhà, thằng bé cắt mấy bông hoa, chỉnh lại các cành để bó hoa có độ cao phù hợp trong nắm tay nó. Trong lúc cắt các cành hoa cho đều, thằng bé đã nghĩ ra một bài thơ đi kèm bó hoa. Thằng bé thấy cây cọ vẽ của phu nhân Murasaki trong xưởng vẽ vẫn còn ướt, bèn lấy luôn cây cọ này để viết:

Con vạc lộ diện

Bởi trăng tròn đang lên...

Bên nào đáng yêu hơn?

* * *

Hôm đó, Hannibal đã có một giấc ngủ ngày ngon lành. Thằng bé mơ về Mischa, vào một mùa hè trước chiến tranh, chị vú mang cái chậu tắm của con bé ra ngoài vườn ở căn nhà nghỉ, để ánh mặt trời sưởi ấm làn nước, đàn bướm cải bay dập dờn quanh cô bé Mischa đang ngồi trong nước. Thằng bé cắt cà tím cho đứa em gái và con bé ôm lấy quả cà tím ấm áp ánh mặt trời.

Tỉnh dậy, thằng bé thấy có một tờ thư ngăn được để dưới cánh cửa phòng, kèm theo một bông đậu tía nở rộ. Tờ thư viết: *Một khi bị ếch vây khốn, người ta sẽ chọn con vạc.*

TRƯỚC KHI CHIYOH PHẢI LÊN ĐƯỜNG VỀ NHẬT, cô bé sát sao rèn luyện tiếng Nhật cơ bản cho Hannibal, hy vọng thằng bé có thể trò chuyện đôi chút với phu nhân Murasaki, để cô khỏi phải suốt ngày chỉ biết nói tiếng Anh nhàm chán.

Ở Hannibal, Chiyoh đã tìm thấy một cậu học trò có năng khiếu đam mê truyền thống giao tiếp bằng thơ phú thời Heian và bởi vậy, cô đã cho cậu thực hành hình thức dùng thơ để đối đáp, tin chắc đây chính là thiếu sót chủ yếu ở người chồng tương lai của cô. Cô bé bắt Hannibal phải thề sẽ chăm sóc phu nhân Murasaki, lôi ra đủ các loại thề thốt viện đến những đối tượng mà cô cho rằng người phương Tây có lẽ sẽ tôn kính. Cô bé cũng bắt thằng bé trình trọng thề trước bàn thờ trong căn phòng áp mái, thậm chí còn lấy đinh ghim châm vào ngón tay hai người, lập lời thề máu.

Dẫu thiết tha mong ước bao nhiêu, họ cũng không thể níu thời gian trôi chậm lại. Trong lúc phu nhân Murasaki và Hannibal đóng gói hành lý sẵn sàng lên đường đi Paris, Chiyoh cũng đóng gói hành lý để về Nhật. Serge và Hannibal nâng cái rương của Chiyoh lên đoàn tàu đỗ ở ga Lyon, trong lúc phu nhân Murasaki ngồi cạnh cô bé trên tàu, nắm tay cô cho tới tận phút cuối. Nếu quan sát màn chia tay của họ, một người lạ hẳn sẽ thấy họ thật vô cảm lúc cúi chào tiễn biệt nhau.

Trên đường về nhà, Hannibal và phu nhân Murasaki cảm nhận một cách rõ ràng sự thiếu vắng Chiyoh. Giờ đây chỉ còn hai người họ với nhau.

* * *

Căn hộ ở Paris, vốn đã bị cụ thân sinh của phu nhân Murasaki bỏ trống từ trước chiến tranh, đậm chất Nhật Bản, thể hiện qua sự tương tác tinh tế giữa bóng đổ và nước sơn. Nhưng nếu những món đồ nội thất đang được lần lượt tháo dỡ lớp bọc kia có khơi dậy trong phu nhân Murasaki những ký ức về người cha thì cô cũng không để lộ ra điều đó.

Cô và Hannibal buộc hết những tấm rèm nặng nề lại, để ánh mặt trời tràn vào nhà. Hannibal cúi nhìn quảng trường Vosges, thâm trọn trong tầm mắt ánh sáng, không gian và lớp gạch đỏ ấm áp, một trong những quảng trường đẹp nhất Paris, cho dù khu vườn vẫn chưa thoát khỏi cảnh lồi thối lệch thếch sau chiến tranh.

Ở kia, trên cánh đồng phía dưới, vua Henri II từng cưỡi ngựa đấu thương nhân danh nàng Diane de Poitiers để rồi gục ngã với những vết thương trí mạng vào mắt và đầu bác sĩ Vesalius đã túc trực bên giường bệnh, ông vẫn không thể cứu nổi nhà vua.

Hannibal nhắm một mắt lại, ước lượng chính xác nơi Henri ngã xuống, có lẽ ngay tại vị trí thanh tra Popil giờ đang đứng, ôm theo một chậu cây, ngược nhìn lên cửa sổ. Hannibal không vẫy chào.

“Hình như cô có khách đấy, phu nhân yêu quý,” thằng bé nói với qua vai.

Phu nhân Murasaki không hỏi xem là ai. Khi tiếng gõ cửa vang lên, cô để kệ một lúc rồi mới ra mở cửa.

* * *

Popil bước vào, mang theo chậu cây và một gói kẹo Fauchon. Anh ta loay hoay một hồi không biết làm sao cởi mũ ra được trong khi cả hai tay đều đang bận. Phu nhân Murasaki lấy mũ ra hộ anh ta.

“Chào mừng đến Paris, phu nhân Murasaki. Người bán hoa cam đoán với tôi cái cây này rất hợp với sân thượng nhà cô.”

“Sân thượng? Tôi ngờ rằng anh đang điều tra tôi đấy, anh thanh tra... Chưa gì mà anh đã phát hiện ra nhà tôi có sân thượng.”

“Không chỉ có thế đâu, tôi dám khẳng định chắc chắn nhà cô có một tiền sảnh và tôi cũng ngờ rằng nhà cô còn có bếp nữa.”

“Vậy ra anh đang đi từ phòng này sang phòng khác đấy à?”

“Đúng vậy, đây chính là phương pháp của tôi, tiến hành từ phòng này sang phòng khác.”

“Cho tới khi anh đến được đâu?” Thấy mặt viên thanh tra đỏ lên, phu nhân Murasaki thôi, không nói thêm nữa. “Chúng ta đặt cái này ra chỗ sáng chứ?”

Hannibal đang dỡ bộ áo giáp ra khỏi thùng thì viên thanh tra và phu nhân Murasaki bước tới. Thăng bé đứng cạnh cái thùng, tay cầm cái mặt nạ samurai. Hannibal không xoay cả người lại đối diện với thanh tra Popil mà chỉ quay mỗi đầu, y như một con cú, để nhìn viên cảnh sát. Nhìn cái mũ của Popil trong tay phu nhân Murasaki, thăng bé ước lượng kích cỡ và trọng lượng cái đầu của anh ta, 19,5 xentimet và sáu cân.

“Cậu đã bao giờ đeo nó lên chưa, cái mặt nạ ấy?” thanh tra Popil hỏi.

“Tôi chưa xứng đáng được mang nó.”

“Tôi thấy ngạc nhiên đấy.”

“Ông có bao giờ đeo hết huân huy chương của mình lên không, thanh tra?”

“Khi nào lễ tiết yêu cầu thôi.”

“Sô cô la hiệu Fauchon. Sâu sắc đấy, thanh tra Popil. Chúng sẽ xóa sạch thứ mùi trại trẻ.”

“Nhưng mùi dầu đinh hương thì không. Phu nhân Murasaki, tôi cần trao đổi về vấn đề cư trú của cô.”

Popil và phu nhân Murasaki nói chuyện trên sân thượng. Hannibal quan sát họ qua cửa sổ, chỉnh lại con số ước lượng kích cỡ cái mũ của Popil thành hai mươi xentimet. Trong lúc trò chuyện, Popil và phu nhân Murasaki di chuyển chậu cây mấy lần để điều chỉnh góc độ hứng sáng của nó. Có vẻ như họ cần việc gì đó để làm.

Hannibal không tiếp tục dỡ bộ giáp ra nữa, mà thăng bé quỳ gối cạnh cái thùng, đặt tay lên cái chuôi da cá đuối của thanh đoàn kiếm. Thăng bé nhìn viên cảnh sát qua đôi mắt của cái mặt nạ.

Hannibal có thể thấy phu nhân Murasaki đang cười to. Hannibal đoán chừng thanh tra Popil ắt hẳn đang vụng về cố gắng tạo bầu không khí vui vẻ và phu nhân Murasaki chỉ cười theo phép lịch sự. Khi họ quay trở vào trong nhà, phu nhân Murasaki rời đi để Hannibal và viên thanh tra ở riêng với nhau.

“Hannibal này, tại thời điểm chú của cậu qua đời, ông ấy đang cố gắng tìm hiểu xem em gái cậu đã gặp phải chuyện gì ở Litva. Tôi cũng có thể thử

xem. Giờ khó làm ăn ở Baltic lắm - quân Xô Viết thỉnh thoảng cũng hợp tác, nhưng trong phần lớn trường hợp thì họ không chịu. Tuy nhiên, tôi sẽ bắt họ phải hỗ trợ.”

“Cảm ơn ông.”

“Cậu có nhớ được gì không?”

“Chúng tôi đang sống ở nhà nghỉ. Có một vụ nổ. Tôi còn nhớ đã được một nhóm lính đón đi và rời ngồi trên xe tăng tiến về làng. Tôi không biết đã có chuyện gì xảy ra giữa hai khoảng thời gian đó. Tôi đã cố gắng nhớ lại. Tôi không thể.”

“Tôi đã nói chuyện với bác sĩ Rufin.”

Không có phản ứng nào trước câu nói đó.

“Ông ấy không chịu thảo luận chi tiết về các cuộc nói chuyện giữa ông ấy và cậu.”

Cũng không có phản ứng nào trước câu này.

“Nhưng ông ấy nói rằng, lẽ đương nhiên, cậu rất quan tâm đến em gái. Ông ấy bảo trong tương lai, có lẽ ký ức của cậu sẽ trở lại. Nếu có khi nào đó cậu nhớ ra được bất kỳ điều gì, hãy kể cho tôi biết với nhé.”

Hannibal bình tĩnh nhìn viên thanh tra. “Sao lại không cơ chứ?” Thăng bé ước gì có thể nghe thấy tiếng một chiếc đồng hồ. Nếu được nghe tiếng đồng hồ thì thật dễ chịu.

“Lúc chúng ta nói chuyện sau... vụ Paul Momund, tôi đã kể với cậu là tôi đã mất người thân trong chiến tranh. Tôi phải cố gắng rất nhiều mới có đủ dũng khí nghĩ về chuyện đó. Cậu có biết tại sao không?”

“Cho tôi biết tại sao đi, thanh tra.”

“Bởi vì tôi nghĩ rằng đáng lý ra tôi nên cứu họ, tôi luôn sợ hãi sẽ phát hiện ra một điều gì đó mà tôi đã không làm, một điều gì đó mà đáng lẽ tôi đã có thể làm. Nếu cậu cũng có cùng một nỗi sợ như của tôi, vậy thì đừng để nó xóa bỏ đi những ký ức có thể hữu ích đối với Mischa. Cậu có thể nói với tôi về bất cứ chuyện gì trên đời.”

Phu nhân Murasaki bước vào trong phòng. Popil đứng dậy, thay đổi chủ đề. “Trường cấp hai ở đây tốt đấy và cậu đã được phép nhập học ở đây. Nếu

có thể giúp đỡ được gì cho cậu thì tôi rất sẵn lòng giúp. Thỉnh thoảng tôi sẽ ghé qua trường thăm cậu.”

“Nhưng hẳn là ông thích đến đây thăm nhà hơn,” Hannibal nói.

“Anh sẽ luôn được hoan nghênh ở đây,” phu nhân Murasaki nói.

“Chào thanh tra,” Hannibal nói.

Phu nhân Murasaki tiễn Popil ra về và giận dữ quay trở vào phòng.

“Thanh tra Popil thích cô đấy, cháu có thể nhìn thấy điều đó trên mặt anh ta,” Hannibal nhận xét.

“Anh ta có thể nhìn thấy gì trên mặt cháu? Trêu chọc anh ta nguy hiểm lắm đấy.”

“Rồi cô sẽ thấy anh ta tẻ nhạt lắm cho xem.”

“Cô thấy cháu thật bất lịch sự. Như thế không giống cháu gì hết. Nếu muốn cư xử khiếm nhã với khách khứa thì cháu hãy làm thế trong nhà riêng của cháu ấy,” phu nhân Murasaki nói.

“Phu nhân Murasaki, cháu muốn ở đây với cô.”

Vẻ giận dữ trong cô tan biến. “Không được. Chúng ta sẽ ở cùng nhau vào các dịp lễ, các kỳ nghỉ cuối tuần, nhưng cháu phải học nội trú ở trường đúng theo quy định. Cháu biết rõ bàn tay cô luôn đặt trên trái tim cháu mà.” Và cô đặt tay lên đó.

Trên ngực trái chỗ trái tim thẳng bé. Bàn tay đã cầm mũ của Popil đặt trên trái tim thẳng bé. Bàn tay đã nắm con dao kề vào cổ họng anh trai gã Paul. Bàn tay đã túm tóc gã đồ tể rồi thả cái đầu của gã vào trong túi, để sau đó đặt cái túi lên trên thùng thư. Trái tim thẳng bé đập dưới lòng bàn tay cô. Không thể dò thấu vẻ mặt cô.

BỌN ẾCH ĐÃ ĐƯỢC BẢO QUẢN trong chất formaldehyde từ hồi trước chiến tranh và màu sắc nguyên bản của các cơ quan nội tạng đã bị tẩy sạch từ lâu. Cứ sáu học sinh thì sẽ được phát cho một con ếch trong phòng thí nghiệm trường hồi hám. Các nhóm nam sinh túm tụm quanh từng cái bàn đặt cái xác chết tí hon, vụn của những cục tẩy nhem nhuốc rơi lả tả trên bàn trong lúc bọn trẻ phác họa. Phòng học lạnh ngắt, than vẫn không được cấp đủ theo nhu cầu và trong đám nhóc, vài đứa đeo găng tay hở ngón.

Hannibal bước tới nhìn con ếch rồi quay trở lại bàn, bắt tay vào việc. Thăng bé đi làm hai chuyến. Giáo sư Bienville có một mối nghi ngờ quen thuộc của nhà giáo dành cho bất kỳ đứa học trò nào chọn chỗ ngồi cuối lớp. Ông tiến lại gần Hannibal từ bên sườn và mối nghi ngờ của ông đã được chứng thực khi ông thấy thăng bé thay vì vẽ ếch thì lại đang phác họa một khuôn mặt.

“Hannibal Lecter, sao trò không vẽ mẫu vật?”

“Trò đã vẽ xong rồi, thưa thầy.” Hannibal lật tờ giấy trên cùng ra và con ếch nằm đó trên tờ giấy, được mô tả lại một cách chính xác, theo tư thế giải phẫu và kết hợp với hình ngoại tiếp đúng kiểu tranh Leonardo vẽ người. Các phần nội tạng được vẽ mặt cắt và đánh bóng.

Ông thầy chăm chú quan sát khuôn mặt Hannibal. Ông đẩy lưỡi chỉnh lại hàm răng giả rồi nói, “Thầy sẽ cầm bản vẽ này. Thầy phải đưa nó cho một người xem mới được. Sẽ ghi rõ là trò vẽ.” Thầy giáo lật tờ giấy trên cùng trong xấp giấy ghim của Hannibal và nhìn vào khuôn mặt vẽ trên đó. “Ai đây?”

“Trò không rõ lắm, thưa thầy. Một khuôn mặt trò từng nhìn thấy đâu đó.”

Thật ra, đó chính là khuôn mặt Vladis Grutas, nhưng Hannibal không biết tên y. Đó chính là khuôn mặt thăng bé từng nhìn thấy in trên vàng trắng và trên trần nhà nửa đêm.

* * *

Những ày dài dằng dặc nối tiếp nhau với ánh sáng xám xịt tràn qua các cửa sổ phòng học. Ít nhất ánh sáng cũng khuếch tán đủ độ để có thể nhìn mà vẽ được, và phòng học thay đổi mỗi khi các giáo viên đề nghị chuyển thẳng bé lên lớp trên, rồi sau đó lại chuyển thêm lần nữa, rồi lần nữa.

Cuối cùng, trường cũng bước vào kỳ nghỉ.

Trong mùa thu này, mùa thu đầu tiên kể từ khi bá tước qua đời và Chiyoh rời đi, phu nhân Murasaki càng ý thức một cách sâu sắc những mất mát của mình. Hồi chồng cô còn sống, cứ đến mùa thu, cô thường tổ chức ăn tối ngoài trời trên thảm cỏ gần lâu đài, cùng với bá tước Lecter, Hannibal và Chiyoh, để ngắm trăng tròn và lắng nghe tiếng côn trùng mùa thu.

Lúc này, trên sân thượng trong căn nhà ở Paris, cô đọc cho Hannibal nghe một bức thư Chiyoh gửi đến, kể về quá trình chuẩn bị đám cưới của cô gái, và họ ngắm vầng trăng từ khuyết đến tròn, nhưng không có tiếng dế nào quanh đây.

Sáng sớm, Hannibal gập cái giường xếp trong phòng khách lại và đạp xe băng qua sông Seine tới Vườn Bách thảo Paris, rồi tại đây, thẳng bé lại tiến hành cuộc hỏi han thường lệ ở khu vườn thú. Hôm nay có kết quả mới, một tờ giấy nguệch ngoạc một địa chỉ...

Đi thêm mười phút về phía Nam, gần Place Monge và đường Ortolan, thẳng bé tìm thấy cửa hàng: *Cá nhiệt đới, chim nhỏ và động vật nước ngoài.*

Hannibal cầm cặp hồ sơ nhỏ để ở cái túi sau yên xe đạp rồi bước vào trong.

Các thể loại bể chứa nước và lồng chuồng xếp thành dãy ở mặt tiền nhỏ của cửa hàng, láo nháo tiếng líu lo, tiếng chiêm chiếp, tiếng bánh xe trong lồng chuột lang kêu vù vù. Không gian ám mùi ngũ cốc, mùi lông vũ ấm nóng và mùi thức ăn cho cá.

Từ trong một chiếc lồng bên cạnh quây thu ngân, một con vẹt lớn chào Hannibal bằng tiếng Nhật. Một ông già người Nhật vẻ mặt hiền hòa đang nấu ăn ở phía cuối cửa hàng bước lại chỗ thẳng bé.

“Cho phép cháu hỏi thăm một chút được không ạ, thưa ông?” Hannibal hỏi bằng tiếng Nhật.

“Kính chào quý khách,” ông chủ cửa hàng chào bằng tiếng Nhật.

“Kính chào quý khách,” con vẹt nói bằng tiếng Nhật. “Ông có bán đế chuông không ạ?”

“Không, tôi rất tiếc, thưa cậu,” ông chủ cửa hàng nói bằng tiếng Pháp.

“Không, tôi rất tiếc, thưa cậu,” con vẹt nhắc lại bằng tiếng Pháp.

Ông chủ cửa hàng cau mày nhìn con chim và chuyển sang nói tiếng Anh để làm khó con chim vô tổ chức. “Tôi có mấy con đế chiến hảo hạng đấy. Những chiến binh hung tợn, trăm trận trăm thắng, nổi tiếng ở tất cả các cuộc đấu đế.”

“Cháu muốn tặng quà cho một phu nhân người Nhật tha thiết mong mọi được nghe tiếng đế chuông kêu vào thời điểm này trong năm,” Hannibal nói. “Một con đế bình thường không phải món quà phù hợp.”

“Tôi sẽ không đời nào giới thiệu một con đế Pháp, vì tiếng kêu của chúng chỉ dễ chịu khi vào đúng mùa. Nhưng tôi không bán đế chuông. Có lẽ vị phu nhân ấy sẽ vừa lòng với một con vẹt biết nói rất nhiều từ tiếng Nhật chẳng, con vẹt này còn biết nói đủ các loại giọng điệu.”

“Có lẽ ông có nuôi riêng cho mình một con đế chuông chẳng?”

Ông chủ cửa hàng nhìn vào xa xăm một hồi lâu. Luật nhập khẩu côn trùng và trứng côn trùng trong giai đoạn đầu nền cộng hòa mới này vẫn còn khá mơ hồ. “Cậu có muốn nghe nó kêu không?”

“Cháu rất vinh hạnh,” Hannibal đáp.

Ông chủ cửa hàng biến mất đằng sau một tấm rèm phía cuối cửa hàng và rồi xuất hiện trở lại cùng với một cái chuông đế nhỏ, một quả dưa chuột và một con dao. Ông đặt cái chuông lên mặt quầy rồi, dưới ánh mắt chăm chăm thèm thườn của con vẹt, ông cắt một mẫu dưa chuột nhỏ xíu, nhét vào trong chuông đế. Một lát sau đó, tiếng đế trong treo thánh thót vang lên như tiếng chuông ngân. Ông chủ cửa hàng lắng nghe với vẻ ngất ngây hạnh phúc trong lúc giai điệu ấy lại vang lên lần nữa.

Con vẹt vận hết khả năng bắt chước tiếng đế chuông - âm ã và lặp đi lặp lại. Chẳng thấy ai có phản ứng gì, nó bèn nổi xung và chửi rủa nhặng lên cho tới khi Hannibal không tránh khỏi nghĩ đến ông Elgar. Ông chủ cửa hàng che cái lồng lại.

“Mẹ kiếp,” con vẹt chửi tục bằng tiếng Pháp từ bên dưới tấm vải che.

“Không biết liệu cháu có thể thuê một con đế chuông, có thể nói là thuê chính con đế này, hằng tuần được không?”

“Cậu cảm thấy giá cả thế nào là phù hợp?” ông chủ cửa hàng hỏi.

“Cháu nghĩ ta có thể trao đổi,” Hannibal nói. Thằng bé lấy từ trong cặp hồ sơ ra một bức tranh nhỏ vẽ bằng mực nước, có hình một con bọ cánh cứng đậu trên một thân cây cong oằn.

Ông chủ cửa hàng, cẩn thận cầm hai bên mép tờ giấy, xoay bức vẽ về phía ánh sáng. Ông đặt nó xuống dựa vào cái máy tính tiền. “Để tôi hỏi ý kiến các đồng sự xem sao. Cậu quay lại sau giờ ăn trưa được không?”

Hannibal thơ thẩn đi loanh quanh, mua một quả mận ở chợ trời để ăn. Ở đây có một cửa hàng bán đồ thể thao, trưng bày hai cái đầu chiến lợi phẩm trong cửa sổ kính, một đầu cừu hoang và một đầu dê núi. Tựa vào góc cửa sổ là một khẩu súng trường nòng kép Holland & Holland tao nhã. Báng súng được lắp một cách hoàn hảo đến bất ngờ; phiến gỗ trông như thể đã mọc lên quanh lớp kim loại, gỗ và kim loại kết hợp với nhau đem lại cho khẩu súng vẻ uyển chuyển của một con rắn tuyệt mỹ.

Khẩu súng trang nhã và đẹp theo một kiểu rất giống phu nhân Murasaki. Dưới ánh nhìn của hai cái đầu chiến lợi phẩm, ý nghĩ này thật không mấy dễ chịu với Hannibal.

Lúc thằng bé quay trở lại cửa hàng, ông chủ đã đợi sẵn cùng con đế. “Hết tháng Mười, cậu đem trả lại cái chuồng nhé?”

“Không có cách nào để nó có thể sống sót qua hết mùa thu à?”

“Nó có thể trụ được tới mùa đông nếu cậu giữ ấm cho nó. Cậu có thể mang trả cái chuồng cho tôi vào... thời điểm phù hợp.” Ông đưa quả dưa chuột cho Hannibal. “Đừng cho con đế chuông ăn hết trong một lần nhé,” ông nói.

* * *

Phu nhân Murasaki lên sân thượng sau buổi cầu nguyện, những suy tư về mùa thu vẫn lộ rõ trên nét mặt cô.

Bữa tối được bày biện trên bàn thấp giữa sân thượng dưới ánh hoàng hôn sáng rõ. Đúng lúc họ ăn đến món mì thì, sau khi được chén dưa chuột thỏa thuê, con dế đã khiến phu nhân Murasaki ngạc nhiên bằng một khúc ca trong vắt ngân lên từ chốn ẩn náu của nó trong bóng tối bên dưới khóm hoa. Phu nhân Murasaki những tưởng cô đang mơ nên mới nghe thấy tiếng dế ấy. Con dế cất giọng một lần nữa, khúc nhạc thánh thót đặc trưng của loài dế chuông.

Mắt sáng bừng rạng rỡ, phu nhân Murasaki trở về với thực tại. Cô mỉm cười với Hannibal. “Cô đã thấy cháu và con dế đồng ca, hòa nhịp với trái tim cô.”

“Trái tim cháu luôn đập dồn mỗi khi nhìn cô, người đã dạy cho trái tim cháu biết cất lên tiếng hát.”

Tiếng dế chuông trong vắt réo gọi trăng lên. Sân thượng dường như cũng vươn cao lên cùng vầng trăng, được kéo vào trong ánh trăng hữu hình hữu dạng, nâng họ đến một nơi vượt lên trên cái trái đất bị giày vò bởi những bóng ma, một nơi không còn ám ảnh, một nơi chỉ cần họ được ở bên nhau là đã quá đủ rồi.

* * *

Đến lúc thích hợp, thằng bé sẽ thú nhận rằng con dế đó là đồ đi mượn, rằng đến khi trăng tàn, thằng bé sẽ phải đem trả con dế. Tốt hơn hết, không nên giữ nó khi trời đã sang thu quá lâu.

PHU NHÂN MURASAKI sống theo một phong thái thanh lịch đã được cô thấm nhuần vừa nhờ khiếu thẩm mỹ vừa do được hun đúc thường xuyên, và cô đã thể hiện rõ sự thanh lịch đó khi xử lý tất cả những tài sản được thừa kế sau khi đã bán tòa lâu đài và trả hết khoản thuế thừa kế. Cô sẵn lòng trao cho Hannibal bất kỳ thứ gì thẳng bé đòi hỏi, nhưng thẳng bé không đòi hỏi gì hết.

Robert Lecter đã chu cấp cho Hannibal những chi phí giáo dục tối thiểu, nhưng chỉ thế mà thôi.

Thứ quan trọng nhất trong đồng giấy tờ hồ sơ của Hannibal là một bức thư do chính thẳng bé soạn ra. Bức thư được ký tên *Bác sĩ Gamil Jolipoli*, *Chuyên khoa dị ứng* với nội dung cảnh báo nhà trường rằng Hannibal phản ứng nghiêm trọng với bụi phấn nên cần được xếp chỗ ngồi càng cách xa bảng càng tốt.

Vì điểm số của Hannibal luôn nằm trong diện đặc biệt, thẳng bé biết rõ các giáo viên không thật lòng quan tâm đến chuyện nó đang làm gì, miễn là bọn học sinh khác không nhìn thấy để rồi noi theo gương xấu.

Được thoải mái ngồi một mình tít tận cuối lớp, Hannibal có thể dùng mực và màu nước để vẽ chim theo phong cách Musashi Miyamoto*, đồng thời vẫn bập bõm nghe giảng.

Hồi đó, ở Paris, người ta đang chuộng những thứ có xuất xứ Nhật Bản. Các bức vẽ này tương đối nhỏ gọn, phù hợp với những khoảng trống hạn chế trên tường các căn hộ ở Paris và cũng có thể được xếp gọn gàng trong vali một vị khách du lịch. Hannibal đóng triện cá nhân thay chữ ký trên tranh, triện khắc một chữ Vĩnh tám nét.

Các bức tranh này tìm được nơi tiêu thụ ở khu phố Latin, ở những phòng tranh nhỏ dọc đường Saints-Pères và phố Jacob, tuy nhiên, một vài phòng

tranh yêu cầu thằng bé chỉ được mang tranh đến khi họ đã đóng cửa, để các khách hàng không phát hiện ra chúng là tác phẩm của một đứa trẻ.

Cuối hè, khi ánh mặt trời vẫn còn nấn ná trong Vườn Luxembourg sau giờ tan trường, để giết thời gian trong lúc đợi đến giờ phòng tranh đóng cửa, Hannibal phác họa những con thuyền buồm đồ chơi được thả trên mặt hồ. Sau đó, thằng bé đi bộ đến Saint-Germain, làm việc với các phòng tranh - sinh nhật của phu nhân Murasaki đang đến gần và thằng bé đã để mắt đến một món nữ trang bằng ngọc bích ở phố Furstenberg.

Thằng bé có thể bán bức phác họa thuyền buồm cho một chuyên gia trang trí nội thất trên phố Jacob, nhưng nó vẫn hay bán những bức phác họa phong cách Nhật của mình cho một phòng tranh nhỏ chuyên tiêu thụ đồ ăn cắp trên phố SaintsPères. Những bức vẽ gây được ấn tượng mạnh mẽ hơn nhiều nếu được lồng vào khung kính và thằng bé đã tìm được một thợ lồng khung khéo tay đồng ý cho nó nợ lâu.

Mang theo ba lô đựng các bức tranh, Hannibal bước xuôi đại lộ Saint-Germain. Những bàn kê ngoài trời ở các quán cà phê đều đã kín khách, còn những anh hề trên vỉa hè đang bày trò chèo kéo khách qua đường để mua vui cho đám đông của quán cà phê Flore. Trong những con phố nhỏ sát bờ sông hơn, trên phố Saint-Benoit và phố Abbaye, các câu lạc bộ nhạc jazz vẫn đang cửa đóng then cài, nhưng các nhà hàng thì đang mở cửa.

Hannibal cố không nghĩ đến bữa ăn trưa ở trường, với món chính được biết đến với cái tên “Di hài của kẻ tử vì đạo”, và thích thú nghiên cứu giá cả các món ăn được quảng cáo ở những nhà hàng trên đường nó đi. Thằng bé hy vọng sẽ sớm kiếm đủ tiền tổ chức một bữa tối mừng sinh nhật, và giờ nó đang tìm món nhím biển.

Ông Leet ở Phòng tranh Leet đang cạo râu chuẩn bị cho cuộc hẹn buổi tối thì Hannibal nhấn chuông cửa. Đèn trong phòng tranh vẫn sáng, nhưng các rèm cửa đều đã khép kín. Leet, giống y như những người Bỉ khác, không mấy kiên nhẫn với người Pháp và chỉ chăm chăm mong ngóng lừa phỉnh được dân Mỹ - theo ông ta là những kẻ sẵn lòng mua bất cứ thứ gì. Phòng tranh trưng bày các tác phẩm đỉnh cao của những họa sĩ tiêu biểu, những

bức tượng nhỏ và đồ cổ, đồng thời cũng nổi tiếng với các bức tranh tàu thuyền và phong cảnh biển.

“Chào cậu Lecter,” Leet nói. “Rất vui được gặp cậu. Tôi tin chắc cậu vẫn ổn nhì. Cậu chịu khó đợi một chút nhé, tôi phải đóng thùng một bức tranh đã, tối nay nó phải lên đường tới Philadelphia nước Mỹ rồi.”

Theo kinh nghiệm của Hannibal, một màn chào hỏi nồng nhiệt thường hay che giấu một chuyện làm ăn bất chính. Thằng bé đưa cho Leet các bức vẽ, kèm theo giá tiền đã được viết ra một cách dứt khoát. “Tôi đi xem xung quanh được không?”

“Cứ tự nhiên nhé.”

Thật dễ chịu biết bao khi được tránh xa trường học, khi được ngắm nhìn những bức tranh đẹp. Sau một buổi chiều phác họa những con thuyền trên hồ, Hannibal vẫn mãi nghĩ về nước, về những khó khăn gặp phải khi muốn miêu tả dòng nước. Thằng bé nghĩ đến màn sương mù trong tranh của Turner cùng các màu sắc được ông sử dụng, không cách nào mô phỏng được, và rồi nó đi từ bức tranh này sang bức tranh khác, nhìn vào dòng nước, không gian bên trên dòng nước. Thằng bé dừng lại trước một bức tranh nhỏ đang dựng trên giá vẽ, dòng Kênh Lớn dưới ánh nắng Venice rực rỡ, ở hậu cảnh là nhà thờ Santa Maria della Salute.

Đây là bức tranh của Guardi từng thuộc lâu đài Lecter. Hannibal đã biết điều đó trước cả khi nhớ ra được rõ ràng, một chớp ký ức lóe lên trong mắt và giờ đây, bức tranh thân thuộc hiển hiện trước mặt thằng bé, trong cái khung tranh này. Có lẽ nó chỉ là một bản sao. Thằng bé cầm bức tranh lên, nhìn cẩn thận. Tấm vải bị dính mấy vết bẩn lốm đốm màu nâu chỗ góc trái phía trên. Hồi còn nhỏ, thằng bé từng nghe thấy cha mẹ nó nói chỗ bẩn này là “vết ố màu lông cáo”, vậy là nó cứ nhìn chăm chăm vào đó hàng mấy phút liền, cố tưởng tượng ra hình ảnh một con cáo hay dấu chân cáo. Bức tranh không phải hàng nhái. Khung tranh dường như nóng sực lên trong đôi tay thằng bé.

Ông Leet bước vào phòng. Ông ta cau mày. “Ta không nên động chạm vào cái gì trừ phi đã sẵn sàng mua. Séc của cậu đây.” Leet cười lớn. “Nó

đúng là một khoản lớn, nhưng vẫn chưa đủ cho bức Guardi đâu.”

“Không, hôm nay thì không. Phải đợi đến lần sau, ông Leet ạ.”

THANH TRA POPIL, sốt ruột với tiếng chuông cửa cầu kỳ, bèn cứ thế đập âm âm lên cửa phòng tranh Leet ở phố Saints-Pères. Được ông chủ phòng tranh mời vào, anh ta vào thẳng vấn đề. “Anh lấy bức tranh Guardi từ chỗ nào vậy?”

“Tôi mua lại của Kopnik, lúc chúng tôi cắt đứt hợp tác,” Leet nói. Ông ta nhìn mặt, thầm nghĩ Popil trông đặc Pháp đến phát gớm trong cái áo vét khuy thừa không xẻ lưng ấy. “Anh ta bảo đã lấy được nó từ chỗ một tay họ Finn, không thấy nói tên là gì.”

“Cho tôi xem hóa đơn, Popil nói. “Ông cũng bắt buộc phải có hồ sơ tư vấn về tác phẩm bị đánh cắp của Ủy ban Nghệ thuật và Tượng đài đối với tài sản này. Cho tôi xem cả cái đó nữa.”

Leet so sánh danh sách các vật phẩm bị đánh cắp với catalog của ông ta. “Này, nhìn đây này, bức Guardi bị mất được mô tả khác hẳn. Robert Lecter kê tên bức tranh bị đánh cắp là ‘Quang cảnh Santa Maria della Salute’, còn khi tôi mua bức tranh này, nó được gọi là ‘Quang cảnh Kênh Lớn’.”

“Tôi đã được lệnh của tòa phải tịch thu bức tranh này, bất kể nó được gọi bằng cái tên gì đi nữa. Tôi sẽ đưa cho ông biên nhận. Tìm cho tôi gã ‘Kopnik’ này đi, ông Leet, và ông có thể tránh được cho mình rất nhiều chuyện phiền phức đấy.”

“Kopnik chết rồi, anh thanh tra. Anh ta là đồng sự của tôi trong công ty này. Chúng tôi đặt tên công ty là Kopnik và Leet. Giá đặt là Leet và Kopnik thì nghe kêu hơn nhiều.”

“Ông có giữ giấy tờ sổ sách của ông ta không?”

“Luật sư của anh ta có giữ đấy.”

“Tìm chúng đi, ông Leet. Tìm cho cẩn thận vào,” Popil nói. “Tôi muốn biết bằng cách nào mà bức tranh này lại từ lâu đài Lecter đến được phòng tranh Leet.”

“Lecter,” Leet nói. “Có phải là thằng bé vẽ những bức tranh này không?”

“Phải.”

“Lạ thường thật,” Leet nói.

“Phải, lạ thường thật,” Popil đáp. “Bọc bức tranh vào hộ tôi với.”

* * *

Leet xuất hiện ở trụ sở cảnh sát Paris tại Quai des Orfèvres hai ngày sau đó, mang theo các giấy tờ. Popil bố trí cho ông ta ngồi ở hành lang gần căn phòng có biển là *Thăm vấn 2*, nơi người ta đang thẩm vấn một kẻ tình nghi hăm hiếp và thỉnh thoảng, màn thẩm vấn ồn ã lại bị cắt quãng bởi những tiếng đánh đấm và la hét. Popil để Leet bị ngâm trong bầu không khí này suốt mười lăm phút đồng hồ, sau đó mới cho phép ông ta vào trong văn phòng riêng.

Tay buôn tranh lấy ra một tờ biên nhận. Tờ giấy cho thấy Kopnik đã mua bức Guardi từ một Emppu Makinen nào đó với giá tám nghìn bảng Anh.

“Ông có thấy cái này đáng tin không?” Popil hỏi. “Tôi thì không.”

Leet hăng giọng và nhìn sần nhà. Hai mươi giây nặng nề trôi qua.

“Công tố viên đang háo hức chờ được khởi tố ông đấy, ông Leet. Ông ta là người theo thuyết Calvin thuộc dạng nhiệt thành nhất, ông biết thế chứ?”

“Bức tranh ấy.”

Popil giơ tay lên, cắt ngang lời Leet. “Tạm thời, tôi muốn ông hãy quên vấn đề của ông đi. Cứ giả thử là trong trường hợp quyết định nhúng tay vào thì tôi sẽ có thể can thiệp giúp ông được. Tôi muốn ông giúp tôi. Tôi muốn ông xem cái này.” Anh ta đưa cho Leet một xấp giấy mỏng mặt láng chỉ chút chữ đánh máy. “Đây là danh sách các vật phẩm đang được Ủy ban Nghệ thuật mang tới Paris từ Điểm Thu thập Munich. Toàn bộ đều là tác phẩm nghệ thuật bị đánh cắp.”

“Để trưng bày ở Jeu de Paume.”

“Phải, các nguyên đơn có thể đến đây xem. Trang hai, kéo xuống đoạn giữa đi. Tôi đã khoanh lại đấy.”

“‘Cầu Than thờ’, Bernardo Bellotto, ba mươi sáu nhân ba mươi xentimet, sơn dầu trên giấy bồi.”

“Ông biết bức tranh này không?” Popil hỏi.

“Tất nhiên tôi đã nghe nhắc đến nó.”

“Nếu tranh này là thật thì nó đã bị lấy cắp từ lâu đài Lecter. Hẳn ông cũng biết nó được ghép cặp hoàn hảo với một bức tranh vẽ Cầu Than thờ khác.”

“Của Canaletto, đúng vậy, vẽ trong cùng ngày hôm đó.”

“Cũng đã bị đánh cắp khỏi lâu đài Lecter, có lẽ đã bị lấy trộm trong cùng một thời điểm bởi cùng một người,” Popil nói. “Nếu bán hai bức cùng nhau thì ta sẽ kiếm được nhiều hơn bao nhiêu so với bán riêng lẻ từng bức?”

“Gấp bốn lần. Họa có điên thì người ta mới xé lẻ chúng ra.”

“Vậy thì chúng đã bị bán riêng rẽ hoặc là do kẻ bán không biết chuyện này hoặc bởi sự tình cờ nào đó. Hai bức tranh Cầu Than thờ. Nếu kẻ trộm chúng vẫn giữ một trong hai bức đó, vậy thì hẳn là hẳn sẽ muốn lấy lại nốt bức kia nhỉ?” Popil hỏi. “Rất muốn là đằng khác.”

“Khi bức tranh được đem treo ở Jeu de Paume, công chúng sẽ được phép đến xem. Ông sẽ đến phòng trưng bày với tôi và rồi chúng ta sẽ xem xem kẻ nào đến đánh hơi quanh đó.”

NHỜ CÓ GIẤY MỜI, phu nhân Murasaki được ưu tiên vào trong Bảo tàng Jeu de Paume trước một đoàn người đông nghịt đang rì rầm bàn tán trong Vườn Tuileries, nóng lòng muốn được chiêm ngưỡng hơn năm trăm tác phẩm nghệ thuật từng bị đánh cắp đã được Ủy ban Đồng minh về Nghệ thuật, Tượng đài và Văn thư lưu trữ (MFAA) mang từ Điểm Thu thập Munich về đây với mong muốn tìm được chủ nhân đích thực của chúng.

Một vài tác phẩm vừa thực hiện chuyến viễn hành thứ ba giữa Pháp và Đức, vì đầu tiên, chúng đã bị Napoleon đánh cắp khỏi Đức mang về Pháp, sau đó lại bị quân Đức đánh cắp mang về quê hương, rồi một lần nữa, lại được quân Đồng Minh mang trở về Pháp.

Trong tầng trệt Bảo tàng Jeu de Paume, phu nhân Murasaki đã tìm thấy một mớ hỗn độn đáng kinh ngạc các hình tượng phương Tây. Những bức tranh tôn giáo đẫm máu phủ kín một đầu sảnh, một xưởng thịt đầy các Đức Jesus đóng đinh trên thập giá.

Để đổi gió, cô quay sang “Bữa trưa nhiều thịt”, một bức tranh tươi vui họa lại một bữa tiệc buffet xa xỉ, không một bóng người, chỉ có một con chó giống springer spaniel đang tự lấy cho mình một miếng giăm bông. Đằng sau bức tranh đó là những bức vẽ vải toan khổ lớn được ghi danh “Trường phái Rubens”, họa hình những phụ nữ hồng hào vóc dáng phì nhiêu vây quanh là những đứa trẻ bụ bẫm có cánh.

Đúng lúc đó, thanh tra Popil phát hiện ra phu nhân Murasaki cũng đang ở trong bảo tàng, mặc bộ đồ Chanel hàng nhái, mảnh mai và duyên dáng, khác hẳn những phụ nữ hồng hào khóa thân trong tranh Rubens.

Ngay sau đó, Popil cũng liếc thấy Hannibal đang leo cầu thang đi từ tầng dưới lên. Thanh tra không lộ diện, chỉ đứng quan sát.

Chà, giờ họ đang nhìn nhau, phu nhân người Nhật xinh đẹp và người được cô bảo trợ. Popil thích thú xem cách họ chào hỏi; họ dừng lại cách

nhau vài bước chân và mặc dù không cúi chào nhau, họ đều mỉm cười thay cho lời chào. Rồi họ bước tới ôm choàng lấy nhau. Phu nhân Murasaki hôn lên trán Hannibal và chạm vào má thẳng bé, rồi ngay sau đó, họ trò chuyện.

Phía trên khung cảnh chào hỏi ấm áp của hai cô cháu là một bản sao y như thật tác phẩm “Judith chặt đầu Holofernes” của Caravaggio. Nếu là trước chiến tranh thì Popil hẳn đã thấy cảnh tượng này thật thú vị. Nhưng giờ, anh ta lại chỉ thấy râm ran nơi gáy.

Ánh mắt Popil chạm vào ánh mắt Hannibal và anh ta bèn hất đầu về phía một văn phòng nhỏ gần lối vào, nơi Leet đang đợi sẵn.

“Theo thông tin từ Điểm Thu thập Munich, bức tranh này được tịch thu từ tay một tên buôn lậu ở biên giới Ba Lan cách đây một năm rưỡi,” Popil nói.

“Hắn có nì nèo gì không? Hắn có khai ra nguồn gốc bức tranh không?” Leet hỏi.

Popil lắc đầu. “Gã buôn lậu đã bị một tù nhân ưu tiên* người Đức bóp cổ chết trong Nhà tù Quân sự Mỹ ở Munich rồi. Gã tù nhân ưu tiên đã biến mất ngay tối đó, chúng tôi đoán là vào đường chuột Dragunovic*. Giờ là ngô cụt rồi.

“Bức tranh đang treo ở vị trí số tám mươi tám gần góc kia kìa. Ông Leet nói nó có vẻ là tranh thật. Hannibal này, liệu cậu có thể nói được đó có phải bức tranh bị lấy khỏi nhà cậu hay không?”

“Có.”

“Nếu nó đúng là bức tranh của gia đình cậu, Hannibal, thì cậu sẽ cảm nhé. Nếu cậu tiến lại gần bức tranh, hãy tỏ ra cực kỳ vui mừng khi nhìn thấy nó, đến mức cậu chẳng buồn tò mò xem ai đã lấy trộm nó. Cậu thèm khát nó, cậu muốn lấy lại bức tranh rồi bán đi càng nhanh càng tốt, và cậu còn muốn lấy lại được bức tranh cặp đôi với nó nữa.

“Hãy tỏ ra khó chiều, Hannibal ạ, ích kỷ và hư hỏng,” Popil nói, với vẻ thích thú không phải lỗi. “Cậu nghĩ cậu có thể làm được không? Vờ xích mích với người giám hộ của cậu. Người kia sẽ muốn liên lạc với cậu, chứ không phải ngược lại. Hắn sẽ cảm thấy an toàn hơn nếu hai cô cháu cậu bất

hòa. Cậu thì cứ khăng khăng đòi được chủ động liên lạc với hẳn. Leet và tôi sẽ ra ngoài, đợi chúng tôi ra vài phút rồi cậu hãy bắt đầu vở diễn.”

“Đi nào,” Popil nói với Leet đang đứng bên cạnh. “Chúng ta đang làm việc hợp pháp, ông bạn ạ, ông không cần phải lén lút đâu.”

* * *

Hannibal và phu nhân Murasaki nhìn ngó, ngắm nghía một dãy các bức tranh nhỏ.

Ở kia, ngang tầm mắt, chính là bức tranh “Cầu Than thờ”. Nỗi xúc động của Hannibal khi tìm thấy bức Guardi chẳng thấm tháp gì so với cảm xúc khi nhìn thấy bức tranh này; nó không chỉ đơn giản là một bức tranh mà qua nó, Hannibal còn nhìn thấy khuôn mặt của mẹ mình.

Lúc này, xung quanh cũng đang nườm nượp người, họ cầm danh sách các tác phẩm nghệ thuật trong tay, kẹp bó hồ sơ chứng minh quyền sở hữu dưới nách. Giữa dòng người ấy, có một người đàn ông dáng cao mặc một bộ com lê đậm đặc chất Anh.

Giơ danh sách lên trước mặt, ông ta đứng cạnh Hannibal, đủ gần để có thể nghe được cuộc trò chuyện.

“Bức tranh này là một trong hai bức được trưng trong phòng may của mẹ cháu,” Hannibal nói. “Khi gia đình cháu rời lâu đài lần cuối cùng, mẹ đã đưa nó cho cháu bảo cháu mang đến cho Cook. Mẹ dặn cháu không được làm bẩn mặt sau.”

Hannibal nhắc bức tranh ra khỏi tường và lật nó lại. Hai mắt nó lóe sáng. Ở đó, trên mặt sau bức tranh, một bàn tay trẻ con được vẽ viền bằng phấn, gần như đã mờ, chỉ còn nhìn rõ được ngón cái và ngón trỏ. Bản vẽ được bảo vệ dưới một tấm giấy can.

Hannibal cứ nhìn thế một hồi lâu. Trong cơn xúc động, thằng bé hình dung trong đầu hình ảnh cái ngón tay cái và ngón trỏ đang chuyển động, một cái vẫy tay không hoàn chỉnh.

Cố gắng đè nén cảm xúc, thằng bé nhớ lại chỉ dẫn của Popil. *Nếu nó đúng là bức tranh của gia đình cháu, thì cháu sờ cảm nhé.*

Cuối cùng, thằng bé hít một hơi thở sâu rồi đưa ra tín hiệu.

“Đây là bàn tay của Mischa,” thằng bé nói với phu nhân Murasaki. “Hồi cháu tám tuổi, nhà cháu cho quét vôi tầng trên. Cha mẹ cháu đã cho chuyển bức tranh này và bức tranh cặp đôi với nó đến chỗ cái đi văng trong phòng mẹ cháu, lấy vải che để phủ lên. Mischa và cháu đã chui xuống bên dưới tấm vải che, chen chúc với hai bức tranh; chúng cháu giả vờ đang ở trong lều, hai anh em là dân du mục giữa sa mạc. Cháu đã lấy một viên phấn trong túi quần vẽ lại bàn tay của con bé viền theo bàn tay thật để tránh tà. Cha mẹ cháu đã giận điên lên, nhưng dù sao đi nữa, bức tranh cũng không bị hư hại gì và cháu nghĩ, cuối cùng họ cũng lấy làm thích thú.”

Một người đàn ông đội mũ mềm vội vã bước lại gần họ, thề công tác vung vẩy trên sợi dây đeo quanh cổ.

Người ở bảo tàng sẽ lên giọng nạt cháu, sau đó cháu hãy lập tức tranh cãi với ông ta, Popil đã chỉ dẫn.

“Đừng có làm thế. Đừng chạm vào đấy,” ông này nói. “Nếu không phải nó là tranh của tôi thì tôi đã chẳng động vào làm gì,” Hannibal nói.

“Trước khi cậu chứng minh được quyền sở hữu thì cậu không động vào nó, nếu không tôi sẽ buộc phải hộ tống cậu rời khỏi tòa nhà này. Để tôi gọi người ở bộ phận Đăng ký đến.”

Ngay khi nhân viên này vừa đi khuất khỏi tầm mắt, người đàn ông mặc bộ com lê Anh liền áp sát họ. “Tôi là Alec Trebelaux,” ông ta nói. “Có lẽ tôi có thể giúp được hai người đôi chút đấy.”

Thanh tra Popil và Leet theo dõi từ cách đó hai mươi mét. “Ông biết ông ta không?” Popil hỏi.

“Không,” Leet nói.

Trebelaux mời Hannibal và phu nhân Murasaki tránh vào góc khuất, chỗ một cái cửa sổ hai cánh xây âm tường. Ông ta trạc năm mươi tuổi, cái đầu hói rám nắng nặng, hai bàn tay cũng thế. Dưới ánh sáng tỏ chỗ cửa sổ, có thể nhìn thấy rõ những vảy gàu trên lông mày ông ta. Hannibal chưa nhìn thấy ông ta bao giờ.

Hầu hết cánh đàn ông đều rất vui khi gặp phu nhân Murasaki. Nhưng Trebelaux thì không và cô nhận ra điều đó ngay lập tức, dù ông ta vẫn giả là

ngọt xót. “Rất vui được gặp bà, thưa phu nhân. Cần có sự giám hộ mới được à?”

“Phu nhân là cố vấn đáng kính của tôi,” Hannibal đáp. “Còn tôi sẽ thỏa thuận trực tiếp.”

Hãy tỏ ra tham lam, Popil đã nói. Phu nhân Murasaki sẽ đóng vai người điều tiết.

“Cần có sự giám hộ mới được, thưa ông” phu nhân Murasaki nói.

“Nhưng bức tranh là của cháu mà,” Hannibal nói.

“Cháu sẽ phải yêu cầu xác nhận quyền sở hữu trong phiên họp với ủy ban mà họ thì đã kín lịch đến hết một năm rưỡi nữa rồi. Trước lúc đó thì bức tranh là của công.”

“Tôi vẫn đang đi học, ông Trebelaux ạ, tôi tính rằng mình có thể...”

“Tôi có thể giúp cậu,” Trebelaux nói.

“Như thế nào, ông nói tôi nghe xem.”

“Tôi đã thu xếp được một cuộc họp với ủy ban vào ba tuần sau, về một vật phẩm khác.”

“Ông là người buôn tranh à, thưa ông?” phu nhân Murasaki hỏi.

“Tôi mong muốn được trở thành nhà sưu tầm, thưa phu nhân. Nhưng muốn mua thì tôi phải bán. Tôi rất hạnh phúc khi được nắm trong tay những thứ đẹp đẽ, dẫu chỉ là trong một thời gian ngắn. Bộ sưu tập của gia đình các vị trong lâu đài Lecter tuy không lớn nhưng lại rất đặc sắc.”

“Ông biết bộ sưu tập ấy à?” phu nhân Murasaki hỏi.

“Theo tôi được biết, các tài sản thất thoát của lâu đài Lecter đã được người chồng quá cố... đã được Robert Lecter kê khai với MFAA.”

“Và khi ông họp với ủy ban, ông có thể nhắc tới trường hợp của tôi?” Hannibal hỏi.

“Tôi có thể thay mặt cậu yêu cầu xác nhận quyền sở hữu, thể theo Công ước Hague năm 1907; để tôi giải thích cho cậu...”

“Phải rồi, theo Mục 46, chúng tôi đã bàn đến vấn đề đó rồi,” Hannibal nói, liếc nhìn phu nhân Murasaki và liếm môi để tỏ vẻ tham lam.

“Nhưng chúng ta đã bàn đến rất nhiều phương án mà, Hannibal,” phu nhân Murasaki nói.

“Nếu tôi không muốn bán thì sao, ông Trebelaux?” Hannibal hỏi.

“Cậu sẽ phải đợi đến lượt được gặp ủy ban. Đến lúc đó thì có khi cậu đã thành người trưởng thành rồi.”

“Bức tranh này nằm trong một cặp tranh, chồng tôi đã giải thích cho tôi biết,” phu nhân Murasaki nói. “Nếu bán theo cặp thì chúng sẽ đáng giá hơn nhiều. Liệu ông có tình cờ biết được bức tranh kia đang ở đâu không, bức của Canaletto ấy?”

“Không, thưa phu nhân.”

“Thông tin đó cũng đáng cho ông tìm hiểu đấy, ông Trebelaux.” Ánh mắt cô chạm vào ánh mắt Trebelaux. “Ông cho tôi xin cách liên lạc với ông được chứ?” cô nói, cố tình nhấn trọng âm một cách mơ hồ vào từ “tôi”.

Ông ta cho tên một khách sạn nhỏ gần ga Este, bắt tay Hannibal mà không hề nhìn thẳng bé, rồi biến mất vào trong đám đông.

Hannibal đăng ký yêu cầu xác nhận quyền sở hữu rồi thẳng bé và phu nhân Murasaki tha thần đi qua một loạt những tác phẩm nghệ thuật đủ mọi thể loại. Từ lúc nhìn thấy dấu bàn tay của Mischa, thẳng bé dường như chết lặng, chỉ duy nhất khuôn mặt nó là vẫn còn cảm giác, vẫn còn cảm nhận được sự đụng chạm của con bé, cảm nhận được bàn tay con bé đang vỗ lên má nó.

Thẳng bé dừng lại trước một bức thảm thêu tên là “Hiến tế Isaac”, cứ đứng đó nhìn nó một hồi lâu. “Nhà chúng cháu treo khá nhiều thảm thêu trong các hành lang ở tầng trên,” thẳng bé nói. “Chỉ cần kiễng chân lên là cháu có thể chạm vào mép dưới của chúng.” Thẳng bé lật góc thảm lên, nhìn vào mặt sau. “Cháu vẫn luôn thích mặt thảm bên này hơn. Những sợi chỉ và thớ vải khiến nó trông như một bức tranh vậy.”

“Như những suy nghĩ rối rắm,” phu nhân Murasaki nhận xét. Thẳng bé thả góc thảm xuống và Abraham run rẩy toàn thân, túm đầu người con trai kéo căng cổ họng của nó ra, trong khi thiên thần vươn tay để ngăn, không để con dao hạ xuống.

“Cô có nghĩ là Chúa muốn ăn thịt Isaac không, bởi vậy nên ngài mới bảo Abraham giết chết cậu ta?” Hannibal hỏi.

“Không, Hannibal. Tất nhiên không phải thế. Thiên thần đã can thiệp kịp thời.”

“Không phải lúc nào cũng vậy,” Hannibal nói.

* * *

Nhìn thấy họ rời khỏi tòa nhà, Trebelaux bèn vào trong nhà vệ sinh nam thấm ướt chiếc khăn tay rồi quay trở lại với bức tranh. Ông ta dáo dác nhìn quanh. Không có nhân viên bảo tàng nào để mắt đến ông ta. Thoáng run lên, ông ta nhắc bức tranh xuống, lật tờ giấy can ra và lấy chiếc khăn tay ướt chà lau đường nét bàn tay Mischa trên mặt sau tranh. Thiệt hại này có thể được quy cho sự bất cẩn trong quá trình chuyển giao bức tranh cho bên được ủy thác tạm giữ. Tốt nhất là cứ dẹp hết mấy cái giá trị tình cảm ấy đi.

CẢNH SÁT VIÊN RENE ADEN, mặc thường phục, đợi bên ngoài khách sạn của Trebelaux cho tới khi thấy đèn trên tầng ba đã tắt hết. Sau đó, anh ta tới ga tàu ăn uống qua loa và may mắn quay trở về vị trí vừa kịp lúc thấy Trebelaux lại rời khỏi khách sạn, mang theo một cái túi thể thao.

Trebelaux bắt taxi bên ngoài ga Đông rồi băng qua sông Seine tới một nhà tắm mù mịt hơi nước và đi vào bên trong. Aden đỗ chiếc xe không có gì đặc biệt của mình vào chỗ đỗ vốn chỉ dành cho xe cứu hỏa, đếm từ một đến năm mươi rồi vào trong sảnh. Không khí ngột ngạt, nồng nặc mùi dầu xoa bóp. Cảnh đàn ông mặc áo choàng tắm đang ngồi đọc báo - các tờ báo in bằng nhiều thứ tiếng khác nhau.

Aden không muốn cởi quần áo bám theo Trebelaux vào trong màn hơi nước. Anh ta vốn là người khá dứt khoát, nhưng cha anh ta đã chết vì chứng bọ da chân nên anh ta không muốn cởi giày ra trong chỗ này. Anh ta lấy một tờ báo trên giá gỗ rồi ngồi xuống ghế.

* * *

Trebelaux, xỏ đôi guốc mộc quá ngắn so với chân, lọc cọc bước qua một dãy phòng nơi những người đàn ông thông người ngồi trên các băng ghế ốp gạch men, đầu hàng hơi nóng.

Các phòng xông hơi riêng tư được cho thuê luân phiên mười lăm phút một. Ông ta bước vào căn phòng thứ hai. Đã có người trả trước tiền vé vào cho ông ta. Không gian mù mịt hơi nước và ông ta lấy khăn tắm lau kính.

“Ông làm gì mà lè mề thế,” Leet nói qua màn hơi nước. “Tôi sắp nóng chảy ra rồi đây này.”

“Mãi tới lúc tôi chuẩn bị đi ngủ thì hầu phòng mới chuyển tin nhắn cho tôi,” Trebelaux giải thích.

“Hôm nay cảnh sát đã theo dõi ông ở Jeu de Paume đấy; họ biết bức Guardi ông bán cho tôi là hàng chôm chia.”

“Ai đã dẫn đầu mỗi sang tôi vậy? Anh hả?”

“Làm gì có chuyện đó. Họ nghĩ ông biết ai đang giữ các bức tranh bị đánh cắp khỏi lâu đài Lecter. Ông biết không?”

“Không. Có lẽ khách hàng của tôi biết.”

“Nếu ông kiếm được bức ‘Cầu Than thở’ kia, tôi có cách đẩy cả hai bức tranh đi,” Leet nói.

“Anh định bán chúng đi đâu?”

“Đây là việc của tôi. Một khách hàng có sừng có mỏ ở Mỹ. Đại khái là một tổ chức lớn. Ông có biết gì không, hay tôi chỉ đang nhọc công vô ích?”

“Tôi sẽ trả lời anh sau nhé,” Trebelaux đáp.

* * *

Chiều hôm sau, Trebelaux mua một tấm vé đi Luxembourg khởi hành từ ga Đông. Cảnh sát Aden dõi nhìn ông ta mang theo va li lên tàu. Tay khuân vác có vẻ không mấy hài lòng với khoản tiền boa của ông ta.

Aden gọi điện về Quai des Orfèvres trao đổi ngắn gọn rồi nhảy lên tàu đúng vào phút chót, khum khum bàn tay che phù hiệu, kín đáo giơ ra cho người soát vé thấy.

Lúc đoàn tàu tiến gần đến trạm dừng ở Meaux, màn đêm đã buông xuống. Trebelaux cầm bộ dao cạo râu đến phòng vệ sinh. Ông ta nhảy ra khỏi tàu đúng lúc đoàn tàu bắt đầu lăn bánh, chẳng thèm ngó ngang gì đến cái va li.

Một chiếc xe hơi đã chờ sẵn cách ga xe lửa một khối nhà. “Sao lại đợi ở đây?” Trebelaux hỏi lúc chui vào xe ngồi cạnh tài xế. “Tôi có thể đến chỗ anh ở Fontainebleau mà.”

“Chúng tôi có việc ở đây,” người đàn ông ngồi sau tay lái nói. “Việc ngon.” Trebelaux biết gã với cái tên Christophe Kleber. Kleber lái xe tới một quán cà phê gần nhà ga, ăn một bữa tối thịnh soạn, còn bê cả bát lên húp món xúp vichyssoise. Trebelaux gảy gảy món xa lát Nicoise và xếp đậu cô ve lên mép đĩa thành tên viết tắt của ông ta.

“Cảnh sát tịch thu bức Guardi rồi,” Trebelaux nói khi phục vụ mang món bê áp chảo ra cho Kleber.

“Anh kể với Hercule thế rồi. Lẽ ra anh không nên nói những chuyện như thế này qua điện thoại. Có vấn đề gì?”

“Họ nói với Leet rằng bức tranh là đồ bị khoăng mất ở phía Đông. Có đúng không?”

“Tất nhiên là không. Ai hỏi thế?”

“Một thanh tra cảnh sát có một danh sách từ Ủy ban Nghệ thuật và Tượng đài. Anh ta nói nó là đồ ăn cắp. Có đúng không?”

“Anh có nhìn con dấu không?”

“Con dấu của Ủy ban Giáo dục và Nghệ thuật Nhân dân Xô Viết, thế thì sao?” Trebelaux hỏi.

“Tay cảnh sát có nói nó thuộc quyền sở hữu của ai ở phía Đông không? Nếu của người Do Thái thì không thành vấn đề, quân Đồng Minh không trả lại các tác phẩm nghệ thuật lấy của dân Do Thái đâu. Dân Do Thái chết hết rồi. Quân Xô Viết cứ giữ nó thôi.”

“Anh ta không phải cảnh sát bình thường, anh ta là *thanh tra* cảnh sát, Trebelaux nói.

“Nói như dân Thụy Sĩ ấy. Anh ta tên gì?”

“Popil, Popil gì đó.”

“À,” Kleber nói, lấy khăn ăn lau miệng. “Tôi cũng đã nghĩ thế. Vậy thì không có gì đáng lo đâu. Anh ta nhận tiền của tôi nhiều năm nay rồi. Đám tiền vào là xong thôi. Leet kể gì với anh ta?”

“Vẫn chưa nói gì, nhưng Leet có vẻ bất an lắm. Tạm thời ông ta sẽ quy mọi trách nhiệm cho Kopnik, gã đồng sự đã chết của ông ta,” Trebelaux đáp.

“Leet không biết gì thật đấy chứ, dù chỉ là phong thanh xem anh đã lấy được bức tranh từ đâu?”

“Leet vẫn tưởng tôi lấy nó ở Lausanne, như chúng ta đã thỏa thuận. Ông ta đang rú rít đòi lấy lại tiền. Tôi nói tôi phải trao đổi với khách hàng đã.”

“Popil nằm trong tay tôi, tôi sẽ xử lý, anh cứ quên hết chuyện này đi. Tôi có chuyện quan trọng hơn nhiều cần bàn với anh đây. Anh có đến Mỹ được không?”

“Tôi không mang được đồ qua hải quan đâu.”

“Anh không cần lo về hải quan, chỉ cần quan tâm đến các cuộc đàm phán trong thời gian anh ở đây thôi. Anh sẽ phải kiểm tra đồ trước khi nó đi, rồi lại kiểm tra thêm lần nữa ở chỗ đó, từ phía bên kia một cái bàn trong một phòng họp của ngân hàng. Anh có thể đi bằng máy bay, trong vòng một tuần.”

“Món đồ dạng gì vậy?”

“Một món đồ cổ nhỏ. Vài bức tượng, một lọ đựng muối để bàn. Chúng ta sẽ ngó qua xem, rồi anh cho tôi biết anh nghĩ gì.”

“Các vấn đề khác thì sao?”

“Anh sẽ an toàn tuyệt đối,” Kleber nói.

Kleber chỉ là tên gã dùng ở Pháp. Tên khai sinh của gã là Petras Kolnas và gã biết tên thanh tra Popil, nhưng không phải vì trả tiền định kỳ cho tay thanh tra.

CON THUYỀN ĐI TRÊN KÊNH mang tên *Christabel* chỉ được neo lại bằng một sợi dây duy nhất tại một bến thuyền trên sông Marne phía Đông Paris và ngay sau khi Trebelaux bước lên, con thuyền lập tức khởi hành. Con thuyền sơn màu đen, thuộc kiểu thuyền có mũi và đuôi đồng dạng, được đóng tại Hà Lan, cabin thấp để chui được bên dưới cầu và trên boong có một khu vườn nhỏ gồm những chậu cây bụi đang trổ hoa.

Chủ thuyền, một người đàn ông dong dỏng mắt màu xanh lơ nhạt, vẻ mặt thân thiện, đứng trên sân tàu đón Trebelaux và mời ông ta xuống dưới. “Rất vui được gặp anh,” tay chủ thuyền nói và chìa tay ra. Lòng tay y mọc ngược về phía sau, chạy về phía cổ tay, khiến gã Thụy Sĩ có cảm giác rùng mình sờn gáy khi nhìn vào bàn tay ấy. “Cứ làm theo lời ông Milko nhé. Tôi đang để mọi thứ dưới kia.”

Tay chủ thuyền nấn ná một lát trên boong với Kolnas. Họ thả bước giữa những chậu gốm trồng cây rồi dừng lại bên cạnh một món đồ xấu xí lạc lõng giữa khu vườn gọn gàng, một cái thùng đựng dầu dung tích năm mươi gallon khoét những cái lỗ đủ to để nhét vừa một con cá, phần nóc đã bị cắt bằng đèn hàn và được buộc lỏng lẻo ra đằng sau bằng sợi dây sắt. Một tấm vải nhựa trải trên sàn tàu bên dưới cái thùng. Tay chủ thuyền vỗ mạnh vào cái thùng sắt, đủ để làm nó kêu vang.

“Đi nào,” y nói.

Trên sàn tàu tầng dưới, y mở một cái tủ cao. Tủ loại vũ khí đang được cất trong tủ: một khẩu súng bắn tĩa Dragunov, một khẩu tiểu liên Thompson của Mỹ, hai khẩu tiểu liên Schmeisser Đức, năm món vũ khí chống tăng Panzerfaust dùng để tấn công các thuyền khác, cùng với mấy loại súng ngắn. Tay chủ thuyền chọn một cây chĩa cá ba ngạnh đã bị giữa hết ngạnh. Y đưa nó cho Kolnas.

“Tao sẽ không cắt nó ra thành nhiều mảnh quá,” tay chủ thuyền nói bằng giọng thân thiện. “Eva không có ở đây để mà dọn dẹp đâu. Mà xử nó trên boong né, sau khi chúng ta đã moi ra được nó đã kể những gì. Đâm nó gọn gàng vào, đừng để nó kịp nhả đạn.”

“Milko có thể...” Kolnas lên tiếng.

“Thằng đó là ý tưởng của mày thì việc liên quan đến nó mày tự đi mà xử lý. Ngày nào mày cũng xẻ thịt đấy còn gì? Khi nào mày cắt tiết nó đủ rồi thì Milko sẽ mang cái xác đi, giúp mày nhét cái xác vào thùng. Giữ chìa khóa của nó lại rồi lục soát phòng nó. Nếu cần chúng ta cũng sẽ xử luôn cả thằng Leet môi giới nữa. Không để lại bất kỳ kẽ hở nào. Tạm thời không có nghệ với thuật gì nữa hết,” tay chủ thuyền nói, vốn tên y dùng ở Pháp là Victor Gustavson.

Victor Gustavson là một thương gia vô cùng thành công, trước thì bán morphine của dân SS còn giờ thì môi giới mại dâm, chủ yếu là phụ nữ. Victor Gustavson chỉ là bí danh, tên thật của y là Vladis Grutas.

* * *

Leet vẫn sống, nhưng chẳng có bất kỳ bức tranh nào. Các bức tranh được cất giữ nhiều năm ròng trong một hầm chứa của chính phủ, trong suốt thời gian tòa án lâm vào bế tắc, không thể quyết định được, liệu thỏa thuận của Croatia về việc bồi thường thiệt hại chiến tranh có thể được áp dụng với Litva hay không, còn Trebelaux thì vẫn trợn trừng đôi mắt chết, nhìn ra ngoài từ bên trong cái thùng dưới đáy sông Marne, đầu không còn hói nữa mà giờ đây mái tóc xanh rậm rịt bằng tảo biển và rong luôn không ngừng đập diu theo làn nước, y như những lọn tóc thuở thanh xuân của ông ta.

Trong suốt nhiều năm, không bức tranh nào thuộc lâu đài Lecter xuất hiện nữa.

Trong nhiều năm tiếp theo, nhờ sự giúp đỡ ân cần của thanh tra Popil, Hannibal Lecter được phép thỉnh thoảng đến thăm các bức tranh đang bị tạm giữ. Bức bội ngồi trong bầu không khí âm lặng của căn hầm dưới ánh mắt soi mói của một gã bảo vệ còn tai nghe rõ mồn một tiếng thở nặng mùi bệnh viêm VA của gã.

Hannibal nhìn bức tranh hãn từng nhận từ tay người mẹ và ý thức được rõ ràng quá khứ không hề là quá khứ; con quái vật từng phả hơi thở hôi hám nóng hổi của nó lên da hãn và da Mischa vẫn không ngừng thở và ngay lúc này đây cũng vẫn đang tiếp tục thở. Hãn úp bức “Cầu Than thở” vào tường và nhìn chăm chăm vào mặt sau bức tranh mấy phút liền - bàn tay Mischa đã bị xóa mất, giờ nó chỉ còn là một ô vuông trống trơn nơi hãn phóng chiếu ra những giấc mơ sôi sục của mình.

Hãn đang dần trưởng thành, dần thay đổi, hoặc cũng có khi một con người mới hoàn toàn đang dần trỗi dậy.

II

Khi tôi nói rằng Khoan Dung đang đứng
Bên trong giới hạn của khu rừng
Thì Khoan Dung chính là một con thú
Với móng vuốt và nanh máu chực chìa ra.
- LAWRENCE SPINGARN

TRÊN SÂN KHẤU TRUNG TÂM ở nhà hát opera Paris, thời gian để tiến sĩ Faust thỏa thuận với Quỷ đang dần cạn. Từ một lô riêng nơi cánh trái sân khấu, Hannibal Lecter và phu nhân Murasaki xem Faust nài xin được thoát khỏi những ngọn lửa đang vút lên vòm trần chống cháy trên nhà hát vĩ đại của kiến trúc sư Garnier.

Hannibal, mười tám tuổi, đang cố vũ cho con quỷ Mephistopheles và khinh bỉ Faust, nhưng hẳn chỉ để một phần tâm trí vào cao trào vở kịch. Hẳn còn mãi quan sát và thấm vào trong lồng ngực mùi hương của phu nhân Murasaki - trong trang phục chỉnh tề phù hợp với nhà hát opera. Ánh sáng nhấp nháy rọi đến từ phía các lô đối diện khi nhiều quý ông đã quay ống nhòm khỏi sân khấu mà chuyển sang nhìn phu nhân Murasaki.

Hình dáng phu nhân Murasaki in bóng trên nền ánh sáng hắt ra từ sân khấu, y hệt như lần đầu tiên Hannibal nhìn thấy cô ở lâu đài hồi hẳn còn bé. Các hình ảnh lần lượt xuất hiện trong tâm trí hẳn: *một con quạ xinh đẹp bóng mượt đang uống nước trong máng xối, mái tóc bóng mượt của phu nhân Murasaki. Đầu tiên hình bóng cô rồi sau đó cô mở cửa sổ ra và ánh sáng chiếu vào mặt cô.*

Hannibal đã đi một chặng đường dài trên cây cầu giấc mơ. Hẳn đã lớn vổng lên, giờ đã mặc vừa lễ phục của ngài bá tước quá cố, trong khi đó, nhìn bề ngoài, phu nhân Murasaki dường như không hề thay đổi.

Bàn tay cô đang khép lại đặt trên lớp vải váy và Hannibal nghe thấy tiếng vải sột soạt vang trên nền nhạc. Biết rõ cô có thể cảm nhận được ánh mắt quá sức chăm chú của hẳn, Hannibal bèn đánh mắt sang chỗ khác, nhìn quanh khu ghế lô.

Khu ghế lô này khá đặc biệt. Đằng sau dãy ghế ngồi, một cái ghế mây chân dê nhỏ nằm khuất khỏi tầm nhìn từ những lô đối diện, làm chốn nghỉ ngơi cho các cặp tình nhân trong lúc ban nhạc bên dưới diễn tấu; theo như

Hannibal tình cờ biết được từ bên cứu thương, vào mùa trước, một quý ông cao tuổi đã chết vì suy tim ngay trên chiếc ghế dài này giữa những giai điệu cuối cùng của tác phẩm “Chuyến bay của chú ong nghệ”.

Trong lô này, không phải chỉ có mỗi mình Hannibal và phu nhân Murasaki.

Ngồi ở cặp ghế phía trước là hai vợ chồng Ủy viên Cảnh sát Sở Cảnh sát Paris, vốn vẫn có phần thắc mắc không biết phu nhân Murasaki lấy được vé từ đâu. Tất nhiên là từ thanh tra Popil. May làm sao Popil lại không thể đi xem được - có lẽ đã bị một cuộc điều tra án mạng nào đó cầm chân, hy vọng là một vụ nguy hiểm tiêu tốn nhiều thời gian, có khi phải phơi mặt ngoài trời giữa thời tiết tệ hại, nguy cơ gặp phải sấm sét chết người.

Đèn bật sáng và ca sĩ giọng nam cao Beniamino Gigli đón nhận tràng pháo tay vang dội vô cùng xứng đáng đến từ những khán giả khó tính bậc nhất. Hai vợ chồng ủy viên cảnh sát quay sang bắt tay những người khác trong khu ghế lô, ai nấy cũng đều đang tê dại cả hai lòng bàn tay vì tràng hoan hô nhiệt liệt.

Bà vợ ông ủy viên có đôi mắt sáng rỡ toát lên vẻ hiếu kỳ. Bà bắt tay Hannibal - đang khoác trên người bộ lễ phục vừa như in của ngài bá tước quá cố - và không cường lại được sự thắc mắc. “Chàng trai này, chồng tôi có kể với tôi rằng cậu là người trẻ tuổi nhất từng được nhận vào trường y ở Pháp.”

“Điểm số không phải là tất cả, thưa phu nhân. Có lẽ còn nhờ kinh nghiệm phẫu thuật tập sự...”

“Có đúng là cậu đã có lần đọc hết giáo trình rồi trả lại hiệu sách ngay trong tuần để được hoàn lại toàn bộ tiền không?”

Hannibal mỉm cười. “Ồ không, thưa phu nhân. Chuyện đó không hoàn toàn chính xác đâu,” hắn nói. *Đoán thử xem thông tin đó từ đâu mà ra chứ? Cùng một nguồn với những tấm vé.* Hannibal nghiêng người ghé lại gần ủy viên phu nhân. Cố gắng tìm một cách ẩn tượng để kết thúc câu chuyện, hắn đảo mắt nhìn ông ủy viên rồi nâng bàn tay ủy viên phu nhân lên, cúi người

thì thăm cho những người bên cạnh đều nghe thấy. “Vớ với tôi mà nói, nó có vẻ giống một tội ác.”

Ông ủy viên đang trong tâm trạng vui vẻ do vừa chứng kiến Faust vật vã vì tội lỗi. “Tôi sẽ mắt nhắm mắt mở cho qua, chàng trai ạ, nếu cậu lập tức thú tội với vợ tôi.”

“Sự thật là, thưa phu nhân, tôi không được hoàn lại toàn bộ tiền. Hiệu sách đã giữ lại hai trăm franc phí tái nhập hàng để đền bù cho những vấn đề họ gặp phải.”

Rời rời khỏi khu ghé lô, bước xuống dãy cầu thang lớn của nhà hát opera, bên dưới những cây đèn đứng, Hannibal và phu nhân Murasaki đi xuống cầu thang còn nhanh hơn cả Faust để tránh xa đám đông, những bức bích họa được Isidore Pils vẽ trên trần cầu thang đang chuyển động phía trên đầu họ, những đôi cánh bằng màu vẽ và bằng đá tràn ngập khắp nơi. Rất nhiều taxi đang đậu giữa quảng trường Nhà hát Opera. Cái lò than của một người bán hàng rong đang dẹt vào trong không trung một luồng khói từ cơn ác mộng của Faust. Hannibal vẫy tay gọi taxi.

“Cháu không ngờ cô lại kể cho thanh tra Popil nghe về các cuốn sách của cháu đấy,” Hannibal nói lúc họ đã ngồi trong xe. “Anh ta tự phát hiện ra đấy,” phu nhân Murasaki đáp. “Anh ta kể cho ông ủy viên, ông ủy viên kể lại cho vợ. Cô ta cần tán tỉnh mà. Cháu vốn đâu có phải kẻ tối dạ, Hannibal.”

Giờ cô ấy thấy không thoải mái khi ở trong những không gian kín cùng mình; cô ấy thể hiện điều đó bằng sự cău kính.

“Cháu xin lỗi.”

Phu nhân Murasaki liếc nhìn Hannibal chớp nhoáng khi chiếc taxi phóng qua một ngọn đèn đường. “Lòng thù hận đã che mờ khả năng phán đoán của cháu rồi. Thanh tra Popil luôn bám sát theo cháu vì đã bị cháu thu hút.”

“Không phải vậy, phu nhân yêu quý, anh ta đã bị cô thu hút đấy chứ. Cháu ngờ là anh ta đang làm phiền cô bằng những bài thơ...”

Phu nhân Murasaki không làm thỏa mãn sự tò mò của Hannibal. “Anh ta biết cháu đứng đầu lớp,” cô nói. “Anh ta lấy làm tự hào về chuyện đó. Sự quan tâm của anh ta phần lớn lạnh tính mà.”

“Phần lớn lành tính không phải một chẩn đoán đáng mừng gì.”

Cây cối trong quảng trường Vosges đang kỳ trở nụ đơm bông, tỏa hương thơm ngát trong đêm xuân. Hannibal trả tiền cho tài xế đánh xe đi và đầu đang đứng trong bóng tối hành lang ngoài nhà, hăn vẫn cảm nhận được phu nhân Murasaki vừa liếc nhìn sang. Hannibal không còn bé nữa, hăn không còn ngủ ở nhà qua đêm nữa.

“Cháu còn một tiếng đồng hồ, và cháu muốn đi bộ,” hăn nói.

“CHÁU VẪN ĐỦ THỜI GIAN UỐNG TRÀ,” phu nhân Murasaki nói.

Cô lập tức dẫn hần lên sân thượng, rõ ràng thích ở ngoài trời với hần hơn. Hannibal không biết nên có cảm giác gì trước chuyện này. Hần đã thay đổi còn cô thì không. Một cơn gió nhẹ thổi phụt qua và ngọn lửa đèn dầu vờn lười lên cao. Lúc phu nhân Murasaki rót trà, Hannibal có thể nhìn thấy mạch máu trên cổ tay cô và mùi hương thoang thoang từ ống tay áo cô bay ra thấm vào hần như thể vốn thuộc về chính hần.

“Chiyoh gửi thư,” cô nói. “Cô ấy đã hủy hôn rồi. Môi trường ngoại giao không còn phù hợp với cô ấy nữa.”

“Cô ấy hạnh phúc chứ?”

“Cô nghĩ là có. Đây là một cặp đẹp đôi theo lối tư duy cũ. Làm sao cô có thể phản đối cô ấy đi theo tiếng gọi của trái tim chứ - cô ấy đã viết rằng cô ấy đang làm theo đúng những gì cô đã làm trước đây.”

“Đi theo đến đâu?”

“Một chàng trai ở Đại học Kyoto, ngành kỹ thuật.”

“Cháu rất mong cô ấy hạnh phúc.”

“Cô cũng rất mong cháu hạnh phúc. Cháu ngủ được không, Hannibal?”

“Nếu có thời gian. Nếu không về phòng ngủ được thì cháu sẽ chợp mắt trên băng ca bệnh viện.”

“Cháu hiểu ý cô muốn hỏi gì mà.”

“Cháu có mơ không ấy à? Có chứ. Chẳng lẽ cô không thăm lại Hiroshima trong mơ à?”

“Cô không tìm cách khơi gợi các giấc mơ đó.”

“Cháu phải nhớ lại, bằng bất cứ cách nào có thể.” Trên ngưỡng cửa ra vào, phu nhân Murasaki đưa cho Hannibal một hộp bento đựng bữa ăn nhẹ buổi đêm cùng mấy gói trà hoa cúc. “Cho dễ ngủ,” cô nói.

Hắn hôn tay phu nhân Murasaki, không phải kiểu hôn phớt theo phép lịch sự của người Pháp, mà là một nụ hôn trên mu bàn tay cô để hắn có thể nhắm nháp hương vị của nó.

Hắn nhắc lại bài thơ haiku từng viết cho cô rất lâu về trước, vào cái đêm cuối đời của gã đồ tể.

Con vạc lộ diện

Bởi trăng tròn đang lên...

Bên nào đáng yêu hơn?

“Trăng hôm nay có tròn đâu,” cô mỉm cười nói, đặt tay lên ngực trái Hannibal như cô vẫn thường làm từ hồi hắn mười ba tuổi. Rồi cô bỏ tay ra và hắn cảm thấy lồng ngực - nơi bàn tay vừa đặt - buốt giá.

“Cháu đã trả hết sách lại thật đấy à?”

“Vâng.”

“Vậy là cháu có thể nhớ được mọi kiến thức trong sách.”

“Mọi kiến thức quan trọng.”

“Vậy thì hẳn cháu có thể nhớ được điều quan trọng là đừng có tìm cách khiêu khích thanh tra Popil. Chỉ cần không bị khiêu khích thì anh ta vẫn vô hại đối với cháu. Và với cô nữa.”

Cô ấy đã khoác lên người sự căm giận, như khoác một chiếc kimono mùa đông. Nhìn thế mà xem, liệu mình có thể viện đến chuyện đó để ngăn bản thân khỏi nghĩ về hình ảnh cô ấy trong phòng tắm ở lâu đài hồi xa xưa ấy, nghĩ về khuôn mặt cô ấy và đôi bầu ngực như hai bông hoa mọc dưới nước? Như những bông hoa súng màu hồng kem trên con hào? Liệu mình có thể không? Mình không thể.

* * *

Hắn bước ra ngoài trời, lẩn vào trong đêm tối, sai bước băng qua một hai khối nhà đầu tiên trong tâm trạng bực bội, rồi hiện ra từ những con phố hẹp của quận Marais để băng qua cầu Louis Phillippe; dưới chân cầu, dòng sông Seine đang lững lờ trôi còn trên cầu, vầng trăng đang chiếu tỏ.

Từ phía Đông nhìn lại, Nhà thờ Đức bà Paris không khác gì một con nhện khổng lồ với đám chân là những vòm cuốn chống ngoài, còn mắt là vô vàn

những cửa sổ tròn. Hannibal có thể nhìn thấy nhà thờ-con nhện bằng đá ấy đang hối hả chạy vòng quanh thành phố trong bóng đêm, hứng trí bùng bùng tóm lấy con tàu đang chạy ra từ ga Orsay như tóm một con giun, hoặc, hay ho hơn nữa, tia thấy một viên thanh tra cảnh sát mỡ màng đang bước ra khỏi sở chỉ huy trên Quai des Orfèvres, một cú nhảy tránh gọn gàng.

Hắn băng qua cây cầu cạn, đến Ile de la Cite và đi vòng qua nhà thờ. Tiếng tập luyện của đội hợp xướng văng ra từ bên trong Nhà thờ Đức Bà.

Hannibal dừng chân bên dưới cửa vòm trung tâm, nhìn công trình Sự Phán xét Cuối cùng được chạm nổi trên mái vòm và các lanh tô phía trên lối vào. Hắn đang băn khoăn không biết có nên dành cho nó một chỗ trưng bày trong lâu đài ký ức, để lưu lại một cuộc giải phẫu cổ hợng phức tạp: trên lanh tô ở tầng giữa mặt tiền, Thánh Michael cầm cái cân hai đĩa, như thể chính ngài đang chỉ đạo một cuộc khám nghiệm tử thi. Hai đĩa cân của Thánh Michael không hẳn là không tương tự khúc xương móng và phần vòm phủ phía bên trên ngài là các Thánh Vùng Mỏm Chùm. Lanh tô bên dưới, nơi những kẻ bị dày địa ngục đang bị xích lôi đi, hẳn là xương đòn, còn mấy mái vòm xếp chồng lên nhau có chức năng như các tầng cấu trúc của cổ hợng, rất dễ nhớ đối với sách giáo lý vấn đáp, *cơ ức móng cơ vai móng cơ giáp móng/ thuộc cổ ổ ổ hợng, Amen.*

Không, chuyện này không khả thi. Vấn đề là ánh sáng. Các vật phẩm trưng bày trong một lâu đài ký ức phải được chiếu sáng tốt, khoảng cách giữa các vật phẩm phải rộng rãi thoải mái. Khối đá dài dầu mưa nắng này màu sắc còn quá đơn điệu nữa. Hannibal từng có lần trả lời sai một câu hỏi kiểm tra vì câu trả lời tối mù và trong tâm trí, hắn đã đặt nó trên nền tối. Cuộc giải phẫu phức tạp vùng tam giác cổ dự kiến diễn ra vào tuần tới sẽ đòi hỏi phải có những vật phẩm trưng bày sáng sủa, không gian rộng rãi.

Những thành viên cuối cùng trong đoàn hợp xướng lê bước rời khỏi nhà thờ, lễ phục vạt trên cánh tay. Hannibal tiến vào bên trong. Nếu không có những cây nến dâng cúng, Nhà thờ Đức Bà hoàn toàn chìm trong bóng tối. Hannibal tới chỗ bức tượng Thánh Joan d'Arc, tạc bằng đá cẩm thạch nằm gần lối ra phía Nam. Trước mặt thánh, các dây nến sáng rực lên nhờ hút gió từ cửa ra vào. Hannibal ngả người dựa vào một cây cột trong bóng tối và

nhìn thẳng vào khuôn mặt thánh nữ xuyên qua màn lửa. *Lửa trên váy áo mẹ hăn*. Lửa nển phản chiếu đỏ rực trong đôi mắt hăn.

Ánh nển nhảy múa trên người thánh Joan và dưới ánh sáng ấy, khuôn mặt nàng toát lên các biểu cảm ngẫu nhiên, giống như những giai điệu tình cờ ngân ra từ một chiếc chuông gió. Ký ức, ký ức. Hannibal thâm hỏi lòng, không biết thánh Joan, trong sự gợi nhắc của các ký ức xưa*, liệu có khi nào thích cây nển hơn là ánh lửa. Hăn biết rõ mẹ hăn sẽ thích thế hơn.

Bước chân của ông bố nhà thờ đang dần tiến lại gần, tiếng chùm chìa khóa loảng xoảng ban đầu dội vào những bức tường gần đó bật ngược ra, rồi lại vang vọng từ trên trần nhà cao vợi, tiếng chân bước được khuếch đại gấp đôi khi đồng thời vang lên từ sàn nhà và vẳng xuống từ bóng tối mênh mêng tí trên cao.

Ông bố nhà thờ nhìn thấy đôi mắt Hannibal trước khi nhận ra hăn đang đứng đó, đôi mắt sáng rực lên phía sau ánh nển, và một hồi chuông báo động nguyên thủy rung lên bên trong ông. Gáy râm ran, ông bố nhà thờ bèn giơ bàn tay vẫn đang cầm chùm chìa khóa lên, làm dấu thánh. A, hóa ra chỉ là một người đàn ông, lại còn là một chàng thanh niên nữa. Ông bố nhà thờ ve vẩy chùm chìa khóa trước mặt, như thể đang cầm lư hương. “Đến giờ rồi,” ông nói, hất cằm ra hiệu.

“Phải, đến giờ rồi, và quá giờ rồi,” Hannibal đáp lại, bước ra ngoài cánh cửa hông, hòa mình vào bóng tối.

HANNIBAL ĐI QUA CÂY CẦU DOUBLE vắt ngang sông Seine, xuôi xuống phố Bucherie và đến đây, hắn nghe thấy tiếng kèn saxophone và tiếng cười vắng ra từ một câu lạc bộ nhạc jazz dưới tầng hầm. Một cặp đôi đang hút thuốc ở ngưỡng cửa, khói thuốc mờ màng lớn vờn bao quanh họ. Người con gái nhón chân lên hôn vào má cậu thanh niên và Hannibal cảm nhận rõ ràng nụ hôn đậu trên má mình. Tiếng nhạc rời rạc hòa trộn với tiếng nhạc đang vang lên trong đầu hắn, hòa đúng nhịp thời gian, thời gian. Thời gian.

Hắn bước dọc phố Dante, băng qua đại lộ Saint-Germain rộng lớn, cảm nhận được ánh trăng đang chảy xuống đầu, qua phía sau bảo tàng Cluny để đến phố École de Médecine và tới cổng ra vào ban đêm của trường y, lúc này đang được chiếu sáng nhờ một ngọn đèn tù mù. Hannibal mở khóa cửa rồi tiến vào bên trong.

Một mình trong tòa nhà, hắn thay sang chiếc áo choàng trắng và cầm tấm bìa hồ sơ kẹp tờ giấy liệt kê nhiệm vụ. Thầy hướng dẫn của Hannibal tại trường y là giáo sư Dumas, một bác sĩ giải phẫu tài năng đã chọn con đường dạy học thay vì hành nghề y để mưu sinh. Dumas giỏi giang nhưng tính hay lơ đãng, thiếu đi vẻ sắc sảo của một bác sĩ phẫu thuật. Ông yêu cầu mọi sinh viên đều phải viết một bức thư gửi tới xác chết ẩn danh sẽ trở thành đối tượng giải phẫu của họ, cảm ơn người chết này đã hiến tặng thi thể để phục vụ cho lợi ích nghiên cứu, đồng thời cam đoan rằng cái xác sẽ được đối xử bằng thái độ tôn trọng và trong suốt quá trình giải phẫu, mỗi sinh viên đều phải che phủ tất cả các bộ phận cơ thể chưa cần phải nghiên cứu ngay lập tức.

Dành cho các bài thuyết trình ngày mai, Hannibal đã chuẩn bị sẵn sàng hai vật trưng bày: một lồng ngực phơi trần màng tim nguyên vẹn không chút hư hại, và một hộp sọ đã giải phẫu tinh xảo.

Màn đêm bao phủ căn phòng thí nghiệm giải phẫu học đại thể. Căn phòng rộng rãi xây cửa sổ cao và lắp quạt thông gió lớn mát lạnh vừa đủ độ để những xác chết phủ chăn được bảo quản bằng formalin vẫn không bị ảnh hưởng gì sau một đêm nằm trên bàn. Vào mùa hè, cứ đến hết ngày làm việc, những cái xác lại được đem trả về thùng ngâm xác. Những thi thể nhỏ bé đáng thương bên dưới tấm phủ, những xác chết không người nhận, những kẻ đói khát người ta vẫn thấy co rúc trong các ngõ hẻm và đến lúc chết vẫn giữ nguyên tư thế rúm ró đó cho tới tận khi tình trạng co cứng tử thi qua đi và rồi, ngâm mình trong thùng xác chứa hóa chất formalin cùng các bạn hữu, cuối cùng họ cũng thả lỏng bản thân. Gãy gò và yếu ớt, những cái xác teo quắt lại y như những con chim chết cồng rơi trên tuyết, những con chim đã bị bọn người sắp chết đói dùng răng lột da xé xác.

Với Hannibal mà nói, thật kỳ cục khi bốn mươi triệu người đã chết trong chiến tranh, ấy vậy mà sinh viên trường y lại vẫn phải sử dụng những xác chết đã được bảo quản lâu năm trong thùng ngâm xác, mọi màu sắc trên cơ thể đã bị formalin tẩy đi hết.

Thỉnh thoảng, nếu may mắn ra, nhà trường sẽ kiếm được một cái xác phạm nhân từ giá treo cổ, hay từ đội xử bắn ở pháo đài Montrouge hoặc Fresnes, hay là từ cái máy chém ở nhà tù La Santé. May cho Hannibal, đúng lúc hẳn chuẩn bị phải phẫu thuật hộp sọ thì ngay bây giờ đây, thủ cấp của một tù nhân La Santé đã đang dõi nhìn theo hẳn từ trong bồn, mặt đóng kết máu và rơm.

Trong thời gian cái máy cưa xương của trường đang chờ thay động cơ, vốn đã được đặt trước từ mấy tháng nay, Hannibal đã cải tạo một cái máy khoan điện của Mỹ, hàn cứng một lưỡi dao quay nhỏ vào mũi khoan để hỗ trợ công việc phẫu thuật. Cái máy cưa xương tự chế còn được gắn thêm một bộ đổi điện to cỡ hộp đựng bánh mì, thành ra mỗi khi hoạt động, nó lại kêu ầm lên không khác gì cái cưa máy bình thường.

Đúng lúc Hannibal vừa mổ xẻ xong phần ngực thì điện bị cúp, y như thường lệ, và đèn đóm tắt phụt. Hẳn làm việc bên bồn rửa dưới ánh sáng ngọn đèn dầu, xối nước rửa trôi máu và rơm ra khỏi mặt của đối tượng nghiên cứu trong lúc chờ có điện trở lại.

Ngay khi đèn vừa sáng, không lãng phí chút thời gian nào, Hannibal lập tức kiểm tra lớp da đầu rồi cắt vòng đầu loại bỏ phần chóp sọ để lộ bộ não. Hẳn tiêm gel màu vào các mạch máu chính, hạn chế tối đa việc chọc thủng lớp màng cứng bảo vệ não. Việc này đòi hỏi thao tác có độ khó cao, nhưng thầy giáo hẳn, vốn thích biểu diễn, chắc hẳn sẽ muốn đích thân loại bỏ lớp màng cứng trước sự chứng kiến của cả lớp, bằng cách giật cái lớp bảo vệ đó ra khỏi bộ não, vậy nên Hannibal cố gắng giữ sao cho nó về cơ bản vẫn còn nguyên vẹn.

Hắn đặt hồ bàn tay đeo găng lên trên bộ não. Bị ám ảnh bởi bóng ma ký ức và tâm trí lại có quá nhiều khoảng trống, Hannibal ước gì cú chạm có thể giúp hắn đọc được những giấc mơ của người quá cố để rồi, nhờ sức mạnh ý chí, hắn có thể thám hiểm những giấc mơ của chính mình.

Phòng thí nghiệm vào ban đêm là một chốn thích hợp để suy nghĩ, sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng lanh canh của dụng cụ và, thảng hoặc lắm, tiếng rên rỉ của đối tượng nghiên cứu trong giai đoạn đầu cuộc phẫu thuật, khi các cơ quan nội tạng có lẽ vẫn còn chứa chút không khí.

Hannibal tiến hành cuộc phẫu thuật cục bộ tỉ mỉ phần bên trái bộ mặt, sau đó vẽ phác thảo cái đầu, hai bên mặt - cả bên đã bị mổ xẻ lẫn bên chưa bị động chạm gì, dành cho các minh họa giải phẫu phục vụ chương trình học của hẳn.

Lúc này, hẳn muốn vĩnh viễn lưu trữ trong tâm trí những cấu trúc cơ, cấu trúc thần kinh và tĩnh mạch của bộ mặt. Ngồi yên tại chỗ, bàn tay đeo găng vẫn đặt trên đầu đối tượng, Hannibal đi tới trung tâm tâm trí mình, tiến vào tiền sảnh của lâu đài ký ức.

* * *

Hắn chọn nhạc dùng trong hành lang, một bản tử tấu đàn dây của Bach, rồi rảo bước xuyên qua Sảnh Toán, xuyên qua Sảnh Hóa, tới một căn phòng mới được hẳn thu nhận gần đây từ bảo tàng Carnavalet và đổi tên thành Sảnh Sọ. Chỉ mất vài phút, tất cả đã được lưu trữ xong xuôi, kết hợp các chi tiết giải phẫu với cách bài trí vật phẩm trưng bày trong Carnavalet, cẩn thận

sao cho màu xanh tĩnh mạch của bộ mặt không đối chọi với màu xanh trên các tấm thảm thêu.

Khi đã xong việc ở Sảnh Sọ, Hannibal dừng lại một lát trong Sảnh Toán, gần lối ra vào. Đó là một trong những nơi được hình thành từ những ngày đầu hãn xây dựng tòa lâu đài kỳ ỨC. Hãn muốn thết đãi bản thân bằng cái cảm xúc đã được khơi dậy trong hãn hồi bảy tuổi, khi hãn hiểu thấu được phép chứng minh mà thầy Jakov đã chỉ cho hãn. Toàn bộ các bài dạy tại gia của thầy Jakov hồi ở lâu đài đều được lưu trữ ở đây, nhưng các cuộc thảo luận của họ tại căn nhà nghỉ thì hoàn toàn vắng bóng.

Mọi thứ thuộc về căn nhà nghỉ đều đang nằm ngoài lâu đài kỳ ỨC, mặc dù vẫn thuộc khuôn viên lâu đài, nhưng lại ở trong các chuồng ngựa tối om thuộc lãnh địa các giấc mơ của hãn, đã bị cháy đen như căn nhà nghỉ, và nếu muốn đến đó, hãn buộc phải bước ra bên ngoài. Hãn sẽ phải băng qua tuyết, nơi những trang sách bị xé ra từ cuốn *Luận về ánh sáng* của Huyghens bay lả tả phía trên các phần não và máu của thầy Jakov - tung tóe, bị đông cứng dính chặt vào tuyết.

Trong các hành lang lâu đài này, hãn có thể tùy ý chọn nhạc, nhưng trong chuồng ngựa, hãn không cách nào kiểm soát được âm thanh và đặc biệt, ở đó có một âm thanh đủ sức lấy mạng hãn.

Hãn rời khỏi lâu đài kỳ ỨC, quay trở về tâm trí mình, quay trở về phía sau đôi mắt, về với cái thân thể mười tám tuổi đang ngồi bên bàn trong phòng giải phẫu, đặt tay trên một bộ não.

Hãn vẽ phác thảo thêm một tiếng đồng hồ nữa. Trong bức phác thảo hoàn thiện, các tĩnh mạch và các dây thần kinh của nửa bộ mặt bị mổ xẻ phản chiếu chính xác đối tượng nghiên cứu trên bàn. Một nửa mặt phía không bị đánh dấu không hề giống với đối tượng nghiên cứu. Đó là một bộ mặt thuộc về cái chuồng ngựa. Đó là mặt của Vladis Grutas, tuy nhiên Hannibal chỉ biết gọi y là Mắt Xanh.

* * *

Hannibal leo năm nhịp cầu thang hẹp tới phòng riêng ở trường y, rồi ngủ.

Phòng gác xếp áp mái xây vát trần và bên phía trần thấp được bài bố gọn gàng, hài hòa, đậm phong cách Nhật, với một cái giường thấp. Bàn làm việc của hắn được đặt bên phía trần cao. Tường xung quanh và phía bên trên bàn làm việc chi chít những hình ảnh, những bức vẽ giải phẫu và minh họa giải phẫu đang còn dang dở. Trong mỗi bức vẽ, các cơ quan nội tạng và gân mạch đều được thể hiện một cách chính xác y như thật, nhưng khuôn mặt của các đối tượng thì lại là những khuôn mặt hắn từng nhìn thấy trong các giấc mơ. Phía trên cùng, một đầu lâu vượn nanh dài đang dõng dĩnh nhìn từ trên kệ.

Hắn có thể tẩy rửa sạch sẽ mùi formalin và mùi hóa chất của phòng nghiên cứu không vượn tới được tận độ cao này trong tòa nhà cũ lộng gió. Hắn không mang theo vào trong giấc ngủ những hình ảnh quái dị của người chết hay của những cái xác bị xẻ làm đôi, hay hình ảnh của những tên tội phạm, hoặc bị chém đầu hoặc bị treo cổ, thỉnh thoảng được hắn mang ra khỏi ngục. Chỉ có một hình ảnh duy nhất, một âm thanh duy nhất có thể làm nhiễu loạn giấc ngủ của hắn. Và hắn không bao giờ biết được khi nào nó sẽ xuất hiện.

Trăng đã tà. Ánh trăng, được lớp kính nhám vân sóng ở cửa sổ khuếch tán, trườn qua mặt Hannibal và lặng lẽ bò lên tường. Nó chạm vào bàn tay Mischa trong bức vẽ treo phía trên giường Hannibal, băng qua những khuôn mặt chỉ lộ một phần trong các bức vẽ giải phẫu, băng qua các khuôn mặt đến từ những giấc mơ của hắn rồi cuối cùng, tiến tới chỗ cái đầu lâu vượn, đầu tiên chiếu lên đôi nanh to tướng trắng lóa rồi vượn tới vầng trán bên trên hai hốc mắt sâu. Từ bóng tối thăm thẳm bên trong cái đầu lâu, con vượn dõng dĩnh nhìn Hannibal đang chìm trong giấc ngủ. Khuôn mặt Hannibal thơ trẻ. Hắn âm ừ gì đó rồi xoay người nằm nghiêng, giăng cánh tay thoát khỏi một gọng kìm vô hình.

* * *

Đứng cạnh Mischa trong chuồng ngựa bên cạnh nhà nghỉ, ôm chặt con bé vào lòng, Mischa ho khò khụ. Cầm Bát sờ thịt trên cánh tay hai đứa rồi nói, nhưng không âm thanh nào thoát ra từ miệng gã, chỉ có hơi thở hôi hám của gã tụ lại giữa không trung lạnh cóng. Mischa vùi mặt vào ngực Hannibal để tránh hơi thở của Cầm Bát. Mắt Xanh đang nói gì đó, rồi lúc này, chúng lại

đang hát, phình phờ dụ dỗ. Nhìn thấy rìu và bát. Lao người bay về phía Mắt Xanh, vị máu và vị của râu mọc lởm chởm, chúng đang mang Mischa đi. Chúng cầm rìu và bát. Giăng thoát khỏi trói buộc và chạy đuổi theo chúng, đôi chân quáááá chậmậmậmậm chapapapap mãi mới ra đến cửa, Mắt Xanh và Cầm Bát đang túm chặt cổ tay Mischa, xách con bé lưng lửng phía trên mặt đất, con bé ngoái đầu ra sau, tuyệt vọng nhìn qua lớp tuyết đỏ máu về phía thẳng bé và gọi...

* * *

Hannibal bừng tỉnh giấc, nghệt thờ, cố gắng bấu víu vào đoạn cuối giấc mơ, nhắm chặt hai mắt, ép bản thân mình quay trở lại thời điểm thức tỉnh. Hắn cắn chặt răng vào góc gối, tua đi tua lại trong đầu những cảnh tượng đã diễn ra trong cơn mơ. Đám đàn ông ấy gọi nhau là gì nhỉ? Tên chúng là gì? Hắn đã đánh mất khả năng phát âm từ bao giờ? Hắn không sao nhớ được bắt đầu từ thời điểm nào, hắn đã không còn nói năng gì được nữa. Hắn muốn biết chúng gọi nhau là gì. Hắn phải mơ cho trọn giấc. quay trở lại lâu đài ký ức, cố hết sức băng qua bãi đất để tới được chỗ chuồng ngựa tối om, băng qua những phần não của thầy Jakov đang vương vãi trên tuyết, nhưng hắn không cách nào hoàn thành được nhiệm vụ. Hắn vẫn có thể gồng mình lên chịu đựng, chứng kiến cảnh vấy áo của mẹ hắn bị lưỡi lửa nuốt trọn, hay cảnh cha mẹ hắn cùng Berndt và thầy Jakov chết giữa sân. Hắn có thể nhìn bọn hôi của di chuyển phía bên dưới hắn và Mischa trong nhà nghỉ săn bắn. Nhưng hắn không tài nào có thể đi qua Mischa, đang treo lửng lơ giữa không trung và quay đầu lại để nhìn hắn. Hắn không nhớ được bất kỳ chuyện gì xảy ra sau đó, ký ức của hắn chỉ lưu giữ được những sự kiện diễn ra sau đó rất lâu, hắn đang ngồi trên một chiếc xe tăng, được một toán lính tìm thấy khi trên cổ vẫn còn đeo nguyên sợi xích. Hắn muốn nhớ lại. Hắn phải nhớ lại. *Hàm răng - trong một hố phân.* Những mẫu ký ức chớp nhoáng không thường xuất hiện; hắn ngồi hắn dậy khi hình ảnh này chợt lóe lên trong tâm trí. Hắn nhìn con vượn đang được ánh trăng chiếu rọi. *Răng nhỏ hơn thế kia nhiều. Răng trẻ em. Không có gì đáng sợ. Răng mình cũng có thể như thế. Mình phải nghe cho ra những giọng nói nong nặc hơi thở hôi hám, mình biết các câu nói của chúng bốc mùi như thế nào. Mình phải nhớ*

ra tên chúng. Mình phải tìm thấy chúng. Và mình sẽ tìm thấy chúng. Mình có thể đích thân thăm vấn chúng như thế nào nhỉ?

Giáo sư Dumas viết bằng kiểu chữ tròn, thanh thoát khác hẳn kiểu chữ thông thường của giới bác sĩ. Tờ thư ngắn của ông viết: *Hannibal, không biết anh có thể xem thử có làm được gì trong vụ Louis Ferrat & La Santé không?*

Giáo sư đã đính kèm một mẫu báo đưa tin về vụ kết án Ferrat, liệt kê một vài chi tiết về gã này: Ferrat, người Lyon, từng là viên chức nhỏ thuộc chính quyền Vichy, một cộng tác viên tầm thường trong thời Đức chiếm đóng, nhưng sau đó đã bị chính quân Đức bắt giữ vì tội làm giả và buôn bán tem phiếu thực phẩm. Sau chiến tranh, gã bị kết tội đồng lõa trong các tội ác chiến tranh nhưng rồi lại được thả vì thiếu bằng chứng thuyết phục. Một phiên tòa tại Pháp đã kết án gã về tội giết hai phụ nữ trong thời kỳ 1949-1950 vì những lý do cá nhân. Gã đã bị kết án tử hình và sẽ bị thi hành án sau ba ngày nữa.

Nhà tù La Santé nằm ở quận 14, không cách quá xa trường y. Hannibal đến nơi sau mười lăm phút đi bộ.

Đám công nhân, mang theo cả đồng ống nước, đang sửa chữa lại các đường ống dẫn nước trong sân, khu vực dành riêng để thi hành các vụ xử trảm kể từ năm 1939, sau khi công chúng bị cấm tham dự các vụ hành quyết. Lính canh cửa nhận ra Hannibal bèn để cho hắn vào trong. Khi ký tên vào cuốn sổ thăm tù, Hannibal nhìn thấy chữ ký của thanh tra Popil nằm ở phần đầu trang.

Tiếng búa văng đến từ một căn phòng trống trải rộng rãi nằm cách xa hành lang chính. Lúc này đi qua, Hannibal đã bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc. Đích thân tay đao phủ của nhà nước, Anatole Tourneau, được biết đến rộng rãi với cái tên “Ngài Paris”, đã chuyển máy chém từ gara trên phố Tombe-Issoire tới lắp đặt bên trong nhà tù. Ông ta đang vặn mấy bánh xe nhỏ gắn với cái giá kẹp dao, để ngăn sao cho lưỡi dao không bị kẹt trên đường rơi xuống.

Ngài Paris là người cầu toàn. Không hổ với cái tiếng tăm đó, ông ta không bao giờ quên dùng một tấm phủ để che phía trên đỉnh hai trụ đứng, nhằm tránh cho kẻ bị hành quyết khỏi nhìn thấy lưỡi dao.

Louis Ferrat bị giam trong xà lim tử tù, tách biệt hẳn với các xà lim khác, cách một hành lang, nằm trên tầng hai tòa nhà đầu tiên của nhà tù La Santé. Tiếng rì rầm, tiếng la hét, tiếng kim loại lanh canh như con sóng xô vào trong xà lim của gã, nhưng giữa tất thảy những ồn ã của cái nhà tù đông đúc này, gã vẫn có thể nghe thấy tiếng Ngài Paris đang nện từng nhát về trong công cuộc lắp ráp máy chém đang diễn ra ở tầng dưới.

Louis Ferrat người mảnh dẻ, tóc sẫm màu, phần tóc ở cổ và gáy mới được xén sạch sẽ. Tóc trên đỉnh đầu gã vẫn để dài, giúp cho người phụ tá của Ngài Paris dễ dàng tóm lấy hơn, không như Louis kia*, chỉ có hai cái tai nhỏ cho người ta nắm.

Ferrat đang ngồi trên giường, mặc bộ quần áo lót liền thân, các đầu ngón tay nắm cây thánh giá móc trên sợi dây chuyền xích đeo ở cổ, ngón tay cái không ngừng vôn vê cây thánh giá. Quần dài và áo sơ mi của gã được để gọn gàng trên một cái ghế, như thế lúc trước từng có một người ngồi ở đó nhưng sau người này đã bị bay hơi khỏi đồng quần áo. Đôi giày nằm chính tề bên dưới hai gấu quần. Bộ quần áo nằm dựa vào ghế theo đúng tư thế giải phẫu. Ferrat nghe tiếng Hannibal nhưng không ngẩng đầu lên.

“Chào ông, ông Louis Ferrat,” Hannibal cất tiếng.

“Ông Ferrat đã rời khỏi xà lim rồi,” Ferrat nói. “Tôi là người thay mặt ông ta. Anh muốn gì?”

Không hề chuyển mắt đi đâu, Hannibal vẫn thu trọn vào trong tầm nhìn hình ảnh bộ quần áo trên ghế. “Tôi muốn đề nghị ông ấy đồng ý hiến xác cho trường y, vì mục đích khoa học. Thi thể sẽ được đối xử bằng thái độ tôn trọng sâu sắc.”

“Đăng nào các anh chẳng lấy xác của ông ta. Cứ việc lôi nó đi thôi.”

“Nếu không được ông ấy cho phép, tôi không thể và cũng sẽ không lấy xác của ông ấy. Thậm chí là lôi nó đi cũng không được.”

“Ai chà chà, giờ tôi lại có khách hàng đây,” Ferrat nói. Gã xoay người tránh mặt Hannibal và âm thầm hội ý với bộ quần áo như thể nó vừa bước vào trong xà lim và tự ngồi xuống ghế. Ferrat quay trở lại đối diện với các chẩn song.

“Ông ta muốn biết tại sao ông ta lại nên đồng ý hiến xác cho các anh?”

“Năm mươi nghìn franc dành cho người thân của ông ấy.”

Ferrat quay lại với bộ quần áo rồi sau đó lại đối mặt với Hannibal. “Ông Ferrat nói, *Người thân con mẹ nó chứ. Chúng nó mà chìa tay ra là tao ỉa lên đó liền.*” Ferrat hạ giọng. “Xin thứ lỗi cho cách nói năng này nhé - ông ta quần trí rồi, mà tầm quan trọng của vấn đề buộc tôi phải trích dẫn chính xác lời ông ta.”

“Tôi hiểu mà,” Hannibal nói. “Theo ông, không biết ông ấy có muốn đóng góp khoản thù lao này cho một hoạt động nào đó mà người thân của ông ấy vẫn coi khinh không, không biết nếu thế thì ông ấy có vừa lòng không nhỉ, ông...?”

“Anh cứ gọi tôi là Louis. Ông Ferrat và tôi trùng tên với nhau. Không đâu. Tôi tin chắc ông ta là người rất sắt đá. Ông Ferrat sống tách biệt với chính bản thân. Ông ta nói ông ta có rất ít ảnh hưởng với bản thân.”

“Tôi hiểu. Ông ấy không phải người duy nhất như thế.”

“Thật khó mà nói được là anh thì hiểu thế nào chứ, anh cũng chỉ là một đứa... cũng chỉ là một cậu học sinh mà thôi.”

“Vậy thì ông có thể giúp tôi. Mỗi sinh viên trường y đều phải viết một bức thư riêng bày tỏ lòng cảm kích gửi cho người hiến tặng liên quan đến họ. Ông vốn biết rõ ông Ferrat như thế nên không biết ông có thể giúp tôi soạn một bức thư cảm ơn hay không? Nhỡ đâu ông ấy lại quyết định sẽ giúp đỡ thì sao?”

Ferrat chà xát khuôn mặt. Dường như những ngón tay của gã đã mọc thêm một bộ khớp đốt do nhiều năm trước từng bị gãy nhưng không được chữa trị tử tế.

“Ai sẽ đọc bức thư ấy, ngoài chính ông Ferrat ra?”

“Nó sẽ được đăng công khai ở trường, nếu ông ấy muốn. Toàn thể khoa y sẽ đều nhìn thấy nó, cả những người nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng lớn. Ông ấy có thể gửi đăng bức thư trên tờ tuần báo *Le Canard Enchainé*.”

“Anh định viết những gì?”

“Tôi sẽ viết rằng ông ấy là một người vị tha và sẽ vinh danh ông ấy vì đã cống hiến cho khoa học, cho nhân dân Pháp, cho những tiến bộ y học sẽ góp phần giúp đỡ cho thế hệ trẻ em tương lai.”

“Trẻ em cái gì chứ. Bỏ chỗ nói về trẻ em đi.”

Hannibal viết vội một lời chào vào cuốn sổ ghi chép. “Ông thấy viết thế này đã thể hiện được sự kính cẩn thích đáng chưa?” Hẳn giờ cuốn sổ lên cao, đủ để Louis Ferrat buộc phải ngẩng lên nhìn mới thấy, giúp hắn đo lường chiều dài cần cổ của gã một cách chuẩn xác hơn.

Cổ không dài lắm. Trừ phi Ngài Paris tóm tóc gã thật khéo, còn không thì sẽ chẳng còn lại gì nhiều nhận phía dưới xương móng, không hữu ích gì cho mục đích trưng bày vùng tam giác cổ trước.

“Chúng ta không được bỏ sót lòng ái quốc của ông ta,” Ferrat nói. “Khi Charles Vĩ đại phát lời kêu gọi* từ London, ai là người hưởng ứng? Chính là Ferrat giữa vùng chiếm đóng! Nước Pháp muôn năm!”

Hannibal lặng lẽ quan sát dòng nhiệt huyết dâng trào của lòng ái quốc bơm phồng động mạch trên trán tên phản bội Ferrat, khiến cho tĩnh mạch cảnh và động mạch cảnh nổi bật lên trên cổ gã - *một cái đầu rõ ràng rất dễ tiêm.*

“Đúng vậy, nước Pháp muôn năm!” Hannibal nói, gia tăng gấp đôi nỗ lực. “Vậy thì, bức thư của chúng ta có lẽ nên nhấn mạnh rằng, mặc dù bị gọi là dân Vichy nhưng trên thực tế, ông ấy là một anh hùng của phong trào Kháng chiến?”

“Nhất định rồi.”

“Tôi đoán là ông ấy chắc từng cứu các phi công bị rơi nhỉ?”

“Cũng vài lần.”

“Đã tiến hành nhiều hoạt động phá hoại thông thường chẳng?”

“Thường xuyên, thậm chí không thèm quan tâm đến an nguy của bản thân.”

“Cố gắng bảo vệ người Do Thái?”

Một thoáng dừng khựng lại. “Không màng nguy hiểm.”

“Hình như ông ấy từng bị tra tấn, ông ấy đã bị gãy ngón tay vì nước Pháp?”

“Ông ta vẫn có thể giơ những ngón tay đó kiêu hãnh đón chào sự trở về của Charles Vĩ đại,” Ferrat nói.

Hannibal kết thúc phần ghi chép. “Tôi vừa liệt kê ra các điểm nổi bật ở đây, không biết ông có thể đưa cho ông ấy xem qua không?”

Ferrat nhìn từ đầu đến cuối nội dung trên tờ giấy ghi chép, ngón trỏ dò theo từng dòng, gật gù, lẩm nhẩm nói một mình. “Có lẽ anh nên bổ sung một số lời nhận xét của bạn bè ông ta cùng hoạt động trong phong trào Kháng chiến, tôi có thể cung cấp những thông tin này. Đợi chút nhé.” Ferrat quay lưng lại với Hannibal và cúi sát vào bộ quần áo trên ghế. Gã quay lại, mang theo quyết định.

“Khách hàng của tôi trả lời là: *Mẹ nó chứ. Bảo với thằng ranh con đó là muốn tao ký thì trước hết phải cho tao ít thuốc phiện để tao chà lên lợi đã.* Xin lỗi anh, nhưng tôi đang dẫn nguyên văn lời ông ta.” Ferrat ra vẻ muốn thủ thỉ tâm tình, ngả người sát vào các chấn song sắt. “Đám người trên cùng tầng này đã kể với ông ta là ông ta có thể kiếm đủ tiền thuốc phiện... đủ tiền thuốc phiện để trở nên vô cảm trước lưỡi dao. Theo cách diễn đạt tôi sẽ dùng trong một phòng xử án thì là ‘để chìm vào trong giấc mơ và không la hét’. Trường y St. Pierre đang cung cấp tiền thuốc phiện để đổi lấy... sự chấp thuận. Anh có chịu cung cấp tiền thuốc phiện không?”

“Tôi sẽ quay lại gặp ông sau và sẽ trả lời chắc chắn cho ông ấy.”

“Tôi không đợi lâu quá đâu nhé,” Ferrat nhắc nhở. “Trường St. Pierre sắp ghé qua rồi.” Gã cao giọng lên rồi túm lấy cổ bộ quần áo lót liền thân, như thể đang túm lấy cổ áo gi lê trong lúc diễn thuyết. “Tôi cũng được ủy quyền thay mặt ông ta để thỏa thuận với trường St. Pierre.” Tiến sát đến song sắt và giờ hạ giọng thành tiếng thầm thì. “Ba ngày nữa, Ferrat tội nghiệp sẽ chết,

tôi sẽ mặc đồ tang và mất một khách hàng. Anh là người trong ngành y. Theo anh thì chuyện đó có gây đau đớn không? Ông Ferrat liệu có bị đau khi người ta...”

“Chắc chắn không hề. Bây giờ mới chính là lúc khó chịu nhất. Trước giờ quyết định. Còn khi chuyện đó xảy ra thì không đâu. Thậm chí dù một tích tắc cũng không.” Hannibal đã dợm bước rời đi thì Ferrat bỗng gọi, vậy là hẳn bèn quay lại bên chân song.

“Các sinh viên sẽ không cười cợt ông ta, cười cợt các bộ phận cơ thể của ông ta chứ.”

“Tất nhiên là không rồi. Đối tượng nghiên cứu luôn luôn được che phủ, chỉ để lộ ra mỗi phần được dùng để nghiên cứu thôi.”

“Thậm chí kể cả khi ông ta có... có phần nào đó dị thường?”

“Kiểu như thế nào?”

“Thậm chí kể cả khi ông ta có, ờ, những bộ phận chưa phát dục?”

“Chuyện cũng bình thường thôi mà và nó không bao giờ, không có bất cứ khi nào, trở thành một lý do để trêu đùa,” Hannibal nói. *Thế là có một ứng cử viên cho bảo tàng giải phẫu, nơi những người hiến tặng chẳng bao giờ được ghi danh.*

Tiếng vỗ của tay đao phủ thành thạch vang lên không khỏi khuấy động tâm can Louis Ferrat, lúc này đang ngồi trên giường, bàn tay đặt trên ống tay áo của đồng bạn - bộ quần áo, khiến gã giật giật khóc mắt. Hannibal hiểu rõ lúc này đây, gã đang tưởng tượng ra trong đầu cảnh người ta lắp ráp cái máy chém, hai cái trụ được đặt vào vị trí, con dao với lưỡi dao được bảo vệ bởi một cái đầu nối vòi nước tưới cây, còn bên dưới là đồ đựng.

Nhìn cảnh tượng này trong tâm trí mình, Hannibal giật nảy người nhận ra đồ đựng thực chất là gì. Đó là một cái *chậu tắm cho trẻ em*. Hệt như một lưỡi dao đang rơi xuống, tâm trí Hannibal cắt đứt dòng suy nghĩ ấy và rồi, trong khoảng lặng tiếp nối sau đó, nỗi thống khổ của Louis bỗng trở nên quen thuộc với hẳn, y như những tĩnh mạch trên khuôn mặt gã đàn ông kia, y như những động mạch trên khuôn mặt của chính hẳn.

“Tôi sẽ kiếm cồn thuốc phiện cho ông ấy,” Hannibal nói. Nếu không lấy được cồn thuốc phiện, hẳn có thể mua một viên thuốc phiện ở cửa ra vào.

“Đưa mẫu đơn thỏa thuận đây. Lúc nào mang thuốc phiện tới thì lấy nó về.”

Hannibal nhìn Louis Ferrat, nghiêm túc đọc nét mặt gã với thái độ chăm chú y như lúc này hẳn đã nghiên cứu cái cổ của gã đàn ông và nghĩ thấy mùi sợ hãi đang toát ra, rồi hẳn nói, “Louis này, hãy để khách hàng của ông thử ngẫm nghĩ đến chuyện này xem. Tất cả các cuộc chiến tranh, tất cả những khổ sở và đau đớn từng xảy ra trong hàng bao nhiêu thế kỷ trước khi ông ta chào đời, trước khi ông ta bắt đầu sinh mạng của mình, tất cả những thứ đó đã quấy rầy tâm trí ông ta đến mức nào?”

“Không một mảy may.”

“Thế thì việc gì ông ấy lại phiền lòng với bất cứ chuyện gì xảy ra sau khi ông ấy đã kết thúc sinh mạng của mình chứ? Ông ấy đã đi vào một giấc ngủ bình yên. Chỉ khác ở một điều ông ấy sẽ không bao giờ tỉnh dậy nữa.”

NHỮNG TẤM MỘC BẢN GỐC KHẮC các hình minh họa cho cuốn atlas vĩ đại của Vesalius về giải phẫu, *De Fabrica*, đã bị phá hủy ở Munich hồi Thế chiến thứ hai. Đối với giáo sư Dumas, các bản khắc này là các thánh tích thiêng liêng và trong cơn giận dữ cùng lòng tiếc thương, ông ta bắt đầu nuôi dưỡng niềm khao khát biên soạn một bộ atlas giải phẫu mới. Nó sẽ là bộ atlas xuất sắc nhất trong hệ thống atlas kế tục tác phẩm của Vesalius suốt bốn trăm năm kể từ sau *De Fabrica*.

Dumas đã phát hiện ra rằng để minh họa một bộ phận cơ thể thì tranh vẽ ưu việt hơn hẳn so với ảnh chụp và là công cụ không thể thiếu nếu muốn giải thích những tấm phim X-quang mù mịt, nhưng ông ta không phải họa sĩ. May mắn biết bao, trời đất run rủi khiến ông ta nhìn thấy bức tranh con ếch được Hannibal Lecter vẽ từ thời học sinh, vậy là kể từ ngày đó, ông ta đã dõi theo từng bước tiến của hãn và cuối cùng, dốc lòng dốc sức để hãn giành được một học bổng y khoa.

Sẩm tối, trong phòng nghiên cứu. Lúc ban ngày, giáo sư Dumas đã mổ xẻ một phần tai trong, phục vụ cho bài giảng thường nhật, rồi sau đó để phần tai trong đó lại cho Hannibal, còn giờ hãn đang vẽ ống ốc tai xương lên tấm bảng đen, với kích thước đã được phóng đại lên gấp năm lần.

Tiếng chuông đêm reo vang. Hannibal đang chờ nhận xác từ đội xử bắn ở Fresnes. Hãn đi lấy một cái băng ca, đẩy dọc hành lang dài tới lối ra vào ban đêm. Một bánh xe của cái băng ca kêu lọc cọc trên mặt sàn lát đá và hãn âm thầm ghi nhớ để về sau còn sửa.

Thanh tra Popil đang đứng cạnh cái xác. Hai nhân viên cứu thương chuyển cái xác mềm oặt từ cáng sang băng ca rồi lái xe đi.

Phu nhân Murasaki từng có lần nhận xét, khiến Hannibal bực mình không thôi, rằng Popil có phần giống với tay diễn viên diễn trai Louis Jourdan.

“Chào thanh tra.”

“Tôi có chuyện cần nói với cậu,” thanh tra Popil nói, nhìn kiểu nào cũng chẳng hề giống Louis Jourdan.

“Ông có thấy phiền gì không nếu tôi làm việc trong lúc chúng ta nói chuyện?”

“Không.”

“VẬY ĐI NÀO.” Hannibal đẩy băng ca dọc hành lang, tiếng lọc cọc giờ vang lên âm ỉ hơn trước nhiều. Có lẽ do cái đệm bánh xe.

Popil giữ mở cánh cửa xoay của phòng nghiên cứu.

Đúng như Hannibal dự đoán, các vết thương lớn do đạn súng trường hành quyết trên lồng ngực tên tử tù đã hút cạn máu trong cái xác. Nó đã sẵn sàng để được bỏ vào trong thùng ngâm xác. Thật ra, Hannibal hoàn toàn có thể đợi lúc sau mới tiến hành thủ tục này, nhưng hấn lại tò mò, không biết lúc ở trong phòng ngâm xác, liệu có phải Popil sẽ càng bớt giống Louis Jourdan và không biết môi trường xung quanh có ảnh hưởng đến nước da hồng hào của anh ta.

Phòng ngâm xác là một khoảng không gian trát xi măng thô liền kề phòng nghiên cứu, nằm phía sau cánh cửa đôi nẹp gioăng cao su. Một cái thùng tròn đựng formalin đường kính tầm ba mét rưỡi được gắn vào sàn, trên nóc đây cái nắp kềm. Cái nắp có một dây cửa lắp bản lề dài. Một cái lò thiêu được đặt ở góc phòng, chuyên dùng để đốt rác thải trong ngày, trong trường hợp này là một đồng tai đủ các thể loại.

Một cái ròng rọc treo phía bên trên thùng. Các xác chết, đều được dán nhãn và đánh số, xác nào cũng được chằng một bộ xích, cột vào thanh kim loại lắp vòng quanh thùng. Một cái quạt lớn, cánh quạt bám dày bụi, được lắp vào tường. Hannibal bật quạt rồi mở hai cánh cửa kim loại nặng trích trên nóc thùng. Hấn gắn nhãn cho cái xác, luồn xác vào trong một bộ xích rồi dưới sự hỗ trợ của cái ròng rọc, hấn kéo cái xác lên đu đưa phía bên trên thùng chứa sau đó hạ nó xuống chìm dần vào trong dung dịch formalin.

“Ông đi cùng y từ Fresnes đến à?” Hannibal nói trong lúc bề mặt dung dịch sủi bong bóng lên.

“Ừ.”

“Ông dự cuộc hành quyết à?”

“Ừ.”

“Tại sao, thanh tra?”

“Tôi đã bắt giữ y. Nếu tôi đã mang y đến nơi đó, vậy thì tôi sẽ tham dự.”

“Nghe theo tiếng gọi của lương tâm hả, thanh tra?”

“Cái chết là hậu quả hành động của tôi. Tôi tin vào luật nhân quả. Cậu có hứa cung cấp cồn thuốc phiện cho Louis Ferrat không?”

“Cồn thuốc phiện lấy được một cách hợp pháp.”

“Nhưng không được kê đơn một cách hợp pháp.”

“Người ta vẫn làm thế với tử tù mà, để đổi lấy sự cho phép, tôi dám chắc ông biết thừa chuyện đó.”

“Phải. Đừng đưa nó cho gã.”

“Ferrat là một tay thuộc danh sách của ông à? Ông muốn gã vẫn tỉnh táo?”

“Ừ.”

“Ông muốn gã cảm nhận được trọn vẹn hậu quả à, thanh tra? Vậy thì ông có đề nghị Ngài Paris dỡ bỏ tấm phủ máy chém để gã có thể nhìn thấy lưỡi dao, trong trạng thái tỉnh táo, tầm nhìn thoáng đãng?”

“Nguyên nhân là gì thì đấy là chuyện của tôi. Việc của cậu là không đưa cồn thuốc phiện cho gã. Nếu tôi phát hiện ra gã đã dùng cồn thuốc phiện lúc lên đoạn đầu đài, vậy thì cậu đừng bao giờ mơ tưởng đến việc được cấp bằng y khoa ở Pháp: nhìn cho rõ chuyện đó với tầm nhìn thoáng đãng đi.”

Hannibal nhận ra căn phòng chẳng ảnh hưởng gì đến Popil hết. Hắn quan sát trong lúc bốn phận của người thanh tra cảnh sát trời dậy trong Popil.

Popil quay người đi tránh mặt Hannibal, rồi nói. “Nếu mà thế thật thì quá là đáng tiếc, vì cậu đã cho thấy rõ nhiều tiềm năng. Chúc mừng cậu vì những điểm số ấn tượng,” Popil nói. “Cậu đã làm vui lòng... gia đình cậu hẳn mừng lắm... và rất... tự hào. Chào cậu.”

“Chào ông, thanh tra. Cảm ơn ông vì mấy tấm vé opera.”

MÀN ĐÊM BUÔNG XUỐNG TRÊN PARIS, mưa nhẹ và sỏi lấp lánh ánh nước. Chuẩn bị đóng cửa ban đêm, các chủ cửa hàng bỏ những cuộn thảm thừa vào máng xối để dẫn dòng nước mưa chảy đúng hướng.

Cần gạt nước nhỏ xíu của chiếc xe van trường y hoạt động nhờ bộ cảm biến chân không cố nút và trên quãng đường ngắn từ trường y đến nhà tù La Santé, thỉnh thoảng Hannibal lại phải nhả chân ga để cần gạt nước lau tấm kính chắn gió.

Hắn lùi xe qua cổng tiến vào trong sân và lúc hắn thò đầu ra ngoài cửa sổ xe để nhìn đường, nước mưa rơi xuống gáy lạnh buốt, tay bảo vệ ngồi trong bốt chẳng buồn đi ra hướng dẫn.

Trong hành lang chính của nhà tù La Santé, phụ tá của Ngài Paris vẫy tay gọi hắn vào trong phòng để máy chém. Anh ta đang đeo chiếc tạp dề bằng vải dầu và vì dịp này nên còn phủ thêm một tấm vải dầu lên trên cái mũ quả dưa mới. Anh ta đã đặt tấm chắn nước ngay trước vị trí của mình, phía trước lưỡi dao, để che chắn tốt hơn cho đôi giày và hai cổ tay áo.

Một cái giỏ mây dài lót kẽm nằm cạnh máy chém, sẵn sàng đón cái xác mất đầu.

“Cai ngục đã ra lệnh rồi, không được mang bao biếc gì vào đây hết,” anh ta nói. “Anh sẽ phải mang cả giỏ đi sau đó trả giỏ lại. Anh định vận chuyển bằng xe van à?”

“Ừ.”

“Anh có phương án nào tốt hơn không?”

“Không.”

“Thế thì anh sẽ phải mang cả đầu cả xác chung một giỏ. Chúng tôi sẽ nhét nó bên dưới cánh tay gã. Họ đang ở phòng bên cạnh đấy.”

Trong căn phòng quét vôi trắng trở các cửa sổ cao lấp chấn song, Louis Ferrat đang bị trói nằm trên băng ca, dưới ánh sáng chói chang chiếu rọi từ mấy cái bóng đèn phía trên đầu.

Tấm ván nghiêng ở máy chém đang được đặt dưới thân gã. Một dây truyền dịch tĩnh mạch đã cắm sẵn vào cánh tay.

Thanh tra Popil đứng bên cạnh nhìn xuống Louis Ferrat, nhỏ giọng nói chuyện với gã, che tay để ánh đèn đỡ chói vào mắt gã. Bác sĩ của nhà tù lấp cây kim tiêm dưới da vào dây truyền dịch và tiêm một lượng nhỏ thứ chất lỏng trong suốt.

Khi Hannibal bước vào trong phòng, Popil không hề ngẩng lên nhìn.

“*Nhớ lại đi, Louis*” Popil nói. “Tao cần mày nhớ lại.”

Đôi mắt trợn trừng của Louis lập tức nhìn thấy Hannibal. Khi ấy Popil cũng thấy Hannibal, nhưng anh ta giơ một tay lên, ra hiệu cho hắn đứng tránh ra. Popil cúi người ghé sát khuôn mặt ướt đẫm mồ hôi của Louis Ferrat. “Nói cho tao biết đi.”

“Tao đã bỏ xác Cendrine vào hai cái túi. Tao đã buộc thêm hai cái lưỡi cày vào cho nặng, và bài hát vang lên...”

“Không phải Cendrine, Louis. *Nhớ lại đi*. Ai đã nói cho Klaus Barbie biết chỗ bọn trẻ đang ẩn nấp, để y biết đường bắt chúng đưa lên tàu chở tới phía Đông? Tao muốn mày nhớ lại.”

“Tao đã hỏi Cendrine, tao bảo, ‘Cứ sờ nó đi...’ nhưng con nhỏ đó lại cười nhạo tao và bài hát bắt đầu vang lên...”

“Không! Không phải Cendrine,” Popil nói. “Ai đã nói cho bọn phát xít Đức biết về bọn trẻ?”

“Tao không thể chịu đựng nổi khi nghĩ đến chuyện đó.”

“Mày chỉ cần phải chịu đựng thêm một lần nữa thôi. Thứ này sẽ giúp mày nhớ lại.”

Viên bác sĩ tiêm thêm một ít thuốc nữa vào tĩnh mạch của Louis rồi xoa bóp cánh tay gã để thuốc tán đều.

“Louis, mày phải nhớ lại. Klaus Barbie đã cho bọn trẻ lên tàu chở đến Auschwitz. Ai đã nói cho y biết về nơi bọn trẻ ẩn trốn? Mày có nói không?”

Mặt Louis tái nhợt. “Bọn Gestapo bắt quả tang tao làm giả phiếu lương thực,” gã nói. “Lúc bọn chúng bẻ gãy ngón tay tao, tao đã khai ra Pardou - Pardou biết chỗ bọn trẻ ẩn trốn. Hẳn đã rất tích cực giúp đỡ bọn chúng và giữ được các ngón tay nguyên vẹn. Giờ hẳn là thị trưởng Trent-la-Forêt. Tao đã chứng kiến cảnh đó, nhưng tao không làm gì để giúp đỡ hết. Chúng ở trong thùng xe tải nhìn ra, nhìn thẳng vào tao.”

“Pardou.” Popil gật đầu. “Cảm ơn nhé, Louis.”

Popil định quay người đi thì Louis gọi, “Thanh tra?”

“Sao thế, Louis?”

“Khi quân phát xít Đức tống bọn trẻ vào trong những chiếc xe tải đó, cảnh sát đang ở đâu?”

Popil nhắm mắt một lát, rồi hất đầu ra hiệu với một lính canh để anh ta mở cánh cửa dẫn vào phòng đặt máy chém. Hannibal có thể nhìn thấy một linh mục và Ngài Paris đang đứng bên cạnh cái máy. Tay phụ tá của người đao phủ tháo sợi dây chuyền mặt thánh giá ra khỏi cổ Louis đặt vào trong bàn tay gã rồi sau đó đến đứng bên cạnh gã, sẵn sàng công việc. Louis nhìn Hannibal. Gã nhắc đầu lên và há miệng ra. Hannibal bước tới bên cạnh gã, Popil không tìm cách ngăn cản.

“Tiền thì sao, Louis?”

“Nhà thờ St. Sulpice. Không phải cho vào hộp quyên góp đâu, bỏ vào cái hộp dành cho các linh hồn nơi Luyện Ngục ấy. Thuốc phiện đâu?”

“Tôi hứa với ông.” Hannibal đang cất một lọ cồn thuốc phiện loãng trong túi áo khoác. Lính canh và tay phụ tá đao phủ quay đi chỗ khác cho phải phép. Popil không tránh mắt. Hannibal đưa cái lọ kề vào môi Louis và gã nuốt thứ chất lỏng đó xuống. Louis hất đầu về phía bàn tay rồi lại mở miệng ra. Hannibal đặt cây thánh giá và sợi dây chuyền vào trong miệng Louis rồi sau đó, họ lật gã nằm úp sấp trên tấm ván lát nữa sẽ mang gã tiến vào bên dưới lưỡi dao.

Hannibal đứng nhìn gánh nặng tâm hồn của Louis tan dần. Cái băng ca lật bật băng qua ngưỡng cửa phòng hành quyết và người lính canh đóng cửa lại.

“Gã muốn giữ cây thánh giá ở lại với phần đầu thay vì phần trái tim,” Popil nói. “Bạn biết gã muốn gì, phải không? Cậu và Louis còn có điểm chung nào khác nữa?”

“Sự tò mò về việc cảnh sát đã ở đâu khi quân phát xít Đức tống bọn trẻ vào trong những chiếc xe tải. Chúng tôi có điểm chung đó đấy.”

Nhẽ ra ngay lúc đó, Popil đã có thể giáng cho hắn một cú đòn. Nhưng cơ hội đã trôi qua. Popil đóng sập cuốn sổ ghi chép lại rồi bỏ đi khỏi phòng.

Hannibal lập tức tiến lại chỗ bác sĩ.

“Thứ thuốc đó là gì vậy, bác sĩ?”

“Hỗn hợp thuốc gây mê thiopental sodium và hai loại thuốc ngủ khác. Cảnh sát Phòng chống Tội phạm vẫn dùng nó trong các cuộc thẩm vấn. Thành thạo nó có tác dụng giải phóng những ký ức bị đè nén. Trong tâm trí tử tù ấy.”

“Chúng tôi sẽ cần lưu ý đến nó trong các xét nghiệm máu ở phòng nghiên cứu của chúng tôi. Cho tôi xin một ít làm mẫu được không?”

Bác sĩ chìa cái lọ cho hắn. “Công thức và liều lượng được ghi trên nhãn đấy.”

Từ căn phòng bên cạnh, một tiếng thịch nặng nề vang lên. “Nếu tôi là anh thì tôi sẽ đợi vài phút,” bác sĩ nói. “Để Louis nguôi ngoai đi đã.”

HANNIBAL NẪM TRÊN CÁI GIƯỜNG THẤP trong căn gác xép áp mái. Ánh nến chập chờn trên những khuôn mặt hắc đã vẽ lại từ các giấc mơ và những cái bóng nhảy múa trên cái đầu lâu vượn. Hãn nhìn chăm chăm vào hai hốc mắt trống rỗng của con vượn và bặm môi dưới lại như để đối chọi với mấy cái răng nanh của con vật. Bên cạnh hãn là một cái máy hát quay tay với phần loa hình hoa loa kèn. Hãn đã cắm một cây kim vào cánh tay, gắn với một ống tiêm chứa đầy thứ dung dịch hỗn hợp các loại thuốc ngủ đã được sử dụng trong cuộc thẩm vấn Louis Ferrat.

“Mischa, Mischa. Anh đến đây.” *Lửa trên váy áo mẹ, nến tạ ơn sáng rực trước tượng thánh Joan. Ông bố nhà thờ nói, “Đến lúc rồi.”*

Hãn bật đầu đĩa than và hạ thấp cây kim máy hát dầy cui xuống trên đĩa nhạc thiếu nhi. Đĩa hát đã bị xước, âm thanh vừa mỏng vừa rè, nhưng nó đã đâm thẳng vào hãn.

Gã nhỏ bé ấy có thể là ai

Một mình đứng trong rừng thăm thế kia

Hãn đẩy cái pittông ống tiêm vào sâu thêm chừng nửa phân, cảm thấy dung dịch thuốc cháy rùng rục trong mạch máu. Hãn xoa bóp cánh tay để thuốc tán ra. Dưới ánh nến, Hannibal điềm tĩnh nhìn chăm chú những khuôn mặt đã được phác họa lại từ những giấc mơ của hãn và cố gắng buộc chúng phải mở miệng. Có lẽ đầu tiên chúng sẽ cất tiếng hát, rồi sau đó chúng sẽ thốt lên tên của những khuôn mặt kia. Hannibal tự hát lên trước, để những khuôn mặt kia hát theo.

Nhưng dù cố cách nào, Hannibal cũng chẳng thể khiến những khuôn mặt trên tường chuyển động, cùng lắm chỉ được đến mức như hãn đã kích thích con vượn. Nhưng chính con vượn ấy lại mỉm cười đằng sau mấy cái răng nanh, trên cái miệng không môi, hàm răng cong lên làm thành một nụ cười toe toét, rồi sau đó, *Mắt Xanh mỉm cười, vẻ sừng sốt khắc sâu vào tâm trí*

Hannibal. Rồi sau đó là mùi khói củi trong căn nhà nghỉ, khói cuộn cuộn trong căn phòng giá lạnh, hơi thở hôi hám phả ra từ miệng đám đàn ông đang tùm tùm trước lò sưởi quanh hăn và Mischa. Sau đó đám đàn ông mang chúng ra ngoài nhà, tới chuồng ngựa. Những món quần áo trẻ em trong chuồng ngựa, lấm bẩn và lạ lẫm đối với hăn. Hăn không tài nào nghe được tiếng đám đàn ông nói chuyện, không thể nghe ra được chúng gọi nhau là gì, nhưng rồi, giọng nói méo mó của Cầm Bát cất lên. “Mang con bé này đi đi, chẳng nào nó chẳng chết. Thêm một thời gian nữa thì thằng bé vẫn còn tươi tươi tươi.” Rồi màn vật lộn, căn xé và giờ thì đến cái cảnh tượng hăn vẫn luôn không cách nào có thể đối mặt được, Mischa bị tóm lấy hai cánh tay xách lên, hai bàn chân lơ lửng phía trên mặt tuyết thấm máu, vùng vẫy vẫy người, QUAY LẠI NHÌN HĂN.

“ANNIBA!!” giọng con bé...

Hannibal ngồi dậy trên giường. Cánh tay hăn gập lại đẩy cái pittông của ống tiêm dưới da xuống đến kích thước. Rồi sau đó cái chuồng ngựa quay cuồng xung quanh hăn.

“ANNIBA!!”

Hannibal vùng thoát khỏi sự kìm hãm, chạy ra cửa đuổi theo đám người, cánh cửa chuồng ngựa đập mạnh vào cánh tay hăn, xương kêu răng rắc, Mắt Xanh xoay người lại giờ khúc củi lên, giáng thẳng vào đầu hăn, tiếng rìu ngoài sân vọng vào và rồi, bóng tối dễ chịu bao trùm.

Hannibal thở hỗn hển trên giường, tầm nhìn chập chờn lúc mờ lúc tỏ, những khuôn mặt xoay tít trên tường.

Vượt qua rồi. Vượt qua cái cảnh tượng hăn trước nay vẫn không cách nào đối mặt, cái cảnh tượng trước nay hăn vẫn không cách nào nghe thấy hay sống lại trong ký ức. Tỉnh dậy trong căn nhà nghỉ, máu ở một bên đầu đã khô, bắp tay đau nhức nhối, bị xích vào lan can cầu thang trên tầng, tấm thảm phủ kín người. Tiếng sấm... không phải, âm thanh đó là tiếng đại bác nổ trong rừng, đám đàn ông xúm xít phía trước lò sưởi cùng với cái cặp da của gã đầu bếp, lôi hết thẻ bài quân đội của chúng ra rồi ném vào trong cái cặp da, cùng với giấy tờ, móc hết các giấy tờ ra khỏi ví cá nhân, đeo băng

tay Chữ Thập Đỏ lên. Sau đó, tiếng ầm vang lên, cùng với ánh sáng chói lòa của một quả đạn phốt pho nổ tung bên xác cái xe tăng ngoài nhà và căn nhà nghi bùng cháy, bùng cháy. Bọn tội phạm chạy tán loạn ra ngoài, lao vào trong bóng tối, chạy tới chỗ cái xe bán xích, nhưng vừa chạy đến cửa ra vào, Đầu Bếp bỗng dừng lại. Giơ cái túi đeo vai lên che mặt để cản bớt hơi nóng, gỡ moi cái chìa khóa ra khỏi túi quần, ném lên cho Hannibal, đúng lúc quả đạn cối thứ hai bay tới nhưng chúng không nghe thấy tiếng đạn, chỉ thấy căn nhà rung lên bần bật, cái ban công Hannibal đang nằm nghiêng đi và hẫng trượt trên sàn, va vào lan can, rồi cái lồng cầu thang sụp xuống đổ lên trên người Đầu Bếp. Hannibal nghe thấy tiếng những sợi tóc trên đầu kêu xèo xèo dưới cú liếm của lưỡi lửa rồi ngay sau đó, hẫng đã đang ở bên ngoài, cái xe bán xích gầm rú băng qua rừng cách hẫng mỗi lúc một xa, mép tấm thảm quăn trên người hẫng đã bắt lửa, âm ỉ cháy, quả đạn cối nổ tung rung chuyển đất trời, những mảnh vỡ rít lên bay vèo vèo qua chỗ hẫng. Lấy tuyết dập lửa trên tấm thảm đang âm ỉ cháy rồi chân thấp chân cao lê bước trên đường, cánh tay thông xuống.

* * *

Bình minh xám phủ lên khắp những mái nhà Paris. Trong căn phòng gác mái, cái máy hát chạy chậm dần rồi dừng hẫng lại, mấy cây nến đã cháy gần hết. Hannibal mở mắt ra. Những khuôn mặt trên tường nằm bất động. Chúng lại đã trở về là những bức ký họa vẽ bằng phấn, những tờ giấy phẳng lay động theo làn gió. Con vượn đã lấy lại biểu cảm quen thuộc. Một ngày mới đang đến. Khắp nơi nơi, ánh sáng đang lên. Ánh sáng ngày mới bao trùm khắp nơi nơi.

DƯỚI BẦU TRỜI XÁM XỊT NẶNG TRỮ Ở VILNIUS, Lítva, một chiếc xe cảnh sát Skoda rời khỏi con phố Sventaragio tấp nập, rẽ vào một con phố hẹp gần trường đại học, bóp còi inh ỏi xua đám khách bộ hành dạt hết sang bên tránh đường cho xe chạy, khiến họ phải buột miệng chửi thề, chỉ có điều tiếng chửi đều bị chặn lại bởi những chiếc cổ áo dựng cao. Chiếc xe dừng lại trước một tòa căn hộ tổ ong mới được Nga xây dựng, trông có vẻ sống sượng giữa khu nhà toàn những tòa chung cư xập xệ. Một người đàn ông dáng người cao ráo mặc đồng phục cảnh sát Xô Viết bước ra khỏi xe và rời, lướt ngón tay từ đầu đến cuối một dãy các nút bấm, y nhấn vào một cái máy con ve có đánh dấu *Dortlich*.

Cái máy con ve kêu vang giữa một căn hộ trên tầng ba, vọng đến chỗ một lão già đang nằm trên giường, thuốc vụn thành đống trên mặt bàn bên cạnh lão. Một cái đồng hồ quả lắc Thụy Sĩ treo phía trên giường. Một sợi dây treo lủng lẳng từ cái đồng hồ, thả dài xuống đến tận gối. Lão già vốn là người gan góc, nhưng đến đêm, khi nỗi sợ hãi ùa đến choán hết tâm trí, lão có thể kéo sợi dây trong bóng tối và lắng nghe tiếng đồng hồ điểm chuông, lắng nghe cái âm thanh xác nhận lão vẫn chưa phải gặp tử thần. Kim phút giằng giật nhích từng chút một. Lão tưởng tượng ra con lắc đang đánh nhịp, một hai ba bốn, để quyết định thời khắc giờ chết của lão sẽ điểm.

Lão già tưởng nhầm tiếng máy con ve là tiếng lão đang thở khò khè. Lão nghe tiếng người hầu gái vang lên ngoài hành lang rồi sau đó, cô ta thò đầu vào qua cánh cửa, những lọn tóc lờm chờm thò ra từ bên dưới cái mũ trùm kín đầu.

“Con trai ông, thưa ông.”

Cảnh sát viên Dortlich đi lướt qua cô ta, tiến vào trong phòng.

“Chào cha.”

“Tao đã chết đâu. Giờ mà đến cướp bóc thì vẫn còn quá sớm đấy.” Lão già nhận ra thật kỳ quái biết bao, giờ đây cơn giận dữ chỉ xẹt qua đầu lão trong thoáng chốc và không còn chạm đến trái tim lão nữa.

“Con mang cho cha một ít sô cô la này.”

“Lúc nào mà về thì mang cho Bergid ấy. Đừng có hiệp cô ta đấy. Tạm biệt, cảnh sát Dortlich.”

“Không còn thời gian để cảm cái thế này đâu. Cha sắp chết rồi. Con đến để xem liệu có thể giúp gì cho cha không, ngoài việc cho cha ở căn hộ này.”

“Mày có thể đổi họ. Mày đã bao nhiêu lần chạy từ phe này sang phe kia rồi?”

“Đủ để sống sót.”

Dortlich đang mặc bộ đồng phục viền xanh lục đặc trưng của lực lượng Biên phòng Xô Viết. Y tháo một bên găng tay ra rồi bước tới đứng cạnh mép giường cha mình. Y tìm cách nắm bàn tay lão già, ngón tay dò tìm mạch đập, nhưng cha y đã hất bàn tay đầy sẹo của y ra. Nhìn bàn tay Dortlich, lão già không khỏi ứa nước mắt. Cố lấy sức, lão già với tay lên cao chạm vào mấy tấm huân chương lủng lẳng rủ xuống từ ngực Dortlich khi y cúi người về phía lão. Các huy chương bao gồm Cảnh sát Bộ Nội vụ Xuất sắc, Viện Đào tạo Tiên tiến về Quản lý Nhà tù và Trại giam, cùng với huy chương Công nhân Xây dựng Cầu phao Ưu tú. Cái huy chương cuối cùng này cũng không phải chuẩn xác cho lắm; Dortlich đã xây mấy cầu phao thật, nhưng là xây cho quân phát xít Đức hồi y ở trong tiểu đoàn lao công. Tuy vậy, nó vẫn là một món đồ tráng men đẹp đẽ và nếu có ai hỏi han về nó thì y cũng có cả một câu chuyện để kể ra ngọn ra ngành. “Người ta moi mấy thứ này từ một cái hộp giấy bồi ra để ném cho mày đấy à?”

“Hôm nay con đến đây không phải để xin cha chúc phúc, con chỉ đến xem cha có cần gì không và chào tạm biệt cha.”

“Chỉ cần nhìn thấy mày mặc đồng phục Nga là tao đã thấy tâm trạng tệ hại lắm rồi.”

“Đồng phục Quân đoàn Súng trường 27 đấy,” Dortlich nói.

“Nhưng thế vẫn chưa là gì so với khi nhìn thấy mày mặc đồng phục của bọn phát xít Đức; cái bọn đã giết mẹ mày.”

“Đầy người trong chúng ta như thế mà cha. Đâu phải chỉ mình con. Con được sống. Cha được chết trên giường thay vì trong một cái hào. Cha có than để mà đốt. Con chỉ có được chùng đó để mà chu cấp cho cha. Những đoàn tàu đi Siberia chật cứng người. Người ta phải giẫm đạp lên nhau và ỉa vào trong mũ. Cha hãy tận hưởng những chần nệm sạch sẽ cha đang có đi.”

“Grutas còn xấu xa hơn mày và mày biết rõ như thế.” Lão già phải dừng lại một lúc để thở khò khè. “Sao mày lại đi theo nó? Mày đã nhập hội cướp bóc cùng bọn tội phạm và bọn côn đồ, mày vợ vét các ngôi nhà, cướp đoạt của người chết.”

Dortlich đáp lại, như thể không nghe thấy lời cha. “Hồi con còn nhỏ, có lần con bị bỏng và cha đã ngồi bên giường khắc con quay cho con. Cha đã đưa nó cho con và khi con đã đủ sức để nắm dây quay, cha bèn dạy con cách chơi. Con quay đó rất đẹp, được cha khắc hình các con vật lên trên thân. Con vẫn còn giữ nó. Cảm ơn cha vì con quay nhé.” Y đặt chỗ sô cô la xuống gần chân giường, để lão già không hất rơi xuống sàn được.

“Mày quay về đồn cảnh sát chỗ mày đi, rồi lôi hồ sơ của tao ra, đánh dấu lên đó là *Không tìm được thân nhân...*” cha Dortlich nói.

Dortlich móc một tờ giấy từ trong túi quần. “Nếu cha muốn để con đưa về quê sau khi cha qua đời thì cha ký vào đây rồi để lại cho con. Bergid sẽ giúp cha và bảo chứng cho chữ ký của cha.”

Dortlich im lặng ngồi trong xe cho tới tận khi họ đã hòa vào dòng xe cộ trên phố Radvilaites.

Trung sĩ cảnh sát Svenka, đang ngồi sau vô lăng, mời Dortlich một điều thuốc lá và hỏi thăm, “Không cảm lòng được khi nhìn thấy ông ấy à?”

“Thật mừng vì đó không phải là tôi,” Dortlich nói. “Đứa hầu gái khốn kiếp của ông ấy... Lẽ ra tôi nên đợi đến lúc Bergid đi nhà thờ rồi hẵng tới đó... cô ta vẫn đang đi bắt chấp nguy cơ bị bỏ tù. Cô ta cứ tưởng tôi không biết. Cha tôi sẽ chết trong tháng này thôi. Tôi sẽ đưa ông ấy lên thuyền đi Thụy Điển để được về chôn cất tại quê nhà. Có lẽ chúng ta có thể thu xếp

một không gian có thể tích ba mét khối bên dưới cái xác, chiều dài ba mét là thoải mái.”

Trung úy Dortlich không có văn phòng riêng nhưng y có một cái bàn trong phòng làm việc chung ở đồn cảnh sát nơi uy tín có nghĩa là sẽ được ngồi một chỗ tương đối gần lò sưởi. Lúc này đang giữa mùa xuân, lò sưởi lạnh ngắt và giấy tờ chồng đống phía trên bệ. Đống giấy tờ phủ kín mặt bàn Dortlich có đến một nửa là liên quan đến những vấn đề quan liêu vớ vẩn và có vứt đi cũng chẳng ảnh hưởng gì.

Họ không mấy khi trao đổi ngang hàng với các sở cảnh sát và bộ nội vụ ở hai nước láng giềng Latvia và Ba Lan. Cảnh sát thuộc các quốc gia vệ tinh của Liên Xô được tổ chức quay xung quanh cơ quan Cảnh sát Trung ương Liên Xô đặt tại Moskva, giống như một bánh xe không vành tua tủa nan hoa.

Tài liệu y phải xử lý đang nằm trên bàn: bức điện tín chính thức liệt kê danh sách những người nước ngoài được cấp thị thực Litva. Dortlich so sánh nó với danh sách truy nã dài dằng dặc cùng danh sách các nghi phạm chính trị. Người được cấp thị thực nằm ở vị trí thứ tám trên danh sách là Hannibal Lecter, thành viên mới toanh của đoàn thanh niên thuộc Đảng Cộng sản Pháp.

Dortlich lái chiếc xe hai thì Wartburg của mình tới Cơ quan Điện thoại Nhà nước, nơi y vẫn đến xử lý công chuyện khoảng mỗi tháng một lần. Y đợi bên ngoài cho tới khi nhìn thấy Svenka bước vào bên trong để bắt đầu ca trực. Ngay sau đó, nhờ có Svenka nắm quyền điều khiển tổng đài, Dortlich đã được chiếm nguyên một buồng điện thoại, nói chuyện đường dài sang Pháp qua đường dây quốc tế rè rè nhiễu sóng. Y đặt một máy đo tín hiệu lên trên điện thoại và không ngừng quan sát cây kim, phòng trường hợp có người nghe lén.

* * *

Trong tầng hầm một nhà hàng gần Fontainebleau, Pháp, tiếng chuông điện thoại vang lên giữa bóng tối. Chuông kêu chừng năm phút mới có người trả lời.

“Nói đi.”

“Có thằng cần trả lời điện thoại nhanh lên, tao ngồi mốc mả ra ở đây rồi đây này. Chúng ta cần thu xếp một vụ ở Thụy Điển, để đám bạn bè nhận một cái xác,” Dortlich nói. “Và thằng nhỏ nhà Lecter đang quay về đây.”

“Ai?”

“Nghĩ lại đi. Chúng ta đã nói về chuyện đó trong lần ăn tối cùng nhau gần đây nhất,” Dortlich nói. Y liếc nhìn tờ danh sách. “Mục đích chuyến thăm: *lập danh mục các tài liệu trong thư viện của lâu đài Lecter để phục vụ cho công chúng*. Thật khôi hài - quân Nga đã đem hết sách đi chùi đít rồi. Có lẽ chúng ta cần phải làm gì đó. Mà biết phải liên hệ với ai rồi đây.”

NĂM Ở PHÍA TÂY BẮC VILNIUS, gần sông Neris, là tàn tích của một nhà máy điện cũ, vốn là nhà máy điện đầu tiên trong vùng. Vào thời thịnh vượng, nhà máy vẫn cung cấp một sản lượng điện khiêm tốn cho thành phố, mấy xưởng gỗ cùng một cửa hàng cơ khí nằm ven sông. Nhà máy điện hoạt động quanh năm, vì nó được cung cấp nguồn than đá từ Ba Lan, được vận chuyển tới đây nhờ một đoàn tàu nhỏ chạy trên đường tàu phụ hoặc nhờ sà lan chạy đường sông.

Trong năm ngày đầu tiên quân Đức xâm lược Litva, không quân Đức đã ném bom san phẳng nơi này. Với sự xuất hiện của những đường dây truyền tải điện mới do Liên Xô xây dựng, nhà máy điện cũ này chưa từng có cơ hội được xây dựng lại.

Người ta đã quấn xích quanh hai cột xi măng và bập cái khóa móc khóa sợi xích lại, chặn con đường dẫn tới nhà máy điện. Vỡ khóa đã gỉ sét hết cả, nhưng ổ khóa thì vẫn được tra dầu trơn tru. Một tấm biển gắn trên cổng kèm theo thông điệp viết bằng tiếng Nga, tiếng Litva và tiếng Ba Lan: CHẤT NỔ CHƯA NỔ. CẤM VÀO.

Dortlich ra khỏi xe, tháo sợi xích vứt xuống nền đất. Trung sĩ Svenka lái xe qua cổng. Cỏ dại mọc tràn lan chồm từng mảng lên lớp sỏi lát đường, những nhánh cỏ sượt qua bên dưới chiếc xe tải, như kèm theo tiếng thở hào hển.

Svenka nói, “Đây chính là nơi cả đám...”

“Phải,” Dortlich nói, ngắt lời anh ta.

“Anh có nghĩ là ở đây có mìn thật không?”

“Không. Và nếu tôi nhầm thì cũng không cần anh phải nhắc làm gì,” Dortlich nói. Y không phải kiểu người quen giải bày tâm sự và y vẫn đang trong cơn bực bội vì buộc phải nhờ cậy đến sự giúp đỡ của Svenka. Một lều

Nissen* được xây dựng theo chương trình Lend-Lease* đã bị cháy sém bên vách đang nằm gần cái nền nhà máy điện đen sì nứt nẻ.

“Đỗ xe cạnh cái lùm cây bụi đằng kia. Lấy sợi xích ra khỏi thùng xe đi,” Dortlich nói.

Dortlich buộc sợi xích vào thanh móc kéo sau xe, lắc lắc mỗi nỗi để các móc xích vào đúng vị trí. Y sục vào trong bụi rậm để tìm đầu một tấm pallet gỗ và buộc chặt sợi xích vào đó, sau đó y vẫy tay ra hiệu để xe tiến về phía trước, cho đến khi tấm pallet cùng với cả cụm cây bụi bên trên đã dịch ra một khoảng đủ để lộ ra hai cánh cửa thép của một hầm trú bom.

“Sau cuộc không kích cuối cùng, quân Đức đã cho lính dù đổ bộ xuống đây để kiểm soát các con đường băng qua sông Neris,” Dortlich nói. “Nhân viên nhà máy điện đã trú ẩn ở đây. Một tên lính dù đã gõ cửa và khi họ mở cửa ra, hắn đã ném một quả lựu đạn phốt pho vào trong. Khó mà dọn cho sạch được. Phải mất một lúc mới quen được với nó.” Vừa nói, Dortlich vừa mở ba cái khóa móc bảo vệ cánh cửa.

Y giật cánh cửa mở bung ra và luồng không khí lưu cữu xộc từ trong ra phả vào mặt Svenka, ám mùi cháy khét. Dortlich vịn chốt bật cây đèn điện lên, dậm bước xuống những bậc thang kim loại dốc. Svenka hít một hơi thở sâu rồi bám theo. Tường bên trong hầm quét vôi trắng, lắp các dây kệ bằng gỗ mộc. Các tác phẩm nghệ thuật đang nằm yên trên kệ. Các bức tượng đều được bọc giẻ và các ống nhôm đựng bản đồ có đánh số xếp thành từng dãy, nắp vịn bịt sập kín mít. Phía cuối hầm trú ẩn, những khung tranh rộng chông đồng loạt, một vài khung đã bị tháo đinh, vài khung thì vẫn còn dính xơ vải do các bức tranh bị cắt vôi ra khỏi khung.

“Mang hết những thứ trên giá kia nhé, cả những thứ ở phía cuối kia nữa,” Dortlich nói. Y gom mấy bọc vải dầu lại rồi dẫn Svenka tới lều Nissen. Trong lều, một cái quan tài chắc chắn bằng gỗ sồi, khắc biểu tượng của Hội Người Lao động vùng Sông và Biển Klaipeda, nằm kê trên mấy giá cửa. Một thanh nẹp kim loại trang trí gắn quanh thành quan tài và một nửa dưới quan tài sẫm màu hơn nửa thân trên, trông giống như ngấn nước và thân tàu, một mẫu thiết kế đẹp.

“Con tàu chở linh hồn cha tôi,” Dortlich nói. “Mang cho tôi cái hộp bông phế thải kia đi. Vấn đề quan trọng là phải làm sao cho nó không kêu lạch cạch cạch cạch.”

“Nó mà kêu lạch cạch thì người ta thế nào chẳng tưởng là xương của ông ta,” Svenka nói.

Dortlich vả một nhát ngang miệng Svenka. “Tở thái độ tôn trọng chút đi. Đưa tôi cái tua vít.”

HANNIBAL LECTER HẠ CÁNH CỬA SỐ bốn thừ của toa tàu xuống và đôi mắt nhìn, quan sát đoàn tàu uốn lượn qua những hàng cây đoa và cây thông vươn cao hai bên đường ray và rồi, vừa băng qua đây chưa đầy một dặm, hã đã nhìn thấy các tháp canh của lâu đài Lecter. Đi thêm hai dặm nữa, đoàn tàu rít lên chói tai và khùng khục dừng bánh tại trạm cấp nước Dubrunst. Mấy tay lính và vài công nhân trèo xuống khỏi tàu, đi tiểu luôn trên nền đường đá dăm. Nhân viên tàu hỏa quát lên, yêu cầu họ quay lưng lại các toa tàu hỏa. Hannibal cũng trèo xuống tàu theo đám người này, lưng đeo ba lô. Khi nhân viên tàu hỏa quay trở vào toa tàu, Hannibal bèn tiến vào trong rừng. Vừa đi, hã vừa xé một tờ báo ra, phòng trường hợp tay nhân viên tàu hỏa thứ hai đang ở trên nóc bồn nhiên liệu sẽ nhìn thấy. Hã đợi trong rừng cho tới khi tiếng đầu máy xe lửa hơi nước phì phì đã ì ạch rời xa. Giờ, trong khu rừng vắng lặng, chỉ có một mình hã. Hã mệt mỏi nhưng đầy quyết tâm.

Hồi Hannibal lên sáu, Berndt đã mang hã trèo lên dây cầu thang xoắn ốc bên cạnh bồn nước rồi để cho hã thò đầu qua mép bồn đây rêu ngó vào trong, nhìn mặt nước phản chiếu một khoảng trời tròn vành vạnh. Phía bên trong bồn nước cũng có một cái thang. Mỗi khi có cơ hội, Berndt lại trèo xuống bơi trong bồn, cùng với một cô gái làng. Berndt đã chết, ở mãi trong kia, tít sâu trong rừng. Cô gái ấy có lẽ cũng đã chết.

Hannibal tắm qua loa trong bồn nước rồi giặt quần áo bẩn. Hã tưởng tượng ra cảnh phu nhân Murasaki đang ngâm mình trong làn nước, tưởng tượng ra cảnh hã bơi cùng cô trong bồn nước này.

Hã cuốc bộ quay trở lại lối cũ, bám theo đường ray, có một lần phải lẩn vào tránh trong rừng khi nghe thấy tiếng xe goòng lọc cọc đang tiến từ xa lại trên đường ray. Hai người Hungary lực lưỡng đang nắm cần điều khiển để bơm cho xe chạy, áo sơ mi quấn quanh eo.

Cách lâu đài chừng một dặm, một đường dây điện mới được Liên Xô lắp đặt giăng qua đường ray. Xe ủi đất đã dọn quang đường xuyên qua rừng. Khi đi bên dưới những đường dây điện cao thế, Hannibal có thể cảm nhận thấy sự tĩnh điện và các sợi lông trên tay hắn dựng đứng cả lên. Hắn bước tránh xa các đường dây điện và đường ray, tìm một khoảng cách vừa đủ để chiếc la bàn trên cái ống nhòm của cha hắn ổn định lại. Vậy là có hai con đường dẫn tới căn nhà nghỉ đi sẵn, nếu nó vẫn còn tọa lạc ở đó. Đường dây điện này chạy hút tầm mắt. Nếu vẫn tiếp tục chạy theo hướng đó, đường dây điện này sẽ băng qua chỗ căn nhà nghỉ, chỉ cách căn nhà chừng vài cây số.

Hannibal lấy từ trong ba lô ra một hộp khẩu phần ăn của lính Mỹ, ném mấy miếng thuốc lá đã ám vàng đi rồi vừa ăn thịt hộp vừa trầm ngâm suy nghĩ. *Cầu thang đổ sụp đè lên Đầu Bếp, những thanh gỗ rơi xuống.*

Căn nhà nghỉ có lẽ chẳng còn tồn tại ở đó nữa. Nếu căn nhà nghỉ vẫn còn đó và trong nhà còn sót lại bất kỳ thứ gì thì hắn là vì bọn hôi của không đủ khả năng vận chuyển những món đồ nặng nề chẳng có giá trị. Muốn làm những việc mà bọn hôi của không thể làm được thì hắn cần sức lực. Vậy thì, tới lâu đài thôi.

Ngay trước khi màn đêm buông xuống, Hannibal đã đi xuyên qua rừng, tiến tới sát lâu đài Lecter. Khi nhìn vào tổ ấm ngày xưa, Hannibal vẫn thấy lòng phẳng lặng lạ thường; việc được nhìn lại mái nhà thời thơ ấu không giúp ta hàn gắn vết thương lòng, nhưng nó cho ta cơ hội đo lường được liệu ta có bị tổn thương hay không và nếu ta muốn biết ngọn nguồn thì nó sẽ giúp ta áng chừng được tổn thương đó là như thế nào và tại sao mà có.

Hannibal nhìn tòa lâu đài sừng sững in bóng đen thẫm trên nền trời phương Tây đang tắt dần ánh sáng ban ngày, bằng phẳng như một tòa lâu đài bằng giấy bồi từng là nơi trú ngụ cho những con búp bê giấy của Mischa. Trong tâm trí Hannibal, tòa lâu đài bằng giấy bồi của con bé còn sừng sững to lớn hơn cả tòa nhà bằng đá này. Những con búp bê giấy vận vẹo uốn người trong ngọn lửa. *Lửa trên váy áo của mẹ hắn.*

Từ đám cây cối đằng sau chuồng ngựa, hắn có thể nghe thấy tiếng bát đĩa loảng xoảng và tiếng đám trẻ mồ côi đang cất cao tiếng hát bài “Quốc tế ca”.

Một con cáo sủa váng lên giữa cánh rừng sau lưng hắn.

Một người đàn ông ủng lấm bùn cầm theo xô và thùng từ trong chuồng ngựa đi ra, băng ngang khoảnh vườn trước bếp. Ông ta ngồi xuống tảng đá hành hình để tháo ủng ra rồi bước vào trong bếp.

Cook đang ngồi trên tảng đá hành hình, Berndt nói. Bị bắn vì là dân Do Thái và anh ta đã nhổ nước bọt vào gã Hiwi vừa bắn anh ta. Berndt không bao giờ nhắc đến tên của gã Hiwi kia. “Tốt hơn hết là không nên biết làm gì, cứ đợi đến khi tôi xử lý được gã khi chiến tranh kết thúc,” gã nói, hai bàn tay siết chặt vào nhau.

Đến lúc này, trời đã tối đen như mực. Chỉ có vài khu vực tối thiểu ở lâu đài Lecter được cấp điện. Khi ánh đèn trong văn phòng hiệu trưởng bật sáng, Hannibal bèn đưa ống nhòm lên mắt. Xuyên qua khung cửa sổ, hắn có thể nhìn thấy trần nhà đậm chất Ý của mẹ hắn đã được quét vôi trắng theo đúng phong cách Stalin để che phủ lên những hình bích họa có nguồn gốc từ những câu chuyện huyền thoại-tôn giáo của giai cấp tư sản. Một lát sau, hiệu trưởng cũng xuất hiện bên cửa sổ, tay cầm ly rượu. Ông ta có vẻ nặng nề hơn, lưng còng hơn. Giám thị trưởng bước tới đứng sau ông ta, đặt một bàn tay lên vai ông ta. Hiệu trưởng xoay người rời xa cửa sổ và ngay sau đó, đèn tắt ngóm.

Những mảnh mây lờm chờm bay ngang qua vầng trăng, bóng mây trườn lên tường thành và lướt trên mái lâu đài. Hannibal đợi thêm chừng nửa tiếng đồng hồ nữa. Sau đó, nương theo một bóng mây, hắn băng qua sân đi tới chuồng ngựa. Hắn có thể nghe thấy tiếng con ngựa khõng lồ đang khụt khịt trong bóng tối.

Cesar bị đánh thức khỏi giấc ngủ, khục khặc hắng giọng và dỏng tai lên lắng nghe khi Hannibal tiến vào trong ngăn chuồng của nó. Hannibal thổi gió vào mũi con ngựa và vuốt ve cổ con vật.

“Dậy đi nào, Cesar,” hắn nói vào tai con ngựa. Tai con ngựa giật giật, quét ngang mặt Hannibal. Hannibal phải đặt ngón tay xuống dưới mũi để khỏi hắt hơi. Hắn khum tay che cây đèn pin rồi nhìn con ngựa một lượt từ đầu đến chân. Cesar đã được chải lông sạch sẽ và bốn móng guốc có vẻ đều ổn cả.

Con ngựa chào đời hồi Hannibal năm tuổi, nên giờ nó phải mười ba rồi. “Mày chỉ cần chờ khoảng trăm cân thôi,” Hannibal nói. Cesar cứ thích ý hích hích mũi về phía Hannibal, khiến Hannibal phải ép sát vào thành chuồng. Hấn thắt dây cương, đeo vòng cổ lót đệm và dây yên cương cho Cesar rồi siết chặt các dây. Hấn treo giỏ thức ăn cho ngựa đựng hạt ngũ cốc lên yên và Cesar quay đầu, cố gắng với được tới cái giỏ thức ăn một lần.

Hannibal bước tới chỗ cái kho từng được dùng làm nơi nhốt hấn hồi hấn còn bé, rồi lấy một cuộn dây thừng, các dụng cụ và một cây đèn. Tòa lâu đài không có bất kỳ ánh đèn nào. Hannibal dẫn con ngựa ra ngoài, đi hết cái sân lát sỏi, băng ngang mặt đất mềm, tiến về phía khu rừng cùng mảnh trăng lưỡi liềm.

Không có tiếng còi báo động nào vang lên từ lâu đài. Vẫn không ngừng theo dõi từ lỗ châu mai trên đỉnh tháp canh phía Tây, trung sĩ Svenka nhắc bộ điện đàm mà anh ta đã phải ì ạch vác suốt hai trăm bậc cầu thang lên.

Ở BÌA RỪNG, một cây to đã đổ xuống chặn ngang con đường mòn và một tấm biển được dựng lên ngay đó, viết bằng tiếng Nga, NGUY HIỂM, CHẤT NỔ CHƯA NỔ.

Hannibal phải dẫn con ngựa đi vòng qua cái cây đổ, tiến vào trong khu rừng thời niên thiếu. Ánh trăng nhợt nhạt đâm xuyên qua tán rừng, đổ những mảng bóng xám trên con đường mòn cây cối rậm rạp. Cesar cẩn trọng dò dẫm đi trong bóng tối. Đợi đến khi cả người cả ngựa đã tiến khá sâu vào trong rừng, Hannibal mới bật cây đèn xách tay lên. Hắn bước đi đằng trước, bốn móng guốc to ngang cái đĩa của con ngựa đặt lên nhấc xuống bên rìa ánh đèn. Bên cạnh con đường rừng, một khớp xương đùi con người thò ra khỏi mặt đất, không khác gì một cây nấm.

Hannibal thỉnh thoảng lại nói chuyện với con ngựa. “Không biết đã bao nhiêu lần mày kéo xe chở chúng tao đi trên con đường này nhỉ, Cesar? Mischa, tao, chị vú và thầy Jakov ấy?”

Sau ba tiếng đồng hồ băng qua con đường cỏ dại mọc cao đến ngực, một người một ngựa cuối cùng đã đến bên rìa khoảnh rừng thưa.

Ngôi nhà nghỉ vẫn đang nằm đó, yên ổn. Trong mắt Hannibal, ngôi nhà không hề bị thu nhỏ đi so với trong ký ức. Ngôi nhà nghỉ không biến thành phẳng dẹt giống như tòa lâu đài; nó vẫn đứng sừng sững giữa trời, y như trong những giấc mơ của Hannibal. Hannibal dừng lại bên bìa rừng, nhìn chăm chăm ngôi nhà. Ở đây, những con búp bê giấy vẫn vụn vẹo trong ngọn lửa. Ngôi nhà nghỉ đã cháy mất một nửa, một phần mái nhà đã đổ xuống; tuy nhiên, mấy bức tường đá đã đỡ lại, không để cho nó sụp xuống hoàn toàn. Khoảnh rừng thưa um tùm cỏ dại cao ngang ngực, cây bụi thì vươn cao quá đầu người.

Cái xe tăng cháy sém trước ngôi nhà nghỉ đã bị lấp dưới đám dây leo, một dây leo nở hoa rủ xuống từ nòng pháo, đuôi chiếc máy bay ném bom bố

nhà Stuka vỡ nát chĩa lên trời, nhô ra khỏi đám cỏ cao như một cánh buồm. Cỏ dại đã phủ kín mặt đất, chẳng chừa lại con đường nào. Mấy cái cọc trong vườn làm giàn cho đậu leo chĩa lên phía trên những nhánh cỏ cao.

Ở kia, trong vườn rau, chị vú đã đặt cái chậu tắm của Mischa, rồi khi mặt trời đã sưởi ấm nước, Mischa ngồi vào trong chậu, vẫy vẫy hai bàn tay về phía những con bướm cải trắng đang bay rập rờn xung quanh nó. Có lần, hã đã cắt một cành cà tím đưa cho đứa em gái trong chậu tắm vì con bé thích màu đỏ, tím biếc dưới ánh mặt trời, và con bé đã ôm lấy trái cà ấm áp.

Vật cỏ trước cửa ra vào không có dấu hiệu bị giẫm đạp lên. Lá rụng thành đống trên mấy bậc thềm và trước cánh cửa. Hannibal cứ đứng thế nhìn ngôi nhà, trong lúc vầng trăng nhích dần từng chút một, di chuyển một đoạn dài chừng gần một đốt ngón tay.

Đến lúc rồi, đã đến lúc rồi. Hannibal bước ra khỏi bóng cây, dẫn con ngựa không lồ tiến vào trong vùng ánh trăng. Hã bước tới chỗ cái bơm nước, lấy một cốc nước từ trong cái túi da đựng nước để làm mồi rồi bơm cho tới khi cái pittông kéo kẹt bơm dòng nước lạnh từ dưới lòng đất lên. Hã ngửi ngửi và ném trước rồi đưa cho Cesar một ít, cho con ngựa uống chừng năm lít nước và ăn hai nắm ngũ cốc đầy từ cái túi đeo mồm. Tiếng bơm cọt kẹt vọng vào trong rừng. Một con cú kêu vang và Cesar dỏng tai lắng nghe âm thanh.

* * *

Khuất trong hàng cây cách mép rừng chừng trăm mét, Dortlich nghe thấy tiếng bơm nước rít lên và lợi dụng tiếng ồn này để tiến về phía trước. Y có thể lặng lẽ len người qua những cây dương xỉ cao, nhưng như thế sẽ không thể giấu được tiếng quả rừng lạo xào dưới bước chân y. Dortlich cứng đờ người như hóa đá khi sự im lặng bao trùm khoảnh rừng trống, rồi sau đó y nghe thấy tiếng chim vang lên đâu đó giữa y và ngôi nhà, và rồi con chim bay đi, che khuất từng mảng trời trên đường nó bay, đôi cánh dang rộng đến mức khó tin, sải cánh băng qua tầng tầng lớp lớp cành lá, không phát ra bất kỳ âm thanh nào.

Dortlich rùng mình ớn lạnh, bèn kéo cao cổ áo lên. Y ngồi xuống giữa đám dương xỉ, kiên nhẫn chờ đợi.

* * *

Hannibal nhìn căn nhà nghỉ và căn nhà nhìn lại hắn. Kính trong nhà đều đã vỡ hết. Những ô cửa sổ đen ngòm trờng trờng nhìn hắn, không khác gì hai hốc mắt trên cái đầu lâu con vượn. Những góc cạnh và đường dốc đã biến đổi do căn nhà bị sụp xuống, độ cao bề ngoài của căn nhà cũng không còn chính xác bởi cây cối đã mọc um tùm xung quanh, ngôi nhà nghỉ thời thơ ấu đã biến thành những kho chứa ký ức tối tăm trong các giấc mơ của hắn. Giờ hắn đang băng qua khu vườn rậm rạp, tiến lại gần nó.

Mẹ hắn năm kia, chiếc váy chìm trong ngọn lửa, còn sau đó trên nền tuyết, hắn đã ngả đầu lên ngực bà và hai bầu ngực của mẹ hắn đóng băng cứng đờ. Còn kia là Berndt, kia nữa là bộ não đông cứng của thầy Jakoo trên tuyết trắng giữa những trang giấy vãi tung tóe. Cha hắn úp sấp mặt gần bậc thềm, chết bởi những quyết định của chính ông.

Giờ, chẳng còn lại gì trên mặt đất hết.

Cửa ra vào của căn nhà đã nát tươm và giờ chỉ còn treo lủng lẳng trên một bản lề. Hannibal leo lên thềm, đẩy cánh cửa vỡ vào trong bóng tối. Bên trong, một sinh vật nhỏ nào đó loạt xoạt tìm đường chạy trốn. Hannibal giơ cây đèn xách tay ra bên cạnh và bước sâu vào trong nhà.

Căn phòng cháy nham nhở, lộ thiên quá nửa. Dây cầu thang đã đổ sụp xuống, những mảnh gỗ mái nhà dè lên trên cùng đóng đố nát. Bàn nát bét. Trong góc nhà, chiếc đàn piano nhỏ nằm lật nghiêng, những phím ngà nhe răng cười dưới ánh đèn của Hannibal. Trên bức tường, vẫn còn sót lại vài từ tiếng Nga vẽ theo phong cách graffiti. KẾ HOẠCH NĂM NĂM CHÓ CHẾT VÀ TƯỚNG GRENKO LÀ ĐỒ KHỔN KIẾP. Hai con vật nhỏ nhảy vọt ra ngoài qua đường cửa sổ.

Căn phòng giăng một tấm màn im lặng nặng nề đè xuống Hannibal. Không cam chịu sức ép, Hannibal khua thanh xà beng loảng xoảng, gạt hết những thứ đang chắn trên nóc cái bếp lò to tướng để đặt cây đèn xách tay xuống. Nắp lò mở toang, các vỉ lò đều đã biến đi đâu mất, có lẽ đã bị bọn trộm lấp đi cùng đồng nồi niêu để nấu nướng trên ngọn lửa trại.

Nướng vào ánh sáng từ cây đèn xách tay, Hannibal cố gắng dọn quang phần nào đồng đồ nát quanh cầu thang để lấy đường đi. Phần còn lại bị những mảnh gỗ mái nhà to tướng ghim xuống nền, một đồng những que củi cỡ đại đã cháy thành than.

Trong lúc Hannibal vẫn miệt mài làm việc, ánh bình minh đã tràn vào nhà qua những ô cửa sổ trống hoác và hai con mắt của cái đầu thú chiến lợi phẩm treo trên tường bắt lấy những tia sáng mặt trời rạng đông đỏ ối.

Hannibal nghiên cứu chõng gỗ vụn vài phút, cầm đầu dây thừng thắt một nút thòng lọng kép quanh tấm gỗ gần chính giữa đồng đồ nát rồi mang theo sợi dây quay ngược ra ngoài, qua cửa ra vào, vừa đi vừa thả dần sợi thừng xuống trên đường.

Hannibal đánh thức Cesar dậy, để con ngựa vừa gà gât vừa trệu trạo nhai cỏ. Hắn dẫn con ngựa đi lòng vòng vài phút cho con ngựa tỉnh táo, giãn gân giãn cốt. Những hạt sương đêm nặng trĩu thấm ướt ống quần hắn, sáng lấp lánh trên ngọn cỏ và đọng trên lớp vỏ kim loại của chiếc máy bay ném bom bổ nhào như một lớp mồ hôi lạnh toát. Dưới ánh sáng ban ngày, Hannibal có thể nhìn thấy một dây leo đã bén rễ từ lâu trong cái nhà kính vốn là nắp chiếc Stuka và giờ lá cây đã mọc to, các tua mới đâm ra tua tủa. Tay phi công vẫn bị kẹt cứng bên trong máy bay, phía trước gã pháo thủ, dây leo mọc chờm xung quanh và đâm xuyên qua người gã, uốn éo lượn giữa những chiếc xương sườn và xuyên qua đầu lâu gã.

Hannibal thắt đầu dây thừng còn lại vào đai kéo yên cương và dẫn Cesar tiến về phía trước cho đến khi vai và ngực của con ngựa khổng lồ cảm nhận được gánh nặng kia. Hannibal ghé sát miệng vào tai Cesar, tặc tặc lưỡi, một âm thanh hắn vẫn dùng thuở ấu thơ. Cesar rướn thân, cơ bắp căng ra và nó tiến về phía trước. Tiếng rơi thạch và tiếng đổ loảng xoảng vọng ra từ bên trong căn nhà. Bồ hóng và tro cuộn lên bay phụt ra ngoài qua cửa sổ, trôi vào trong khu vườn như thể bóng tối đang tháo chạy. Hannibal vỗ vỗ lưng khích lệ con ngựa. Sốt ruột chẳng chờ nổi đến khi bụi lắng hết, hắn buộc khăn tay che mặt rồi bước vào bên trong nhà, leo qua đồng đồ nát, vừa húng hắng ho vừa giật tay tháo tung sợi dây thừng ra, sau đó lại thắt thành nút thòng lọng. Kéo thêm hai lần nữa, mảnh vỡ to nặng nhất đã bị lôi ra khỏi

đồng đồ nát chất cao chỗ cầu thang đổ sập. Hãn thả con ngựa Cesar vẫn đang bị buộc dây thừng vào đai kéo yên cương rồi bắt đầu cầm xà beng và xẻng đào sâu vào trong đồng đồ nát, ném hết ra những mảnh nội thất gãy vỡ, những gói tựa chấy sém và cả một thùng giữ nhiệt. Hãn moi từ giữa đồng đồ đá ra một cái đầu lợn rừng chấy nham nhờ đặt nằm trên một tấm để dẹt.

Giọng nói của mẹ hãn: Ngọc quý đang trước con lợn.

Cái đầu lợn kêu lạch cạch khi bị hãn cầm lên lắc lắc.

Hannibal tóm lấy lưỡi con lợn giật mạnh. Cái lưỡi rơi ra ngoài, kéo theo cả cái nút chặn đã được dính liền vào đó. Hãn úp sấp cái đầu lợn xuống và đồng nữ trang của mẹ hãn tràn ra rơi lên trên mặt lò sưởi. Chẳng buồn dừng lại để xem xét đồng nữ trang, Hannibal lập tức quay trở lại với công việc đào bới.

Đến khi nhìn thấy cái chậu tắm của Mischa, thấy phần chậu đồng gắn tay cầm uốn lượn hoa mỹ, hãn dừng tay lại, đứng thẳng người lên. Căn phòng quay cuồng mất một lúc và Hannibal phải bám chặt vào mép bếp lò đã tắt từ lâu tìm chỗ dựa, tì trán vào lớp kim loại lạnh ngắt. Hãn bước ra ngoài trời và một lúc sau quay trở lại, mang theo mấy mét dây leo đang nở hoa. Không nhìn vào bên trong cái chậu, hãn cuộn sợi dây leo nở rộ hoa bỏ vào trong chậu rồi đặt nó lên trên bếp lò, nhưng rồi không thể chịu nổi khi nhìn nó nằm đó, hãn bèn mang nó ra ngoài trời, đặt lên trên nóc xe tăng.

Tiếng đào bới, nạy bầy ồn ã giúp Dortlich dễ dàng tiến lại gần căn nhà hơn. Từ trong khu rừng tối, y quan sát động tĩnh trong căn nhà, một mắt nhìn không và một mắt nhìn qua ống nhòm, chỉ trộm nhìn mỗi khi nghe thấy tiếng xẻng đào, tiếng xà beng bầy.

Cái xẻng của Hannibal đục đánh cục vào một khối cứng và moi ra được một bàn tay chỉ còn trơ xương, sau đó đến cái đầu lâu của gã đầu bếp. Nụ cười trên cái đầu lâu đã để lộ ra một tin tốt - những chiếc răng vàng cho thấy rõ bọn hôi của vẫn chưa đào đến tận đây - rồi ngay sau đó hãn nhìn thấy, vẫn đang bị kẹp chặt bởi những khúc xương cánh tay bọc trong một ống tay áo, cái cặp da của gã đầu bếp. Hannibal lôi nó ra từ bên dưới cánh tay trơ xương, mang lại chỗ bếp lò. Khi Hannibal dốc cái cặp ra, những món đồ bên

trong lạch cạch rơi xuống, đập vào lớp kim loại: quân hàm đủ loại, huy hiệu cảnh sát Litva; nắm đấm sắt khắc hình tia chớp đôi biểu tượng của quân SS Đức Quốc xã; huy hiệu cài mũ hình đầu lâu xương chéo của quân Waffen-SS Đức Quốc xã; phù hiệu hình đại bàng của cảnh sát Litva; huy hiệu cài trên ve áo của Cứu Thế Quân; và cuối cùng, sáu cái thẻ bài quân đội bằng thép không gỉ.

Thẻ bài trên cùng là của Dortlich.

* * *

Có hai món đồ mà chỉ cần nhìn thấy ai cầm trong tay là Cesar sẽ không cách nào phớt lờ được: đầu tiên là táo và giỏ đựng thức ăn treo mõm ngựa, hai là roi và gậy. Hồi còn bé, Cesar từng có lần bị một đầu bếp giận dữ đuổi ra khỏi vườn rau nên từ đó về sau, đừng hòng có ai tiếp cận được nó nếu đang cầm gậy trong tay. Nếu không phải lúc ra khỏi rừng, Dortlich đang cầm một cây dùi cui đầu bọc chì thì chắc hẳn Cesar đã chẳng buồn để ý đến y. Trên thực tế, con ngựa khịt khịt mũi, gõ móng lộp cộp tránh ra xa thêm vài bước, kéo sợi dây thừng trượt xuống những bậc hiên căn nhà nghỉ, rồi xoay mình đối diện với gã đàn ông.

Dortlich vội quay trở vào nấp sau hàng cây, biến mất giữa khu rừng. Y rời ra xa, cách căn nhà thêm tầm trăm mét nữa, lọt thỏm giữa những bụi dương xỉ cao ngang ngực ướt đẫm sương đêm, khuất khỏi tầm nhìn từ những ô cửa sổ trống hoác. Y rút khẩu súng lục ra và lên đạn sẵn sàng. Một nhà xí phong cách thời Victoria với những viên trang trí hình cuộn bên dưới mái gie nằm phía sau, cách nhà chính tầm bốn mươi mét, đám húng tây được trồng trên con đường hẹp đã mọc cao um tùm, cây leo trên hai phía hàng rào ngăn giữa nhà xí và nhà chính giờ đã mọc nối lại với nhau, cắt ngang con đường. Có co người lại hết cỡ cố chui qua hàng rào thì Dortlich cũng phải chật vật mãi, càn lá chọc vào cổ áo y, quét ngang cổ y, nhưng hàng rào tương đối mềm dẻo, không gây ra tiếng đổ gãy gì. Dortlich giơ cây gậy ra chắn trước mặt và lạng lẽ len người qua hàng rào. Tay này lăm lăm cây gậy, tay kia nắm chắc khẩu súng lục, y tiến về phía trước hai bước, y đang nhắm nhắm tiếp cận một cửa sổ bên hông căn nhà nghỉ thì đột nhiên một cạnh xẻng đã bay tới quật ngang xương sống y và hai chân y tê dại. Chân khụy xuống, y bắn một

phát đạn vào bãi đất trống và ngay lúc đó, lòng xéng đã đập vào phần phía sau đầu y và y chỉ kịp ý thức được những nhánh cỏ đang quệt vào mặt rồi bóng tối sập xuống.

* * *

Tiếng chim ríu ran, những chú chim sẻ rừng xúm xít hót vang giữa rừng cây và ánh mặt trời buổi sáng nhuộm vàng bãi cỏ, những nhánh cỏ cao đã đổ rạp xuống vì lúc trước đã bị Hannibal và Cesar giẫm chân lên.

Phải tầm năm phút liền, Hannibal cứ thế nghiêng người dựa vào cỗ xe tăng cháy đen, nhắm mắt lại. Rồi hắn quay về phía cái chậu tắm, lấy ngón tay gạt sợi dây leo bên trên ra, vừa đủ để cho hắn nhìn thấy những phần thi thể còn sót lại của Mischa. Một cảm giác nhẹ nhõm có phần kỳ cục dâng lên trong lòng Hannibal khi hắn nhìn thấy con bé vẫn còn đầy đủ hàm răng sữa - một ảo cảnh đáng sợ đã bị xua tan. Hắn nhổ một lá nguyệt quế mọc bám vào chậu, vứt ra xa.

Hắn chọn trong đồng nữ trang trên mặt lò sưởi một cái ghim hoa hắn từng nhìn thấy mẹ hắn cài trên ngực áo, một chuỗi hạt kim cương được gắn thành dải Möbius. Hắn tháo một sợi ruy băng vốn được luồn vào một mặt dây chuyền bằng đá chạm rồi buộc chặt cái ghim hoa lên đúng chỗ xưa kia Mischa vẫn lấy sợi ruy băng để buộc tóc.

Đi quá căn nhà nghỉ một đoạn, Hannibal đào một cái huyệt giữa con dốc tươi đẹp không khí dễ chịu quay mặt về phía Đông rồi bỏ tất cả số hoa dại hắn có thể gom góp được xuống dưới đáy huyệt trải thành lớp lót. Hắn đặt cái chậu đồng vào trong huyệt, lấy mấy mảnh ngói lợp lên trên.

Hắn đến đứng ở đầu huyệt. Nghe giọng Hannibal, Cesar đang gặm cỏ bèn ngẩng đầu lên.

“Mischa, thật nhẹ nhõm biết bao khi biết rằng trên đời này làm gì có Chúa. Biết rằng em đã không bị biến thành nô lệ trong một Vườn Địa đàng, để mà phải mãi mãi quy lụy quỳ dưới chân Chúa. Những gì em đang có còn tốt đẹp hơn thiên đường nhiều. Em đã may mắn được ban cho sự lãng quên. Còn anh ngày nào cũng nhớ tới em.”

Hannibal lấp kín ngôi mộ rồi lấy hai bàn tay trần đập đập cho đất nén xuống. Hắn phủ lá thông cùng với đủ các loại lá và cành cây khác lên khắp ngôi mộ, cho đến khi nhìn bề ngoài, nó chẳng có gì khác biệt so với những phần mặt đất khác trong khu rừng.

Lúc này, Dortlich đang bị trói vào một gốc cây giữa một khoảng rừng thưa nhỏ cách ngôi mộ một đoạn, miệng nhét giẻ. Hannibal và Cesar bước đến chỗ y.

Tìm một chỗ ngồi thoải mái trên mặt đất, Hannibal khám xét đồ đạc trong ba lô của Dortlich. Một cái bản đồ, một chùm chìa khóa ô tô, một cái mở hộp quân dụng, một cái bánh sandwich đựng trong túi vải dầu, một quả táo, một đôi tất sạch và một cái ví. Hắn moi từ trong ví ra một cái thẻ căn cước, so sánh nó với các thẻ bài quân đội lấy được từ căn nhà.

“Herr*... Dortlich. Nhân danh bản thân tôi cùng gia đình đã mất của tôi, rất cảm ơn ông vì đã đến đây hôm nay. Đối với gia đình tôi nói chung và cá nhân tôi nói riêng, sự có mặt của ông ở nơi đây mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Tôi rất mừng vì đã có được cơ hội này để nói chuyện một cách nghiêm túc với ông về việc ăn thịt em gái tôi.”

Hắn lôi miếng giẻ ra khỏi miệng Dortlich và y lập tức biện bạch.

“Tôi là cảnh sát thành phố, chúng tôi đã nhận được thông báo con ngựa bị bắt trộm,” Dortlich nói. “Mục đích duy nhất của tôi ở đây là vậy thôi, chỉ để bảo anh trả con ngựa lại và chúng tôi sẽ coi như chưa từng xảy ra chuyện gì.”

Hannibal lắc đầu. “Tôi vẫn nhớ mặt ông. Tôi đã nhìn thấy nó nhiều lần. Nhớ cả bàn tay ông đặt lên người chúng tôi, ngón tay dính những sợi lông tơ, sờ sờ xem đứa nào béo tốt nhất. Ông có còn nhớ cái chậu tắm sôi lục bục trên bếp lò không?”

“Không. Tôi chỉ nhớ cảm giác lạnh cóng hồi chiến tranh.”

“Hôm nay ông có định ăn thịt tôi không, Herr Dortlich? Ông đã có sẵn bữa trưa ở đây rồi này.” Hannibal kiểm tra phần ruột bánh sandwich. “Nhiều sốt mayonnaise quá, Herr Dortlich!”

“Họ sẽ đến tìm tôi ngay thôi,” Dortlich nói.

“Ông đã sờ cánh tay chúng tôi.” Hannibal sờ cánh tay Dortlich. “Ông đã sờ má chúng tôi, Herr Dortlich,” hần nói, néo má Dortlich. “Tôi gọi ông là Herr’ nhưng ông có phải người Đức đâu, phải không, cũng chẳng phải người Litva, người Nga hay người của bất kỳ đất nước nào, phải không? Ông là công dân của chính bản thân ông - một công dân của Dortlich. Ông có biết những tên khác đang ở đâu không? Các ông có giữ liên lạc với nhau không?”

“Tất cả đều chết rồi, chết hết hồi chiến tranh rồi.”

Hannibal mỉm cười nhìn y và cởi cái khăn tay đã được hần túm lại thành một bọc. Bọc khăn tay đựng đầy nấm. “Ở Pháp, nấm bụng dê được bán với giá một trăm franc một xentigam và chỗ nấm này vốn mọc trên một gốc cây đấy!” Hần đứng dậy, bước tới chỗ con ngựa.

Tranh thủ lúc Hannibal đang bận chuyển sự chú ý sang chỗ khác, Dortlich vặn vẹo cổ gỡ đám dây trói ra.

Có một cuộn dây thừng trên tấm lưng rộng của Cesar. Hannibal buộc một đầu dây vào dây yên cương. Đầu kia thắt thành một cái thòng lọng treo cổ. Hannibal tãi sợi thừng ra rồi xách cái thòng lọng quay trở lại chỗ Dortlich. Hần banh cái bánh sandwich của Dortlich ra, lấy sốt mayonnaise bôi trơn sợi thừng đồng thời trét đầy mayonnaise lên cổ Dortlich.

Co rúm người lại tránh xa bàn tay Hannibal, Dortlich kêu lên, “Vẫn còn một người sống sót! Ở Canada - Grentz - cứ tìm ở đó sẽ thấy thông tin nhận dạng của gã ta đấy. Hần anh sẽ cần đến tôi làm chứng chứ.”

“Làm chứng cho cái gì, Herr Dortlich?”

“Cho những điều anh nói. Tôi không chứng kiến chuyện đó, nhưng tôi sẽ nói là tôi có chứng kiến.”

Hannibal tròng sợi thòng lọng vào cổ Dortlich rồi nhìn thẳng vào mặt y. “Tôi có vẻ gì là đang khó chịu với ông không?” Hần quay lại chỗ con ngựa.

“Gã ta là người duy nhất, Grentz - gã đã lên một chiếc thuyền tị nạn vượt biên từ Bremerhaven - tôi có thể làm chứng trước tòa...”

“Tốt, vậy ông có sẵn lòng hát không?”

“Có, tôi sẽ hát.”

“VẬY ta hãy hát vì Mischa nhé, Herr Dortlich. Ông biết bài hát này đấy. Mischa rất thích nó.” Hãn dắt con ngựa xoay mông về phía Dortlich. “Tao không muốn mày chứng kiến cảnh này,” hãn nói thềm vào tai con ngựa rồi bắt đầu cất tiếng hát.

“*Gã nhỏ bé đứng trong rừng, tĩnh lặng...*” Hãn đưa tay ghé vào sát tai Cesar rồi búng tay, sau đó dẫn con ngựa tiến về phía trước. “Hát cho thư thái nào, Herr Dortlich. *Tuyền đồ thềm một sắc áo choàng.*”

Cổ bị tròng trong sợi dây thòng lọng trơn nhờn, Dortlich quay đầu hết sang bên này lại tới bên kia, dõi nhìn sợi dây thừng tãi dần ra trên bãi cỏ.

“Ông không hát kìa, Herr Dortlich.”

Dortlich há miệng hát, giọng gào lên không theo một giai điệu nào, “*Gã nhỏ bé ấy có thể là ai.*”

Rồi hai người cùng đồng thanh, “*Một mình đứng trong rừng thềm thế kia...*” Sợi dây thừng nhắc hãn khỏi mặt cỏ, bị kéo hơi căng ra, và Dortlich kêu lên, “Porvik! Hãn tên là Porvik! Chúng tôi gọi hãn là Pot Watcher. Bị giết trong căn nhà nghỉ rồi. Anh đã thấy hãn rồi đấy.”

Hannibal dừng ngựa lại và quay trở về chỗ Dortlich, cúi người xuống nhìn vào mặt y.

Dortlich cầu khẩn, “Trói nó lại đi, trói con ngựa lại đi, nhờ nó bị ong đốt thì sao.”

“Phải rồi, ong ở bãi cỏ nhiều lắm.” Hannibal nghiên cứu mấy thẻ bài quân đội. “Milko?”

“Tôi không biết, tôi không biết. Tôi thềm đấy.”

“VẬY chúng ta bàn đến Grutas nào.”

“Tôi không biết, tôi không biết. Tha cho tôi đi rồi tôi sẽ làm chứng chống lại Grentz. Chúng ta sẽ tìm thấy hãn ở Canada.”

“Thêm vài đoạn nữa nào, Herr Dortlich.”

Hannibal thả con ngựa tiến về phía trước, sương đêm lấp lánh trên sợi dây thừng đã sắp kéo căng thành một đoạn thẳng băng.

“*Một mình đứng trong rừng thềm...*”

Dortlich nghèn nghệt hét lên, “Là Kolnas! Kolnas đang giao dịch với hãn.”

Hannibal vỗ vỗ con ngựa rồi quay trở lại, cúi xuống nhìn Dortlich. “Kolnas ở đâu?”

“Fontainebleau, gần Quảng trường Fontainebleau ở Pháp. Gã có một quán cà phê. Tôi để lại tin nhắn. Đó là cách duy nhất để tôi liên lạc với hãn.” Dortlich nhìn thẳng vào mắt Hannibal. “Tôi thề có Chúa, lúc đó con bé đã chết rồi. Dù sao đi nữa con bé cũng đã chết rồi, tôi xin thề.”

Mắt vẫn dán chặt vào mặt Dortlich, Hannibal búng tay ra hiệu cho con ngựa. Sợi thừng căng ra, hạt sương lăn xuống đất khi đám sợi tơ của dây thừng dựng đứng lên. Tiếng kêu tắc nghẹn của Dortlich tắt lịm, trong khi Hannibal cao giọng hướng thẳng vào mặt y mà hát.

*“Mà lại khoác áo choàng tuyên thảm đỏ
Một mình đứng trong rừng thảm thế kia.”*

* * *

Tiếng răng rắc lép bép vang lên và một tia máu nóng hồi bắn ra. Đầu Dortlich theo cái thòng lọng bay ra xa tầm sáu mét rồi rơi xuống mặt cỏ, mắt nhìn lên trời cao.

Hannibal huýt sáo lệnh cho con ngựa dừng lại, hai tai con ngựa đỏng về phía sau.

“Quả nhiên là gã khoác áo tuyên thảm đỏ rồi.”

Hannibal vứt hết đồ đạc trong ba lô của Dortlich xuống đất, chỉ giữ lại chùm chìa khóa xe và thẻ căn cước. Hãn chọn trong đồng củi tươi ra một cái que, làm thành một xiên nướng thô sơ và vỗ vỗ hai bên túi quần tìm diêm.

Trong lúc đợi cho lửa tàn để củi cháy thành những mẩu than hữu ích, Hannibal lấy quả táo của Dortlich cho Cesar. Hãn tháo hết đồng yên cương ra khỏi con ngựa để Cesar không bị vướng vấp trong bụi rậm, sau đó dẫn con ngựa đi xuôi con đường tiến về phía tòa lâu đài. Hãn ôm cổ con ngựa, vỗ lên hông nó. “Về nhà đi. Về nhà đi, Cesar.”

Cesar biết rõ đường đi.

SƯƠNG MÙ DÀY ĐẶC bao trùm con đường tơ lụa đã bị phát quang cây cối dành chỗ cho đường dây điện và trung sĩ Svenka nhắc tài xế lái xe chậm lại, nhờ đầu đèn phải một gốc cây. Anh ta nhìn bản đồ, kiểm tra chữ số đánh trên một cột điện cao thế nâng đỡ đường dây điện nặng nề.

“Đây rồi.”

Vết bánh xe của Dortlich chạy về phía trước một đoạn xa nữa, nhưng chiếc xe thì đang nằm đây, nhỏ dần tong tong xuống mặt đất.

Cảnh sát cùng đàn chó nghiệp vụ nhảy từ thùng xe tải xuống - hai con chó đen to giống chồn Đức nhấp nhóm chỉ muốn xông vào trong rừng và một con chó săn gờm gờm đáng sợ. Trung sĩ Svenka giơ cái áo pyjama bằng vải flanen của Dortlich ra cho bọn chó ngửi và cả ba con bắt đầu cuộc tìm kiếm. Dưới bầu trời u ám, cây cối toát lên vẻ ảm đạm, đổ bóng mờ xuống mặt đất; sương mù giăng mắc khắp khoảng rừng thưa.

Hai con chó săn cừu sục sạo đánh hơi gần căn nhà nghỉ còn con chó săn tìm kiếm rộng hơn, bao quát khắp phần diện tích phía ngoài bao quanh căn nhà và nó vừa lao vào trong rừng thì đã quay trở lại ngay khi nghe tiếng một quân cảnh gọi với ra từ giữa hàng cây cao đằng sau. Thấy những người khác không nghe thấy ngay, tay cảnh sát bèn huýt sáo.

Cái đầu của Dortlich yên vị trên một gốc cây và lúc này đang bị một con quạ trưng dụng làm chỗ đậu. Thấy đám quân cảnh tiến lại gần, con quạ vỗ cánh bay đi, mang theo tất cả những gì có thể.

Trung sĩ Svenka hít một hơi thở sâu rồi để làm gương cho những người khác, anh ta bước tới chỗ cái đầu của Dortlich. Hai bên má của Dortlich đã biến mất, được cắt bỏ một cách gọn gàng, răng hai bên má phơi ra ai nhìn cũng thấy. Cái thẻ bài quân đội của y chèn vào giữa hai hàm răng, gang miệng y ra.

Họ tìm thấy đồng lửa và cái xiên nướng. Trung sĩ Svenka sờ lớp tro dưới đáy cái hố lửa nhỏ. Lạnh ngắt.

“Một que xiên, hai bên má và năm bụng dê,” anh ta nói.

THANH TRA POPIL đi bộ từ trụ sở cảnh sát ở đường Quai des Orfèvres tới quảng trường Vosges, mang theo một cặp giấy mỏng. Lúc dừng lại ở quán bar trên đường tranh thủ làm một cốc espresso, anh ta ngửi thấy mùi rượu táo bay ra từ quầy phục vụ và thầm ước giá như giờ đã đến giờ ăn tối.

Popil đi đi lại lại trên con đường rải sỏi, không ngừng ngước nhìn lên những ô cửa sổ nhà phu nhân Murasaki. Máy tấm rèm cửa sổ mỏng đều đang khép. Thình thoảng, tấm vải nhẹ lại khẽ đu đưa theo đà gió thổi.

Người gác cổng ca ngày, một phụ nữ Hy Lạp đứng tuổi, nhận ra anh ta.

“Phu nhân đang chờ tôi,” Popil nói. “Cậu thanh niên có ghé qua không?”

Người gác cổng cảm thấy những sợi ăng ten cảnh giác đậm chất nghề nghiệp rung lên trong lòng và bà ta bèn chọn một câu trả lời an toàn. “Tôi không nhìn thấy cậu ấy, thưa ngài, nhưng tôi cũng có mấy hôm không đi làm.” Bà ta bấm điều khiển mở cửa cho Popil vào.

* * *

Phu nhân Murasaki ngâm mình trong bồn tắm thơm nước, nằm tựa vào thành bồn. Bốn bông dành dành đang trôi bồng bềnh trên mặt nước, cùng với mấy quả cam. Chiếc kimono yêu thích của mẹ cô được thêu hình hoa dành dành. Giờ nó đã hóa thành tro rồi. Miên man nhớ về những ký ức xưa, phu nhân Murasaki vẽ tay lên mặt nước, làm gợn lên một làn sóng lăn tăn, xô những bông hoa dạt ra khỏi vị trí cũ. Mẹ đã thông cảm cho cô khi cô kết hôn với Robert Lecter. Những bức thư cha cô thi thoảng gửi tới từ nước Nhật vẫn mang theo một bầu không khí lạnh lùng. Trong bức thư cha cô gửi gần đây nhất, thay vì một bông hoa ép khô hay một nhánh thảo mộc thơm hương nào đó, ông lại đính kèm theo một cành cây đen sì nhật từ Hiroshima.

Chuông cửa vừa reo phải không nhỉ? Cô mỉm cười, thầm nghĩ, “Hannibal” và với tay lấy cái kimono. Nhưng lần nào đến hẳn cũng gọi điện hoặc gửi thư báo trước và sau khi rung chuông luôn tự lấy chìa khóa riêng

của hăn để mở cửa. Lần này, không có tiếng chìa khóa tra vào ổ, chỉ có tiếng chuông tiếp tục vang lên.

Cô ra khỏi bồn tắm, vội vã quấn mình trong chiếc áo choàng tắm vải bông. Cô ghé mắt nhìn qua mắt thần. *Popil*. *Popil* hiện ra trong mắt thần.

Phu nhân Murasaki thỉnh thoảng vẫn đi ăn trưa cùng *Popil* và cô khá thích các dịp gặp gỡ này. Họ ăn cùng nhau lần đầu tiên ở nhà hàng *Le Pré Catelan* trong công viên *Bois de Boulogne* và bầu không khí có phần ngượng ngùng thiếu tự nhiên, nhưng những lần còn lại, họ đều ăn ở quán *Chez Paul* gần cơ quan của *Popil* và cả hai đều thoải mái dễ chịu hơn. *Popil* cũng nhiều lần mời phu nhân Murasaki ăn tối, lần nào cũng gửi thư mời hăn hỏi và có lần còn viết thêm cả một bài thơ *haiku* thừa mứa những từ miêu tả mùa*. Phu nhân Murasaki từ chối mọi lời mời ăn tối, cũng phúc đáp bằng thư.

Cô mở chốt cửa. Cô đã bới tóc lên và đang đi chân không, để lộ đôi chân trần xinh đẹp.

“Chào thanh tra.”

“Xin cô thứ lỗi cho vì đến đây đường đột thế này, tôi đã gọi điện nhưng không có ai nghe máy.”

“Tôi có nghe thấy tiếng điện thoại bàn.”

“Hăn là lúc cô đang tắm.”

“Anh vào đi.”

Dõi theo ánh mắt anh ta, phu nhân Murasaki nhận thấy anh ta đã lập tức bị thu hút bởi những món vũ khí đặt phía trước bộ áo giáp: thanh đoản đao, đoản kiếm, trường kiếm, rìu chiến.

“*Hannibal* đâu?”

“Thằng bé không ở đây.”

Với nét quyến rũ trời sinh, phu nhân Murasaki luôn là một thợ săn điềm tĩnh. Cô đứng quay lưng lại phía lò sưởi, bàn tay giấu trong hai ống tay áo, chờ mục tiêu tự đến tìm mình. Bản năng thúc giục *Popil* di chuyển, khuấy động mục tiêu.

Anh ta đứng đằng sau trường kỷ, đưa tay sờ tấm vải. “Tôi cần gặp cậu ta. Cậu gặp cậu ta lần gần đây nhất là vào khi nào?”

“Bao nhiêu ngày rồi nhỉ? Năm ngày. Có chuyện gì à?”

Popil tiến lại đứng cạnh bộ giáp. Anh ta di tay chà lên cái vỏ ngoài sơn bóng loáng của một cái rương. “Cô có biết cậu ta đang ở đâu không?”

“Không.”

“Cậu ta có ám chỉ rằng cậu ấy định đi đâu không?”

Ám chỉ. Phu nhân Murasaki quan sát Popil. Giờ hai chóp tai anh ta đã đờ ửng lên. Anh ta đến chỗ này, sang chỗ kia, hỏi han, sờ Đông sờ Tây. Anh ta thích xúc giác luân phiên thay đổi trên các kết cấu bề mặt khác nhau, sờ một thứ êm mượt, rồi chuyển sang một món đồ thô ráp. Cô cũng đã thấy anh ta làm thế ở bàn ăn. Thô ráp rồi trơn mượt. Giống như chóp lưỡi và cuống lưỡi. Cô biết cô có thể kích thích anh ta bằng hình ảnh đó và khiến cho anh ta mù mị đầu óc.

Popil đi vòng quanh một chậu cây. Khi anh ta liếc nhìn cô xuyên qua tán lá, cô mỉm cười phá vỡ nhịp điệu của anh ta.

“Thằng bé đang đi du ngoạn rồi, tôi không chắc là ở đâu.”

“Phải rồi, du ngoạn,” Popil nói. “Có lẽ là một chuyến du ngoạn kiêm săn lùng những tội phạm chiến tranh.”

Anh ta nhìn thẳng vào mặt cô. “Mong cô thứ lỗi, nhưng tôi buộc phải chỉ cho cô xem cái này.” Popil đặt lên mặt bàn trà một tấm ảnh mờ, vẫn còn ẩm và cong queo do lấy từ chiếc máy Thermo-Fax ở đại sứ quán Nga. Bức ảnh chụp cảnh cái đầu của Dortlich đặt trên gốc cây và đám cảnh sát đang bu xung quanh, cùng với hai con chó chăn cừu Đức và một con chó săn. Một bức ảnh khác của Dortlich là ảnh trên tấm thẻ cảnh sát Liên Xô. “Người ta đã tìm thấy ông ta trong cánh rừng vốn thuộc quyền sở hữu của gia đình Hannibal hồi trước chiến tranh. Tôi biết Hannibal đang lảng vảng gần đó - cậu ấy đã vượt qua biên giới Ba Lan một ngày trước đó.”

“Tại sao cứ nhất định phải là Hannibal chứ? Gã đàn ông này chắc hẳn phải có rất nhiều kẻ thù, anh chẳng bảo gã ta là tội phạm chiến tranh còn gì.”

Popil đẩy tấm ảnh thẻ về phía trước. “Đây là hình dạng ông ta ngoài đời thực.” Popil lấy bức họa đầu tiên ở xấp tranh trong cặp giấy. “Còn đây là bức tranh Hannibal đã vẽ ông ta rồi dán lên tường trong phòng cậu ta.”

Khuôn mặt trong bức họa đã bị cắt mất một nửa, nhưng nửa còn lại kia rõ ràng chính là mặt Dortlich.

“Anh đâu có được mời vào phòng thẳng bé.”

Popil bỗng đứng trở nên giận dữ. “Con rắn cứng của cô đã giết một người đấy. Có lẽ không phải người đầu tiên, về chuyện đó thì cô biết rõ hơn tôi nhiều. Ở đây còn những người khác nữa, anh ta vừa nói vừa đặt các bức phác họa xuống bàn. “Bức này lấy từ phòng cậu ta, cả bức này, bức này và bức này nữa. Gã kia đã bị xét xử tại Tòa án Nuremberg, tôi nhớ rõ như vậy. Chúng là những kẻ đào tẩu và giờ chúng sẽ giết chết cậu ta nếu có cơ hội.”

“Còn cảnh sát Liên Xô thì sao?”

“Họ đang âm thầm điều tra ở Pháp. Một tên Đức Quốc xã như Dortlich mà lại nằm trong lực lượng cảnh sát nhân dân thì chính là nỗi hổ nhục đối với Liên Xô. Giờ họ đã nhận được hồ sơ của ông ta từ Bộ An ninh Quốc gia Cộng hòa Dân chủ Đức.”

“Nếu họ bắt được Hannibal...”

“Nếu bắt được Hannibal ở Đông Đức, họ sẽ bắn luôn không cần quan tâm. Nếu cậu ta trốn thoát được và biết đường giữ mồm giữ miệng, có lẽ họ sẽ để vụ này từ từ chìm xuống.”

“Vậy anh có để vụ này từ từ chìm xuống không?”

“Nếu cậu ta gây chuyện ở Pháp thì thế nào cũng bị tống vào tù. Cậu ta có thể mất đầu đấy.” Popil không đi đi lại lại nữa. Vai anh ta thông xuống.

Popil xỏ hai tay vào trong túi quần.

Phu nhân Murasaki bỏ tay ra khỏi ống tay áo.

“Rồi cô sẽ bị trục xuất,” anh ta nói. “Tôi sẽ buồn lắm. Tôi rất muốn được thấy cô.”

“Anh chỉ sống bằng mắt thôi à, thanh tra?”

“Hannibal thì có thể không? Cô sẵn sàng làm tất cả vì cậu ta, phải không?”

Cô định nói gì đó, một câu nào đó dè dặt hơn để bảo vệ bản thân, nhưng rồi cô chỉ nói, “Phải” và chờ đợi.

“Hãy giúp thằng bé. Hãy giúp tôi. Pascal.” Trước đây, cô chưa bao giờ gọi thằng tên anh ta.

“Đưa cậu ta đến chỗ tôi đi.”

SÔNG ESSONNE, tối đen và phẳng lặng, lững lờ chảy qua kho hàng, luôn bên dưới cái nhà thuyền sơn đen đang bỏ neo ở một bến cảng gần thành phố Vert le Petit. Các cabin thấp trên nhà thuyền đều che rèm kín mít. Đường dây điện và đường dây điện thoại chạy từ đất liền tới con thuyền. Lá trong khu vườn - được trồng từ các chậu cây - ẩm ướt và sáng bóng.

Các cửa thông gió trên boong tàu đều đang mở. Một tiếng thét inh tai bật ra từ một trong những cửa này. Một bộ mặt phụ nữ hiện ra ở một ô cửa sổ thấp hơn trên mạn tàu, vẻ đau đớn, má ép vào mặt kính, rồi ngay sau đó, một bàn tay dày cui lôi bộ mặt kia ra chỗ khác và giật rèm khép lại. Không ai nhìn thấy cảnh này.

Màn sương mù nhẹ giăng những vầng hào quang quanh các bóng đèn trên bến cảng, nhưng ngay bên trên, vài ngôi sao lác đác tỏa sáng, cố đâm xuyên qua màn sương. Ánh sáng quá yếu và nhòe nhoẹt, chẳng thể nhìn ra được.

Trên đường cái, một bảo vệ gác cổng ra vào soi đèn vào bên trong chiếc xe van đề biển *Café de L'Este* và rồi, nhận ra Petras Kolnas, vẫy tay ra hiệu cho gã đánh xe vào trong bãi đậu xe chằng hàng rào dây thép gai.

Kolnas hồi hả đi xuyên qua kho hàng, qua chỗ một công nhân đang sơn lên các thùng thiết bị theo các khuôn chữ đã được tô sẵn, TRẠM PHÂN PHỐI HÀNG CHO QUÂN ĐỘI MỸ, NEUILLY. Kho hàng chất đầy thùng hộp và Kolnas phải luôn lách một hồi mới len qua được để mà ra tới đầu bên kia, vào trong bến cảng.

Một bảo vệ ngồi bên cái thùng gỗ được cải tạo thành bàn, chặn giữ cạnh cầu tàu dẫn tới chỗ con thuyền. Y vừa hút thuốc vừa dùng con dao bỏ túi để cắt xúc xích ăn. Y lấy khăn lau tay, định khám người vị khách đang tiến lại gần, nhưng rồi nhận ra Kolnas, bèn hất đầu ra hiệu cho gã đi qua.

Vốn đã có cuộc sống riêng, Kolnas không mấy khi gặp những người khác. Gã thường đến nhà hàng của mình, mang bát dạo quanh căn bếp và ném tất

tật các món, thành ra từ sau chiến tranh, gã đã béo lên không ít.

Zigmas Milko, vóc dáng gầy gò vẫn không hề thay đổi so với trước kia, đứng tránh ra nhường đường cho gã tiến vào trong cabin. Vladis Grutas đang ngồi trên cái sofa nhỏ bọc da, giơ chân ra cho một phụ nữ má tím bầm làm móng.

Người phụ nữ có vẻ sợ sệt và quá già chẳng bán đi đâu được. Grutas ngẩng đầu nhìn lên với vẻ thỏa mãn, khuôn mặt bắt đầu toát lên một biểu cảm thông thường báo hiệu cho một cơn giận dữ. Thuyền trưởng đang chơi bài ở bàn hải đồ với một gã du côn bụng phệ tên là Mueller, từng là lính thuộc sư đoàn SS Dirlewanger Brigade, xăm hình hàm hổ phủ kín gáy, hai bàn tay và cả cánh tay, tuy nhiên đã bị hai ống tay áo che khuất khỏi tầm nhìn. Ngay khi đôi mắt xanh xám của Grutas quét về phía hai người đang chơi, họ bèn dẹp bộ bài đi rồi rời khỏi cabin.

Kolnas chẳng buồn lãng phí thời gian chào hỏi.

“Thẻ bài quân đội của Dortlich bị nhét vào giữa hai hàm răng. Thép không gỉ chất lượng cao của Đức, không cháy, không chảy. Thăng nhóc đó rồi sẽ lấy được thẻ bài quân đội của chúng mày thôi, của cả tao, cả Milko và Grentz nữa.”

“Mày đã bảo Dortlich lục soát căn nhà nghỉ đó từ bốn năm trước rồi cơ mà,” Milko nói.

“Nó chỉ cầm cái đĩa đĩa ngoại chộc vớ vẫn loanh quanh thôi, thằng con hoang lười chảy thây,” Grutas nói. Y hẩy chân đẩy người phụ nữ ra, chẳng buồn liếc nhìn cô ta lấy một cái, và người phụ nữ vội vã rời khỏi cabin.

“Nó đang ở đâu, thằng nhóc hiểm độc đã giết Dortlich ấy?” Milko hỏi.

Kolnas nhún vai. “Sinh viên Paris. Tao không biết nó kiếm được visa bằng cách nào. Nó đã dùng visa này để nhập cảnh. Không có thông tin xuất cảnh của nó. Họ không biết nó đang ở đâu.”

“Nếu nó tới gặp cảnh sát thì sao?” Kolnas hỏi.

“Vì cái gì mới được chú?” Grutas vặn lại. “Những ký ức trẻ con, những cơn ác mộng tuổi thơ, mấy cái thẻ bài quân đội cũ à?”

“Có khi Dortlich đã khai với nó là hắn đã gọi điện cho tao bảo liên lạc với bọn mày,” Kolnas nói.

Grutas nhún vai. “Thằng nhóc đó sẽ thử gây phiền toái đấy.”

Milko khịt mũi. “*Gây phiền toái?* Tao thì thấy thằng đó gặp đủ phiền toái với Dortlich rồi. Chắc chắn chẳng dễ mà giết được Dortlich đâu; có lẽ thằng lỏi đã bắn sau lưng hắn.”

“Ivanov vẫn đang chịu ơn tao,” Grutas nói. “Đám an ninh bên Đại sứ quán Liên Xô sẽ lùng ra thằng nhóc Hannibal cho chúng ta, còn chúng ta sẽ phụ trách phần còn lại. Vậy thì Kolnas sẽ không cần phải lo lắng gì nữa.”

Những tiếng kêu tắc nghẹn và tiếng dấm đá vang lên từ đâu đó trên thuyền. Đám đàn ông chẳng hề bận tâm.

“Để Svenka tiếp nhận các phần việc của Dortlich đi,” Kolnas nói, để chứng tỏ rằng gã chẳng lo lắng gì hết.

“Chúng ta có cần hắn không?” Milko hỏi.

Kolnas nhún vai. “Chúng ta buộc phải cho hắn tham gia thôi. Svenka đã làm việc với Dortlich hai năm nay rồi. Hắn giữ các món hàng của chúng ta. Hắn là đầu mối duy nhất dẫn chúng ta tới chỗ các bức tranh. Hắn có thể gặp bọn bị trục xuất, hắn sẽ lọc ra những đứa dễ nhìn để đẩy vào trại tị nạn Bremerhaven. Chúng ta sẽ lấy những người này từ đó.”

Lo sợ tiềm năng tái vũ trang nước Đức của Kế hoạch Pléven*, Joseph Stalin đã tiến hành các cuộc trục xuất quy mô lớn để thanh lọc Đông Âu. Những chuyến tàu lén lút kín người khởi hành hằng tuần, đưa những kẻ bị trục xuất đến với cái chết trong những trại lao động ở Siberia và ném trái sự khốn cùng trong những trại tị nạn ở phía Tây. Những kẻ bị trục xuất đắm chìm trong cơn tuyệt vọng đã cung cấp cho Grutas một lượng phụ nữ và trai trẻ dồi dào. Y dành mọi hậu thuẫn cần thiết cho món hàng của mình. Morphine y sử dụng đạt chuẩn y tế Đức. Y cung cấp máy đổi điện AC/DC cho các thiết bị ở chợ đen, thực hiện bất kỳ sự điều chỉnh tinh thần nào mà món hàng con người của y cần cho màn thể hiện.

Grutas trầm ngâm suy nghĩ. “Gã Svenka này có ra mặt trận không?” Chúng không tin rằng bất cứ kẻ nào không biết gì về Mặt trận Phía Đông lại

có thể thực sự hữu ích.

Kolnas nhún vai. “Nghe qua điện thoại thì hẳn có vẻ còn trẻ. Dortlich đã thu xếp này nọ một ít rồi.”

“Giờ chúng ta sẽ mang hết tất cả ra ngoài. Vẫn còn quá sớm chưa đến lúc bán chác gì, nhưng chúng ta cần bỏ hết ra. Khi nào hẳn gọi lại?”

“Thứ Sáu.”

“Bảo hẳn làm luôn đi.”

“Thế nào hẳn cũng đòi xuất ngoại. Thế nào hẳn cũng đòi được lo lót giấy tờ.”

“Chúng ta có thể đưa hẳn tới Rome. Tao chẳng biết có nên cho hẳn đến đây không. Dù sao thì hẳn đòi gì mà cũng cứ hứa hẹn hết đi, mà hiểu chứ?”

“Nghệ thuật là hàng nóng đấy,” Kolnas nói.

“Về nhà hàng đi, Kolnas. Tiếp tục nuôi ăn miễn phí bọn cớm Paris đi, đừng có ngừng, rồi chúng nó sẽ tiếp tục hủy hết vé phạt giao thông của mày. Lần tới xuống đây than vãn, mà nhớ mang theo cả ít bánh phồng nữa nhé.”

“Nó không sao đâu,” Grutas nói với Milko, khi Kolnas đã đi khuất.

“Hy vọng thế,” Milko nói. “Tao chẳng muốn phải điều hành một cái nhà hàng.”

* * *

“Dieter! Dieter đâu?” Grutas đấm ầm ầm lên một cánh cửa cabin ở boong dưới và xô cửa mở toang.

Hai phụ nữ trẻ đang sợ hãi ngồi trên giường, cả hai đều bị xích cổ tay vào khung giường kim loại. Dieter, hai mươi lăm tuổi, đang túm tóc một trong hai người.

“Mày mà làm chúng nó sừng mặt sứt môi là chúng nó xuống giá ngay đấy,” Grutas nói. “Mà con đó từ giờ là của tao rồi.” Dieter thả tóc người phụ nữ kia ra và lục lọi đồng hồ hổ lốn trong các túi quần túi áo để tìm chìa khóa. “Eva!”

Người phụ nữ lớn tuổi hơn bước vào trong cabin và đứng áp sát tường.

“Soạn sửa tươm tất cho con kia đi để Mueller mang nó về nhà,” Dieter nói.

* * *

Grutas và Milko đi xuyên qua kho hàng để ra xe. Trong một khu vực riêng biệt được quây thành cách ly, có rất nhiều thùng thừa đánh dấu GIA DỤNG. Grutas phát hiện ra một cái tủ lạnh của Anh nằm giữa đống đồ.

“Mày biết tại sao bọn Anh lại uống bia ấm không, Milko? Vì chúng chỉ có tủ lạnh Lucas. Nhà tao không thèm thứ đó. Tao thích Kelvinator, Frigidaire, Magnavox, Curtis-Mathis. Tao thích tất cả những thứ được sản xuất ở Mỹ.” Grutas nâng nắp một cây đàn piano đứng lên, chơi vài nốt. “Đây là một con piano nhà thổ. Tao không thích nó. Kolnas đã tìm cho tao một cái hiệu Bösendorfer. Hàng đỉnh nhất. Lấy nó ở Paris cho tao nhé, Milko... khi mày làm vụ kia kìa.”

BIẾT RÕ HẮN SẼ CHỈ ĐẾN GẶP CÔ sau khi đã kỳ cọ sạch sẽ ăn mặc chỉnh tề, cô ngồi đợi trong phòng hăn. Trước đây, hăn chưa từng mời cô đến phòng, nhưng cô cũng không tọc mạch ngó nghiêng xung quanh. Cô nhìn những bức tranh treo trên tường, những minh họa y học lấp kín một nửa căn phòng. Cô nằm duỗi người trên chiếc giường thụt một nửa vào dưới mái đua, gọng gàng không chê vào đâu được đúng theo phong cách Nhật. Trên một cái giá nhỏ đối diện giường, một bức tranh lồng khung được phủ dưới một tấm vải lụa thêu hình những con vạc. Nằm nghiêng trên giường, phu nhân Murasaki với tay nhấc tấm vải lụa lên. Tấm vải che phủ một bức tranh rất đẹp họa hình cô đang khóa thân ngâm mình trong bồn tắm ở lâu đài, vẽ bằng bút chì và phấn, phủ màu tùng lam. Bức tranh được đóng triện chữ Vĩnh kèm theo chữ “hoa trong nước” bằng tiếng Nhật viết theo lối chữ thảo mang đậm nét tượng trưng, tuy nhiên không được chuẩn xác lắm.

Cô nhìn nó một hồi lâu rồi lại phủ tấm vải xuống, nhắm mắt lại, thầm nghĩ đến một bài thơ của Yosano Akiko:

*Giữa những nốt nhạc từ cây đàn koto
Là một âm thanh thâm trầm huyền bí khác
Một âm thanh phát ra
Từ trong chính lồng ngực của tôi.*

Ngay khi ánh bình minh ngày thứ hai vừa rạng, cô nghe tiếng bước chân vang trên cầu thang. Tiếng chìa khóa tra vào ổ, rồi Hannibal đứng đó, mặt môi, lời thôi lếch thếch, ba lô lủng lẳng trên tay.

Phu nhân Murasaki đã đứng chờ sẵn.

“Hannibal, cô phải nghe tiếng trái tim cháu,” cô nói. “Trái tim của Robert đã im hơi lặng tiếng. Còn cô đã mơ thấy trái tim cháu ngừng đập.” Cô bước tới chỗ hăn, áp tai vào lồng ngực hăn. “Cháu có mùi khói và mùi máu.”

“Cô có mùi hoa nhài và trà xanh. Cô có mùi của sự bình yên.”

“Cháu có bị thương không?”

“Không.”

Mặt cô chạm vào những thẻ bài quân đội cháy sém đeo lưng lủng lẳng trên cổ Hannibal. Cô lôi mấy cái thẻ bài quân đội khuất dưới lớp áo sơ mi ra.

“Cháu lấy những thứ này từ cái xác à?”

“Cái xác nào mới được chứ?”

“Cảnh sát Xô Viết biết cháu là ai rồi. Thanh tra Popil đã đến gặp cô. Nếu cháu đi thẳng đến gặp anh ta, anh ta sẽ giúp cháu.”

“Những gã này vẫn chưa chết. Chúng vẫn đang sống nhăn răng.”

“Chúng đang ở Pháp à? Vậy thì nộp chúng cho Thanh tra Popil đi.”

“Nộp chúng cho cảnh sát Pháp à? Tại sao?” Hấn lắc đầu. “Mai là Chủ nhật - đúng không nhỉ?”

“Ừ, Chủ nhật.”

“Mai cô đi với cháu nhé. Cháu sẽ ghé qua đón cô. Cháu muốn cô đi cùng cháu đến gặp một con quái vật và lúc đó cô hãy nói xem hấn có sợ cảnh sát Pháp không.”

“Thanh tra Popil...”

“Lúc nào gặp thanh tra Popil, cô nhắn giùm là cháu có gửi thư cho ông ta đấy.” Hannibal gục gặc đầu. “Cháu tắm ở đâu vậy?”

“Phòng tắm đặc biệt giúp gột rửa các nguy cơ gây bệnh, trong phòng nghiên cứu,” hấn nói. “Giờ cháu xuống đó đây.”

“Cháu có muốn ăn chút gì đó không?”

“Không cần đâu, cảm ơn cô.”

“Vậy thì ngủ đi,” cô nói. “Mai cô sẽ đi cùng cháu. Và cả những ngày sau đó nữa.”

HANNIBAL LECTER lái một chiếc mô tô BMW động cơ boxer xi lanh đôi, vốn bị quân đội Đức bỏ lại trên đường rút quân. Nó đã được phun sơn lại, vẫn màu đen như cũ, tay lái thấp và có yên đèo đằng sau. Phu nhân Murasaki ngồi đằng sau hẳn, chân đi bốt, đầu thắt băng đô - khiến cô phảng phất có nét của một thổ dân Apache giữa Paris. Cô ôm Hannibal, hai bàn tay đặt hờ lên mạng sườn hẳn.

Đêm qua trời mưa còn bây giờ mặt đường sạch sẽ và khô ráo giữa buổi sáng chan hòa ánh nắng, lớp xe vũng vàng bám đường khi chiếc xe nghiêng đi mỗi lúc vào cua trên con đường xuyên rừng Fontainebleau, lao vun vút qua những dải bóng cây và những vạt nắng đổ xuống vắt ngang đường, bầu không khí mát lạnh giăng mắc khắp những đoạn đường dốc và rồi sười ầm khuôn mặt họ khi họ phóng xe qua những trảng rừng thưa.

Với người ngồi trên yên sau, độ nghiêng của chiếc mô tô sẽ được phóng đại lên gấp nhiều lần và trong vài dặm đường đầu tiên, Hannibal cảm thấy phu nhân Murasaki sau lưng hẳn cứ chốc chốc lại phải tìm cách điều chỉnh thế ngồi, nhưng rồi cô cũng tìm ra được cảm giác đúng, nhận ra độ nghiêng thực vĩnh năm độ so với trong tưởng tượng của cô, và từ lúc đó, trọng lượng của cô đã hòa vào làm một với trọng lượng của hẳn trong lúc họ lao vun vút xuyên qua khu rừng. Họ đi qua một bờ giậu rậm rịt cây kim ngân và không khí thấm đẫm hương vị ngọt ngào, đến độ cô nếm được cả vị ngọt trên môi. Nhựa đường và cây kim ngân.

Quán Café de L'Este nằm trên bờ phía Tây sông Seine, cách ngôi làng Fontainebleau chừng nửa dặm, trông ra khu rừng bên kia sông, với tầm nhìn đẹp đến nao lòng. Xe dừng lại tắt máy và bắt đầu kêu tích tích trong lúc động cơ nguội dần. Gần lối vào sân hiên có một cái chuồng chim nốt mấy con sẻ rừng, một đặc sản bí mật của quán. Các quy định phản đối việc ăn thịt sẻ rừng được ban bố rồi lại bị hủy bỏ. Trong thực đơn của nhà hàng, chúng

được kê dưới tên chim chiền chiện. Sẻ rừng là loài chim có giọng hót đặc sắc và lúc này đám sẻ rừng ở quán này đang thích thú tận hưởng ánh mặt trời.

Hannibal và phu nhân Murasaki dừng chân một lát ngắm lũ chim.

“Nhỏ quá, xinh quá,” cô nói, vẫn chưa bình tĩnh lại sau chuyến đi.

Hannibal thì trán lên cái lông.

Bầy chim nhỏ quay đầu sang nhìn hăn bằng một con mắt. Giọng hót của chúng đặc sệt thổ âm vùng Baltic, giống hết tiếng hót hăn từng nghe trong những khu rừng quê hương. “Chúng cũng giống hết chúng ta,” hăn nói. “Chúng có thể ngửi thấy mùi đồng loại đang bị nấu chín trên bếp, ấy vậy nhưng chúng vẫn cố cao giọng hót. Đi nào.”

Ba phần tư số bàn ngoài hiện đã kín chỗ, một tập hợp người từ đủ mọi quốc gia, đủ mọi thành thị, ăn mặc đẹp đẽ, đang thưởng thức bữa trưa sớm. Người bồi bàn tìm được một bàn trống cho họ.

Bàn cạnh họ toàn khách nam, ai cũng đều gọi món sẻ rừng. Khi những con chim quay nhỏ được mang ra, họ bèn cúi rạp xuống sát cái đĩa và phủ khăn ăn lên trên đầu để lưu mùi thơm lâu hơn.

Hannibal ngửi mùi rượu vang từ bàn bên và nhận thấy rượu đã bị ám mùi nút bần. Hăn nhìn sang mà không thể hiện thái độ gì vì hiển nhiên, chẳng nào đám khách ấy chẳng uống sạch.

“Cô có muốn ăn kem trái cây không?”

“Tuyệt hảo.”

Hannibal vào sâu trong nhà hàng. Hăn dừng lại ngay trước tấm bảng đen giới thiệu các món đặc sản của quán, đọc giấy phép kinh doanh của nhà hàng dán cạnh quầy thu ngân.

Trên hành lang, một cánh cửa gãn biển *Privé*. Hành lang vắng tanh. Cửa không khóa. Hannibal mở cửa, bước xuống hành lang dẫn tới hầm. Một cái thùng gỗ thừa trên sàn đang mở hé nắp, để lộ một cái máy rửa bát của Mỹ.

Hannibal cúi người lại gần, đọc nhãn vận chuyển trên thùng. Hercule, phụ việc nhà hàng, bê một giỏ khăn ăn bần xuống cầu thang. “Anh đang làm gì ở đây thế, đây là khu vực nội bộ.”

Hannibal quay lại, nói bằng tiếng Anh. “Chật, thế nó nằm chỗ nào vậy? Cánh cửa viết *privy**, phải không? Tôi xuống dưới này nhưng lại chỉ thấy mỗi cái tầng hầm. Nhà xí ấy, ông bạn, cầu tiêu, nhà vệ sinh, nó ở đâu vậy? Nói tiếng Anh đi. Anh có hiểu nhà xí là gì không? Nói nhanh đi, tôi sắp không chịu nổi nữa rồi.”

“*Privé, privé!*” Hercule chỉ lên trên cầu thang. “*Toilette!*” Và lúc lên đến đầu cầu thang, anh ta vẫy tay chỉ Hannibal đi cho đúng hướng.

Hắn quay lại bàn đúng lúc món kem trái cây được mang ra. “Kolnas đang dùng tên ‘Kleber’. Tên này được ghi trên giấy phép kinh doanh. Ngài Kleber đang cư ngụ tại đường Juliana. Ái chà chà, xem kìa.”

Petras Kolnas bước vào hiên cùng gia đình, mặc trang phục đi lễ nhà thờ.

Khi Hannibal nhìn về phía Kolnas, tiếng chuyện trò xung quanh hắn lịm dần đi và tầm nhìn của hắn bị phủ kín bởi những chấm đen.

Bộ com lê Kolnas đang mặc may bằng vải pôpolin mới cứng, màu đen tuyền, ve áo gài chiếc ghim cài áo của câu lạc bộ Rotary. Vợ và hai con gã đều rất ưa nhìn, mang những nét đặc trưng của người Đức. Dưới ánh mặt trời, bộ ria cùng mái tóc ngắn màu đỏ của Kolnas sáng lên như lông lợn. Kolnas lại chỗ quầy thu ngân. Gã nhắc thẳng con trai, đặt nó ngồi lên trên một cái ghế quầy bar.

“Kolnas Nhà Giàu,” Hannibal nói. “Chủ Nhà hàng. Kẻ Sành Ăn. Y ghé qua nhà hàng kiểm tra két tiền trên đường đến nhà thờ. Trông y ăn mặc thanh lịch chưa kìa.”

Người trưởng nhóm phục vụ cầm quyển sổ đặt bàn bên cạnh điện thoại, mở ra đưa cho Kolnas kiểm tra.

“Ngài nhớ cầu nguyện cho chúng tôi nhé, thưa ngài.” Người trưởng nhóm phục vụ nói.

Kolnas gật đầu. Chặn thân hình lực lưỡng chắn ngang tầm nhìn của các khách hàng để họ không nhìn thấy gã làm gì, Kolnas rút khẩu Webley .455 ra khỏi thắt lưng, đặt nó lên một cái kệ khuất sau rèm bên dưới quầy thu ngân và đưa tay vuốt cho phẳng chiếc áo gi lê. Gã nhặt mấy đồng xu sáng bóng trong ngăn kéo để tiền và lấy khăn tay lau hết cả mấy đồng. Gã đưa

một đồng cho thẳng bé ngồi trên ghế quây bar. “Cái này là để con quyên cho nhà thờ, cất vào trong túi đi.”

Gã cúi xuống đưa đồng còn lại cho đứa con gái nhỏ. “Đây là tiền cho con quyên góp nhé, bé cưng. Đừng ngậm vào mồm đấy. Cất cẩn thận trong túi đi!”

Vài vị khách ở quây bar đã chú ý đến Kolnas và vài người trong số đó là khách quen gã phải ra chào hỏi. Kolnas hướng dẫn con trai bắt tay sao cho mạnh mẽ. Đứa con gái gã thả tay khỏi ống quần bố, chập chững bước đi giữa các dãy bàn, chinh phục mọi người bằng vẻ đáng yêu với chiếc váy nhiều tầng bông bênh, mũ bonnet bằng ren và những món nữ trang em bé, khiến vị khách nào nhìn thấy cũng đều phải mỉm cười với nó.

Hannibal nhắc quả anh đào trên lớp kem trái cây, giơ nó ra cạnh mép bàn. Đứa bé bèn bước lại gần, chìa tay ra, ngón cái và ngón trỏ thủ thế, sẵn sàng giật quả anh đào khỏi tay Hannibal. Mắt Hannibal sáng rực. Hắn đưa lưỡi ra một thoáng rồi hát lên cho đứa bé nghe.

“Gã nhỏ bé đứng trong rừng, tĩnh lặng... Cháu có biết bài hát đó không?”

Lừa lúc đứa bé đang ăn quả anh đào, Hannibal kín đáo nhét một thứ gì đó vào túi nó. *“Tuyền đồ thắm một sắc áo choàng.”*

Đột nhiên, Kolnas xuất hiện cạnh bàn. Gã ôm đứa bé lên. “Con bé không biết bài hát đó đâu.”

“Chắc hẳn ông phải biết bài hát đó nhỉ, tôi nghe giọng ông không giống giọng người Pháp cho lắm.”

“Giọng ông cũng thế, thưa ông,” Kolnas nói. “Theo tôi thấy ông và vợ ông hẳn không phải người Pháp gốc. Nhưng giờ tất cả chúng ta đều là người Pháp rồi.”

Hannibal và phu nhân Murasaki dõi nhìn theo trong lúc Kolnas lừa vợ con vào trong một chiếc Traction Avant.

“Bọn trẻ dễ thương thật đấy,” cô nói. “Bé gái xinh quá.”

“Phải rồi,” Hannibal nói. “Nó đang đeo vòng tay của Mischa.”

* * *

Tít phía trên bàn thờ ở Nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, có một bức tượng đặc biệt máu me, hình Chúa Jesus bị đóng đinh trên cây thập giá, một chiến lợi phẩm thế kỷ mười bảy được mang từ Sicily về. Bên dưới bức tượng Chúa đang chịu hình, vị linh mục giơ cao cốc rượu lễ.

“Hãy uống chén này,” Cha nói. “Này là máu ta, đổ ra vì các con để nên ơn tha tội.” Cha giơ bánh thánh lên cao. “Này là mình ta, bẻ ra cho các con, bị nộp để các con không bỏ mạng, mà được sự sống đời đời. Hãy cầm lấy mà ăn, và hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến ta.”

Kolnas, hai tay ôm hai đứa bé, ngậm miếng bánh thánh trong miệng và quay về chỗ ngồi bên cạnh vợ. Hàng người đi hết một vòng và rồi chiếc đĩa quyên tiền bắt đầu được đưa đến từng chỗ. Kolnas thì thầm vào tai con trai. Thằng bé moi một đồng tiền từ trong túi quần đặt vào trong đĩa. Kolnas lại thì thầm vào tai con gái, nhiều khi con bé vẫn không nguyện ý đem đồ của mình đi quyên tặng.

“Katerina...”

Bé gái sờ tìm trong túi và bỏ vào trong chiếc đĩa quyên tiền một cái thẻ bài quân đội cháy sém khắc tên Petras Kolnas. Kolnas không nhìn thấy nó, mãi cho tới khi ông bỏ nhà thờ nhặt cái thẻ bài từ trong đĩa trả lại cho gã, mỉm cười kiên nhẫn chờ Kolnas bỏ một đồng xu vào để thế chỗ.

TRÊN SÂN THƯỢNG NHÀ PHU NHÂN MURASAKI, một cây anh đào cành rủ trồng trong chậu xõa tóc la đà phía trên bàn nước, những chùm hoa sà thấp nhất quét lên tóc Hannibal, đang ngồi đối diện phu nhân. Nhìn qua vai cô, nhà thờ Thánh Tâm* rực rỡ ánh đèn treo giữa trời đêm như một giọt trăng.

Cô đang ngồi bên cây đàn koto dài duyên dáng, chơi bài “Biển mùa xuân” của Miyagi Michio. Tóc cô để xõa, ánh đèn ấm áp chảy trên da. Vừa đánh đàn, cô vừa điềm tĩnh nhìn Hannibal.

Cô không để lộ bất kỳ cảm xúc nào, gần như không cách nào có thể đọc được suy nghĩ của cô, một nét đặc biệt phần lớn thời gian vẫn khiến Hannibal cảm thấy thích thú. Theo thời gian, Hannibal đã dần học được lối cư xử phù hợp, không phải với sự thận trọng, mà bằng sự quan tâm.

Tiếng nhạc chậm dần. Nốt nhạc cuối cùng ngân vang, nấn ná. Một con đế chuông bị nhốt trong lồng sắt tiếng đáp lại tiếng đàn koto. Cô nhét một lát dưa chuột vào giữa hai thanh chắn trên chuồng và con đế lồi miếng dưa vào bên trong. Dường như cô đang nhìn xuyên qua Hannibal, đưa ánh mắt vượt ra đằng sau hắn, nhìn về phía một ngọn núi xa xa kia, rồi sau đó hắn cảm thấy sự quan tâm chú ý của cô bao bọc lấy hắn, khi cô nói câu quen thuộc, “Cô thấy cháu và con đế hòa nhịp hát với trái tim cô.”

“Trái tim cháu nhảy múa mỗi khi cháu nhìn cô, chính cô đã dạy cho trái tim cháu biết hát,” hắn nói.

“Nộp bọn chúng cho thanh tra Popil đi. Kolnas và những tên còn lại ấy.”

Hannibal uống nốt rượu sake rồi đặt cái cốc xuống mặt bàn. “Tại mấy đứa con của Kolnas phải không? Cô đã gấp hạc cầu nguyện cho bọn chúng.”

“Cô gấp hạc cầu nguyện cho linh hồn của cháu, Hannibal. Cháu đang bị dụ dỗ tiến vào trong bóng tối.”

“Không phải bị dụ dỗ. Lúc cháu không thể nói năng gì thì không phải cháu đã bị dụ dỗ tiến vào trong sự im lặng, mà chính sự im lặng đã giam cầm cháu.”

“Cháu đã rời khỏi sự im lặng, để đến với cô, và cháu đã nói chuyện với cô. Cô hiểu cháu, Hannibal, và sự thấu hiểu đó không hề dễ dàng. Cháu đã bị hút về phía bóng tối, nhưng cháu cũng bị hút về phía cô.”

“Trên cây cầu của những giấc mơ.”

Cây đàn khê kê lạch cạch khi cô đặt nó xuống. Cô chìa tay cho Hannibal. Hẳn đứng dậy, dải hoa anh đào quét ngang má, và cô dẫn hẳn đi về phía buồng tắm. Nước bốc hơi nghi ngút. Mấy cây nến đang cháy cạnh bồn. Cô bảo hẳn ngồi xuống một tấm nệm tatami. Họ quỳ gối, đối diện nhau, hai khuôn mặt chỉ cách nhau hơn một bàn tay.

“Về Nhật với cô đi, Hannibal. Cháu có thể hành nghề ở một phòng khám trong nhà cha cô. Có nhiều việc để làm lắm. Chúng ta sẽ ở đó cùng nhau.” Cô cúi người lại gần hẳn. Cô hôn lên trán hẳn. “Ở Hiroshima, cây xanh đâm xuyên qua tro tàn để tìm ánh sáng.” Cô đưa tay chạm lên mặt hẳn. “Nếu cháu là đất cháy, cô sẽ là cơn mưa ấm áp.”

Phu nhân Murasaki lấy một quả cam trong cái bát đặt cạnh bồn tắm. Cô cắm móng tay vào vỏ cam rồi áp bàn tay thơm ngát lên môi Hannibal.

“Một sự tiếp xúc chân thực còn giá trị hơn nhiều cây cầu của những giấc mơ.” Cô lấy cốc rượu sake đập tắt cây nến bên cạnh họ rồi úp ngược cái cốc lên trên cây nến, bàn tay nấn ná trên cây nến lâu hơn hẳn mức cần thiết.

Cô hẩy ngón tay đẩy quả cam đi và nó lăn trên lớp gạch men, rơi vào trong bồn tắm. Cô đặt tay lên phía sau đầu Hannibal rồi hôn lên môi hẳn, một nụ hôn như bông hoa đột ngột bung nở rạng rỡ.

Trán tì lên miệng Hannibal, phu nhân Murasaki bắt đầu cởi cúc áo sơ mi của hẳn. Hẳn đẩy cô ra, giữ cô ở cách mình một tầm tay và nhìn thẳng vào khuôn mặt xinh xắn rạng ngời của cô. Họ đang ở sát bên nhau, nhưng đồng thời cũng cách xa nhau, giống như một cây đèn giữa hai tấm gương.

Áo choàng rơi xuống khỏi người cô. Đôi mắt, hai bầu ngực, những điểm sáng trên hông cô, bên này đối xứng với bên kia, hơi thở của hẳn bắt đầu

dồn dập hẳn.

“Hannibal, hứa với cô nhé.”

Hắn kéo cô lại, ôm siết vào lòng, mắt hẳn nhắm chặt. Hai bờ môi cô, hơi thở cô vẫn vương trên cổ hẳn, ở hõm cổ họng hẳn, *xương đòn của hẳn. Xương quai xanh của hẳn. Cái đĩa cân của thánh Michael.*

Hắn có thể nhìn thấy quả cam bập bênh trên mặt nước bồn tắm. Trong một thoáng, nó biến thành cái đầu lâu của con nai con trong cái chậu tắm sôi sùng sục, không ngừng va đập, đâm vào thành chậu, giữa nhịp trái tim hẳn đang gõ, như thế kể cả khi đã chết, nó vẫn tuyệt vọng tìm cách thoát ra. Cái kẻ bị đọa đày bên dưới lồng ngực hẳn hùng dũng băng qua cơ hoành, tiến xuống địa ngục bên dưới cái đĩa cân. Cơ ức móng cơ vai móng cơ giáp móng/thuộc cổ ỗ họng, Aaaaamen.

Giờ chính là thời điểm quyết định và cô biết thế. “Hannibal, hứa với cô nhé.”

Một nhịp lặng, rồi hẳn nói, “Cháu đã hứa với Mischa rồi.” Cô vẫn ngồi bên bồn tắm, cho tới khi nghe tiếng cửa ra vào đóng lại. Cô mặc lại áo choàng, cẩn thận cài dây thắt lưng. Cô mang hết mấy cây nến trong buồng tắm ra, đặt phía trước các bức ảnh trên ban thờ. Ánh nến chiếu sáng những khuôn mặt người chết, soi rọi bộ giáp vẫn đang không ngừng quan sát, và trong chiếc mặt nạ của mãnh tướng samurai Date Masamune, cô nhìn thấy thần chết đang tiến đến.

BÁC SĨ DUMAS TREO CÁI ÁO KHOÁC phòng nghiên cứu lên giá treo, bàn tay hồng hào mập mạp cài cái cúc áo trên cùng lại. Hai má ông cũng ửng hồng, mái tóc xoăn vàng hoe, bộ quần áo vẫn giữ nguyên vẻ bảnh bao dầu đã được mặc cả ngày. Từ con người ông cũng toát ra một vẻ tươi vui khác thường không hề suy giảm suốt cả ngày. Vài sinh viên vẫn còn nán lại phòng nghiên cứu, dọn dẹp cho sạch sẽ chỗ họ làm giải phẫu.

“Hannibal, sáng mai trên giảng đường thầy cần một mẫu vật nghiên cứu, yêu cầu là khoang ngực mở, lộ rõ xương sườn, tiêm sẵn màu vào các mạch máu chính của phổi và động mạch tim. Có Số 88 kia, nhìn từ màu sắc thì thầy đoán là Số 88 chết vì nhồi máu cơ tim. Quan sát mẫu đó sẽ hữu ích,” ông hân hoan nói. “Tiêm màu vàng vào động mạch liên thất trước và động mạch mũ. Nếu có chỗ tắc thì tiêm từ hai bên. Thầy sẽ ghi lại cho em mấy lưu ý. Nhiều việc lắm đấy. Nếu em muốn, thầy sẽ bảo Gravas ở lại hỗ trợ em.”

“Em sẽ làm việc một mình, thầy Dumas ạ.”

“Thầy cũng đoán thế. Tin tốt đây, Albin Michel đã mang tác bản in khắc đầu tiên về. Ngày mai chúng ta có thể xem được rồi! Thầy nóng lòng quá.”

Vài tuần trước, Hannibal đã gửi các bức phác thảo của hãn cho nhà xuất bản ngụ trên phố Huyghens. Nhìn tên con phố, Hannibal lại nhớ đến thầy Jakov và cuốn *Luận về ánh sáng* của Christiaan Huyghens. Sau khi đã gửi xong, hãn ngồi trong Vườn Luxembourg cả tiếng đồng hồ, quan sát những con thuyền buồm đồ chơi trên ao, tưởng tượng trong đầu cảnh tượng gỡ từ thảm luống hoa hình bán nguyệt ra một hình xoăn ốc. Các bức vẽ trong cuốn sách giáo khoa giải phẫu mới sẽ được đề tên tác giả là Lecter-Jakov.

Người sinh viên cuối cùng rời khỏi phòng nghiên cứu. Cả tòa nhà giờ tối đen và vắng tanh, chỉ có những bóng đèn làm việc của Hannibal vẫn sáng rực trong phòng thí nghiệm giải phẫu. Sau khi hãn đã tắt cái cửa điện đi, âm

thanh duy nhất còn lại là tiếng gió rền rĩ yếu ớt trong các ống khói, tiếng thiết bị lích tích và tiếng những chiếc bình chứa thuốc tiêm màu sủi tằm vì đang được hâm nóng.

Hannibal nghiên cứu đối tượng nghiên cứu, một gã đàn ông trung tuổi vạm vạp, người phủ tấm che, chỉ để hở phần ngực đã bị mổ phanh, những chiếc xương sườn tõe ra như những gờ cong trên một con thuyền. Đây chính là những khu vực mà thầy Dumas muốn phô bày trong tiết học, để chính ông sẽ thực hiện một nhát rạch cuối cùng rồi nhắc buồng phổi ra ngoài. Để vẽ minh họa cho buồng phổi, Hannibal bắt buộc phải xem xét mặt sau của phổi, vốn chẳng cách nào nhìn ra được khi vẫn nằm yên trong cái xác. Hannibal bước dọc hành lang tới bảo tàng giải phẫu để tham khảo, đi đến đâu bật hết đèn lên đến đó.

* * *

Ngồi trong chiếc xe tải đậu phía bên kia con phố, Zigmus Milko có thể nhìn xuyên qua những ô cửa sổ cao của trường y, dõi theo bước chân Hannibal đang bước trên hành lang. Milko đã giấu sẵn một cây gậy sắt ngắn trong tay áo khoác, khẩu súng và ống giảm thanh nhét trong túi áo.

Vì Hannibal đã bật đèn trong bảo tàng, Milko có tầm nhìn khá rõ. Các túi áo choàng phòng thí nghiệm của Hannibal đều không phồng lên. Có vẻ như hắn không mang theo vũ khí. Khi rời khỏi bảo tàng, hắn mang theo một cái bình và ánh đèn lần lượt tắt trên đường Hannibal quay trở lại phòng thí nghiệm giải phẫu. Giờ, chỉ còn lại phòng thí nghiệm là sáng ánh đèn, các cửa sổ bên hông nhà phủ mờ sương giá và cửa sổ mái sáng rực.

Milko không nghĩ y sẽ cần ẩn nấp lâu, nhưng phòng khi sự tình không như dự kiến, y vẫn quyết định trước tiên cứ làm một liều thuốc đã - không biết liệu tay chỉ điểm ở đại sứ quán có chừa lại cho y trước khi lén lút lượn đi không. Cứ như thể cái gã đàn ông lén lút đó cả đời chưa từng biết đến một liều thuốc ngon. Không biết gã có lấy hết cả gói không nhỉ? Mẹ kiếp, ít nhất cũng đi tong mười lăm liều Lucky Strike rồi. Thôi giờ cứ làm cho xong chuyện này đã, sau đó sẽ thưởng thức vài liều thuốc lá Mỹ ở vũ trường. Thả lỏng tinh thần, cọ xát cái ống giảm thanh nhét trong túi quần trước vào

người các cô nàng ở vũ trường rồi nhìn thẳng vào mắt họ trong lúc mấy cô nàng cảm nhận được cái nòng súng cứng rắn đang áp sát vào người, rồi đến sáng sẽ đi lấy cây đàn piano cho Grutas.

Thằng nhóc này đã giết Dortlich. Milko nhớ rằng Dortlich, lúc nào cũng mang theo một cái gậy sắt giấu trong ống tay áo, đã từng tự phang mẹ cả rằng mình trong lúc cố châm điếu thuốc. “Lẽ ra mày nên khai hết bọn tao ra, thằng đần,” y nói với Dortlich, cho dù gã hiện đang ở đâu đi nữa, ở địa ngục, chắc thế.

Milko xách cái thang đen, kèm theo cả một hộp thức ăn trưa làm bình phong, băng ngang qua con phố, lẩn vào trong hàng rào bên cạnh trường y. Đặt chân lên bậc thang đầu tiên, y lầm bầm, “Mẹ cái trang trại này chứ.” Đây vẫn luôn là khẩu quyết hành động của y kể từ hồi bỏ nhà ra đi khi mới mười hai tuổi.

Hannibal tiêm xong màu xanh vào tĩnh mạch và bắt đầu vẽ bằng chì màu trên tấm bảng vẽ đặt cạnh cái xác, thỉnh thoảng tham khảo buồng phổi được bảo quản trong bình cồn. Mấy tờ giấy kẹp vào tấm bảng khẽ rung rinh theo làn gió nhẹ và rồi lại nằm yên tại chỗ. Hannibal ngược mắt lên khỏi bức minh họa dở dang, nhìn xuống cuối hành lang theo chiều gió thổi, rồi tô nốt màu cho một tĩnh mạch.

Milko đóng cánh cửa sổ bảo tàng giải phẫu lại sau lưng, tháo ủng ra rồi chỉ đi tất, rón rén len giữa những kệ kính. Y men theo dãy trưng bày các cơ quan tiêu hóa và dừng lại cạnh cái bình ngâm một đôi chân dị dạng khổng lồ. Ánh sáng chỉ vừa đủ để di chuyển. Sẽ chẳng ai muốn bắn phá gì ở đây, để cái thứ tởm lợm này vãi tung tóe khắp nơi. Y dựng cao cổ áo lên, che chắn cơn gió vẫn đang thổi vào gáy. Y len lén thò đầu vào trong hành lang, nhìn qua sống mũi để không lộ tai.

Phía trên tấm bảng vẽ, Hannibal nở rộng lỗ mũi, ánh đèn làm việc chiếu vào đôi mắt hẩn đỏ rực.

Nhìn đến cuối hành lang, xuyên qua cánh cửa phòng thí nghiệm, Milko có thể nhìn thấy phần lưng Hannibal trong lúc hẩn bận rộn làm việc bên xác chết, cùng cái kim tiêm dưới da to oạch để tiêm thuốc màu. Đứng ở khoảng

cách này thì tầm bắn hơi xa, vì cái ống giảm thanh đã che mất ống ngắm của khẩu súng. Chẳng đại gì đứng từ đây mà bắn, để rồi phải đuối hăn lòng vòng, làm đổ hết mọi thứ trong phòng. Có Chúa mới biết sẽ có thứ gì vô tình bắn lên người ta, có khi sẽ dính phải thứ nào đấy trong cái đồng chất lỏng kinh tởm kia.

Tim Milko đập hơi loạn nhịp, đúng theo thói thường khi ta chuẩn bị giết chóc.

Hannibal bước thoát khỏi tầm nhìn và Milko chỉ nhìn thấy bàn tay hăn trên giá vẽ, phác họa, phác họa và tẩy xóa một chút xíu.

Đột nhiên, Hannibal đặt bút xuống, ra chỗ hành lang bật đèn lên. Milko rụt vôi đầu núp trở lại vào trong bảo tàng và đèn lại tắt ngóm.

Milko thò đầu nhòm quanh khung cửa. Hannibal vẫn đang làm việc bên cái xác phủ tấm che.

Milko nghe thấy tiếng cửa phểu thuật. Lúc y nhìn lại lần nữa thì Hannibal đã biến mất khỏi tầm nhìn. *Hăn lại đang vẽ rồi. Mẹ nó chứ. Có khi cứ đi vào đó bắn phứt hăn ta cho xong. Nhờ hăn chào hỏi Dortlich giùm khi nào hăn xuống tới địa ngục.* Chân đi tất, Milko sải bước dọc hành lang, không gây ra bất kỳ tiếng động nào trên mặt sàn đá, vừa di chuyển vừa quan sát bàn tay trên tấm bảng vẽ. Y nâng súng lên, đặt chân qua cánh cửa. Y thấy bàn tay và ống tay áo, sau đó là cái áo choàng phòng thí nghiệm nằm trên ghế - *những bộ phận còn lại của hăn đâu rồi* - và đúng lúc đó, Hannibal sáp lại từ đằng sau Milko, cắm cây kim tiêm dưới da chứa đầy chất cồn vào bên sườn cổ Milko, kịp thời đỡ lấy y lúc chân y nhũn ra và mắt y trợn ngược lên, đặt y nhẹ nhàng nằm xuống sàn.

Việc nào cần làm trước thì làm trước. Hannibal trả cái tay của xác chết về lại chỗ cũ, khâu nhanh mấy mũi vào da để gắn tạm bàn tay vào cái xác. “Xin lỗi nhé,” hăn nói với đối tượng nghiên cứu. “Tôi sẽ ghi thêm lời cảm ơn vào thư gửi ông.”

* * *

Khi Milko dần dần khôi phục ý thức, y bật ho, cổ họng bỏng rát, mặt lạnh toát, căn phòng quay cuồng một hồi rồi mới dần ổn định lại. Y liếm môi rồi

nhỏ nước bọt ra. Nước đang chảy tràn trên mặt y.

Hannibal đặt bình nước lạnh lên mép thùng ngâm xác và ngồi xuống, dáng vẻ sẵn sàng đối thoại. Milko đang được chằng trong bộ xích buộc tử thi. Y đang bị ngâm trong thùng, dung dịch formalin ngập đến cổ. Các xác chết trong thùng bu xung quanh sát sạt y, nhìn y bằng những con mắt đã đục ngầu do ngâm trong dung dịch ướp xác và y quấy người cố giữ những bàn tay nhăn nheo của các tử thi ấy trôi ra xa.

Hannibal khám ví Milko. Hắn móc ra một thẻ bài quân đội từ trong túi quần và đặt nó xuống gờ thùng, bên cạnh tấm thẻ căn cước của Milko.

“Zigmas Milko. Xin chào.”

Milko húng hắng ho, thở khò khè. “Bọn tôi đã nói về chuyện đó. Tôi mang tiền đến cho anh. Dàn xếp thỏa thuận. Chúng tôi muốn đưa tiền cho anh. Tôi mang tiền đến đây. Để tôi đi lấy tiền cho anh.”

“Nghe có vẻ là một kế hoạch thượng hạng đấy. Ông đã giết rất nhiều người, Milko. Nhiều hơn những người chết ở đây nhiều. Ông có cảm thấy họ đang bao vây ông trong thùng không? Ngay cạnh chân ông kia, đó là một đứa bé bị lửa thiêu chết. Lớn hơn em gái tôi và một phần cơ thể đã bị nướng chín.”

“Tôi không biết anh muốn gì.”

Hannibal xỏ một bàn tay vào cái găng tay cao su. “Muốn nghe những gì ông phải nói về việc ăn thịt em gái tôi.”

“Tôi không làm thế.”

Hannibal nhấn Milko chìm hẳn xuống dưới dung dịch ướp xác. Một lúc lâu sau, hắn tóm sợi xích kéo y lên, đổ nước lên mặt y, xối nước vào mắt y.

“Đừng có nói thế lần nữa,” Hannibal nói.

“Tất cả chúng tôi đều rất khổ sở, khổ sở kinh khủng,” Milko nói ngay khi có thể lên tiếng. “Tay tê cóng, chân thối rữa. Cho dù chúng tôi có làm gì đi chăng nữa thì cũng chỉ vì muốn được sống sót. Grutas ra tay nhanh lắm, cô bé không hề... Chúng tôi đã để cậu sống, chúng tôi...”

“Grutas ở đâu?”

“Nếu tôi nói cho cậu biết, cậu sẽ cho phép tôi đưa cậu đi lấy tiền chứ? Nhiều tiền lắm, tiền đô la. Cậu muốn lấy thêm nhiều tiền nữa cũng được, chúng ta có thể dùng những thông tin tôi biết và bằng chứng của cậu để tổng tiền bọn họ.”

“Grentz ở đâu?”

“Canada.”

“Chuẩn. Giờ tôi hỏi thì liệu mà trả lời thành thật. Grutas ở đâu?”

“Gã có một ngôi nhà gần Milly-le-Forêt.”

“Giờ gã dùng tên gì?”

“Gã mở công ty lấy tên là Satrug”

“Gã đã bán tranh của tôi chưa?”

“Một lần, để mua một lô morphine, chỉ thế thôi. Chúng tôi có thể lấy lại những bức tranh đó.”

“Ông đã ném thử thức ăn ở nhà hàng của Kolnas bao giờ chưa? Món kem trái cây không tệ đâu.”

“Tôi đang để tiền trong xe tải.”

“Muốn nói lời cuối gì không? Trăng trời gì không?”

Milko há miệng định nói thì Hannibal đóng sầm cái nắp nặng trình trịch xuống. Cái nắp thùng cách bề mặt của dung dịch ướp xác chưa đầy ba xentimet. Hannibal bỏ ra khỏi phòng, trong lúc Milko đập bùm bụp vào cái nắp như con tôm hùm ở trong nồi. Hannibal đóng cánh cửa lại sau lưng, những cái gioăng cao su rít lên khi cọ vào lớp sơn.

* * *

Thanh tra Popil đang đứng bên cạnh bàn làm việc, nhìn bức phác họa của hãn. Hannibal với tay tóm lấy sợi dây, bật cái quạt thông gió cỡ đại lên và cái quạt loảng xoảng khởi động.

Nghe thấy tiếng quạt, Popil bèn ngẩng đầu lên. Hannibal không biết liệu anh ta có nghe thấy âm thanh nào khác không. Khẩu súng của Milko đang nằm giữa hai bàn chân người chết, bên dưới tấm phủ.

“Chào thanh tra Popil.” Hannibal cầm một ống tiêm thuốc màu lên tiêm vào cái xác. “Ông thông cảm đợi chút xíu nhé, tôi phải làm cho xong cái này đã, nếu không nó lại cứng đờ mất.”

“Cậu đã giết Dortlich ở khu rừng nơi gia đình cậu từng sống.” Hannibal không hề thay đổi nét mặt. Hắn lau sạch mũi kim. “Mặt gã đã bị ăn mất,” Popil nói.

“Chắc hẳn lũ quạ đã xử lý rồi. Rừng ở đó nhan nhản quạ. Con chó vừa quay lưng đi là lũ quạ sà xuống đĩa thức ăn của nó ngay.”

“Những con quạ đã chế biến món thịt xiên nướng.”

“Ông có kể cho phu nhân Murasaki nghe chuyện đó không?”

“Không. Ăn thịt người - chuyện đó từng xảy ra ở Mặt trận phía Đông, và hồi cậu còn nhỏ, chuyện đó đã xảy ra không chỉ một lần.” Popil quay lưng về phía Hannibal, quan sát hắn qua hình phản chiếu trong mặt kính phía trước của một cái tủ. “Nhưng cậu biết thừa chuyện đó rồi, đúng không? Cậu đã có mặt ở đó. Cách đây bốn ngày, cậu đã ở Litva. Cậu đã nhập cảnh bằng thị thực hợp pháp và xuất cảnh bằng đường khác. Bằng đường nào?” Popil không đợi câu trả lời. “Để tôi nói cho cậu biết là bằng đường nào, cậu đã mua giấy tờ của một tay chuyên làm giấy tờ giả ở Fresnes, và đó là một trọng tội.”

Trong phòng ướp xác, cái nắp nặng trĩu hơi nhích lên và mấy ngón tay của Milko hiện ra bên dưới mép thùng. Y bĩu môi in lên cái nắp, hớp lấy chút không khí choán lấy khoảng không gian cao chừng hơn nửa xentimet, một sóng nước nhỏ tràn lên phủ khắp mặt y khiến y ngạt thở và y phải dán sát mặt vào khe hở chỗ mép nắp thùng, hít một hơi thở tặc nghẹn.

Trong phòng thí nghiệm giải phẫu, vừa nhìn vào lưng Popil, Hannibal vừa dồn thêm chút trọng lực lên buồng phổi của đối tượng nghiên cứu, làm nó phát ra một tiếng xì đầy mãn nguyện kèm theo tiếng ùng ục. “Xin lỗi,” hắn nói. “Lúc nào cũng thế.” Hắn chỉnh cái đèn Bunsen đặt bên dưới một bình cổ cong cho ngọn lửa mạnh thêm để dung dịch trong bình sôi mạnh hơn.

“Khuôn mặt trên bức vẽ kia không phải là mặt đối tượng nghiên cứu của cậu. Đó là mặt Vladis Grutas. Giống như các bức vẽ trong phòng cậu. Cậu

cũng đã giết Grutas hả?”

“Tất nhiên là không.”

“Cậu đã tìm ra gã chưa?”

“Nếu tôi tìm thấy gã, xin hứa là chắc chắn ông sẽ biết.”

“Đừng có phỉnh phờ tôi! Cậu có biết gã đã cưa đứt đầu tay giáo sĩ Do Thái ở Kaunas không? Có biết gã đã bắn bọn trẻ con du mục trong rừng? Cậu có biết gã đã dễ dàng giành thắng lợi trong phiên tòa Nuremberg vì một nhân chứng đã nuốt phải axit? Cứ vài năm một lần, tôi lại đánh hơi thấy cái mùi hôi thối của gã, nhưng lần nào gã cũng biến mất. Nếu biết cậu đang săn đuổi gã, thế nào gã cũng sẽ giết chết cậu. Gã đã sát hại gia đình cậu à?”

“Gã đã giết chết em gái tôi rồi ăn thịt nó.”

“Cậu chứng kiến à?”

“Phải.”

“Chắc cậu sẵn sàng làm chứng trước tòa.”

“Tất nhiên.”

Popil nhìn Hannibal một hồi lâu. “Nếu cậu giết người ở Pháp, Hannibal, tôi sẽ chứng kiến đầu cậu nằm trong giỏ liểu. Phu nhân Murasaki sẽ bị trục xuất. Cậu có yêu phu nhân Murasaki không?”

“Có chứ. Còn ông?”

“Các tập hồ sơ ở Tòa án Nuremberg còn lưu rất nhiều bức ảnh của gã. Nếu phía Xô Viết phát tán chúng, nếu họ có thể tìm thấy gã, bên An ninh đang giữ một người có thể được dùng để trao đổi với gã. Nếu chúng tôi có thể tóm được gã, tôi sẽ cần cậu cung cấp bằng chứng. Còn có bất kỳ chứng cứ nào khác không?”

“Dấu răng trên xương.”

“Nếu ngày mai cậu không trình diện tại văn phòng tôi, tôi sẽ phải bắt giữ cậu.”

“Tạm biệt, thanh tra.”

Trong phòng ướp xác, bàn tay dùi đục của Milko trượt trở lại vào trong thùng, cái nắp đóng lại chặt khít và y kêu to lời trăng trối với một khuôn mặt

quắt queo trước mắt: *Mẹ cái trang trại này chứ.*

* * *

Giữa bóng đêm trong phòng thí nghiệm giải phẫu, Hannibal làm việc một mình. Hắn đứng cạnh xác chết, chỉ còn vài bước nữa là hoàn thành bức vẽ. Trên mặt bàn, một cái găng tay cao su dày bị buộc lại chỗ cổ tay, đựng đầy dung dịch gì đấy. Cái găng tay treo lơ lửng phía trên một cốc bột. Một cái đồng hồ bấm giờ tích tắc bên cạnh.

Hannibal phủ một tấm màng bảo vệ trong suốt lên trên tập giấy vẽ. Hắn che kín cái xác rồi đẩy xe đưa nó vào giảng đường. Hắn mang đôi giày của Milko từ trong bảo tàng giải phẫu để lên trên cái cẳng y tế sát lò hỏa thiêu, bên cạnh bộ quần áo của y, cùng với những món đồ moi ra được từ trong các túi quần của y, một con dao gập, chùm chìa khóa và một cái ví. Cái ví đựng tiền và một cái vành mép bao cao su được Milko tròng vào khi muốn đánh lừa đám phụ nữ trong cảnh tranh tối tranh sáng. Hannibal lấy hết tiền ra. Hắn mở nắp lò thiêu. Cái đầu của Milko lọt thỏm giữa những lưỡi lửa bập bùng. Nhìn thế này, y chẳng khác gì tên phi công Stuka bị thiêu cháy ấy. Hannibal ném đôi bột của Milko vào trong lò và một chiếc bột va vào cái đầu, hất cái đầu văng về phía sau, biến mất khỏi tầm nhìn.

MỘT CHIẾC XE TẢI NĂM TẤN chở đồ phế thải chiến tranh mới được thay gạt, đỗ phía bên kia đường đối diện phòng thí nghiệm giải phẫu, chắn hết một nửa vỉa hè. Thật đáng ngạc nhiên là cho đến lúc này, vẫn chưa có tấm vé phạt nào được kẹp lên kính chắn gió. Hannibal thử tra chùm chìa khóa của Milko vào cửa xe phía tài xế. Cửa mở. Một phong bì hồ sơ kẹp vào kính xe đề lên tấm che nắng phía tài xế. Hắn nhìn lướt qua đồng giấy tờ.

Nhờ một cầu dẫn hàng cất trên sàn xe tải, Hannibal chuyển chiếc mô tô hẳn dựng ở lề đường lên xe. Hắn lái xe tải đến hẻm Montempoivre gần công viên Bois de Vincennes, đỗ nó vào trong bãi xe tải gần đường tàu. Hắn bỏ hai tấm biển số xe xuống dưới ghế ngồi trong buồng lái rồi khóa cửa lại.

Hannibal Lecter ngồi trên yên mô tô, giữa một vườn cây ăn quả trên sườn đồi, ăn sáng bằng mấy quả vả châu Phi tuyệt hảo mà hắn tìm được trong khu chợ trên đường Buci kèm với một miếng giăm bông Westphala. Từ đây, hắn có thể quan sát con đường chạy dưới chân đồi và phía xa xa cách chừng một phần tư dặm, là lối vào tư dinh của Vladis Grutas.

Trong vườn ồn ã tiếng ong bay, vài con cứ vo ve mãi quanh đám vả của hắn cho tới khi hắn phải lấy khăn tay che lại. García Lorca, thời gian gần đây bắt đầu được công chúng Pháp yêu thích trở lại, từng ví trái tim với một vườn cây ăn quả. Đương lúc Hannibal nghĩ đến hình ảnh tượng trưng đó và rồi, như những gã trai trẻ bình thường khác, nghĩ tới hình dạng những trái đào trái lê, thì một chiếc xe tải thợ mộc xuất hiện trên con đường bên dưới, chạy qua chỗ hắn đang đứng và dừng lại trước cổng nhà Grutas. Hannibal giơ cái ống nhòm của cha hắn lên.

Vladis Grutas ở trong một dinh thự lớn mang phong cách Bauhaus, được xây dựng vào năm 1938 trên khu đất trang trại, với tầm nhìn trông ra sông Essonne. Tòa nhà bị bỏ hoang trong thời kỳ chiến tranh và vì thiếu mái gie nên nước cứ thế chảy xuống làm ố đen cả mấy bức tường trắng. Toàn bộ mặt

tiền và một bên hông nhà đã được sơn lại trắng tinh còn mấy bức tường chưa được sơn thì đều đang dựng sẵn giàn giáo. Trong thời kỳ bị chiếm đóng, tòa nhà đã được trưng dụng làm trụ sở bộ tham mưu và quân Đức đã gia tăng các biện pháp bảo vệ cho nơi này. Một hàng rào mắt cáo kết hợp với dây thép gai bao quanh khu đất, bảo vệ khối kiến trúc bằng kính và bê tông này. Một chốt bảo vệ bằng bê tông chặn chỗ lối vào, nhìn chẳng khác gì cái công sự. Một cửa sổ hẹp vắt ngang mặt trước chốt bảo vệ, tô điểm thêm bồn hoa, giúp nó mềm mại đi đôi chút. Khẩu súng máy lắp đặt ở cửa sổ có thể quét khắp con đường, nòng súng gạt đám hoa sang bên.

Hai người đàn ông bước ra từ chốt bảo vệ, một tóc vàng một tóc đen, cả hai đều xăm trổ đầy người. Hai gã bảo vệ cầm theo một cái gương cán dài để khám xét phía dưới gầm xe tải. Đám thợ mộc buộc phải xuống hẳn khỏi xe xuất trình thẻ căn cước. Đám người vẫy tay rồi nhún vai trao qua đổi lại với nhau một hồi. Hai gã bảo vệ cho xe tiến vào bên trong.

Hannibal lái mô tô vào giữa một bãi cây nhỏ, đỗ xe trong một bụi rậm. Hắn vô hiệu hóa nút đề máy bằng cách kín đáo gài một mẩu dây điện vào phía sau mấy điểm tiếp xúc, sau đó hắn đặt một tờ ghi chú lên trên yên xe, thông báo hắn phải đi tìm đồ sửa xe. Hắn cuốc bộ nửa tiếng đồng hồ ra đường cao tốc rồi bắt xe xin đi nhờ về Paris.

* * *

Bãi bốc hàng của Công ty Nhạc cụ Gabrielle nằm trên đường Paradis, giữa một cửa hàng thiết bị chiếu sáng và một tiệm sửa chữa đồ pha lê. Mấy công nhân kho hàng đang hoàn thành nốt nhiệm vụ cuối cùng trong ngày, chất cây đàn piano Bösendorfer đáng năm cỡ nhỏ lên chiếc xe tải của Milko, cùng với ghế đàn đóng thùng riêng. Hannibal ký *Zigmas Milko* vào hóa đơn, vừa ký vừa thầm nhẩm lại cái tên này.

Cuối ngày làm việc, đoàn xe tải của công ty nhạc cụ nối đuôi nhau tiến vào bãi bốc hàng. Hannibal đứng yên tại chỗ, đưa mắt nhìn một nữ tài xế bước xuống từ một chiếc xe. Cô không khó nhìn chút nào dù đang mặc bộ áo liền quần, cử chỉ hoạt bát đậm chất Pháp. Cô vào trong tòa nhà rồi mấy phút sau lại quay trở ra, đã thay sang quần dài áo cánh, kẹp nách bộ áo liền

quần gấp gọn. Cô bỏ bộ quần áo vào trong túi đeo gài sau yên một chiếc xe máy nhỏ. Cô cảm thấy ánh mắt Hannibal đang dõi theo mình, bèn quay đầu lại, xoay khuôn mặt xinh xắn tinh nghịch về phía hắn. Cô rút một điếu thuốc lá ra để hẵn châm hộ.

“Cảm ơn nhé, ngài... Zippo.” Cô nói nhiều tiếng lóng, tính cách sôi nổi, ánh mắt linh động và cô hút thuốc với điệu bộ rất khoa trương.

Những con người bận rộn đang hối hả qua lại trong bãi bốc hàng căng tai ra cố nghe xem hai người đang nói gì, nhưng họ chỉ nghe được tiếng cô cười. Trong lúc họ nói chuyện, cô luôn nhìn thẳng vào mặt Hannibal và dần dần, cô không còn đáng vẻ làm duyên làm dáng nữa. Cô dường như bị hẵn hút hồn, gần như bị thôi miên. Họ sánh bước bên nhau, đi xuôi con phố tiến về phía một quán bar.

* * *

Mueller đang trong ca trực ở bất bảo vệ cùng với một gã người Đức tên Gassmann, kẻ vừa hoàn thành nhiệm vụ trong binh đoàn lê dương Pháp. Mueller đang tìm cách mời chài gã kia mua một cái hình xăm thì chiếc xe tải của Milko lừ lừ tiến lại chỗ lối xe vào.

“Gọi bác sĩ hoa liễu đi, Milko ở Paris về rồi kìa,” Mueller nói. Gassmann tinh mắt hơn. “Không phải Milko đâu.”

Chúng bước ra ngoài bất.

“Milko đâu?” Mueller hỏi người phụ nữ ngồi sau tay lái.

“Sao tôi biết được? Ông ta thuê tôi mang cây đàn piano này tới cho các anh. Ông ta bảo sẽ đến sau vài ngày nữa. Hai anh chàng lực lưỡng bê hộ tôi cái xe máy ở thùng xe xuống với.”

“Ai đã thuê cô?”

“Ông Zippo.”

“Chắc hẳn cô muốn nói là Milko.”

“Đúng rồi, Milko.”

Một chiếc xe giao hàng dừng lại đợi phía sau chiếc xe tải năm tấn, tài xế giao hàng phì phèo điếu thuốc, các ngón tay gõ nhịp trên tay lái.

Gassmann nâng tấm bạt che ở đuôi cái xe tải năm tấn lên. Gã nhìn thấy một cây đàn piano đựng trong thùng thưa và một cái thùng trát thạch cao kín mít dán nhãn bằng cả tiếng Pháp và tiếng Anh: DỪNG CHO HẦM RƯỢU - BẢO QUẢN Ở CHỖ MÁT. Cái xe máy được buộc vào mấy thanh ngang gắn vào thành xe. Trong thùng xe có cầu dẫn, nhưng thà xách cái xe máy nhỏ kia lên cho xuống dưới đất còn đơn giản hơn.

Mueller tới giúp Gassmann bê xe máy xuống. Gã nhìn người phụ nữ.

“Cô muốn uống gì không?”

“Ở chỗ này thì không” cô nói, vung chân vắt ngang qua chiếc xe máy.

“Cái xe máy của cô kêu như tiếng xì hơi ấy,” Mueller gọi với theo trong lúc người phụ nữ lái xe đi xa dần.

“Mày đang chinh phục cô nàng bằng màn chuyện trò tinh tế đấy,” gã người Đức còn lại nói.

* * *

Thợ chỉnh dây đàn piano gầy trơ xương, răng lốm đốm vết xỉn màu và đôi môi luôn thường trực một nụ cười toe toét, y như Lawrence Welk*. Khi đã chỉnh dây xong cho cây đàn Bösendorfer màu đen, anh ta bèn đi thay đồ, mặc áo đuôi tôm, thắt cái cà vạt trắng cổ lỗ rồi lại đi ra để chơi đàn chào đón khách khứa của Grutas. Tiếng đàn đập vào sàn nhà lát gạch, va vào những tấm kính lắp trong nhà, nghe chát chúa. Các ngăn kệ trên chiếc giá sách bằng thép và kính kê gần cây đàn piano rầm rì hòa âm theo gam Si giáng, cho tới khi anh ta di chuyển vị trí các cuốn sách thì nó tăng lên thành Si. Lúc này, anh ta đã ngồi trên một cái ghế lấy từ phòng bếp để chỉnh dây, nhưng anh ta không muốn ngồi trên đó để chơi đàn.

“Tôi ngồi ở đâu được nhỉ? Cái ghế đàn đâu?” anh ta hỏi cô hầu và cô này bèn hỏi Mueller. Mueller tìm cho anh ta một cái ghế có độ cao phù hợp, nhưng ghế này lại có tay. “Nếu thế này thì lúc đánh đàn tôi sẽ phải bè hai khuỷu tay ra,” người chỉnh dây đàn nói.

“Câm mẹ nó mồm lại rồi chơi nhạc Mỹ đi,” Mueller nói. “Ông ấy muốn nhạc cocktail Mỹ, có hát đệm.”

Bữa tiệc cocktail được tổ chức cho ba mươi khách mời, những kẻ trôi dạt bước ra từ chiến tranh luôn nhìn thế giới xung quanh bằng con mắt hiếu kỳ. Ivanov của Đại sứ quán Liên Xô cũng có mặt tại đây, ăn mặc bảnh bao quá mức so với vai trò đầy tớ của đất nước. Y đang chuyện trò với một thượng sĩ Mỹ phụ trách giữ sổ sách ở Trạm Phân phối hàng cho Quân đội Mỹ đặt tại Neuilly. Viên thượng sĩ mặc thường phục, một bộ com lê rộng rãi thoải mái kiểu Mỹ, vải ca rô bản to với màu sắc làm nổi bật cái u mạch nhện trên cánh mũi. Ngài giám mục từ Versailles đến được hộ tống bởi thầy dòng đã làm móng cho ông ta.

Lúc hôn lên chiếc nhẫn đeo trên ngón tay ngài giám mục, Grutas quan sát thấy dưới ánh đèn nê ông gay gắt, bộ com lê đen của ông ta lại ánh lên màu thịt bò nướng tái. Họ nói chuyện một lát về những người quen chung ở Argentina. Bầu không khí Vichy đặc sệt bao phủ khắp phòng.

Người chơi đàn piano ban phát cho đám đông nụ cười nhe răng quen thuộc cùng với mấy ca khúc của Cole Porter nhưng câu từ chỗ đúng chỗ sai. Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ tư của anh ta nên thình thoảng, anh ta lại buộc phải tự chế lời mà hát.

“Dù ngày hay đêm, em vẫn là vàng thái dương. Chỉ mình em dưới trăng, em là duy nhất.”

* * *

Tầng hầm gần như tối đen. Một bóng đèn độc nhất tỏa sáng cạnh cầu thang. Tiếng nhạc mơ hồ từ trên nhà vẳng xuống.

Một giá rượu phủ kín bức tường hầm. Gần giá rượu là mấy thùng thưa, vài cái đã mở nắp, vỏ bà* tung tóe tràn ra ngoài. Một chậu rửa bát mới tinh bằng thép không gỉ nằm trên sàn, bên cạnh một máy hát tự động Rock-Ola Luxury Light-Up cùng đồng đĩa hát vừa mới phát hành và mấy cọc tiền đồng loại năm xu để bỏ vào máy hát. Một cái thùng thưa nằm cạnh bức tường rượu, dán nhãn DỪNG CHO HẦM RƯỢU - BẢO QUẢN Ở CHỖ MÁT. Một tiếng cọt két từ bên trong thùng vọng ra.

* * *

Nghệ sĩ piano nện phím đàn bỗ sung một đoạn nhạc mạnh để át hẳn tiếng anh ta hát mấy câu ngẫu hứng, *Dẫu em hay anh có rời xa, Dẫu anh cách xa thì em yêu ơi nào có xá chi, Anh vẫn mãi nghĩ về em cả ngày lẫn đêmêmêmêm.*

Grutas đi xuyên qua đám khách khứa, vừa đi vừa bắt tay mọi người. Gã khẽ hất đầu, ra hiệu cho Ivanov đi vào thư viện. Thư viện mang hơi hướng hiện đại giản dị, một cái bàn làm việc kiểu bàn kê trên niềng, các giá sách bằng thép và kính, một tác phẩm điêu khắc của Anthony Quinn theo phong cách Picasso mang tên “Logic là mộng đàn bà”. Ivanov ngắm nghía bức tượng một hồi.

“Anh thích nghệ thuật điêu khắc à?” Grutas hỏi.

“Cha tôi từng làm giám tuyến ở St. Petersburg, hồi nó còn là St. Petersburg.”

“Nếu thích thì anh cứ sờ hẳn tay vào cũng được,” Grutas nói.

“Cảm ơn. Mấy món đồ cho Moskva thế nào rồi?”

“Ngay lúc này, sáu mươi cái tủ lạnh đang ở trên tàu hỏa chạy qua Helsinki. Tủ Kelvinator. Còn anh có gì cho tôi đấy?” Grutas không kiềm chế được, cứ thế bật ngón tay đánh choách.

Thấy Grutas búng ngón tay, Ivanov không trả lời ngay mà bắt Grutas đợi một hồi trong lúc y nghiên cứu bộ mộng bằng đá. “Đại sứ quán không lưu hồ sơ nào liên quan đến thằng nhóc đó hết,” cuối cùng y nói. “Nó được cấp thị thực Lítva vì đã đề xuất viết một bài báo cho tờ *L’Humanité*. Nó định viết về chuyện tập thể hóa ruộng đất đã hiệu quả ra sao, trong khi ruộng đất của chính nhà nó đã bị tịch thu và miêu tả niềm hân hoan của nông dân vì được chuyển tới thành phố, tham gia xây dựng nhà máy xử lý nước thải. Một nhà quý tộc bảo chứng cho cuộc cách mạng.”

Grutas khịt mũi.

Ivanov bỏ một bức ảnh lên trên mặt bàn rồi đẩy nó sang đầu bàn bên kia cho Grutas xem. Trong bức ảnh, phu nhân Murasaki và Hannibal đang ở bên ngoài khu căn hộ của cô.

“Ảnh chụp bao giờ?”

“Sáng hôm qua. Lúc người của tôi chụp ảnh này, Milko đang ở cùng anh ta. Thăng nhóc Lecter là sinh viên, làm việc ban đêm, ngủ tại trường y. Người của tôi đã cho Milko xem mọi thứ rồi - tôi không muốn biết gì nữa.”

“Lần cuối cùng anh nhìn thấy Milko là khi nào?”

Ivanov nhìn lên, ánh mắt sắc lẹm. “Hôm qua. Có chuyện gì à?”

Grutas nhún vai bỏ qua câu hỏi. “Có lẽ chẳng có chuyện gì hết. Người phụ nữ đó là ai đấy?”

“Mẹ kế của nó, hoặc gì đó đại loại thế. Cô ta đẹp lắm,” Ivanov nói, vẫn mân mê cái móng bằng đá.

“Cô ta có bộ móng như thế này không?”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Cảnh sát Pháp có tới chứ?”

“Một thanh tra tên là Popil.”

Grutas bặm môi, dường như nhất thời quên mất Ivanov đang hiện diện trong phòng.

* * *

Mueller và Gassmann quan sát khắp lượt đám đông khách khứa. Chúng giữ áo khoác cho các vị khách và thường xuyên quan sát để không người khách nào có cơ hội lấy trộm được thứ gì. Trong phòng giữ áo khoác, Mueller túm lấy cái nơ con bướm đeo quanh cổ áo Gassmann, kéo căng sợi dây thun rồi vặn cái nơ xoay một trăm tám mươi độ, sau đó thả tay ra để cái nơ bật ngược lại đập bộp vào cổ áo.

“Mày có thể xoắn nó lại như một cái cánh quạt nhỏ rồi bay như tiên không?” Mueller hỏi.

“Cứ vặn nó lại lần nữa đi, rồi mày sẽ thấy nó chẳng khác gì cái nắm đấm cửa dẫn vào địa ngục,” Gassmann nói. “Nhìn lại mày kìa. Nhét áo vào trong quần đi. Mày chưa làm phục vụ bao giờ à?”

Chúng phải giúp người giao thực phẩm thu dọn. Trên đường mang một cái bàn gấp phục vụ tiệc xuống dưới tầng hầm, chúng không nhìn thấy một chiếc găng tay cao su căng phồng, nắm khứa bên dưới cầu thang, đang treo lủng lơ phía trên một đĩa bột, cùng với một dây chày dẫn vào một cái thùng

thiếu loại ba kilogam trước đây dùng đựng mỡ lợn. Một phản ứng hóa học chậm chạp diễn ra trong lúc nhiệt độ hạ xuống dần.

Tầng hầm nhà Grutas lạnh hơn năm độ so với ở trường y.

NGƯỜI HẦU GÁI đang trải bộ pyjama bằng lụa của Grutas lên trên giường thì nghe tiếng gã gọi, bảo cô ta phải mang thêm hai cái khăn tắm nữa cho gã.

Cô hầu không hề muốn mang khăn tắm vào phòng tắm của Grutas, nhưng lần nào gã cũng bắt cô ta phải làm thế. Cô ta không thể không vào trong đó, nhưng cô ta vẫn có thể tránh mắt đi. Phòng tắm của Grutas được ốp toàn bộ bằng gạch trắng và thép không gỉ, được trang bị một bồn tắm rộng rãi cùng một phòng xông hơi lắp cửa kính mờ, bên ngoài là khoang tắm đứng với vòi sen nữa.

Grutas đang nằm trong bồn tắm, đầu tựa lên thành bồn. Người nữ tù bị gã mang từ thuyền về lúc trước đang cạo lông ngực cho gã bằng dao cạo râu, lưỡi dao lam bị khóa lại bên trong nắp dao, phải có chìa khóa mới tháo hẳn ra được. Một bên sườn mặt người nữ tù sưng vù. Cô hầu không muốn phải đối mặt với cô ta.

Khoang tắm đứng trắng toát, kín bưng như một buồng cô lập giác quan, đủ chỗ cho bốn người. Trong căn buồng này, bởi tính vang âm khác thường của nó mà mọi mẫu âm thanh đều như bị khuếch đại. Nằm trên mặt sàn trắng ấy, Hannibal có thể nghe thấy tiếng những sợi tóc của hăn kêu lạo xạo trong khoảng không gian chẵn giữa đầu hăn và lớp gạch lát. Giấu người bên dưới mấy cái khăn tắm cũng màu trắng, hăn gần như vô hình đối với bất cứ ai nhìn từ trong phòng xông hơi xuyên qua cánh cửa kính mờ. Dưới đồng khăn tắm, hăn có thể nghe rõ tiếng thở của chính mình. Cảm giác này gợi hăn nhớ lại ký ức hăn cùng Mischa bị cuộn lại trong tấm thảm. Thay vì mái tóc ấm áp của con bé kề sát khuôn mặt hăn, Hannibal ngửi thấy mùi của khẩu súng lục, mùi đầu máy, mùi thuốc nổ và mùi vỏ đạn bằng đồng.

Hăn có thể nghe thấy giọng Grutas nhưng đến tận giờ phút này, ngoài lúc nhìn qua ống nhòm, hăn vẫn chưa thấy mặt y. Chất giọng của y vẫn không

hề khác so với trước kia, vẫn đúng cái giọng nói rầu rĩ trên chòm thường vang lên trước cú đánh.

“Hơ cái áo bông tắm của tao lên cho ấm,” Grutas nói với cô hầu. “Sau đó tao muốn xông hơi một lúc. Bật máy lên đi.” Cô hầu lẹ làng quay lại buồng xông hơi để mở van ra. Trong buồng xông hơi trắng toát, thứ màu sắc khác duy nhất là màu đỏ của viền nhiệt kế và đồng hồ hẹn giờ. Nhìn bề ngoài, chúng khá giống với các máy đo trên tàu thuyền, các chữ số đều to, đủ để đọc được trong màn hơi nước. Kim phút trên chiếc đồng hồ hẹn giờ lúc này đã đi chuyển gần hết một vòng, tiến tới chỗ kim chỉ mốc màu đỏ.

Grutas kê tay ra sau đầu. Hình phù hiệu tia chớp của SS Đức Quốc xã được xăm ở mặt trong cánh tay y. Y gồng cơ bắp tay khiến cho hình tia chớp giãn giật chuyển động theo.

“Bùm! Mẹ kiếp!” Gã cười phá lên khi thấy người phụ nữ bị gã cầm tù kia co rúm người lại tránh ra xa. “Khôngôngôngông, anh sẽ không đánh cô em nữa đâu. Giờ anh thích cô em rồi. Anh sẽ chữa răng cho cô em, lấp cho cô em bộ răng mới, bộ răng mà cô em có thể cất trong một cái cốc đặt cạnh giường, gọn gàng.”

Hannibal bước qua cánh cửa kính, lọt vào giữa màn hơi nước mịt mù, khẩu súng giơ lên chĩa thẳng vào tim Grutas. Bên tay kia, hấn cầm theo một chai cồn.

Grutas vươn người ngồi thẳng dậy trong bồn tắm, da gã cọ vào thành bồn kêu rin rít, và người phụ nữ lập tức bày ra tư thế phòng vệ, không hề ý thức được Hannibal đang đứng ngay sau lưng cô ta.

“Tôi rất mừng vì cậu đã đến đây,” Grutas nói. Y nhìn cái chai, hy vọng Hannibal đang say. “Tôi vẫn luôn cảm thấy mắc nợ cậu.”

“Tôi đã thảo luận về vấn đề đó với Milko rồi.”

“Và sao?”

“Ông ta đã tìm ra giải pháp.”

“Tất nhiên là tiền rồi! Tôi đã đưa tiền để gã cầm theo, gã đã đưa nó cho cậu rồi hả? Tốt!”

Hannibal nói với người phụ nữ, không buồn cúi xuống nhìn cô ta. “Dấp khăn tắm vào bồn cho ướt đi. Sau đó tới góc phòng ngồi xuống, phủ khăn lên trên mặt. Làm đi. Nhúng khăn vào bồn cho ướt.”

Người phụ nữ té nước lên cái khăn tắm rồi cầm khăn lúi vào trong một góc phòng.

“Giết ông ta đi,” cô ta nói.

“Tôi đã chờ rất lâu mới được nhìn tận mặt ông,” Hannibal nói. “Tất cả những kẻ bắt nạt từng bị thương dưới tay tôi đều được tôi gán cho khuôn mặt của ông. Tôi cứ tưởng ông phải to cao hơn cơ.”

Người hầu gái mang cái áo choàng tắm vào phòng ngủ. Qua cánh cửa phòng tắm để ngỏ, cô ta có thể nhìn thấy nòng súng và ống giảm thanh. Cô ta quay lại bỏ ra khỏi phòng, đôi dép lê không làm vang lên bất cứ âm thanh nào trên mặt sàn trải thảm.

Grutas cũng đang nhìn khẩu súng. Đây là súng của Milko. Trên thân súng lắp một khóa nòng để gắn ống giảm thanh. Nếu dùng không quen, thằng nhóc Lecter sẽ chỉ bắn được một phát đạn. Sau đó, thằng nhóc sẽ buộc phải loay hoay mới bắn thêm được phát nữa.

“Cậu có nhìn thấy tôi có những đồ đạc gì trong nhà này không, Hannibal? Các cơ hội từ chiến tranh đấy! Cậu đã quá quen với những món đồ tinh xảo, và cậu hoàn toàn có cơ hội được sở hữu chúng. Chúng ta giống nhau cả! Chúng ta là Những Con Người Mới, Hannibal. Cậu, tôi - lớp kem trên mặt bánh - chúng ta sẽ luôn nổi lên tới đỉnh cao!” Y lấy bàn tay hút bột rồi giơ cao lên, minh họa cho hình ảnh nổi lên kia, để thằng nhóc Lecter quen với cử động của y.

“Thẻ bài quân đội không nổi đâu.” Hannibal ném cái thẻ bài quân đội của Grutas vào trong bồn tắm và nó lặn xuống, nằm dưới đáy bồn như một chiếc lá rụng. “Còn mới nổi.” Hannibal vung tay ném cái chai và nó đập vào ô gạch lát phía trên Grutas vỡ tan, đổ tóe xuống đầu y thứ chất lỏng khiến da y râm ran, những mẩu thủy tinh vỡ rơi xuống tóc y. Hannibal móc trong túi quần ra chiếc bật lửa định đốt Grutas. Đúng lúc hấn búng tay bật lửa, Mueller chĩa một khẩu súng lục chạm vào phía sau tai hắn.

Gassmann và Dieter, mỗi gã một bên, túm chặt hai cánh tay Hannibal. Mueller đẩy mũi súng của Hannibal chĩa lên trần rồi tước khẩu súng khỏi tay hắn. Mueller nhét khẩu súng vào thắt lưng.

“Đừng bắn,” Grutas nói. “Đừng làm vỡ gạch trong này. Tao muốn chuyện trò với thằng này một lát. Sau đó nó sẽ được chết trong một cái bồn tắm như em gái nó.” Grutas bước ra khỏi bồn, giẫm chân lên trên một cái khăn tắm. Y ra hiệu về phía người phụ nữ, giờ đang sẵn sàng làm tất cả những gì có thể cốt cho y vừa lòng. Y xoay người tại chỗ, dang rộng hai cánh tay, để người phụ nữ cầm vòi nước khoáng xenxe xịt lên phần thân mình vừa được cạo lông nhẵn nhụi.

“Mày có biết cái thứ nước sủi ga này mang lại cảm giác thế nào không? Nó mang lại cảm giác dường như được tái sinh. Tao là một con người mới, trong một thế giới mới không có chỗ cho mày. Tao không tin chỉ có mình mày mà giết nổi Milko.”

“Có người đã cho tôi mượn một tay,” Hannibal nói.

“Giữ nó trên bồn tắm, rồi khi nào tao bảo thì cắt cổ nó.” Ba gã đàn ông vật lộn ấn thân Hannibal xuống sàn, giữ đầu và cổ hắn lơ lửng phía trên bồn tắm. Mueller có một con dao gấp. Gã kê lưỡi dao lên cổ Hannibal.

“Nhìn tao này, bá tước Lecter, hoàng tử của tao, vặn đầu lại nhìn tao đây này, kéo căng cái cổ họng ra rồi chẳng mấy chốc mày sẽ cạn sạch máu. Mày sẽ không phải chịu đau đớn quá lâu đâu.”

Nhìn xuyên qua cánh cửa buồng xông hơi, Hannibal có thể thấy cây kim trên chiếc đồng hồ hẹn giờ đang tích tích di chuyển chậm rãi.

“Trả lời tao xem,” Grutas nói. “Nếu con bé đó đang sắp chết đói thì mày có sẵn lòng cho nó ăn thịt tao không? Vì mày yêu nó?”

“Tất nhiên là có.”

Grutas mỉm cười véo má Hannibal.

“Đây. Mày hiểu vấn đề rồi đấy. Tình yêu. Tao yêu bản thân nhiều đến thế đấy và tao sẽ không bao giờ xin lỗi mày. Mày đã mất em gái trong chiến tranh.” Grutas ợ hơi và cười phá lên. Cái ợ đó đã thể hiện rõ thái độ của tao đấy. Mày đang tìm kiếm lòng thương cảm hả? Nó nằm trong từ điển ấy, sau

các từ cút và bệnh giang mai. Cắt cổ nó đi, Mueller. Đây sẽ là điều cuối cùng mà được nghe trên cõi đời này, để tao nói cho mày biết mày đã làm gì để sống. Mày...”

Tiếng nổ âm vang, phòng tắm rung lên bần bật, bồn rửa mặt bị bắn ra khỏi tường, nước phun ra từ các đường ống, đèn tắt. Vật lộn trên sàn nhà trong bóng tối, Mueller, Gassmann và Dieter túm tụm đè lên người Hannibal, cuốn cả người phụ nữ kia vào mớ lộn xộn. Con dao cửa vào cánh tay Gassmann khiến gã này chửi thề và ré lên inh ỏi. Hannibal thúc cùi chỏ vào mặt một gã và đứng thẳng dậy, một khẩu súng khạc đạn, ánh lửa nháng lên chói lóa trong căn phòng ốp lát, vụn gạch vữa bắn ra châm vào mặt hăn. Khói, khói mù mịt, cuồn cuộn bay từ tường ra. Một khẩu súng trượt trên mặt sàn, Dieter đuổi theo sau. Grutas nhặt khẩu súng lên, người phụ nữ nhảy bổ lên người y, móng tay cắm vào mặt y, nhưng y đã nã hai phát vào ngực cô ta. Gã đứng thẳng dậy, tay lăm lăm súng. Hannibal quật cái khăn tắm ướt ngang qua mắt Grutas. Dieter nhảy lên lưng Hannibal, Hannibal ngửa người ném mình về phía sau, đè lên Dieter, cảm nhận rõ cú va chạm khi mép bồn tắm đập vào thắt lưng gã, rồi Dieter buông tay ra. Hannibal chưa kịp đứng dậy thì Mueller đã lại đè lên người hăn, cố thọc hai ngón tay cái to bè của gã vào dưới cằm Hannibal mà bóp cổ hăn. Hannibal húc đầu vào mặt Mueller, lách bàn tay vào khoảng trống giữa hai người, mò ra được một khẩu súng giắt ở thắt lưng gã rồi bóp cò, ngay khi súng vẫn đang giắt trong quần, và gã người Đức to xác tru lên, trượt khỏi người Hannibal ngã lăn xuống sàn. Hannibal cầm theo khẩu súng chạy đi. Hăn buộc phải di chuyển thận trọng trong phòng ngủ tối om, rồi lao vào trong hành lang mù mịt khói. Trong hành lang, hăn nhặt cái xô của người hầu gái lên, xách theo nó chạy xuyên qua căn nhà, giữa chừng nghe thấy một tiếng súng nổ phía sau lưng.

Gã bảo vệ canh cổng đã rời khỏi chốt bảo vệ và chạy được nửa đường tới cửa ra vào. “Đi lấy nước đi!” Hannibal hét lên với gã. Hăn vừa chạy vừa dú cái xô vào tay bảo vệ. “Tôi đi lấy vòi nước đây!” Hăn guồng chân chạy dọc lối xe vào, né vào những lùm cây khi có thể. Hăn nghe thấy những tiếng la hét đuổi theo phía sau. Hăn chạy ngược lên đồi, tới chỗ vườn cây ăn quả. Vội vã với tay về phía nút đê máy, lần tìm sợi dây điện trong bóng tối.

Nhá ga, rồi vít ga lên một chút, lên, lên. Lên, lên. Nghẹt lại một thoáng. Lên. Chiếc BMW bừng tỉnh gầm lên và Hannibal lao vọt ra khỏi bụi rậm, xuôi một con đường hẹp giữa hai hàng cây, ống giảm thanh xe đập vào một gốc cây cụt suýt long ra, rồi ra đến đường cái, chiếc xe gầm lên lao vào trong bóng tối, cái ống giảm thanh lủng lẳng quẹt vào vỉa hè, để lại một vệt tia lửa dài.

* * *

Nhóm lính cứu hỏa ở lại mãi cho tới tận khuya, xịt nước lên những đồng than hồng trong tầng hầm nhà Grutas, phụt nước vào các khoảng trống trên tường. Grutas đứng ở mép vườn, khói và hơi nước cuộn lên nền trời đêm sau lưng y, và y nhìn chăm chăm về hướng Paris.

CÔ SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG CÓ MÁI TÓC đỏ sẫm và đôi mắt màu hạt dẻ giống y như Hannibal. Thấy hắn đứng lùi ra sau, tránh khỏi cái vòi nước trong hành lang trường y để nhường cho cô uống trước, cô ta gí sát mặt vào mặt hắn và khịt khịt mũi. “Cậu bắt đầu hút thuốc từ bao giờ đấy?”

“Tôi đang cố bỏ đây,” hắn nói.

“Lông mày cậu cháy sém rồi kìa!”

“Lúc châm lửa sơ ý quá đấy.”

“Nếu cậu bất cẩn với lửa liếc như thế thì đừng nấu nướng.” Cô ta liếm ướn ngón tay cái rồi vuốt cho mượt lông mày hắn. “Tối nay tôi và bạn cùng phòng nấu thịt bò xốt vang, nhiều lắm nên nếu...”

“Cảm ơn cô. Thật lòng cảm ơn. Nhưng tôi có hẹn rồi.” Hắn đã gửi thư cho phu nhân Murasaki xin phép ghé thăm. Hắn đã tìm thấy một nhánh đậu tía để gửi kèm bức thư, nhánh cây đã khô héo, rất phù hợp để biểu đạt một lời xin lỗi hèn mọn. Thư mời của cô kèm theo hai cành cây nhỏ, một nhánh tường vi và một cành thông có cả một quả thông bé xíu. Cành thông không phải chỉ được gửi đi cho có. Thông có thể gợi ra những ý nghĩa bất tận và đầy kích thích.

* * *

Hàng thủy hải sản quen thuộc của phu nhân Murasaki không làm cô thất vọng. Cô mua được bốn con nhím biển hảo hạng thả trong nước biển mát lạnh được lấy từ chính vùng biển Brittany quê hương chúng. Ở cửa hàng bên cạnh, người bán thịt bán cho cô món lá lách bê đã ướp sẵn sữa tươi và được ép giữa hai tấm kim loại. Cô tạt qua cửa hàng Fauchon mua bánh tart lê và cuối cùng rước thêm một túi cam nữa.

Tay xách nách mang, cô dừng lại trước hàng hoa. Không cần, Hannibal chắc chắn sẽ mang hoa tới.

* * *

Quả nhiên, Hannibal mang hoa tới. Hoa tulip, hoa ly và lá dương xỉ bó thành một bó dài, chìa thẳng lên từ chỗ ngồi đằng sau trên yên xe mô tô của hắn. Hai phụ nữ trẻ nhìn thấy cảnh này lúc đang băng qua đường, bèn bảo hắn bó hoa kia trông chẳng khác gì cái đuôi gà trống. Hắn nháy mắt với họ đúng lúc đèn tín hiệu chuyển màu, rồi rờ ga âm ỉ phóng xe đi, lòng phơi phới.

Hắn đỗ xe trong con ngõ bên cạnh tòa nhà nơi phu nhân Murasaki sinh sống rồi đi bộ vòng qua góc tòa nhà, cầm theo bó hoa tiến đến cổng. Hắn vừa vẫy tay chào người gác cổng thì Popil và hai cảnh sát đô con bước ra từ sau một ngưỡng cửa, tóm lấy hắn. Popil tước bó hoa khỏi tay hắn.

“Không phải hoa tặng ông đâu,” Hannibal nói.

“Cậu đã bị bắt,” Popil nói. Sau khi Hannibal đã bị tra tay vào còng, Popil liền nhét bó hoa vào dưới nách hắn.

* * *

Trong văn phòng riêng ở đường Quai des Orfèvres, thanh tra Popil bỏ lại Hannibal một mình, để hắn ngồi đợi tầm nửa tiếng đồng hồ giữa bầu không khí đặc biệt của đồn cảnh sát. Đến khi quay lại văn phòng, thanh tra Popil thấy gã thanh niên đang cắm cành hoa cuối cùng vào trong một bình nước trên bàn làm việc của anh ta, hoàn tất một tác phẩm cắm hoa nghệ thuật. “Ông có thích nó không?” Hannibal hỏi.

Thanh tra Popil vung cái dùi cui nhỏ bằng cao su quật thẳng vào người Hannibal làm hắn ngã xuống.

“Cậu thì có thích nó không?” Popil hỏi.

Tay cảnh sát đô con hơn trong hai gã tiến lại sau lưng Popil và lừng lững đứng nhìn xuống Hannibal. “Được hỏi câu nào thì trả lời câu ấy đi: tôi đã hỏi cậu có thích nó không?”

“Nó thành thật hơn cái bắt tay của ông nhiều. Và ít nhất cái dùi cui cũng sạch sẽ.”

Popil moi từ một cái phong bì ra hai thẻ bài quân đội được móc vào một vòng dây thắt nút. “Tìm thấy trong phòng cậu đấy. Hai gã này đã bị định tội trong phiên xử vắng mặt ở Nuremberg. Câu hỏi là: Chúng đang ở đâu?”

“Tôi không biết.”

“Cậu không muốn chứng kiến chúng bị treo cổ à? Người hành hình sử dụng phương pháp treo cổ kiểu Anh, nhưng không đến mức bứt đứt đầu chúng. Ông ta không luộc và kéo căng sợi dây thừng. Chúng bị dằn dứ liên tục không khác gì một cái yoyo. Cung cách đó hẳn phù hợp với khẩu vị của cậu.”

“Ông sẽ chẳng bao giờ biết gì về khẩu vị của tôi đâu, ngài thanh tra ạ.”

“Vấn đề không phải là công lý, cậu chỉ cần được là người giết chúng.”

“Cũng như ông thôi, đúng không, thanh tra? Ông luôn quan sát họ chết như thế nào. Đó chính là khẩu vị của ông. Chúng ta nói chuyện riêng được không?” Hãn moi từ trong túi quần ra một lá thư nhuộm máu được bọc trong giấy bóng kính. “Louis Ferrat gửi thư cho ông này.”

Popil ra hiệu cho hai cảnh sát rời khỏi phòng.

“Trong lúc cắt quần áo ra khỏi xác Louis, tôi đã tìm thấy lá thư này gửi cho ông.” Hãn đọc to phần thư phía bên trên chỗ đã bị gấp lại. “*Thanh tra Popil, tại sao ông cứ tra tấn tôi bằng những câu hỏi ông sẽ chẳng tự trả lời được? Tôi đã gặp ông ở Lyons. Và gã còn viết tiếp nữa.*” Hannibal chuyển lá thư cho Popil. “Nếu ông muốn đọc thì giờ nó đã khô rồi đấy. Nó không có mùi đâu.”

Lá thư kêu lạo xạo khi Popil mở nó ra, những vụn giấy sẫm màu rơi ra khỏi nếp gấp. Khi đã đọc thư xong, Popil ngồi im, cầm lá thư để cạnh thái dương.

“Có người thân nào trong gia đình ông vẫy tay chào tạm biệt ông từ trên tàu không?” Hannibal hỏi. “Hôm đó, ông có điều khiển giao thông ở ga tàu hỏa không?”

Popil rụt tay lại.

“Ông không muốn làm thế đâu,” Hannibal nhẹ nhàng nói. “Nếu biết được bất cứ chuyện gì, việc gì tôi lại phải nói cho ông chứ? Đó là một câu hỏi chính đáng đấy, thanh tra. Biết đâu ông sẽ tìm đường đưa chúng sang Argentina.”

Popil nhắm mắt lại rồi lại mở ra. “Tôi vẫn luôn coi Pétain là người hùng của mình. Hồi Thế chiến thứ nhất, cha tôi và các bác các chú tôi đã chiến đấu dưới ngọn cờ của ông ấy. Khi thành lập chính quyền mới, ông ấy đã bảo chúng tôi, ‘Hãy bảo vệ hòa bình cho tới khi chúng ta tổng cổ được bọn Đức đi. Chính quyền Vichy sẽ cứu nước Pháp’. Chúng tôi vốn là cảnh sát, có vẻ như trước sau cũng vẫn chỉ là một nhiệm vụ mà thôi.”

“Hồi đó, ông có hỗ trợ quân Đức không?”

Popil nhún vai. “Tôi bảo vệ hòa bình. Có lẽ điều đó đã góp phần hỗ trợ chúng. Rồi tôi nhìn thấy một trong những chuyến tàu của chúng. Tôi đào ngũ và tìm thấy quân Kháng chiến. Họ không tin tôi, cho tới tận khi tôi giết chết một tên Gestapo. Để trả đũa, quân Đức đã bắn chết tám dân làng. Tôi cảm thấy dường như chính mình đã tự tay giết chết họ. Đó là chiến tranh kiểu gì vậy chứ? Chúng tôi chiến đấu ở Normandy, trong các hàng rào, phải nhận biết nhau bằng tín hiệu này.” Anh ta cầm một dụng cụ tạo tiếng lách cách từ trên bàn làm việc lên. “Chúng tôi giúp quân Đồng Minh từ các vị trí đổ bộ tiến sâu vào trong. Anh ta nhấp dụng cụ đó hai lần. “Thế này có nghĩa tôi là bạn, đừng bắn. Tôi không quan tâm đến Dortlich. Hãy giúp tôi tìm ra chúng. Cậu sẵn lòng Grutas bằng cách nào?”

“Nhờ người thân ở Litva, các mối liên hệ của mẹ tôi trong nhà thờ.”

“Chỉ cần dựa vào lời làm chứng của tên làm giấy tờ giả, tôi cũng có thể tổng giam cậu vì tội sử dụng giấy tờ giả. Nếu tôi thả cậu đi, cậu thề sẽ nói cho tôi biết tất cả những gì cậu phát hiện ra chứ? Cậu sẽ thề có Chúa chứ?”

“Thề có Chúa à? Được, tôi thề có Chúa. Ông có cuốn Kinh Thánh nào không?” Popil có một cuốn *Suy tưởng* trên giá sách. Hannibal rút cuốn sách ra. “Hoặc chúng ta có thể viện đến Pascal của ông vậy, ông Pascal.”

“Cậu dám thề trên sinh mạng của phu nhân Murasaki không?”

Một thoáng lưỡng lự. “Có, thề trên sinh mạng của phu nhân Murasaki.” Hannibal cầm dụng cụ tạo tiếng lách cách lên và nhấp hai lần.

Popil chìa hai cái thẻ bài quân đội ra và Hannibal thu chúng lại.

* * *

Khi Hannibal đã rời khỏi văn phòng, trợ lý của Popil tiến vào trong. Popil ra hiệu từ chỗ cửa sổ. Ngay khi Hannibal vừa từ tòa nhà bước ra ngoài đường, một cảnh sát mặc thường phục bèn bám sát theo hắn.

“Hắn biết gì đó. Lòng mày hắn bị cháy sém. Kiểm tra các vụ hỏa hoạn ở Île de France ba ngày gần đây đi,” Popil nói. “Khi hắn đã dẫn chúng ta tới chỗ Grutas, tôi muốn lôi hắn ra tòa vì vụ gã đồ tể hồi hắn còn nhỏ.”

“Sao lại lôi vụ gã đồ tể ra?”

“Hắn phạm tội đó hồi còn vị thành niên, Étienne, một tội ác do tình cảm che mờ lý trí. Tôi không muốn hắn bị kết tội, tôi muốn hắn bị phán là mắc bệnh tâm thần. Một khi hắn đã bị tống vào nhà thương điên, người ta sẽ có thể nghiên cứu và thử tìm hiểu xem hắn thực ra là gì.”

“Anh nghĩ hắn thực ra là gì?”

“Cậu nhóc Hannibal đã chết năm 1945 rồi, chết ngoài kia giữa trời tuyết, trong lúc cố gắng cứu đứa em gái. Trái tim của thằng bé đó đã chết cùng Mischa rồi. Giờ hắn là gì? Hiện tại, ta vẫn chưa tìm được cách gọi chính xác. Vì không tìm được từ nào thích hợp hơn, chúng ta cứ gọi hắn là con quái vật đi.”

PHÒNG BẢO VỆ DƯỚI CHÂN TÒA NHÀ của phu nhân Murasaki ở quảng trường Vosges tối om om, cánh cửa kiểu Hà Lan* đóng kín, cửa sổ kết băng. Hannibal dùng chìa khóa riêng để mở cửa vào tòa nhà và chạy lên trên cầu thang.

Bên trong buồng bảo vệ, bà gác cổng đang ngồi trên ghế, thư từ trải ra trên mặt bàn trước mặt, thư của căn hộ này xếp gọn lại đặt cạnh thư của căn hộ kia, như thể bà ta đang chơi bài một mình. Sợi dây cáp từ một cái khóa xe đạp nào đó bị chôn vào trong lớp thịt mềm trên cổ, gần như khuất hẳn tầm nhìn, còn lưỡi bà ta đang thè lè ra ngoài.

Hannibal gõ cửa nhà phu nhân Murasaki. Hẳn nghe thấy tiếng điện thoại reo vang trong nhà. Âm thanh dội vào tai hẳn có vẻ chói đến mức kỳ quái. Hẳn vừa cắm chìa vào trong ổ khóa thì cánh cửa đã mở bung. Hẳn chạy xuyên qua căn hộ, quét mắt khắp nơi và thoáng ngập ngừng đẩy mở cánh cửa phòng ngủ của cô, nhưng căn phòng vắng tanh. Điện thoại vẫn đổ chuông, không ngừng đổ chuông. Hẳn nhấc máy.

Trong căn bếp quán Café de L'Este, một lồng chim sẻ rừng đang chờ được ngâm rượu Armagnac rồi sau đó sẽ được đem chần trong cái nồi nước to trên bếp lò đang sôi sùng sục. Grutas túm cổ phu nhân Murasaki gí mặt cô vào sát nồi nước sôi. Bàn tay kia của gã cầm ống nghe điện thoại. Hai tay cô bị trói quặt sau lưng. Mueller đứng phía sau, tóm chặt hai cánh tay cô.

Nghe thấy giọng Hannibal vang lên trong đường dây, Grutas nói vào ống nghe. “Để tiếp tục cuộc trò chuyện của chúng ta, thì mày có muốn thấy con người Nhật còn sống không?” Grutas hỏi.

“Có.”

“Nghe nó nói đi, rồi đoán xem liệu nó có còn đủ hai má không nhé.”

Âm thanh gì làm nền cho giọng Grutas vậy nhỉ? Tiếng nước sôi à? Hannibal không biết liệu âm thanh đó có phải là thật hay không; hẳn đã

nghe thấy tiếng nước sôi nhiều lần trong các giấc mơ.

“Nói với người tình bé bỏng của mày đi.”

Phu nhân Murasaki vừa nói, “Cháu yêu, ĐỪNG...” thì đã bị giật về phía sau, tránh xa cái điện thoại. Cô vùng vẫy cố thoát khỏi gọng kìm của Mueller và cả hai đâm sầm vào cái lồng chim sẻ rừng. Đàn chim kêu ré lên và líu ríu âm ã trong lồng.

Grutas nói với Hannibal. “‘Cháu YÊU’, mày đã giết hai người để trả thù cho đứa em gái và mày đã cho thối bay nhà tao. Chúng ta sẽ mạng đổi mạng. Mang hết tất cả theo, thẻ bài quân đội, bản kiểm kê của thằng Pot Watcher, tất cả những thứ chết giẫm ấy. Tao muốn làm cho con đàn bà này kêu ré lên vì đau rồi đấy.”

“Ở đâu...”

“Câm miệng. Ở kilomet số ba mươi sáu trên đường tới Trilbardou có một quầy điện thoại công cộng. Đợi ở đó lúc bình minh rồi mày sẽ nhận được một cuộc điện thoại. Nếu mày không có mặt ở đó thì cứ đợi đấy rồi sẽ nhận được hai má của con đàn bà này trong hộp thư. Nếu tao nhìn thấy Popil, hay bất cứ gã cảnh sát nào, mày sẽ nhận được bưu phẩm chuyển trái tim của cô ta. Có khi mày có thể dùng nó cho các nghiên cứu của mày đấy. Mạng đổi mạng chứ?”

“Mạng đổi mạng,” Hannibal đáp. Điện thoại tắt phụp. Dieter và Mueller dẫn phu nhân Murasaki tới chỗ một chiếc xe van đỗ bên ngoài quán cà phê. Kolnas đổi biển trên chiếc xe của Grutas.

Grutas mở cửa chiếc xe tải và lôi ra một khẩu súng bắn tỉa Dragunov. Y đưa khẩu súng cho Dieter. “Kolnas, mang một cái bình theo.” Grutas cố tình nói cho phu nhân Murasaki nghe thấy. Y vừa ra chỉ thị vừa dán chặt ánh mắt hau háu quan sát biểu cảm của phu nhân Murasaki.

“Lấy xe đi. Giết hẵn ngay chỗ quầy điện thoại,” Grutas ra lệnh cho Dieter. Y đưa cho Dieter cái bình. “Mang hai viên bi của hẵn tới chỗ con thuyền bên dưới Nemours.”

* * *

Hannibal không muốn nhìn ra ngoài cửa sổ; gã cảnh sát mặc thường phục do Popil cử tới hẳn vẫn đang ngược nhìn lên. Hẳn vào trong phòng ngủ. Hẳn nhắm mắt ngồi trên giường một lúc. Những âm thanh nền rung lên trong đầu hẳn. *Chiếp chiếp. Thổ âm Baltic của chim sẻ rừng.*

Chăn ga trên giường phu nhân Murasaki làm bằng vải lạnh, thoang thoảng mùi oải hương. Hẳn nắm tay túm lấy đồng chăn ga, giơ chúng lên sát mặt rồi lột chúng ra khỏi giường, nhúng vào trong bồn tắm. Hẳn căng một sợi dây phơi từ đầu bên này sang đầu bên kia phòng khách, treo một cái kimono lên dây, đặt một cái quạt xoay lên trên sàn rồi bật quạt, để cái quạt xoay từ từ, thổi gió khiến chiếc kimono và cả cái bóng của nó trên tấm rèm trong suốt khẽ lay động.

* * *

Đứng trước bộ giáp samurai, Hannibal giơ đoản đao lên, nhìn chăm chăm vào cái mặt nạ ngài Date Masamune.

“Nếu ngài có thể giúp đỡ cô ấy, thì ngay bây giờ hãy giúp đi.”

Hẳn tròng lên cổ sợi dây buộc rồi luồn thanh đoản đao qua cổ áo xuống sau lưng.

Hannibal vặn đồng chăn ga ướt sũng, thắt lại thành thòng lọng và khi hẳn đã xong xuôi, đồng chăn ga thả xuống từ lan can sân thượng, treo lủng lẳng cách vỉa hè con hẻm bên dưới chừng bốn, năm mét.

Hẳn nhanh chóng leo xuống dưới. Khi hẳn thả tay ra khỏi tấm ga giường, cú nhảy cuối cùng từ giữa không trung dường như phải mất một thời gian dài mới kết thúc, hai gan bàn chân hẳn nhói lên khi hẳn chạm đất rồi lăn tròn trên vỉa hè.

Hannibal đẩy chiếc mô tô đi dọc con hẻm dưới chân tòa nhà rồi thoát ra ngoài phố hậu, nhả côn và nhảy lên yên khi xe bắt đầu nổ máy. Trước tiên hẳn phải lấy lại khẩu súng của Milko đã.

TRONG CÁI CHUÔNG CHIM bên ngoài quán Café de L'Este, đàn sẻ rừng lầm rầm xao động không yên, xao xác dưới vầng trăng sáng. Tấm vải bạt che ngoài sân đã được cuốn lại, ô đều sụp xuống. Phòng ăn tối om, nhưng đèn trong bếp và quầy rượu vẫn sáng.

Hannibal có thể nhìn thấy Hercule đang hì hụi lau sàn quầy rượu. Kolnas ngồi trên ghế quầy rượu, kiểm tra sổ sách. Hannibal bước lùi lại một quãng, lẩn vào trong bóng tối, nổ máy xe rồi lái đi, không bật đèn xe.

Cách ngôi nhà trên đường Juliana chừng một phần tư dặm, hấn bỏ xe đi bộ nốt đoạn đường còn lại. Một chiếc Citroën Deux Cheveaux đang đỗ trên lối xe vào; một người đàn ông ngồi trên ghế lái rít hơi thuốc lá cuối cùng. Hannibal nhìn cái đầu lọc thuốc bay từ trong xe ra, vẽ một đường vòng cung trong không trung, tàn lửa tung ra trên phố. Gã tài xế chỉnh lại tư thế trong ghế ngồi rồi ngả đầu ra sau. Chắc gã định đánh một giấc.

Từ một hàng giậu bên ngoài căn bếp, Hannibal có thể nhìn vào trong nhà. Bà Kolnas đi lướt qua cửa sổ, vừa đi vừa nói chuyện với ai đó thấp quá nên nhìn từ ngoài vào không thấy được. Mấy ô cửa sổ lắp lưới đều đang mở đón không khí ban đêm ấm áp. Cánh cửa chắn dẫn vào bếp đang được mở thông ra vườn. Thanh đoản đao lách êm ru qua mắt lưới gảy cái móc cửa ra. Hannibal chùi đế giày trên tấm thảm và bước vào trong nhà. Tiếng đồng hồ trong bếp có phần âm ì. Hấn nghe thấy tiếng nước chảy và tiếng bắn nước vọt từ trong phòng tắm ra. Hấn đi qua cửa phòng tắm, bám sát tường để tránh làm cho sàn nhà kêu cọt két. Hấn nghe thấy tiếng bà Kolnas vang trong phòng tắm, đang nói chuyện với một đứa bé.

Cánh cửa phòng bên cạnh mở hé. Hannibal nhìn thấy mấy giá cất đồ chơi và một con voi lớn bằng vải nhung lông. Hấn nhìn vào bên trong phòng. Có hai giường đơn. Katerina Kolnas đang say giấc trên chiếc giường gần cửa ra vào. Con bé nghiêng đầu sang một bên, ngón tay cái để hờ trên trán.

Hannibal có thể nhìn thấy cả mạch máu trên thái dương con bé. Hãn có thể nghe thấy tiếng tim mình đang đập. Nó đang đeo vòng tay của Mischa. Hãn chớp mắt trước ánh đèn bàn ấm áp. Hãn có thể nghe được cả tiếng mình chớp mắt. Hãn có thể nghe thấy tiếng đứa bé thở. Hãn có thể nghe thấy giọng bà Kolnas vọng lên từ cuối hành lang. Những âm thanh nhỏ vẫn vang lên rõ ràng át hẳn tiếng gầm gào trong lòng hãn.

“Đi nào, con yêu, lau khô người được rồi đấy,” bà Kolnas nói.

* * *

Căn nhà thuyền của Grutas, đen sì và toát lên một không khí đầy điềm gở, được buộc vào bến trong màn sương mù tầng tầng lớp lớp. Grutas và Mueller mang theo phu nhân Murasaki vẫn đang bị trói tay bịt miệng lên cầu tàu rồi trèo xuống cầu thang ở cuối cabin dẫn tới boong dưới. Grutas đá chân mở cánh cửa phòng tra khảo ở boong dưới. Một chiếc ghế nằm giữa phòng, một tấm ga giường dính máu trải trên sàn bên dưới cái ghế.

“Rất xin lỗi vì phòng của cô vẫn chưa sẵn sàng nhé,” Grutas nói. “Để tôi gọi phục vụ phòng. Eva!!” Y bước xuôi hành lang, tới cabin bên cạnh và thô bạo xô cửa mở ra. Ba người phụ nữ bị xích vào giường nhìn y với biểu cảm căm ghét. Eva đang thu thập các cà mèn đựng thức ăn của họ.

“Vào trong này.”

Eva bước vào trong phòng tra khảo, đứng tránh xa tầm với của Grutas. Cô ta nhặt cái ga trải giường dính máu lên rồi trải một tấm ga sạch xuống bên dưới ghế. Cô ta định cầm tấm ga trải giường vấy máu kia đi ra ngoài, nhưng Grutas đã ra lệnh, “Để nó lại. Cuộn lại bỏ vào chỗ nào cô ta nhìn thấy được ấy.”

Grutas và Mueller trói phu nhân Murasaki vào ghế.

Grutas xua tay đuổi Mueller ra ngoài. Y uể oải ngồi trên một cái ghế dài kê sát tường, hai chân giạng ra, tay xoa xoa hai bên bắp đùi.

“Mày có biết sẽ có chuyện gì xảy ra nếu mày không giúp tao vui vẻ tí chút không?” Grutas hỏi.

Phu nhân Murasaki nhắm mắt lại. Cô cảm thấy con thuyền rung lên và bắt đầu chuyển động.

* * *

Hercule bê thùng rác làm hai chuyến đi ra ngoài quán cà phê. Gã mở khóa xe đạp và đạp xe đi khuất dần khỏi tầm mắt.

Khi Hannibal đi qua cửa bếp lên vào trong nhà, ánh đèn hậu của chiếc xe đạp vẫn thấp thoáng xa xa. Hänn mang theo một vật cồng kềnh nào đó đựng trong một cái túi dính máu.

Kolnas mang theo sổ sách kế toán đi vào trong bếp. Gã mở cửa cái lò sưởi đang cháy phừng phừng, bỏ mấy tờ biên lai vào trong lò rồi lấy que cời đẩy chúng vào giữa đồng lửa.

Hannibal cất tiếng từ phía sau lưng gã, “Herr Kolnas, lọt thỏm giữa đồng bát.”

Kolnas quay ngoắt lại, thấy Hannibal đang đứng dựa vào tường, một tay cầm cốc rượu vang, tay kia cầm khẩu súng lục.

“Mày muốn gì? Chúng tao đóng cửa rồi.”

“Kolnas giữa thiên đường bát. Lọt thỏm giữa đồng bát. Ông có muốn đeo thẻ bài quân đội của ông không, Herr Kolnas?”

“Tao là Kleber, công dân Pháp, và tao sẽ gọi cảnh sát đấy.”

“Để tôi gọi hộ ông nhé.” Hannibal đặt ly rượu xuống, nhắc điện thoại lên. “Ông không phiền chứ, nếu tôi đồng thời gọi cả Ủy ban Tội phạm Chiến tranh? Tôi sẽ trả tiền cuộc gọi.”

“Mẹ kiếp. Mày thích gọi ai thì gọi. Mày cứ việc gọi thoải mái, tao nói nghiêm túc đấy. Nếu không thì cứ để đấy tao gọi cho. Tao có đầy đủ giấy tờ, tao có bạn bè.”

“Tôi có bọn trẻ con. Con ông.”

“Mày nói thế là có ý gì?”

“Tôi đang giữ cả hai đứa. Tôi đã đến nhà ông ở đường Juliana. Tôi đã vào trong căn phòng có con voi to tướng bằng vải nhung lông và bắt bọn chúng.”

“Mày nói dối.”

“Mang con bé này đi đi, chẳng nào nó chẳng chết, ông đã nói thế đấy. Ông còn nhớ không? Cầm theo bát lẻo đẽo bám đuôi Grutas.”

“Tôi mang đến một thứ để ông cho vào lò đây.” Hannibal với tay ra sau lưng rồi ném một cái túi dính máu lên trên bàn. “Chúng ta có thể cùng nấu nướng, y như thời xưa.” Hắn thả cái vòng tay của Mischa lên mặt bàn bếp. Cái vòng lăn tròn một hồi rồi mới dừng lại.

Kolnas bật lên một tiếng kêu tắc nghẹn. Suốt một lúc hai bàn tay hắn run rẩy không chạm trúng nổi cái túi, thế rồi gã chộp lấy xé toạc nó ra, xé toạc cái túi giấy dính máu bên trong loại chuyên dùng để gói thịt sống, xé cho tới khi làm lộ ra một mớ thịt xương.

“Thịt bò nướng đấy, Herr Kolnas, với một quả dưa nữa. Tôi mua ở Les Halles. Nhưng ông có thấy chúng giống cái gì không?”

Kolnas chồm người qua mặt bàn, đôi tay vấy máu với về phía mặt Hannibal, nhưng rướn người ra như thế khiến chân gã hụt trọng tâm, và Hannibal tóm lấy gã ấn xuống, nện khẩu súng vào đáy hộp sọ của Kolnas, không quá mạnh, nhưng đủ khiến Kolnas ngất lịm.

Mặt Hannibal, lem máu, trông không khác gì những bộ mặt quỷ trong các giấc mơ của chính hắn. Hắn giội nước lên mặt Kolnas cho tới khi gã mở mắt ra.

“Katerina đâu, mà đã làm gì con bé rồi?” Kolnas hỏi.

“Con bé vẫn an toàn, Herr Kolnas ạ. Con bé hồng hào và hoàn hảo. Ta có thể nhìn thấy rõ mạch đập trên thái dương của nó. Tôi sẽ trả con bé lại cho ông nếu ông thả phu nhân Murasaki về cho tôi.”

“Nếu làm thế tao chỉ còn đường chết.”

“Không đâu. Grutas sẽ bị bắt và tôi sẽ xóa bỏ khuôn mặt ông khỏi trí nhớ. Ông sẽ được tha, vì các con ông.”

“Làm sao tao biết chắc liệu chúng còn sống hay không?”

“Tôi xin thề trên linh hồn em gái tôi rằng ông sẽ được nghe thấy giọng các con. Vẫn an toàn. Hoặc ông giúp tôi, hoặc tôi sẽ giết ông rồi bỏ đói hai đứa bé. Grutas đâu? Phu nhân Murasaki đâu?”

Kolnas nuốt nước bọt, máu trong mồm khiến gã hơi nghẹn lại. “Grutas có một cái nhà thuyền, một con thuyền chạy trên kênh, y vẫn lái cái nhà thuyền đi loanh quanh. Giờ y đang ở trên kênh Loing phía Nam Nemours.”

“Tên con thuyền là gì?”

“*Christabel*. Mà đã hứa thì phải giữ lời, con tao đâu?” Hannibal dựng Kolnas đứng dậy. Hắn nhắc cái điện thoại bên cạnh quỳ thu ngân lên, quay số gọi rồi đưa ống nghe cho Kolnas.

Trong một thoáng, Kolnas không tài nào nhận ra được giọng nói của vợ mình, rồi gã kêu lên, “A lô! A lô! Astrid à?? Đi xem bọn trẻ thế nào đi, cho anh nói chuyện với Katerina! Cứ làm theo lời anh đi!”

Khi Kolnas nghe thấy giọng nói gái ngủ chẳng luận ra nổi câu nào của đứa bé vừa bị dựng dậy, khuôn mặt gã thay đổi hẳn. Biểu cảm nhẹ nhõm ban đầu được thay thế bởi vẻ thất thần kỳ dị, trong lúc bàn tay gã lần mò về phía khẩu súng để trên kệ bên dưới quỳ thu ngân. Hai vai gã sụp xuống. “Mà đã lừa tao, Lecter.”

“Tôi đã giữ lời hứa. Tôi sẽ tha mạng cho ông vì các con...” Kolnas nắm chặt khẩu Webley và vung tay ra, nhưng bàn tay của Hannibal đã chém về phía đó, khẩu súng rơi ra nằm bên cạnh họ và Hannibal lia thanh đoản đao từ phía dưới cầm Kolnas, mũi đao đâm xuyên qua đỉnh đầu gã.

Ông nghe điện thoại đung đưa. Kolnas ngã sấp mặt xuống. Hannibal lăn gã nằm ngửa ra rồi ngồi trên ghế, nhìn gã một hồi lâu. Mắt Kolnas mở trừng trừng, đã sớm dại ra. Hannibal để một cái bát đè lên mặt gã.

Hắn mang cái lồng chim sẻ rừng ra ngoài trời và mở cửa lồng. Đến con chim cuối cùng, hắn phải tóm lấy nó rồi tung lên bầu trời vắng vạc ánh trăng. Hắn mở cửa chuồng chim ngoài nhà và xua bầy chim bay ra ngoài. Bầy chim tùm tùm lại một chỗ rồi lượn tròn một vòng, những cái bóng tí xíu chấp chới bằng ngang qua khoảng sân lộ thiên, rụt rè bay lên cao để thử gió rồi vỗ cánh tiến về hướng sao Bắc Cực. “Đi đi,” Hannibal nói. “Baltic nằm ở hướng đó đấy. Ở lại đây trọn mùa đi.”

GIỮA ĐÊM MÊNH MÔNG, một đốm sáng đơn độc lao vút qua những cánh đồng tối đen vùng Île de France, chiếc mô tô phóng hết tốc độ, Hannibal rập người trên bình xăng. Rời khỏi con đường bê tông phía Nam Nemours, bám theo một con đường cũ dọc kênh Loing, đường trải nhựa xen lẫn đá dăm, rồi đến con đường nhựa một làn lọt giữa hai hàng cây rậm rạp, ở đó có lúc Hannibal phải giữ nguyên tốc độ mà đánh võng lách qua một đàn bò, thoáng cảm thấy đau nhói như bị một cái bàn chải lông đâm vào khiến hấn lạng tay lái chệch khỏi mặt đường nhựa, nghe sỏi đá lạo xạo dưới chần bùn, rồi lại trở lên, đầu chiếc mô tô hơi loạng choạng rồi vững lại, một lần nữa lao vun vút về phía trước.

Những ánh đèn Nemours mờ dần đi phía sau lưng và giờ hấn đang lướt trên con đường quê thẳng tắp, trước mắt chỉ còn bóng tối, từng chi tiết của sỏi đá và cỏ dại hiện ra sắc nét đến phi lý, nổi bật dưới ánh đèn xe hấn, trong khi bóng tối phía trước nữa thì nuốt chửng luồng ánh sáng vàng. Hấn không biết có phải mình đã đi lỡ con kênh quá xa về phía Nam - liệu có khi nào con thuyền đã ở phía sau hấn?

Hannibal dừng lại, tắt hết đèn, ngồi trong bóng tối tính toán, chiếc mô tô rùng mình bên dưới hấn.

Xa xa phía trước, lọt thỏm trong bóng tối, dường như có hai ngôi nhà nhỏ nối đuôi nhau băng qua cánh đồng, hai cabin thuyền lấp ló phía bên trên bờ kênh Loing.

* * *

Nhà thuyền của Vladis Grutas lặng phắc như tờ dù động cơ vẫn đang chạy, đưa nó tiến về phía Nam, cuộn lên những gợn sóng lăn tăn xô vào hai bên bờ kênh nơi lũ bò vẫn đang say ngủ trên đồng cỏ. Mueller đang ngồi trong một cái ghế xếp trên boong trước, vỗ về các vết khâu trên bắp đùi, một khẩu súng ngắn dựa vào lan can cầu thang dẫn xuống boong dưới, ngay bên

cạnh gã. Ở đuôi tàu, Gassmann mở một cái tủ có khóa, lôi ra mấy tấm đệm canvas chống va đập.

* * *

Cách đuôi thuyền chừng ba trăm mét, Hannibal giảm tốc độ, chiếc BMW rừ rừ chậm chạp tiến về phía trước, cò dại quệt vào ống đồng. Hannibal dừng xe, mở túi yên lấy chiếc ống nhòm của cha hắn. Hắn không đọc được tên con thuyền trong bóng tối.

Thuyền tối om, chỉ có ánh sáng từ các bóng đèn hiệu và ánh hắt ra từ phía sau rèm cửa sổ. Ở quãng này, con kênh quá rộng nên chưa chắc có thể nhảy được từ bờ lên boong.

Từ bờ kênh, hắn có thể bắn trúng tay thuyền trưởng trong buồng lái - hắn chắc chắn có thể tống cổ ông ta khỏi bánh lái, nhưng nếu thế, cả thuyền sẽ bị đánh động và hắn sẽ phải đối phó với tất cả đám người trên thuyền ngay khi đặt chân lên boong. Chúng có thể đồng thời xấp lại từ cả hai đầu. Hắn có thể nhìn thấy cái cầu thang dẫn xuống boong dưới, lúc này đã được che lại, ngoài ra còn có một khối đen chỗ mũi tàu, rất có thể là một lối xuống boong dưới khác.

Đèn chiếu la bàn sáng rực trong các cửa sổ buồng lái gần đuôi tàu, nhưng Hannibal không nhìn ra được ai đang ở bên trong. Hắn nhất định phải đi trước bọn chúng một bước. Con đường bờ kênh nằm quá sát mép nước còn cánh đồng thì quá gồ ghề, khó mà đi vòng được.

Hannibal cho xe chạy tiếp, vượt qua con thuyền, cảm thấy râm ran nơi mạn sườn hướng về phía con thuyền. Hắn liếc nhìn con thuyền. Gassmann đang ở đuôi thuyền, lôi mấy tấm đệm canvas chống va đập ra khỏi một ngăn tủ có khóa. Gã ngược lên nhìn lúc chiếc mô tô phóng qua. Đàn bướm đêm rập rờn phía bên trên một khung cửa trần.

Hannibal duy trì tốc độ ở mức trung bình. Phía trước mặt, cách chừng một cây số, hắn nhìn thấy ánh đèn ô tô cắt ngang con kênh.

Kênh Loing thu hẹp dần, đến chỗ âu tàu, con kênh thắt lại chỉ vừa đủ rộng cho hai con thuyền loại chuyên đi trên kênh tránh nhau. Một cây cầu đá vắt ngang âu tàu, hai cánh cửa âu tàu phía thượng nguồn được gắn vào trong

vòm đá, khoang nước chẳng khác gì một cái hộp nằm phía bên kia cầu, chiều dài chỉ vừa đủ chứa con thuyền *Christabel*.

Hannibal rẽ trái đi lên cầu, phòng khi tay thuyền trưởng của *Christabel* vẫn đang theo dõi, rồi lái xe chạy tầm trăm mét. Sau đó, hấn tắt hết đèn, vòng xe lại quay trở về gần cầu, giấu xe vào bụi cây cạnh đường. Hấn đi bộ trong bóng tối, tiến về phía trước.

Vài con thuyền chèo tay đang nằm úp sấp trên bờ kênh. Hannibal ngồi trên mặt đất giữa chúng, hé mắt nhòm qua mấy thân thuyền về phía chiếc *Christabel* đang tiến lại, vẫn còn cách chừng nửa cây số. Trời tối om om. Hấn có thể nghe thấy tiếng radio văng ra từ một căn nhà nhỏ ở chân cầu phía bên kia, có lẽ là nhà của người gác âu tàu. Hấn cài cúc túi áo jacket, khóa khẩu súng lục lại bên trong.

Những bóng đèn hiệu nhỏ xíu trên con thuyền đi trên kênh lừ đừ hướng về phía trước, ngọn đèn đỏ ở mạn trái thuyền tiến lại gần hấn và đằng sau nó là ngọn đèn sáng rực gắn trên cột buồm loại có thể gấp lại phía trên cabin. Con thuyền buộc phải dừng lại và hạ xuống chừng một mét theo mức nước bên trong âu tàu. Hannibal nằm cạnh con kênh, lọt thỏm giữa bãi cỏ dại. Vào quãng thời gian này trong năm, vẫn còn quá sớm để nghe được tiếng dế.

Hấn chờ đợi trong lúc con thuyền tiến lại gần, từng chút từng chút. Thời gian để suy nghĩ. Một phần trong số những việc hấn đã làm ở quán của Kolnas khiến hấn khó chịu khi nhớ lại: thật bực mình khi phải tha mạng cho Kolnas, dẫu chỉ trong chốc lát, và thật đáng ghê tởm khi cho phép gã lên tiếng. Còn dễ chịu: cảm giác tay hấn như sờ thấy được cái rạn nứt răng rắc khi thanh đoản đao xuyên vỡ đỉnh sọ của Kolnas và nhô lên như một cái sừng tí hon. Còn thỏa mãn hơn cả với Milko. Những thứ hay ho đáng để thưởng thức: các viên gạch lát chứng minh định lý Pythagore; hành động bút đứt đầu Dortlich. Tương lai đáng để mong chờ. Hấn sẽ mời phu nhân Murasaki món thỏ hầm ở nhà hàng Champs de Mars. Hannibal hoàn toàn bình tĩnh. Nhịp tim của hấn đang đập ở mức 72.

* * *

Bóng tối bao trùm khoảnh đất bên cạnh âu tàu, bầu trời quang đãng, rải rác những vì sao. Khi con thuyền tiến đến chỗ âu tàu, ngọn đèn trên cột buồm hẳn sẽ lọt thỏm giữa những vì sao la đà lưng chừng trời.

Ngọn đèn còn chưa tiến lại được đến chỗ những vì sao thấp thì cột buồm đã được gập lại, ngọn đèn như một vì sao băng rơi xuống theo hình vòng cung. Hannibal nhìn thấy sợi dây tóc sáng bừng lên bên trong cái đèn pha rọi cỡ lớn của con thuyền, nên vội nằm rạp xuống đúng lúc cái đèn pha sáng rực lên, quét luồng sáng cắt ngang bóng tối phía trên chỗ hẳn, rồi rọi vào hai cánh cổng âu tàu trong tiếng còi vang lên từ con thuyền. Một ngọn đèn bật sáng trong cabin người gác âu tàu và chưa đầy một phút sau, người gác âu tàu bước ra, tay vẫn còn đang xách dây đeo quần. Hannibal lắp ống ngắm thanh vào khẩu súng của Milko.

Vladis Grutas từ boong dưới leo lên cầu thang trước, đứng trên boong thuyền. Gã vươn người ném một liều thuốc lá xuống nước. Gã nói gì đó với Mueller rồi đặt khẩu súng sẵn lên sàn thuyền, giữa mấy chậu cây, khuất khỏi tầm nhìn của người gác âu tàu, sau đó lại chui xuống boong dưới.

Gassmann ở đuôi thuyền lấy mấy tấm chống va đập ra, chuẩn bị sẵn sàng dây dọc lái. Cửa âu tàu phía thượng nguồn đã mở sẵn. Người gác âu tàu vào trong bốt gác cạnh con kênh, bật đèn mốc ở hai đầu âu tàu lên. Con thuyền lách xuống bên dưới cây cầu, tiến vào trong âu tàu, thuyền trưởng đảo chiều mô tơ để dừng thuyền lại. Nghe tiếng máy, Hannibal cúi rạp người chạy lên trên cầu, lom khom khuất bên dưới lan can cầu bằng đá.

Lúc con thuyền trôi qua bên dưới, hẳn nhìn từ trên cầu xuống boong tàu, xuyên qua các cửa lấy sáng trên boong. Một cửa lấy sáng lướt qua bên dưới, thấp thoáng bóng dáng phu nhân Murasaki đang bị trói vào ghế và từ trên cao nhìn thẳng xuống, hình ảnh của cô chỉ nháng qua.

Phải mất mười phút, mực nước trong khoang nước mới ngang bằng với mực nước phía hạ nguồn kênh, hai cánh cửa nặng trĩch ầm ầm mở ra, Gassmann và Mueller thu dây lại. Người gác âu tàu quay trở lại vào trong nhà. Thuyền trưởng đẩy van tiết lưu và mặt nước phía sau con thuyền sủi lên lục đục.

Hannibal vươn người qua lan can. Từ khoảng cách hơn nửa mét, hắn bắn thẳng vào đỉnh đầu Gassmann, đoạn leo lên lan can, nhảy xuống đè lên người Gassmann rồi lăn mình xuống sàn thuyền. Tay thuyền trưởng loáng thoáng cảm nhận được cú ngã nặng nề của Gassmann và nhìn về phía các dây dọc lái, thấy chúng đang nằm chơ vơ không ai giữ.

Hannibal thử đẩy cánh cửa dẫn xuống boong ở phía đuôi thuyền. Cửa khóa.

Thuyền trưởng thò đầu ra khỏi buồng lái. “Gassmann?” Hannibal khom người xuống bên cạnh cái xác, vỗ vỗ vào thắt lưng gã. Gassmann không có vũ khí.

Muốn đi tiếp, Hannibal buộc phải đi qua buồng lái, mà lúc này Mueller đang ở mũi thuyền. Hắn men theo lối đi bên phải, tiếp tục tiến lên. Thuyền trưởng bước ra khỏi buồng lái phía bên cánh trái và nhìn thấy Gassmann nằm sõng soài ở đó, đầu cắm vào trong lỗ thông nước bên mạn thuyền.

Hannibal lút cút chạy về phía trước, cúi người bên cạnh các cabin thấp.

Hắn có cảm giác con thuyền đã tắt máy và lúc này, đang trên đường chạy, hắn nghe tiếng súng nổ phía sau lưng, viên đạn xé gió lao vào một trụ chống sàn thuyền, những mảnh gỗ vụn đâm vào vai hắn đau nhói. Hắn quay đầu nhìn lại, thấy tay thuyền trưởng cúi thụp xuống đằng sau cabin đuôi thuyền. Bên cạnh cầu thang xuống boong dưới ở phía trước mặt, một cánh tay xăm trở thoáng hiện trong một giây, chớp lấy khẩu súng săn bên dưới mấy bụi cây. Hannibal nổ súng nhưng không trúng mục tiêu. Bắp tay hắn có cảm giác nóng và ướt. Hắn vội cúi đầu xuống trốn giữa hai cabin trên boong thuyền rồi chạy lúp xúp về phía mạn trái, đứng dậy men theo cabin trước tới boong trước, Mueller đang lom khom trên boong trước bèn đứng thẳng dậy khi nghe tiếng Hannibal tiến tới, vung khẩu súng săn, mũi súng đập vào góc cầu thang xuống boong dưới, chệch hướng trong một sát na và Hannibal lập tức nã liền bốn viên đạn vào ngực gã, khẩu súng săn đã cướp cò khoét vào lớp gỗ bên cạnh cửa cầu thang xuống boong dưới một cái lỗ nham nhở. Mueller lão đảo nhìn xuống ngực rồi ngã quỵ về phía sau, lưng dựa vào lan

can, trút hơi thở cuối cùng. Cánh cửa cầu thang dẫn xuống boong dưới đang mở. Hannibal leo xuống cầu thang, khóa cửa lại sau lưng.

Ở đuôi thuyền, tay thuyền trưởng cúi xuống xác Gassmann, mò mẫm trong các túi quần túi áo của gã, tìm chìa khóa.

Hannibal bước nhanh xuống cầu thang và men theo hành lang hẹp ở boong dưới. Hắn nhìn vào cabin đầu tiên, vắng tanh, chẳng có gì ngoài mấy cái giường và dây xích. Hắn xô mạnh cánh cửa thứ hai, nhìn thấy phu nhân Murasaki đang bị trói vào ghế bèn chạy vội tới chỗ cô. Nấp sau cánh cửa, Grutas bắn vào lưng Hannibal từ phía sau, viên đạn găm vào giữa hai bả vai hắn, làm hắn ngã ngửa, máu chảy tràn ra từ bên dưới lưng.

Grutas mỉm cười bước lại gần Hannibal. Y kề khẩu súng xuống dưới cằm Hannibal, vỗ vỗ tay khám khắp người hắn tìm vũ khí. Y đá khẩu súng của Hannibal bắn ra xa. Grutas lôi con dao găm ra khỏi thắt lưng, đâm mũi dao vào hai cẳng chân Hannibal. Cả hai chân đều bất động.

“Bị bắn vào xương sống rồi, Gã Bé Nhỏ ạ,” Grutas nói. “Chân mất hết cảm giác rồi đúng không? Tệ quá. Thế thì mày cũng sẽ chẳng cảm thấy gì khi tao cắt bi của mày mất.” Grutas mỉm cười với phu nhân Murasaki. “Để tao làm một cái ví đựng xu cho mày cất tiền tí nhé.”

Hannibal mở mắt ra.

“Mày nhìn được hả?” Grutas vung vẩy con dao dài trước mặt Hannibal. “Tuyệt! Nhìn đây này.” Grutas đứng trước mặt phu nhân Murasaki, hờ hững rê mũi dao trên má cô theo một đường thẳng, cơ hồ chỉ chạm phớt qua da. “Tao có thể lên tí màu cho má cô ả.” Y cầm con dao rạch vào lưng ghế, ngay sát đầu cô. “Tao có thể bố trí vài địa điểm ân ái mới.”

Phu nhân Murasaki không nói gì. Mắt cô dán chặt vào Hannibal. Mấy ngón tay hắn giật giật, bàn tay hơi dịch chuyển về phía đầu. Ánh mắt hắn nhìn từ phu nhân Murasaki sang Grutas và rồi lại quay về chỗ phu nhân Murasaki. Phu nhân Murasaki ngược nhìn Grutas, khuôn mặt toát lên biểu cảm vừa kích động vừa thống khổ. Một khi đã muốn, cô có thể cho đối phương thấy rõ cô xinh đẹp nhường nào. Grutas cúi đầu thô bạo hôn cô, tách hai phiến môi mím chặt của cô ra, mặt y ép lên mặt cô, bộ mặt tàn nhẫn

trống rỗng của y tái nhợt, đôi mắt xanh nhợt không hề chớp khi y thò tay vào trong áo cô mò mẫm.

Hannibal với tay ra sau đầu, lôi từ dưới cổ áo ra thanh đoản đao đâm máu, cong oằn và lõm xuống vì viên đạn của Grutas.

Grutas chớp mắt, mặt nhăn lại méo mó vì đau đớn, chân oằn cong và y ngã xuống, đứt gân khoeo, Hannibal vặn mình thoát khỏi tấm thân của y đè lên. Phu nhân Murasaki giơ hai chân vẫn đang bị trói chỗ mắt cá đá vào đầu Grutas. Grutas cố giơ súng lên, nhưng Hannibal đã tóm lấy nòng súng vặn nó hếch lên trời, khẩu súng khạc đạn và Hannibal rạch đoản đao lên cổ tay Grutas, khiến khẩu súng rơi ra trượt trên sàn thuyền. Grutas bò về phía khẩu súng, tì hai khuỷu tay nâng người dậy, không khác gì một con vật gãy lưng trên đường cái. Hannibal cắt dây trói trả tự do cho hai cánh tay của phu nhân Murasaki, cô giật con dao găm ra khỏi lưng ghế, cắt dây trói hai mắt cá chân rồi tiến vào góc phòng cạnh cánh cửa. Hannibal, lưng đâm máu, chặn ngang đường không cho Grutas tiến gần tới khẩu súng.

Grutas dừng lại, quỳ gối, mặt đối mặt với Hannibal. Một cảm giác bình tĩnh kỳ dị tràn ngập lòng y. Y ngẩng đầu lên, nhìn Hannibal bằng đôi mắt Bắc Cực màu xanh xám.

“Chúng ta sẽ cùng nhau dong buồm tiến về cái chết,” Grutas nói. “Tao, mày, con ả mẹ kế mày đã chịch, những người mày đã giết.”

“Chúng không phải người.”

“Mùi vị của Dortlich thế nào, như một con cá hả? Mày cũng đã ăn thịt Milko phải không?”

Phu nhân Murasaki lên tiếng từ góc phòng. “Hannibal, nếu Popil bắt được Grutas, có lẽ anh ta sẽ tha cho cháu. Hannibal, đi với cô đi. Nộp gã cho Popil đi.”

“Gã đã ăn thịt em gái cháu.”

“Mày cũng ăn đấy,” Grutas nói. “Sao mày không tự tử đi?”

“Không phải. Mày nói dối.”

“Ôi chao, mày đã ăn đấy. Pot Watcher tử tế đã mang cho mày ăn phần nước hầm con bé. Mày phải giết tất cả những người biết chuyện này, đúng

không? Giờ thì con đàn bà của mày cũng biết rồi, mày cũng phải giết cả nó đi thôi.”

Hannibal giơ hai tay lên bịt tai, bàn tay vẫn nắm chặt con dao đâm máu. Hắn quay về phía phu nhân Murasaki, quan sát vẻ mặt cô, bước tới chỗ cô và ôm cô vào lòng.

“Không đâu, Hannibal. Gã nói dối đấy,” cô nói. “Nộp gã cho Popil đi.”

Grutas vội vã tiến về phía khẩu súng, trong lúc đó vẫn nói không ngừng. “Mày đã ăn thịt nó, nửa tỉnh nửa mê, đôi môi mày hau háu ngậm cái thìa.”

Hannibal ngẩng đầu nhìn lên trần nhà, hét lên, “KHÔNGÔNGÔNGÔNG!” và chạy về phía Grutas, giơ cao thanh đoản đao, dè chân lên khẩu súng rồi rạch một chữ “M” lên mặt Grutas, chạy dài suốt từ trán xuống cằm y, vừa rạch vừa gào thét, “‘M’ viết tắt của Mischa! ‘M’ viết tắt của Mischa! ‘M’ viết tắt của Mischa!” Grutas giật lùi trên sàn và Hannibal rạch một chữ “M” to tướng lên người y.

Một tiếng kêu bật ra từ sau lưng hắn. Một phát đạn lờ mờ trong màn sương đỏ rực. Hannibal cảm nhận được họng súng vừa nhả đạn ngay phía trên đầu hắn. Hannibal không biết liệu hắn có bị trúng đạn hay không. Hắn xoay người lại. Tay thuyền trưởng đứng ngay sau lưng hắn, quay lưng về phía phu nhân Murasaki, cán dao găm nhô ra đằng sau xương đòn, mũi dao đâm xuyên động mạch chủ; khẩu súng rơi khỏi tay thuyền trưởng và gã ngã sấp về phía trước.

Hannibal loạng choạng đứng thẳng dậy, mặt hắn phủ dưới một tấm mặt nạ đỏ. Phu nhân Murasaki nhắm mắt lại. Cô đang run bần bật.

“Cô có bị bắn trúng không?” hắn hỏi.

“Không.”

“Tôi yêu em, phu nhân Murasaki,” hắn nói. Hắn bước về phía cô.

Cô mở bừng mắt, gạt hai bàn tay đâm máu của hắn ra.

“Tâm hồn cháu còn sót lại gì để mà yêu?” cô nói và chạy ra khỏi cabin, leo lên cầu thang dẫn xuống boong dưới, trèo lên trên thành thuyền, dứt khoát nhảy xuống dòng kênh.

* * *

Con thuyền khê va vào bờ kênh.

Trên thuyền *Christabel*, Hannibal chỉ còn lại một mình giữa những xác chết, mắt chúng chẳng mấy chốc đã cạn kiệt sinh khí. Mueller và Gassmann lúc này đang ở dưới boong tàu, bên chân cầu thang dẫn xuống boong dưới. Grutas, người bị rạch tửa máu theo hình chữ M, vẫn nằm trong cabin nơi y bị giết chết. Mỗi gã đều ôm trong lòng một khẩu súng chống tăng Panzerfaust, y như ôm một con búp bê to đầu. Hannibal lấy khẩu Panzerfaust cuối cùng trên giá vũ khí và buộc nó xuống sàn trong buồng máy, quả tên lửa chống tăng phình to của nó nằm cách thùng nhiên liệu vài bước chân. Hãn cầm cái neo móc của con thuyền rồi quấn dây quanh phần cò súng nằm phía trên thân khẩu Panzerfaust. Hãn đứng trên boong thuyền, tay cầm neo móc, trong lúc con thuyền chậm chậm trôi về phía trước, khê va vào bờ kênh bằng đá. Từ boong thuyền, hãn có thể nhìn thấy những ngọn đèn hiệu gắn trên cầu. Hãn nghe thấy tiếng la hét và tiếng một con chó sủa vánh lên.

Hannibal thả cái neo móc xuống nước. Sợi dây chậm chạp trườn trên thành thuyền như con rắn, trong lúc Hannibal leo lên bờ bằng ngang cánh đồng. Hãn không quay đầu nhìn lại một lần nào. Khi hãn đã đi được tầm bốn trăm mét, tiếng nổ vang lên. Hãn cảm thấy sóng xung kích đập lên lưng và sức ép từ vụ nổ hất hãn ngã lăn ra, mang theo tiếng nổ âm âm. Một mẫu kim loại rơi xuống mặt đất đằng sau hãn. Con thuyền sáng rùng rục giữa kênh và một cột lửa cuộn lên tung những tia lửa bắn vào bầu trời, lưỡi lửa phả luồng hơi nóng thổi chum tia lửa xoắn lại thành những hình xoáy tròn ốc. Mấy khẩu Panzerfaust còn lại lần lượt nhả đạn, những tiếng nổ nối tiếp nhau vang lên, bắn tung tóe những vụn gỗ phừng phừng cháy vào giữa không trung.

Cách con thuyền chừng một dặm, Hannibal nhìn ánh đèn xe cảnh sát loang loáng bên âu tàu. Hãn không quay lại. Hãn đi bộ bằng ngang cánh đồng và đến sáng ngày hôm sau, người ta tìm thấy hãn.

NHỮNG THÁNG TIẾT TRỜI ẤM ÁP, cứ đến giờ ăn sáng, đám nam cảnh sát trẻ ở trụ sở cảnh sát Paris lại chen chúc đứng kín đặc các cửa sổ phía Đông, mong ngóng được thấy Simone Signoret uống cà phê trên sân thượng nhà riêng ở quảng trường Dauphine gần đó.

Thanh tra Popil ngồi bên bàn tập trung làm việc, chẳng buồn ngước mắt lên nhìn kể cả khi đám cảnh sát trẻ loan tin cửa sân thượng trên nhà nữ diễn viên đã mở và cũng chẳng phản ứng gì trước tràng than vãn vì hóa ra chẳng qua là người quản gia vừa ra ngoài tưới cây.

Cửa sổ nơi góc phòng Popil ngồi đang mở và anh ta loáng thoáng nghe tiếng đoàn biểu tình của Đảng Cộng Sản đang diễu hành trên đường Quai des Orfèvres và cầu Pont Neuf. Người tham gia biểu tình đa phần là sinh viên, đang trầm bổng hô vang, “Trả tự do cho Hannibal, trả tự do cho Hannibal”. Họ mang các biểu ngữ với dòng chữ KẾT LIỆU CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT và yêu cầu lập tức trả tự do cho Hannibal Lecter, nhân vật đạo diễn gần đây đã thu hút được sự chú ý không nhỏ của công luận. Tờ *L’Humanité* và *Le Canard Enchainé* đăng nhiều bài bảo vệ hãn, tờ *Le Canard* thì đăng bức ảnh con thuyền *Christabel* tan nát đang bốc cháy, kèm theo chú thích ảnh, “Bè lũ ăn thịt người bị cho vào lò”.

Tờ *L’Humanité* cũng cho đăng tải một bài báo viết về những hồi ức cảm động thuở ấu thơ, trong đó thể hiện rõ các ích lợi của sự tập thể hóa, do chính Hannibal đứng tên tác giả, được len lén tuồn ra từ trong nhà tù. Việc này đã hỗ trợ không ít cho những người ủng hộ hãn. Hãn cũng rất sẵn lòng viết bài cho các ấn phẩm thuộc cánh hữu cực đoan, nhưng lúc này không phải là thời của người theo cánh hữu, và họ cũng không đời nào ra đường biểu tình ủng hộ hãn.

Trước mặt Popil là một lá thư từ ủy viên công tố, hỏi anh ta liệu có bằng chứng xác thực nào đủ sức chống lại Hannibal Lecter không. Trong bầu

không khí sục sôi khát vọng báo thù, *l'épuration sauvage*, vẫn còn vương vấn từ thời chiến tranh, muốn kết án ai đó vì tội giết quân phát xít và bọn tội phạm chiến tranh thì phải tiến hành một cách im hơi lặng tiếng và, kể cả khi có lý do chính đáng, thì xuất phát từ yếu tố chính trị, cũng không phải một hành động được lòng người.

Ủy viên công tố cũng chỉ ra, vụ giết gã đồ tể Paul Momund đã xảy ra từ nhiều năm trước và bằng chứng thu được chỉ có mùi dầu đinh hương. Dựa vào chi tiết đó thì liệu có thể bắt giam người phụ nữ tên Murasaki kia không? Có khi nào cô ta cũng là đồng phạm? ủy viên công tố hỏi. Thanh tra Popil thuyết phục ông ta từ bỏ ý định bỏ tù người phụ nữ tên Murasaki.

Không thể xác định được chính xác cái chết của ông chủ nhà hàng Kolnas, hay *Tên phát xít ngằm, Ông chủ nhà hàng, Con buôn chợ đen Kolnas*, như cách gã được nhắc đến trong các hồ sơ, đã diễn ra trong tình huống nào. Phải, có một cái lỗ không biết do đâu mà có trên đỉnh hộp sọ của gã, ngạc cứng cùng lưỡi của gã đã bị ai đó cắt mất. Nhưng theo phân tích sau khi tiến hành thử nghiệm parafin, gã đã bắn một khẩu súng lục ổ quay.

Những xác chết trên con thuyền đi trên kênh đã bị thiêu cháy thành mớ và bồ hóng. Được biết, chúng là bọn bắt cóc trẻ em và buôn nô lệ da trắng. Chẳng phải nhờ được người phụ nữ tên Murasaki kia cung cấp thông tin về một biển số xe mà họ đã phát hiện ra một chiếc xe van giam giữ hai phụ nữ đấy thôi?

Gã thanh niên không có tiền án tiền sự. Hắn đang học ở trường y.

Thanh tra Popil nhìn đồng hồ và đi xuôi hành lang đến phòng *Thăm vấn 3*, phòng thăm vấn xịn nhất vì được hưởng chút ánh sáng mặt trời và những hình vẽ bậy trên tường đã được che hết lại bằng sơn trắng dày. Một lính gác đứng canh bên ngoài cửa ra vào. Popil gật đầu với tay lính gác và tay này kéo chốt cửa cho anh ta vào trong. Hannibal đang ngồi bên chiếc bàn trợ trợ kê chính giữa phòng. Một cái còng bập vào quanh cổ chân khóa hăn vào chân bàn, hai cổ tay hăn cũng bị xích vào một cái vòng trên bàn.

“Tháo xích ra đi,” Popil bảo lính gác.

“Chào thanh tra,” Hannibal nói.

“Cô ấy đang ở đây,” Popil nói. “Bác sĩ Dumas và bác sĩ Rufin sẽ đến sau bữa trưa.” Popil rời khỏi phòng để hẳn ngồi lại một mình.

Lúc phu nhân Murasaki bước vào trong phòng, Hannibal đã có thể đứng thẳng dậy.

Cánh cửa đóng lại đằng sau lưng cô và cô với tay ra sau lưng, áp lòng bàn tay lên cánh cửa.

“Cháu có ngủ được không?” cô hỏi.

“Có. Cháu vẫn ngủ ngon.”

“Chiyoh gửi lời hỏi thăm cháu đấy. Cô ấy kể hiện giờ cô ấy đang sống rất hạnh phúc.”

“Cháu rất mừng”

“Anh chàng của cô ấy đã tốt nghiệp và họ đã hứa hôn rồi.”

“Cháu rất lấy làm mừng cho cô ấy.”

Một khoảng dừng.

“Họ đang hợp sức sản xuất xe scooter, xe máy, cộng tác với hai người anh. Họ đã sản xuất được sáu cái rồi. Mong là chúng sẽ được ưa chuộng.”

“Chắc chắn chúng sẽ được ưa chuộng rồi, cháu sẽ mua cho mình một cái.”

So với đàn ông, phụ nữ đánh hơi thấy mùi bị theo dõi nhanh nhạy hơn hẳn, vì khả năng đó chính là một phần trong các kỹ năng sinh tồn của họ, và họ cũng lập tức nhận ra sự ham muốn. Họ cũng nhận ra cả sự thiếu vắng sự ham muốn nữa. Cô cảm nhận được sự thay đổi trong hẳn. Một thứ gì đó đã biến mất sau đôi mắt hẳn.

Cô chợt nhớ đến các câu thơ của cụ tổ Murasaki Shikibu, bèn đọc lên thành tiếng:

“Những vùng nước đục

Sẽ đóng băng nhanh.

Dưới bầu trời trong

Bóng tối và ánh trăng

Chảy trôi miên viễn.”

Hannibal trích dẫn câu trả lời kinh điển của hoàng tử Genji:

“Những hồi ức về tình yêu trường cửu

Chất chông như tuyết rơi

Đậm sâu như đôi chim uyên ương

Luôn sát cánh cả khi đang say giấc.”

“Không,” phu nhân Murasaki nói. “Không. Giờ chỉ còn băng giá. Nó đã biến mất rồi. Hay là chưa?”

“Em là người tôi yêu thương nhất trên đời,” hấn nói, khá chân thành.

Cô nghiêng đầu nhìn hấn rồi rời khỏi phòng.

* * *

Trong văn phòng của Popil, phu nhân Murasaki thấy bác sĩ Rufin và bác sĩ Dumas đang nói chuyện riêng với nhau. Rufin cầm tay phu nhân Murasaki.

“Ông từng bảo tôi cậu ấy có thể vĩnh viễn bị đóng băng ở bên trong,” cô nói.

“Bà có cảm thấy điều đó không?” Rufin hỏi.

“Tôi yêu cậu ấy nhưng tôi không thể tìm thấy con người cũ của cậu ấy,” phu nhân Murasaki nói. “Ông có tìm thấy không?”

“Tôi chưa bao giờ có thể,” Rufin đáp.

Cô bỏ đi khỏi đồn cảnh sát, không gặp qua Popil.

* * *

Hannibal xin được làm tình nguyện tại phòng y tế của nhà tù và nộp đơn lên tòa án xin phép được quay trở lại trường y. Bác sĩ Claire DeVrie, chủ nhiệm Phòng Thí nghiệm Pháp y mới được Sở Cảnh sát thành lập không lâu, một phụ nữ tươi tắn quyến rũ, nhận thấy Hannibal đặc biệt hữu dụng để xây dựng bộ phận nhận diện độc tố và phân tích định tính trong điều kiện chỉ được cung cấp thuốc thử và các trang thiết bị tối thiểu. Cô đã viết thư thỉnh cầu cho hấn.

Bác sĩ Dumas, vốn luôn khiến cho Popil ngứa mắt tột độ bởi tinh thần phẫn chấn bất tận của mình, tuyên bố sẽ hết lòng ủng hộ Hannibal và giải

thích rằng Trung tâm Y tế Johns Hopkins ở Baltimore, Mỹ đã mời hẳn đến làm bác sĩ thực tập, sau khi xem xét các minh họa hẳn đã vẽ cho cuốn sách giáo khoa giải phẫu học mới. Dumas còn mạnh mẽ viện đến các điều khoản đạo đức.

* * *

Ba tuần sau, bất chấp những nỗ lực phản đối của thanh tra Popil, Hannibal bước ra khỏi tòa án, quay trở về căn phòng riêng của hẳn phía trên trường y. Popil không đến chào hẳn, một lính canh mang quần áo đến cho hẳn.

Hẳn ngủ một giấc ngon trong phòng riêng. Sáng hôm sau, hẳn gọi điện đến quảng trường Vosges, nhưng rồi phát hiện ra đường dây điện thoại của phu nhân Murasaki đã bị ngắt kết nối. Hẳn ghé qua đó, lấy chìa khóa riêng để vào nhà. Căn hộ trống trơn, chỉ còn lại mỗi cái kệ điện thoại chơ vơ giữa phòng. Một bức thư nằm cạnh điện thoại, đề gửi cho hẳn. Thư được đính kèm một nhánh cây cháy đen được cha của phu nhân Murasaki gửi tới cho cô từ Hiroshima.

Bức thư viết, *Tạm biệt, Hannibal. Cô về nhà đây.*

Trên đường đi ăn tối, hẳn ném nhánh cây cháy đen xuống sông Seine. Tại nhà hàng Champs de Mars, hẳn dùng khoản tiền Louis để lại quyên góp cho nhà thờ mong cầu sự an ủi cho linh hồn để thết đãi bản thân món thịt thỏ hầm trong nồi đất ngon tuyệt hảo. Được men rượu sủi ấm, hẳn quyết định rằng, vì sự công bằng, hẳn nên đọc vài lời kinh cầu cho Louis bằng tiếng Latin và có lẽ hát một bài thánh ca cải biên theo giai điệu phổ thông, vì cứ nghĩ mà xem, những lời cầu nguyện của hẳn ắt hẳn cũng chẳng kém phần hiệu nghiệm so với những lời cầu nguyện hẳn có thể mua được ở St. Sulpice.

Hẳn ăn tối một mình, nhưng không hề cô đơn.

Hannibal đã bước vào mùa đông đặng đặng của tâm hồn mình. Hẳn ngủ ngon giấc, không hề mộng mị.

III

Hừ, giá như chính tôi không là quý
Thì cũng muốn bán mình cho quý sứ cho xong!
– J. W. VON GOETHE: *Faust: Bi kịch**

SVENKA CÓ CẢM TƯỞNG CHA CỦA DORTLICH sẽ chẳng bao giờ chết. Lão già đó cứ thờ mãi, thờ mãi, thờ suốt hai năm trong lúc cỗ quan tài phủ bạt chờ đợi trên cái giá cửa trong căn hộ chật hẹp của Svenka. Cái quan tài choán gần hết diện tích phòng khách. Người phụ nữ sống cùng Svenka không biết đã cảm rằm về nó bao nhiêu lần, cô ta chỉ ra một thực tế rõ ràng là cái nắp quan tài cứ cong gồ lên nên thậm chí muốn dùng nó làm tủ ly cũng chẳng được. Sau vài tháng, cô ta bắt đầu trưng dụng cái quan tài làm chỗ cất trữ các món đồ hộp buôn lậu do Svenka bóp nặn được ở chỗ những người theo phà từ Helsinki về.

Trong hai năm đại thanh trừng, ba đồng sự cảnh sát của Svenka đã bị bắn chết còn người thứ tư bị treo cổ ở nhà tù Lubyanka. Svenka có thể ý thức được đã đến lúc để ra đi. Các tác phẩm nghệ thuật kia là thuộc về anh ta và anh ta sẽ không đời nào bỏ chúng lại. Svenka không được thừa hưởng toàn bộ danh sách các đầu mối liên lạc của Dortlich, nhưng anh ta có khả năng kiếm được các hồ sơ đẹp. Anh ta không có đầu mối liên lạc nào trong lòng đất nước Thụy Điển, nhưng anh ta có đường dây hùng hậu trên các con tàu qua lại giữa Riga và Thụy Điển, đủ sức xử lý một món hàng một khi nó đã lên đèn giữa biển khơi.

Chuyện gì cần làm trước thì làm trước.

Sáu giờ bốn mươi lăm phút sáng Chủ nhật, cô hầu Bergid bước ra từ trong khu căn hộ Vilnius nơi cha Dortlich sinh sống. Cô ta để đầu trần, không dám để lộ dáng vẻ gì cho thấy cô ta đang trên đường đến nhà thờ, mang theo khăn quàng cùng một cái túi xách tay cỡ lớn và cuốn Kinh Thánh giấu bên trong.

Khi cô ta đã đi được chừng mười phút thì từ trên giường, cha Dortlich nghe thấy tiếng bước chân đang leo lên cầu thang, tiếng chân nặng nề hơn

tiếng bước chân của Bergid nhiều. Tiếng lách cách và cọt kẹt vọng lại từ chỗ cửa ra vào căn hộ, ai đó đang cố nạy mở lẫy khóa.

Gom góp sức tàn, cha Dortlich chống người nhấc đầu lên khỏi gối.

Cửa ra vào bị đẩy mở, cánh cửa ịch rê trên ngưỡng cửa. Lão già mò mẫm bên trong ngăn kéo tủ cạnh giường, lôi ra một khẩu súng lục Luger. Người lạ đi vì vừa phải cố sức, lão đưa cả hai bàn tay giữ khẩu súng, mang nó nhét xuống bên dưới lớp chăn.

Lão nhắm mắt lại, chờ cho tới khi cửa phòng mở ra.

“Ông đang ngủ đấy à, Herr Dortlich? Hy vọng tôi không quấy rầy ông.” Trung sĩ cảnh sát Svenka nói, người vận thường phục, tóc bóng mượt.

“Ồ, anh đấy à.” Vẫn mang biểu cảm dữ dằn như bình thường, nhưng lão lại toát lên vẻ yếu ớt đến mức chọc cho đối phương phẫn khích.

“Tôi thay mặt Hội Anh em Hải quan và Cảnh sát đến đây, Svenka nói. “Trong lúc dọn dẹp một tủ gửi đồ, chúng tôi đã tìm thấy thêm một vài món đồ của con trai ông.”

“Tôi không muốn lấy làm gì. Cứ giữ chúng đi,” lão già nói. “Anh vừa phá khóa vào à?”

“Tôi không thấy ai ra mở cửa nên đành phải tự vào. Tôi định nếu không có ai ở nhà thì chỉ để cái hộp lại rồi đi luôn. Tôi có cầm theo chìa khóa của con trai ông.”

“Nó chẳng bao giờ có cái chìa khóa nào.”

“Đó là cái chìa khóa vạn năng của anh ta.”

“Vậy thì lúc nào về, anh nhớ khóa cửa lại nhé.”

“Thượng úy Dortlich đã tâm sự với tôi một số chi tiết về... hoàn cảnh và các ước nguyện cuối đời của ông. Ông có ghi ra không? Ông có lưu thành văn bản không? Hội Anh em chúng tôi cảm thấy hiện giờ chúng tôi phải có trách nhiệm theo dõi đốc thúc để các ước nguyện của ông được thực hiện đến nơi đến chốn.”

“Có chứ,” cha của Dortlich nói. “Được ký tên và chứng thực hẳn hoi rồi. Một bản sao cũng đã được gửi tới Klaipeda. Các anh không cần làm gì hết.”

“Ồ, cần chứ. Cần làm một việc đấy.” Trung sĩ Svenka đặt cái hộp xuống.

Nụ cười treo trên môi, anh ta tiến lại gần giường, cầm một cái gối tựa từ trên ghế, gấp gáp bước sang ngang, trông chẳng khác gì con nhện, rồi đặt cái gối lên trên mặt lão già, trèo lên giường giạng hai chân ra ngồi vắt ngang người lão, hai đầu gối đề lên hai bên vai lão, hai cánh tay căng ra và anh ta dồn toàn bộ sức nặng lên cái gối tựa. Không biết sẽ mất bao lâu nhỉ? Lão già không vùng vẫy.

Svenka cảm giác có vật cứng gì đó đang ép vào đũng quần anh ta, cái chần bên dưới háng anh ta căng ra và khẩu Luger khạc đạn.

Svenka cảm thấy da bồng rít, cảm giác nóng cháy xuyên thấu da thịt và anh ta ngã ngửa ra sau, lão già giơ súng lên bắn xuyên qua chần, trúng vào ngực và cắm anh ta, rồi hòng súng chúc xuống và viên đạn cuối cùng găm vào chính bàn chân lão. Tim lão đập dồn dập hơn, nhịp tim tăng lên tăng lên rồi dừng lại. Chiếc đồng hồ phía trên giường điểm bảy tiếng, nhưng lão chỉ nghe được bốn tiếng đầu tiên.

TUYẾT RƠI TRÊN VĨ TUYẾN 50, giăng một tấm màn trắng lên khắp mấy quốc gia gần cực Bắc bán cầu, Đông Canada, Iceland, Scotland và Scandinavia. Lúc con phà chở cỗ quan tài tiến vào Grisslehamn, Thụy Điển, tuyết đang ào ạt trút xuống biển.

Một nhân viên trên phà mang cho đám người từ nhà tang lễ một cái xe đẩy bốn bánh và giúp họ nâng quan tài lên xe, tăng tốc độ lên một chút trên boong tàu để lấy đà đẩy cái xe chồm lên dốc, lăn tới chỗ chiếc xe tải đang chờ sẵn trên bến.

Cha của Dortlich đã chết trong hoàn cảnh gia đình ruột thịt chẳng còn ai và các ước nguyện của lão đều đã được bày tỏ rõ ràng. Hiệp hội Công nhân Sông và Biển Klaipeda coi sóc đảm bảo các ước nguyện của lão đều được thực hiện chu đáo.

Đoàn đưa tang khiêm tốn tiễn đưa linh cữu tới nghĩa trang bao gồm chiếc xe tang, một chiếc xe van chở sáu người từ nhà tang lễ và một chiếc xe con chở hai người họ hàng cao tuổi.

Không phải cha Dortlich đã hoàn toàn trôi vào quên lãng, chỉ có điều phần lớn bạn bè từ thuở nhỏ của lão giờ đều đã chết, họ hàng thân thích cũng chẳng còn lại mấy người. Lão là một đứa con giữa lạc lõng trong gia đình và lòng nhiệt thành lão dành cho cuộc Cách mạng Tháng Mười đã tách lão ra khỏi những người ruột thịt, đưa lão tới nước Nga. Con trai của những nhà đóng tàu đã dành trọn đời mình sống như một thủy thủ tầm thường. Thật mỉa mai, hai người họ hàng gật gù với nhau lúc ngồi trong thùng xe tang, băng qua màn tuyết rơi buổi chiều muộn.

* * *

Nhà mộ của gia đình Dortlich được xây bằng đá granit xám, khắc hình cây thánh giá phía bên trên cửa, dãy cửa sổ nóc vòm lấp kính màu trang nhã, tất cả đều là kính trơn, không hoa văn.

Người gác nghĩa trang, một người đàn ông chu đáo, quét tuyết sạch sẽ con đường dẫn tới cửa nhà mộ và cả các bậc thềm. Chiếc chìa khóa sắt to tướng vẫn lạnh buốt qua lớp găng tay khiến ông ta phải dùng cả hai tay mới vặn nổi nó, lẩy khóa rít lên trong ổ. Nhóm nhân viên nhà tang lễ mở hai cánh cửa đồ sộ ra rồi mang cỗ quan tài vào bên trong. Hai người họ hàng rì rầm khi thấy biểu tượng công đoàn Cộng sản trên nắp quan tài bày ra trong nhà mộ.

“Hãy coi nó như lời chào vĩnh biệt từ những người anh em hiểu rõ ông ấy nhất,” giám đốc nhà tang lễ nói và húng hắng ho, bàn tay đeo găng che miệng. Ông ta nhận thấy cỗ quan tài có vẻ đắt đỏ và âm thầm tính đến khả năng đẩy giá lên.

Người gác nghĩa trang đã thủ sẵn trong túi quần một tuýp mỡ bôi trơn màu trắng. Ông ta xịt mỡ lên trên mặt đá, làm thành một đường trượt cho chân quan tài để nó trượt ngang vào huyệt, và đám người hộ tang bên quan tài không khỏi lấy làm mừng khi đến lúc phải cho quan tài trượt vào vị trí, họ xúm lại một bên thành quan tài để đẩy chứ không nhắc nó lên được.

Nhóm người nhìn nhau. Chẳng ai sẵn lòng cầu nguyện, vậy nên họ bèn khóa cửa nhà mộ lại rồi vội vã xuyên qua màn mưa tuyết dày đặc quay trở về xe.

Trên lớp đệm làm bằng các tác phẩm nghệ thuật, cha Dortlich nằm bất động và nhỏ bé, băng giá dần kết lại trong tim. Mùa nổi mùa trôi qua. Những giọng nói mơ hồ văng đến từ những con đường trải sỏi ngoài kia và thỉnh thoảng, một tua cây leo cũng ghé vào trong nhà mộ. Màu sắc của những tấm kính màu phai nhạt dần dưới những lớp bụi mỗi ngày một dày thêm. Lá rụng, tuyết rơi và vòng tuần hoàn cứ thế lặp đi lặp lại. Những bức vẽ, các khuôn mặt được họa trên đó vốn quá quen thuộc với Hannibal Lecter, đều được cuộn lại nằm yên trong bóng tối như những cuộn ký ức.

GIỮA BUỔI SÁNG TĨNH LẶNG, những bông tuyết khổng lồ mềm mại bay bay trong không trung dọc sông Lievre, Quebec, êm ái đậu xuống trên các bậu cửa ở cửa tiệm bán đồ dã ngoại và xác thú nhồi Caribou Corner.

Những bông tuyết to như những sợi lông vũ rơi xuống mái tóc Hannibal Lecter trong lúc hắn leo lên con đường mòn giữa um tùm cây dẫn tới chỗ căn nhà gỗ. Cửa tiệm đang mở cửa. Hắn có thể nghe tiếng “Ôi Canada”, vọng ra từ một chiếc radio phía sau nhà, báo hiệu sắp bắt đầu một trận đấu khúc côn cầu trong khuôn khổ giải đấu các trường trung học. Tường treo đầy đầu thú nhồi. Trên cùng là một đầu nai sừng tấm Bắc Mỹ và bên dưới nó, bố trí theo phong cách nhà nguyện Sistine, là các hoạt cảnh với sự góp mặt của cáo Bắc Cực, gà gô trắng, nai, mèo rừng và linh miêu Mỹ.

Trên mặt quây là một khay chia ô đựng những con mắt thủy tinh như thật. Hannibal đặt ba lô xuống rồi lấy ngón tay lục lọi giữa đồng mắt. Hắn tìm một đôi mắt màu xanh dương rất nhạt vốn để dành cho một con chó husky yêu dấu đã chết. Hannibal lấy đôi mắt ra khỏi khay đặt song song trên mặt quây.

Chủ tiệm từ trong nhà tiến ra. Bộ râu của Bronys Grentz giờ đã ngả màu muối tiêu, tóc ở hai bên thái dương cũng đã hoa râm. “Chà? Tôi giúp được gì cho anh đây?”

Hannibal nhìn y rồi chọn chọn lựa lựa trong khay, tìm thấy một đôi mắt tiệp màu với đôi mắt nâu nhạt của Grentz. “Cái gì đây?” Grentz hỏi.

“Tôi đến lấy một cái đầu,” Hannibal nói.

“Cái đầu nào, anh có mang phiếu đến không?”

“Tôi không nhìn thấy nó trên bức tường kia.”

“Có khi nó đang ở sau nhà.”

Hannibal đề xuất. “Tôi vào trong được không? Tôi sẽ chỉ cho ông thấy là cái đầu nào.”

Hannibal mang ba lô theo. Ba lô đựng vài bộ quần áo, một con dao pha và một cái tạp dề bằng cao su có đánh dấu *Tài sản của Johns Hopkins*.

* * *

Thật thú vị khi đem thư từ và cuốn sổ ghi địa chỉ của Grentz đối chiếu với danh sách những tên phát xít thuộc sư đoàn Totenkopf bị truy nã do phía Anh công bố sau chiến tranh. Grentz có kha khá đầu mối liên lạc ở Canada và Paraguay, chưa kể một số ở Mỹ. Hannibal nghiên cứu giấy tờ vào những lúc rảnh rỗi trên tàu, trong khoang tàu riêng thoải mái để chịu được tài trợ bởi hộp tiền mặt của Grentz.

Trên đường quay về Baltimore tiếp tục công việc bác sĩ thực tập, Hannibal tạt qua Montreal, đóng gói cái đầu của Grentz, gửi qua bưu điện cho một trong những người bạn qua thư của tay thợ nhồi xác thú, rồi đề tên và địa chỉ của một người bạn khác vào mục địa chỉ hoàn.

Hắn không bị cơn giận dữ dành cho Grentz giày vò. Hắn không còn bị bất kỳ cơn giận dữ nào giày vò nữa, cũng không còn bị các giấc mơ hành hạ nữa. Đây chỉ là một kỳ nghỉ và giết Grentz là chuyện hay ho hơn nhiều so với trượt tuyết.

Đoàn tàu lắc lư theo hướng Nam tiến về nước Mỹ, ấm áp và êm ái. Khác một trời một vực so với chuyến tàu đặng đặng tới Litva hồi hắn còn nhỏ.

Hắn sẽ dừng lại qua đêm ở New York, trọ tại khách sạn Carlyle với tư cách một vị khách của Grentz và xem một vở kịch. Hắn đã có sẵn vé của cả vở *Cuộc gọi chết người* và *Picnic*.

Hắn quyết định xem *Picnic* vì nhận thấy những vụ giết người trên sân khấu rất thiếu tính thuyết phục.

Nước Mỹ khiến hắn mê mẩn. Sự thừa mứa nhiệt lượng và điện năng ấy. Những chiếc xe hơi rộng rãi và kỳ quái ấy. Những khuôn mặt Mỹ, cởi mở nhưng không ngây thơ, rất dễ đoán đọc. Đến thời điểm phù hợp, hắn sẽ tận dụng đặc quyền của một nhà bảo trợ nghệ thuật để đứng sau cánh gà nhìn ra đám đông khán giả bên ngoài, quan sát những khuôn mặt chăm chú mê say của họ đang được chiếu sáng dưới ánh đèn sân khấu, rồi đọc các nét mặt, đọc rồi lại đọc.

* * *

Bóng tối buông xuống và người phục vụ trong toa ăn mang một cây nến đến bàn hắt, rượu vang đỏ như máu khế sóng sánh trong chiếc ly thủy tinh theo nhịp chuyển động của đoàn tàu. Hắt tỉnh giấc một lần trong đêm, khi tàu đang dừng ở một ga nào đó, lắng nghe tiếng các công nhân đường sắt dùng ống dẫn hơi nước phá lớp băng đóng kết trên khung gầm tàu, những đám hơi nước khổng lồ nung theo chiều gió quét qua cửa sổ toa tàu của hắt. Đoàn tàu giật nảy lên trong thoáng chốc, bắt đầu lăn bánh trở lại và rồi lướt vào trong bóng tối, rời xa những ánh đèn trên sân ga, hướng về phương Bắc thẳng tiến tới Mỹ. Cửa sổ toa tàu của hắt giờ đã trong trở lại và hắt có thể nhìn thấy các vì sao.

LỜI CẢM ƠN

Xin được gửi lời cảm ơn Phòng Hình sự thuộc Sở Cảnh sát Paris, vì đã nhiệt tình chào đón tôi tiến vào thế giới cảnh sát và chia sẻ với tôi cả những kiến thức đầy xót xa lẫn bữa trưa tuyệt vời của họ.

Phu nhân Murasaki trùng tên với Murasaki Shikibu, người đã sáng tác cuốn tiểu thuyết vĩ đại đầu tiên trên thế giới, *Truyện kể Genji*. Phu nhân Murasaki của chúng ta đã trích dẫn tác phẩm của Ono no Komachi và lắng nghe trong tâm trí một bài thơ do Yosano Akiko sáng tác. Lời chào tạm biệt cô gửi cho Hannibal được trích từ *Truyện kể Genji*. Noriko Miyamoto đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong lĩnh vực văn học và âm nhạc.

Như các bạn thấy đây, tôi đã mượn con chó* của S.T.Coleridge.

Để hiểu hơn về nước Pháp trong thời kỳ chiếm đóng và thời hậu chiến, tôi đã tìm hiểu *Marianne in Chains* của Robert Gildea, *Paris After the Liberation, 1944-1949* của Antony Beevor và Artemis Cooper, *The Rape of Europa* của Lynn H.Nicholas. Các bức thư đặc sắc Susan Mary Alsop gửi Marietta Tree, tập hợp trong *To Marietta from Paris, 1945-1960*, cũng vô cùng hữu ích.

Trên hết, xin được cảm ơn Pace Barnes vì sự ủng hộ bền bỉ, cũng như vì tình yêu và sự kiên nhẫn của cô ấy.

-T.H.

“HARRIS XỬ LÝ NHỮNG CẢNH BẠO LỰC THỜI CHIẾN THẬT ẤN
TƯỢNG, NHỊP ĐIỀU NHANH VÀ TÀN NHẪN NHƯ CHÍNH CHIẾN
THUẬT CHIẾN TRANH CHỚP NHOÁNG.”

- LOS ANGELES TIMES -

“MỘT TUYỆT PHẨM CỦA MÁU VÀ BẠO LỰC NƠI NHỮNG NỖI
KINH HOÀNG CỦA CHIẾN TRANH ĐƯỢC MIÊU TẢ MỘT CÁCH
ĐẸP ĐẼ, NẾU CÓ THỂ DỪNG TỪ ĐÓ, KHI HANNIBAL BUỘC PHẢI
TRỞ THÀNH KẼ ĂN THỊT NGƯỜI MÀ SAU NÀY SẼ TRỞ THÀNH
THƯƠNG HIỆU CỦA HẮN.”

- INDEPENDENT -

NHÃ NAM | TRINH THẨM - KINH DỊCH

Trước

HANNIBAL

Trước

SỰ IM LẶNG CỦA BẦY CỪU

Trước

RỒNG ĐỎ

Một đứa trẻ đã sống sót qua nỗi kinh hoàng Thế chiến, chiến tranh. Nó đứng trong tuyết, hoàn toàn đơn độc khi thế giới chìm trong máu, băng giá và tro tàn.

Đứa trẻ đã bước vào mùa đông đằng đẵng của lòng mình và con quái vật khủng khiếp nhất tiểu thuyết lẫn màn ảnh thời hiện đại ấy trỗi dậy:

BÁC SĨ HANNIBAL LECTER

Là cuốn cuối cùng trong xê ri nhưng lại kể về những sự kiện đã xảy ra đầu tiên, *Hannibal trỗi dậy* giới thiệu với chúng ta một phiên bản trẻ hơn và giàu cảm xúc hơn của Hannibal Lecter, cho dù cảm xúc đó chỉ là lòng hận thù và phẫn phất một tình yêu khác thường thời niên thiếu. Sau những cuộc săn lùng đẫm máu và trả thù tàn khốc vẫn còn nhân danh công lý của hắn, ta hiểu rằng từ đó nhân tính của hắn đã bị rút cạn, và câu hỏi đặt ra không bao giờ còn là *Hắn là ai?* nữa mà phải là *Hắn là thứ gì?*

Ngoài là một trong những nhân vật vừa gây khiếp sợ vừa được yêu thích bậc nhất thế giới hư cấu ra, đương nhiên.

Chú Thích

* Cung điện Topkapi tọa lạc tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, với lối kiến trúc xa hoa, lộng lẫy, từng là nơi cư trú chính của các vị vua Ottoman trong bốn trăm năm. Sau khi nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập vào năm 1924, cung điện đã được chuyển đổi thành viện bảo tàng.

* Chiến dịch xâm lược Liên Xô do Đức Quốc xã tiến hành trong Thế chiến thứ hai, được Hitler đặt tên theo biệt hiệu của vị Hoàng đế La Mã Thần thánh Friedrich I ở thế kỷ 11.

* Bài hát thiếu nhi tiếng Đức *Ein Mannlein steht im Walde* (Gã nhỏ bé trong rừng). Bài hát vốn là về quả tầm xuân, nhưng có thể gợi ra các liên tưởng khác.

* Waffen-SS (tiếng Đức nghĩa là *Lực lượng vũ trang SS*): nhánh chiến đấu của lực lượng SS. Ban đầu SS được Hitler thành lập như là đội cận vệ cho cấp lãnh đạo đảng Quốc xã, sau đó dưới sự lãnh đạo của Himmler đã nhanh chóng biến thành một tổ chức có hệ thống cấp bậc tương tự như trong quân đội Đức (Wehrmacht) nhưng với tên gọi khác, có đồng phục và quân phù riêng. Trong Thế chiến thứ hai, Waffen-SS đã dần mở rộng và phục vụ như thể một lực lượng tinh nhuệ tác chiến cùng với Wehrmacht.

* Theo kinh Torah của người Do Thái, khi một người Do Thái mua một người Do Thái khác về làm gia nhân, sau sáu năm gia nhân đó có thể được tự do đi tìm việc khác, nhưng nếu gia nhân đó muốn tiếp tục phục vụ thì người chủ sẽ xỏ một lỗ tai cho gia nhân và anh ta có thể phục vụ chủ đến hết đời. Sĩ quan SS cho rằng Berndt là một gia nhân lâu năm và nếu có lỗ tai thì hẳn sẽ là người Do Thái.

* Cũng theo luật Do Thái, tất cả nam giới Do Thái đều phải trải qua lễ cắt da quy đầu vào ngày thứ tám sau khi chào đời.

* Từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, các cuộc đấu tay đôi rất phổ biến trong nhiều trường đại học lớn ở Đức. Những vết sẹo từ các cuộc đấu tay đôi này

(tiếng Đức: Schmissee) được xem như dấu ấn của danh dự và biểu hiện của lòng dũng cảm.

- Bộ sách gồm 13 cuốn về toán học và hình học được nhà toán học Euclid viết từ thế kỷ 3 TCN.

- Hun khói lạnh là kỹ thuật hun khói thực phẩm duy trì nhiệt độ ở 30°C-40°C, trong thời gian khoảng 5 ngày đêm. Kỹ thuật này thường được áp dụng với các sản phẩm như xúc xích, thịt ba chỉ... và thành phẩm chưa chín hẳn nên vẫn cần nấu lên mới ăn được.

- Người Do Thái Ashkenazi chiếm đa phần dân số người Do Thái hiện đại. Từng có nghiên cứu chỉ ra rằng người Do Thái Ashkenazi có chỉ số IQ trung bình cao nhất so với bất kỳ dân tộc nào.

- Đội quân được Đức Quốc xã thành lập trong giai đoạn Thế chiến thứ hai, gồm tù binh Xô Viết và thường dân ở các nước Đông Âu bị chiếm đóng, đa phần tình nguyện gia nhập. Quân Osttruppen không chỉ bị quân Đức khinh miệt mà thường phải chịu những kết cục thảm khốc nếu rơi vào tay quân Xô Viết hoặc Đồng Minh.

- Theo lịch Gregorius hay còn gọi là Công lịch - loại lịch tiêu chuẩn hiện được dùng hầu như trên khắp thế giới - thì năm nhuận (năm có 366 ngày vì tháng Hai sẽ có 29 ngày) là năm chia hết cho 4 và không chia hết cho 100. Tuy nhiên, nếu năm nào chia hết cho 100 và đồng thời chia hết cho 400 thì năm đó cũng là năm nhuận.

- Năm 1944, khi quân Đồng Minh đã tiến công nước Đức, *Heinrich Himmler* khởi xướng Chiến dịch Người Sói (*Unternehmen Werwolf*), tổ chức một đội quân tinh nhuệ gồm các lực lượng tình nguyện kháng cự, hoạt động bí mật sau lưng kẻ thù.

- Tiếng Pháp: Mẹ kiếp.

- Tiếng Pháp: Mà định giải tán à?

- Tiếng Pháp: Mẹ mà.

- Từ gốc *decanting candle*, là cây nến dùng trong quá trình *decant* một chai rượu vang đỏ lâu năm để loại bỏ cặn trong rượu - vốn được hình thành sau quá trình lên men và theo thời gian sẽ lắng dần dưới đáy chai. Rượu

được từ từ rót ra *decanter* (bình đựng rượu bằng pha lê hay thủy tinh) và sau đó được rót từ *decanter* vào ly để thưởng thức. Người ta phải soi rượu trên ngọn nến trong quá trình rót vào ly hay vào *decanter* để quan sát, không cho chặn lẫn vào rượu. Tuy nhiên, với các chai rượu trẻ, quá trình decant không nhằm mục đích gạn cặn mà cốt để cho rượu có thời gian *thở* - tiếp xúc với không khí - để giảm độ hăng gắt và bởi vậy, uống ngon hơn, dậy mùi hơn.

* Tiếng Pháp: Tại sao?

* Hermann Wilhelm Goering (1893-1946) là một chính trị gia người Đức, chỉ huy quân sự và thành viên hàng đầu của Đức Quốc xã. Sau Thế chiến thứ hai, Goering đã bị tòa án Nuremberg kết án phạm phải tội ác chiến tranh và tội ác chống lại loài người và bị phán tử hình, nhưng ông ta đã tự tử ngay đêm trước ngày thi hành án.

* Một loại nhạc cụ dây truyền thống của Nhật Bản, tương tự với đàn tranh của Việt Nam.

* Bài thơ waka (hòa ca) của Ono no Komachi, nữ thi sĩ nổi tiếng Nhật Bản thời Heian.

* Hay còn gọi là Hợp hoa, phong cách cắm hoa ra đời vào thế kỷ thứ 19 và được xem là lối cắm hoa đơn giản nhất trong nghệ thuật cắm hoa Nhật Bản. Hoa có thể cắm theo dạng thẳng đứng, dạng nghiêng hay dạng nằm, nhưng luôn phải tuân thủ nguyên tắc các cành chính tạo thành hình tam giác.

* Kịch Noh và kịch Kabuki là hai trong ba loại hình nghệ thuật sân khấu chính của Nhật Bản (cùng với kịch rối Bunraku), kết hợp giữa kỹ năng diễn xuất, múa và âm nhạc.

* Kami-dana, bàn thờ nhỏ trong nhà theo Thần Đạo Nhật Bản.

* Loại quạt được người Nhật thiết kế cho mục đích sử dụng trên chiến trường, vào thời phong kiến được các samurai dùng khá nhiều. Quạt chiến có nhiều kích cỡ, chất liệu, hình dạng và chức năng.

* Hệ thống điểm chuông La Mã (Roman Striking), không mấy thông dụng, do Joseph Knibb phát minh, trong đó một chuông to/âm trầm hơn biểu thị số “năm” còn một chuông nhỏ/âm cao biểu thị số “một”. Ví dụ, lúc bảy giờ, đồng hồ sẽ điểm ba tiếng chuông thay vì bảy, còn lúc mười hai giờ,

đồng hồ điểm bốn chuông thay vì mười hai. Những đồng hồ sử dụng hệ thống điểm chuông này sẽ sử dụng ký hiệu “IV” thay vì “IIII”.

* Hay Tám phương pháp về chữ Vĩnh, là bài tập nền tảng cho người học thư pháp. Chữ Vĩnh (永) (nghĩa: lâu dài, mãi mãi) bao quát tám nét cơ bản nhất khi viết chữ Hán. Tương truyền, Vương Hi Chi, nhà thư pháp nổi tiếng thời Đông Tấn, từng luyện viết chữ Vĩnh suốt mười lăm năm, để đạt được sự tinh xảo trong thư pháp.

* Tiếng Pháp: Của tao đây, của mày đâu?

* Hay chính phủ Vichy, do Thống chế Philippe Pétain thành lập sau khi Pháp đầu hàng Đức năm 1940, lấy tên theo trung tâm hành chính của chính phủ tại Vichy, miền Trung nước Pháp. Chính phủ Vichy tự lấy tên là “Nhà nước Pháp”, về hình thức giữ tính trung lập, nhưng trên thực tế ủng hộ Phát xít và cộng tác tích cực với Đức Quốc xã. Đa phần các lãnh đạo chính phủ Vichy sau này đều bị đưa ra xét xử.

* Musashi Miyamoto (1584-1645) là một kiếm sĩ bậc thầy và nhà triết học võ thuật nổi tiếng Nhật Bản. Ông còn là tác giả của cuốn sách bàn về kiếm đạo Gorin no sho (Ngũ luân thư) đồng thời là bậc thầy về nghệ thuật chạm khắc tượng gỗ và hội họa thủy mặc.

* Người tù được hưởng những đặc ân riêng.

* Dragunovic ratline: hệ thống các con đường thoát thân cuối Thế chiến thứ hai, giúp quân Đức Quốc xã và những tên phát xít khác chạy trốn khỏi châu Âu đến với các bến đỗ an toàn (chủ yếu ở châu Mỹ Latin).

* Joan d’Arc (1412-1431), được xem là một nữ anh hùng người Pháp, chiến đấu trong cuộc Chiến tranh Trăm Năm giữa Pháp và Anh. Joan d’Arc bị kết tội dị giáo và bị thiêu sống trên giàn thiêu khi mới 19 tuổi, nhưng đến năm 1456, bà đã được Giáo hoàng Callixtus III xóa bỏ các cáo buộc và phong là một người tử vì đạo.

* Tức vua Louis XVI, bị xử tử năm 1793. Theo một số nhân chứng thuật lại, sau nhát chém đầu tiên, đầu của Louis vẫn chưa rời khỏi cổ.

* Ngày 18/06/1940, Tướng Charles de Gaulle đã nói chuyện với dân chúng Pháp qua đài phát thanh BBC đặt tại London, kêu gọi toàn quốc

kháng chiến.

* Lều quân sự thép uốn hình ống bán nguyệt, được Anh phát triển từ Thế chiến thứ nhất và trở nên phổ biến trong Thế chiến thứ hai.

* Chương trình của Mỹ trong Thế chiến thứ hai nhằm hỗ trợ về ngân sách và vật tư cho các đồng minh, trong đó có cả Liên Xô.

* Tiếng Đức: Ông.

* Trong các bài thơ haiku cổ điển bắt buộc phải có kigo nghĩa là từ miêu tả một mùa nào đó trong năm - có thể trực tiếp chỉ mùa hay gián tiếp thông qua các hình ảnh, hoạt động... mang đặc trưng của mùa.

* Kế hoạch thành lập Cộng đồng Phòng thủ châu Âu (EDC) do thủ tướng Pháp Pléven đưa ra vào tháng 10/1950, mục đích thành lập một Quân đội châu Âu trong đó các nước thành viên sẽ gửi lực lượng quân đội tham gia dưới sự chỉ huy của Bộ trưởng Phòng thủ châu Âu. Tuy nhiên, kế hoạch này đã không được thực hiện.

* “Privé” trong tiếng Pháp nghĩa là “riêng, tư”, ở đây nghĩa là “khu vực riêng”. “Privy” tiếng Anh có nghĩa là nhà xí, nhà vệ sinh.

* Còn gọi là Vương cung thánh đường Sacré-Coeur hay Nhà thờ Sacré-Coeur: một nhà thờ Công giáo nổi tiếng của Paris, nằm trên đồi Montmartre.

* Lawrence Welk (1903-1992). Nhạc công, người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng người Mỹ.

* Vỏ bà một loại vật liệu chống sốc, chống va đập phổ biến, thường được nhét vào thùng hàng khi vận chuyển.

* Kiểu cửa ra vào một cánh nhưng chia làm hai phần trên và dưới, có thể mở phần trên trong khi vẫn đóng phần dưới.

* Trích từ Faust, Johann Wolfgang von Goethe, bản dịch của Quang Chiến, Nhã Nam & NXB Văn học, 2015.

* Hình ảnh con chó tai cụp ở lâu đài Lecter lúc Hannibal từ trại mồ côi trở về đã được mượn từ con chó trong bài thơ *Christabel* của S.T.Coleridge. Ông cũng đồng thời lấy tên *Christabel* để đặt cho con thuyền nơi Hannibal tới giải cứu phu nhân Murasaki.

Table of Contents

TÁC GIẢ

PHẦN MỞ ĐẦU

PHẦN: I

CHƯƠNG: 1

CHƯƠNG: 2

CHƯƠNG: 3

CHƯƠNG: 4

CHƯƠNG: 5

CHƯƠNG: 6

CHƯƠNG: 7

CHƯƠNG: 8

CHƯƠNG: 9

CHƯƠNG: 10

CHƯƠNG: 11

CHƯƠNG: 12

CHƯƠNG: 13

CHƯƠNG: 14

CHƯƠNG: 15

CHƯƠNG: 16

CHƯƠNG: 17

CHƯƠNG: 18

CHƯƠNG: 19

CHƯƠNG: 20

CHƯƠNG: 21

CHƯƠNG: 22

CHƯƠNG: 23

CHƯƠNG: 24

CHƯƠNG: 25

CHƯƠNG: 26

CHƯƠNG: 27

CHƯƠNG: 28

CHƯƠNG: 29

CHƯƠNG: 30

CHƯƠNG: 31

CHƯƠNG: 32

PHẦN: II

CHƯƠNG: 33

CHƯƠNG: 34

CHƯƠNG: 35

CHƯƠNG: 36

CHƯƠNG: 37

CHƯƠNG: 38

CHƯƠNG: 39

CHƯƠNG: 40

CHƯƠNG: 41

CHƯƠNG: 42

CHƯƠNG: 43

CHƯƠNG: 44

CHƯƠNG: 45

CHƯƠNG: 46

CHƯƠNG: 47

CHƯƠNG: 48

CHƯƠNG: 49

CHƯƠNG: 50

CHƯƠNG: 51

CHƯƠNG: 52

CHƯƠNG: 53

CHƯƠNG: 54

CHƯƠNG: 55

CHƯƠNG: 56

CHƯƠNG: 57

PHẦN: III

CHƯƠNG: 58

CHƯƠNG: 59

CHƯƠNG: 60

LỜI CẢM ƠN

Chú Thích